

Số: 107/BC-UBND

Châu Thành, ngày 19 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2024**  
**của huyện Châu Thành, tỉnh An Giang**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện**

Huyện Châu Thành được thành lập khi huyện Châu Thành X được tách ra thành 02 huyện Châu Thành và Thoại Sơn, theo Quyết định số 300/CP ngày 23/08/1979 của Hội đồng Chính phủ Việt Nam về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện và thị xã thuộc tỉnh An Giang. Sau khi điều chỉnh, huyện Châu Thành còn lại 01 thị trấn và 11 xã, ngày 28/10/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 76-CP, theo đó chia xã Bình Hòa thành 02 xã là Bình Hòa và Bình Thạnh; ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 1107/NQ-UBTVQH14, chuyển xã Vĩnh Bình thành thị trấn Vĩnh Bình. Đến nay, huyện Châu Thành có 13 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 02 thị trấn là An Châu và Vĩnh Bình và 11 xã là xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Nhuận, xã Cần Đăng, xã Bình Hòa, xã An Hòa, xã Vĩnh Hanh, xã Hòa Bình Thạnh, xã Vĩnh An, xã Bình Thạnh, xã Tân Phú, xã Vĩnh Lợi. Trong đó, thị trấn An Châu là trung tâm huyện lỵ.

Huyện Châu Thành có diện tích đất tự nhiên là 354,29 km<sup>2</sup>. Châu Thành có 13 đơn vị hành chính, gồm 11 xã và 02 thị trấn. Tổng số hộ dân là 40.513 hộ (thành thị 8.606 hộ, chiếm 21,14% và nông thôn 31.907 hộ, chiếm 78,76%); dân số theo thống kê đến năm 2023 của huyện là 151.006 người, mật độ dân số trung bình 426 người/km<sup>2</sup>.

Châu Thành là huyện đa sắc tộc, đa tôn giáo trong đó người Kinh chiếm đa số với 147.176 người (chiếm 97,42%); kế tiếp Khmer có 2.190 người (chiếm 1,93%); Chăm có 880 người (chiếm 0,58%); Hoa có 68 người (chiếm 0,05%); Dân tộc khác 26 người (chiếm 0,02%), các dân tộc chung sống đoàn kết. Có 04 nhóm tôn giáo chủ yếu gồm: Phật giáo hòa hảo 67.451 người (chiếm 44,65%); Phật giáo 58.394 người (chiếm 38,65%); Công giáo 14.396 người (chiếm 9,89%); Cao đài 1.527 người (chiếm 1,01%); còn lại là tôn giáo khác hoặc người không có tôn giáo.

**1.1. Điều kiện tự nhiên**

**a) Vị trí địa lý**

Huyện Châu Thành nằm ở phía nam tỉnh An Giang, nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên về phía Nam sông Hậu là một huyện đồng bằng ở tây nam bờ sông Hậu của tỉnh An Giang. Tọa độ của huyện nằm ở 10°25'58"B 105°23'4"D.

- Phía đông giáp thành phố Long Xuyên và huyện Chợ Mới
- Phía tây giáp huyện Tri Tôn
- Phía nam giáp huyện Thoại Sơn
- Phía bắc giáp huyện Châu Phú.

Huyện Châu Thành có nhiều lợi thế về giao thông cả về đường bộ và đường thủy với tuyến đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và tuyến quốc lộ 91 đi qua cùng với hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch. Với lợi thế ruộng đất phù sa màu mỡ thích hợp cho canh tác lúa nước kết hợp nuôi trồng thủy sản, trồng hoa màu và cây ăn trái. Huyện Châu Thành là một trong những huyện có sản lượng lúa lớn nhất trong tỉnh An Giang. Ngoài sản xuất lúa, huyện còn có vùng chuyên canh rau màu tại xã Bình Thạnh và khu di tích tâm linh Dinh Sơn Trung tại xã Vĩnh An.

**b) Khí hậu, thời tiết:**

Huyện Châu Thành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít bão, trong năm có 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; Mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 04 năm sau.

Nhiệt độ trung bình năm khá cao khoảng 27,6<sup>0</sup>C; tháng 01 có nhiệt độ thấp nhất là 26<sup>0</sup>C, tháng 05 có nhiệt độ cao nhất là 30<sup>0</sup>C. Huyện Châu Thành là địa phương có số giờ nắng lớn trong năm 2.612,6 giờ/năm. Chế độ mưa của huyện phân hóa thành 02 mùa rõ rệt, lượng mưa cả năm khoảng 1.309,8mm, chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm; lượng mưa tuy lớn nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong mùa nên gây tình trạng ngập úng trong mùa mưa. Chế độ ẩm cao và ổn định, ít biến đổi qua các năm, trung bình cả năm 81,8%, thấp nhất là 74% vào tháng 3 và cao nhất là 86% vào tháng 10.

Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng của 02 mùa gió là gió mùa Tây Nam thường xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10, thổi vào từ vịnh Thái Lan, mang theo nhiều hơi nước nên gây mưa; và gió mùa Đông Bắc thường xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 04 năm sau, thổi từ lục địa sang nên khô và nóng. Ngoài ra, khoảng từ tháng 2 đến tháng 4 còn có gió chướng, trong mùa mưa còn xuất hiện các cơn lốc xoáy bất ngờ, gây ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Nhìn chung, với nền nhiệt độ cao và đều trong năm; nhiều nắng, mưa theo mùa và không có bão, điều kiện khí hậu của huyện khá thuận lợi cho việc phát triển các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp.

**c) Địa hình, địa mạo:** Huyện Châu Thành nhìn chung tương đối bằng phẳng, bề mặt bị chia cắt bởi hệ thống kênh rạch chằng chịt. Cao độ trung bình từ 0,3m - 1,2m; độ dốc nghiêng dần từ sông Hậu vào nội đồng. Do đó, đã tạo thuận lợi cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cũng gây khó khăn cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cơ giới hoá nông nghiệp, phát triển giao thông đường bộ và ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

#### ***d) Nguồn tài nguyên***

- Đất đai: hiện nay trên địa bàn huyện có 2 nhóm đất chính là đất phù sa, đất phèn. Trong đó:

+ Nhóm đất phù sa: diện tích khoảng 2.970,42 ha, chiếm 83,84% diện tích tự nhiên. Thuận lợi canh tác nông nghiệp, phân bố rộng khắp 13 xã, thị trấn.

+ Nhóm đất phèn: diện tích khoảng 4.166,93 ha, chiếm 11,62% diện tích tự nhiên.

+ Ngoài ra, đất sông, kênh, rạch có diện tích 1.608,51 ha, chiếm 4,54% diện tích tự nhiên, phân đều trên địa bàn huyện.

- Nguồn nước: gồm nước mặt và nước ngầm

+ Tài nguyên nước mặt: huyện có nguồn nước mặt dồi dào do được cung cấp bởi hệ thống sông, kênh, rạch khá dày đặc trên địa bàn, đặc biệt là nguồn nước từ sông Hậu. Nguồn nước mặt hiện nay được xem là nguồn nước chủ lực phục vụ tưới tiêu cho hầu hết diện tích đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc sử dụng nguồn nước mặt cho nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác, nguồn nước mặt còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các hộ dân, cho các nhà máy chế biến và nuôi trồng thủy sản. Nhìn chung, lưu lượng và trữ lượng nước mặt trên địa bàn huyện Châu Thành hầu hết là nước ngọt và khá dồi dào, đây là điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp và các ngành thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp.

+ Tài nguyên nước ngầm: nước ngầm của huyện Châu Thành có trữ lượng lớn đủ để khai thác phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân.

### **1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội**

Năm 2024 là năm thứ 4 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Châu Thành khóa XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025) và Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà để hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, với sự tập trung lãnh, chỉ đạo của Huyện ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, sự giám sát của Hội đồng nhân dân huyện và phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, các cấp, cùng sự nỗ lực của Nhân dân, kinh tế xã hội của huyện tiếp tục có chuyển biến tích cực và phát triển theo hướng bền vững.

Cơ cấu kinh tế huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị sản xuất (GO) giá so sánh năm 2010 trên 17.978 tỷ đồng, đạt 103,25% kế hoạch năm. Công tác thu - chi ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt ngay từ đầu năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn hơn 112 tỷ đồng, tăng 122,75% so năm 2023. Đời sống Nhân dân được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người đạt 72,87 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,82%; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Cơ cấu kinh tế của huyện Châu Thành năm 2024 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: Khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng 28,71%; công nghiệp chiếm 56,21% và xây dựng chiếm 15,08%.

#### **a) Nông - Lâm - Thủy sản**

Năm 2024, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 5.161,95 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 8,2 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 629,88 tỷ đồng). Trong đó:

- Lĩnh vực trồng trọt: diện tích gieo trồng năm 2024 đạt 82.036 ha, tăng 10.215,9 ha so với năm 2011. Trong đó, cây trồng chủ lực là cây lúa cả 3 mặt diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng; năng suất bình quân năm 2024 đạt 6,95 tấn/ha (tăng 0,54 tấn/ha so với năm 2011), tổng sản lượng lúa đạt 548.797 tấn. Hoa màu các loại diện tích gieo trồng tăng không nhiều, năm 2024 đạt 2.388 ha (tăng 705,7 ha so với năm 2011), tổng sản lượng rau màu đạt 47.296 tấn. Cây lâu năm diện tích phát triển nhanh qua từng năm, năm 2019 có 454 ha đến năm 2024 là 676 ha, trong đó cây ăn quả là 577 ha (chiếm 85,44%) và cây công nghiệp là 98 ha (chiếm 14,56%). Chất lượng hàng hóa ngày càng nâng cao đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được duy trì ổn định nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh và chăn nuôi có hiệu quả. Tính đến năm 2024, tổng đàn gia súc đạt 9.428 con (tăng 2.717 con so với năm 2021) và tổng đàn gia cầm đạt 546.020 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 2.895 tấn.

- Lĩnh vực thủy sản: Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 33.460 tấn. Năng suất và chất lượng thủy sản ngày càng nâng cao đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã góp phần tăng thu nhập cho người dân ở nông thôn, tạo điều kiện cho người dân tận dụng được tối đa lợi thế về đất đai, khí hậu để phát triển kinh tế, góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Tổng giá trị ngành nông lâm thủy sản đạt 8.026 tỷ đồng, tăng 1.039 tỷ đồng so với năm 2021 và tăng gấp 7,41 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 1.083 tỷ đồng).

#### **b) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp**

Ngành công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, ngành nghề sản xuất gạch ngói, kim loại không ngừng được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, chiếm tỷ trọng trên 80% trong tổng giá trị sản xuất ngành. Các cơ sở chế biến phân bố tương đối đều ở vùng nông thôn, nơi tập trung vùng nguyên liệu nông, thủy sản.

Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, thời gian qua đã khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tập trung vào các ngành nghề có thế mạnh của huyện như: Xây xát, chế biến lương thực, thực phẩm, may mùng mền, cơ khí hàn tiện và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; Ngành nghề nông

thôn được duy trì và phát triển một số ngành nghề truyền thống từng bước được thích nghi với sự phát triển kinh tế thị trường và có sự tăng trưởng khá; hỗ trợ các các đề án khuyến công cũng đã thực hiện tốt giải quyết phần nào khó khăn cho các doanh nghiệp, cơ sở.

Toàn huyện hiện có 9.921 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tăng 8.994 cơ sở so với năm 2011; thu hút 33.918 lao động. Các ngành nghề sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập của người lao động, nhất là kinh tế hộ. Thời gian qua, huyện luôn đặc biệt quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ trên địa bàn ngày càng phát triển.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp không chỉ ổn định về qui mô, khu vực kinh tế hộ còn rất năng động trao đổi sản xuất hàng hóa, thường xuyên cập nhật các mô hình công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ nên hoạt động rất hiệu quả. Tổng giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng (giá hiện hành) toàn huyện năm 2024 đạt 12.816,43 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010); chiếm 71,29% tổng giá trị toàn huyện.

### ***c) Đầu tư xây dựng***

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, sự quan tâm của các cấp các ngành, huy động nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp và sự tham gia đóng góp của nhân dân trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, huyện Châu Thành đã thực hiện đạt được những thành tựu quan trọng trong việc cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhiều dự án, công trình quan trọng được đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của huyện tăng trưởng ở mức cao nhiều năm liền, hạ tầng phát triển nhanh, bộ mặt nông thôn thay đổi rõ nét, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên khá toàn diện.

Các nguồn vốn được triển khai đầu tư ở hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó một số lĩnh vực được tập trung ưu tiên nguồn vốn đầu tư như: Giao thông, thủy lợi, lưới điện, cấp nước, giáo dục, y tế, văn hóa thể thao, an ninh quốc phòng... đã góp phần hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới.

Trong giai đoạn từ năm 2016 - 2024, các dự án phục vụ cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện và cấp xã đã huy động các nguồn vốn và được bố trí kế hoạch vốn 488 dự án, với tổng số vốn là 860.804 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương: 95.539 triệu đồng, Ngân sách cấp tỉnh: 423.621 triệu đồng, Ngân sách huyện: 194.814 triệu đồng, Vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công thủy lợi - Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 20224): 146.830 triệu đồng, chiếm 17,05%.

### ***d) Thương mại - Dịch vụ***

Hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng có vai trò quan trọng trong tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu hàng hóa cho nhân dân và đóng góp lớn cho sự

phát triển kinh tế của huyện. Năm 2024, tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa gạo thuận lợi, nông dân trúng mùa được giá, sức mua của người tiêu dùng tăng mạnh nhất là vào các dịp lễ tết đã tạo chuyển biến tốt cho lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Nguồn hàng dự trữ đầy đủ, đảm bảo cho nhu cầu mua sắm của người dân; giá cả hàng hóa vào cao điểm lễ, tết không biến động lớn, kiểm soát thị trường được thực hiện tốt; sức mua hàng hóa của người dân tăng mạnh và tập trung ở các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình, quần áo... đồng thời, các doanh nghiệp tăng cường nhiều chương trình khuyến mãi với giá hợp lý, thu hút du khách đến tham quan, mua sắm.

Bên cạnh đó, huyện Châu Thành có lợi thế về địa điểm tham quan du lịch tâm linh “Dinh Sơn Trung - Đền thờ vị Anh hùng dân tộc Đức Quán cơ Trần Văn Thành, mà từ lâu, bà con gần xa vẫn thường hay gọi là Dinh Đức cổ”. Hàng năm, có rất nhiều người dân địa phương và khách hành hương từ các nơi đổ về Dinh Sơn Trung để tham quan; công tác quảng bá được tăng cường trên nền tảng các mạng xã hội đã thu hút du khách đến tham quan ngày càng nhiều hơn, năm 2024 lượng du khách tham quan khoảng 40.000 lượt người.

Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ ăn uống năm 2024 ước đạt 6.182,66 tỷ đồng, tăng gấp 3,4 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 1.819,42 tỷ đồng). Hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại thúc đẩy lưu thông hàng hóa góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Huyện Châu Thành đã thực hiện nâng cấp mở rộng Trung tâm thương mại Cần Đăng (chợ Cần Đăng) và Trung tâm thương mại An Châu (Thị trấn An Châu) kết hợp với chợ nông thôn, chuyển đổi mô hình quản lý cho 14 chợ, thực hiện đầu tư xây dựng mới 08 chợ; hệ thống cửa hàng chuyên dùng hiện đại như: Cửa hàng Bách hóa xanh, Điện máy xanh, Thế giới di động, Nông sản an toàn... xuất hiện ngày càng nhiều trên địa bàn huyện.

#### ***e) Tài chính, ngân sách***

Công tác quản lý thu, chi ngân sách trên địa bàn huyện đã đáp ứng kịp thời để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành và các địa phương. Thu và chi ngân sách Nhà nước của huyện Châu Thành nhiều năm liền đảm bảo được cân đối và đều đạt, vượt kế hoạch đề ra.

- Tổng thu ngân sách năm 2024 là 1.048.497 triệu đồng đạt 139,71% dự toán năm tỉnh giao, đạt 111,02% dự toán năm huyện giao, đạt 103,42% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn là 100.450/91.360 triệu đồng đạt 109,95% so dự toán năm.

- Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2024 là 983.235 triệu đồng đạt 131,68% so dự toán năm tỉnh giao, đạt 104,53% so dự toán năm HĐND huyện giao, bằng 114,51% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: Chi xây dựng cơ bản: 96.588 triệu đồng, đạt 241,92% dự toán năm tỉnh giao, đạt 85,00% so dự toán năm HĐND huyện giao; Chi thường xuyên: 860.640 triệu đồng, đạt 124,17% dự toán năm tỉnh giao, đạt 105,81% so dự toán năm HĐND huyện giao. Nguyên nhân vượt chi so với dự toán tỉnh giao đầu năm là do chi từ các

nguồn bổ sung có mục tiêu như: Chương trình mục tiêu quốc gia; chi trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, ... và chuyển nguồn năm trước sang.

### ***f) Giáo dục và Đào tạo***

Lĩnh vực giáo dục của huyện không ngừng phát triển qua từng thời kỳ lịch sử. Ngành giáo dục và đào tạo đổi mới căn bản, giúp học sinh phát triển toàn diện cả tri thức lẫn thể chất, đồng thời đề cao sự độc lập, sáng tạo trong tư duy; hiệu quả đào tạo đã có sự thay đổi rõ rệt. Các chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đều được duy trì và nâng chất. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được thực hiện khá tập trung và đúng lộ trình. Ngành Giáo dục tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới toàn diện để đào tạo học sinh có kiến thức, kỹ năng, tư duy sáng tạo, làm chủ bản thân để lập nghiệp, đóng góp vào sự phát triển của địa phương và đất nước. Việc huy động trẻ đến trường luôn đạt tỷ lệ cao; tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%, bậc tiểu học và THCS của 13/13 xã, thị trấn đều đạt chất lượng phổ cập. Trung tâm học tập cộng đồng các xã đều được đánh giá, xếp loại Tốt.

Năm học 2023 - 2024, Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển theo hướng toàn diện, chất lượng giáo dục được nâng lên, toàn huyện có 4.105 trẻ mầm non; 15.744 học sinh tiểu học; 8.256 học sinh THCS; 2.880 học sinh THPT. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT năm học 2023 - 2024 trên địa bàn huyện đạt trên 99%. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, đến cuối năm 2024 toàn huyện có 44/52 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, đạt tỷ lệ 84,62%; có 22/52 trường học đạt Chuẩn quốc gia (trong đó có 04 trường học đạt Mức độ 2), đạt 42,31%. Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2 và chuẩn xoá mù chữ mức độ 2. Có 52/52 trường đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh trật tự trường học. Thực hiện “Tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục” năm 2024 - 2025 với nhiều giải pháp đồng bộ huy động học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển khả năng sáng tạo và ý thức tự học của học sinh.

### ***g) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân***

Trên địa bàn huyện có 01 Bệnh viện Trung tâm có quy mô 100 giường; 01 phòng khám đa khoa khu vực quy mô 30 giường; 13 trạm y tế xã, thị trấn quy mô 120 giường. Nhân lực ngành y tế đối với đội ngũ có 255 người (trong đó 58 bác sĩ; 197 y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và 43 nhân lực ngành dược). Các Trạm Y tế đều đạt chuẩn quốc gia đủ khả năng đáp ứng nhu cầu phục vụ, chăm sóc y tế cho người dân với chất lượng ngày một nâng cao. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được chú trọng thực hiện đầy đủ các giải pháp, bệnh truyền nhiễm được khống chế kịp thời, không để dịch bùng phát và không để xảy ra trường hợp tử vong. Bên cạnh đó, công tác tiêm chủng thường xuyên tại các xã, thị trấn được quan tâm thực hiện tốt. Các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người

dân đều đạt và vượt kế hoạch đề ra như: Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng nhẹ cân là 10,39% (giảm 6,9% so với năm 2011); Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi là 17,28%. Công tác đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ y tế được chú trọng; chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng lên, nhất là công tác khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Hàng năm tổ chức chiến dịch tăng cường đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình đến vùng sâu, vùng xa của huyện đạt và vượt chỉ tiêu; thực hiện tốt công tác tư vấn sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ mang thai và phụ nữ vị thành niên. Vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, xử lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế từng bước được cải thiện.

Cấp nước sinh hoạt nông thôn kết hợp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã góp phần quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. Từ kết quả của các Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh ngày càng tăng. Hiện trên địa bàn huyện có 100% hộ dân được tiếp cận nước hợp vệ sinh; trong đó có 97,87% được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế QCVN 02:2009/BYT); 100% các trường học, trạm y tế có nước sạch và công trình vệ sinh; có 99,59% hộ gia đình có sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; tăng 42,17% so với năm 2011.

#### ***h) Văn hóa, Thể thao và Du lịch***

Kinh tế phát triển, đời sống vật chất của người dân ngày càng ấm no. Đời sống văn hóa, tinh thần cũng được nâng cao. Các thiết chế văn hóa được xây dựng, phục vụ cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, vui chơi, giải trí. Người dân được hưởng thụ từ sự đầu tư của nhà nước, phấn khởi, tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, làm đẹp và phong phú thêm đời sống tinh thần.

Huyện có 01 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện; 13 nhà văn hóa cấp xã (tăng 10 nhà văn hóa cấp xã so với năm 2011). Đây là những nơi đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền và nhiều sự kiện để phục vụ nhân dân trong dịp lễ, tết và các ngày kỷ niệm quan trọng khác. Điển hình như các hoạt động thể dục thể thao Chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; mừng Đảng - mừng Xuân hàng năm thu hút hơn 500 vận động viên tham gia thi đấu và hàng ngàn lượt người đến xem, cổ vũ. Bên cạnh đó, phong trào văn nghệ không chuyên ngày càng lớn mạnh, bình quân mỗi năm tổ chức khoảng 80 buổi biểu diễn, thu hút hơn 42.000 lượt người tham dự. Hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đúng mức, số cơ sở phục vụ luyện tập, thi đấu tăng hàng năm. Năm 2024 có 138 cơ sở gồm sân bóng đá, bóng chuyền, bóng gỗ, quần vợt, cầu lông, bóng bàn, phòng tập võ... thu hút 5.219 vận động viên tham gia luyện tập, thi đấu thường xuyên.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có tổng cộng 04 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh (02 di tích lịch sử cách mạng, 02 di tích kiến trúc nghệ thuật); 84 di tích chưa được xếp hạng; các di tích trên địa bàn huyện, hàng năm thu hút đông đảo du khách trong và ngoài huyện đến tham quan, cúng viếng, đặc biệt là vào



các ngày lễ hội truyền thống. Trong đó, Dinh Sơn Trung, tọa lạc tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An là một trong những địa điểm tiềm năng du dịch của huyện, hàng năm Dinh Sơn Trung có khoảng 25.000 lượt du khách trong và ngoài huyện đến tham quan, cúng viếng.

Khu di tích tâm linh là Dinh Sơn Trung, tọa lạc tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành nằm trên cánh đồng Láng Linh. Sau khi cuộc khởi nghĩa Láng Linh - Bảy Thưa do Quản Cơ Trần Văn Thành lãnh đạo thất bại, nhân dân trong vùng nhớ ơn Đức Quản Cơ đã lập dựng nhiều cơ sở thờ tự nhằm tưởng nhớ công đức bậc anh hùng có công khai hoang, gìn giữ bờ cõi và một trong những địa điểm đó có dinh Sơn Trung. Dinh Sơn Trung được xây dựng lần đầu tiên bằng gỗ tạp, mái lá đơn sơ. Trải qua nhiều lần sửa chữa, xây dựng lại vào các năm 1947, 1991, 2001,... Đến năm 2005, dinh được tu bổ khang trang như hiện nay. Công trình dinh Sơn Trung hoàn thành là niềm vui lớn và cũng là niềm tự hào của người dân địa phương, thể hiện tình cảm sâu nặng, sự kính phục sâu sắc của bà con đối với người anh hùng của quê hương An Giang. Dinh tọa lạc trên một khu đất “cò bay thẳng cánh” với tổng diện tích 24.000m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng hơn 4000m<sup>2</sup>. Trước dinh là con kênh 16 đón ngọn gió lành mát mẽ và thuận tiện trong việc đi lại, xung quanh được bao bọc bởi những hàng cây cổ thụ xanh tươi rợp bóng mát, tạo cho không gian thêm thoáng đãng quanh năm. Dinh Sơn Trung, là một quần thể kiến trúc quy mô, bề thế gồm nhiều hạng mục, công trình: Cổng tam quan, dinh Sơn Trung (ngôi thờ chính), ao sen, đền thờ Tổ quốc, lò rèn, cầu dẫn, nhà ăn, nhà xe,... Dinh Sơn Trung là một chỉnh thể kiến trúc tuyệt đẹp, một trong những địa điểm lịch sử gắn liền với công cuộc khai hoang, khởi nghĩa chống Pháp do Chánh Quản Cơ Trần Văn Thành khởi xướng và lãnh đạo. Trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển, dinh luôn được Ngành Văn hóa, chính quyền địa phương quan tâm giúp đỡ, các công trình không ngừng được tu bổ, mở rộng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu lễ bái, tham quan của nhân dân. Lễ hội truyền thống tại dinh thể hiện lòng ngưỡng kính tri ân vị anh hùng dân tộc có công với dân, với nước, khơi dậy truyền thống tốt đẹp “Âm hà tri nguyên”, qua đó giáo dục, nâng cao tình yêu quê hương đất nước cho thế hệ hôm nay và mai hậu. Các giá trị vật thể và phi vật thể tại dinh thờ cần được bảo tồn và phát huy giá trị, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của người dân, quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa truyền thống đặc sắc của địa phương, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có tổng cộng 04 di tích được xếp hạng di tích cấp tích (trong đó có 02 di tích lịch sử cách mạng, 02 di tích kiến trúc nghệ thuật); 84 di tích chưa được xếp hạng; các di tích trên địa bàn huyện thường xuyên được kiểm kê, giữ gìn, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị theo đúng quy định. Hằng năm, các di tích trên địa bàn huyện tổ chức khoảng 40 lễ hội truyền thống của các đồng bào, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng như: Lễ cúng đình Kỳ Yên; Lễ hội Cầu an Dinh Quan Thê; Ngày khai sáng đạo phật giáo hòa hảo; Lễ

Vu Lan; Lễ Dâng Y; Lễ Dolta;.... Đặc biệt là Lễ giỗ Đức cố Quản cơ Trần Văn Thành (diễn ra từ ngày 20 đến ngày 22/02 âm lịch hàng năm) thu hút khoảng 8.000 lượt du khách trong và ngoài huyện đến tham quan, cúng viếng.

## **2. Thuận lợi**

Huyện có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong khu vực trung tâm tứ giác Long Xuyên; giáp ranh, có trục giao thông đường bộ và cả đường thủy kết nối với 2 thành phố lớn (TP. Cần Thơ và TP. Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang). Huyện thuộc vùng kinh tế trọng điểm của Đồng bằng Sông Cửu Long, với tiềm năng về đất đai còn lớn, có khả năng phát triển đa dạng về nông nghiệp, có nguồn nước ngọt quanh năm thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản, với hệ thống giao thông thủy - bộ hiện nay rất thuận lợi cho việc luân chuyển hàng hóa trong vùng.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả trong tổ chức thực hiện giữa các Sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh. Từ đó, đã huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, tạo được sự đồng thuận cao của nhân dân đối với chủ trương xây dựng nông thôn mới.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Châu Thành đồng lòng, quyết tâm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là các công trình xây dựng, giao thông nông thôn kết hợp đề bao sản xuất vụ 3, hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động trong sản xuất, giao thông được thông suốt góp phần thúc đẩy tiến trình đô thị hóa; hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt, bão tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân, nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai. Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa nghèo, nâng cao trình độ của người dân nông thôn tạo điều kiện cho nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Chất lượng giáo dục không ngừng nâng lên, mạng lưới y tế được kiện toàn và phát triển, chất lượng hoạt động ngày càng nâng cao; đặc biệt là công tác khám và chữa bệnh. Công tác phòng chống dịch bệnh được không chế. Các loại hình văn hóa, văn nghệ phong phú và thiết thực; hoạt động thể dục thể thao tiếp tục phát triển thu hút nhiều người tham gia; mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển nhanh và rộng khắp góp phần tiếp cận được thông tin, cũng như việc nghiên cứu ứng dụng Khoa học - Công nghệ trong sản xuất. Các chính sách an sinh xã hội luôn được triển khai kịp thời.

Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và vai trò chủ thể của người dân nông thôn và sức mạnh của cộng đồng; sự hưởng ứng, đồng thuận, đoàn kết chung sức, chung lòng, tích cực tham gia thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tạo thuận lợi trong việc huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia. Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Cơ chế một cửa tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết công việc. Giải quyết kịp thời, đúng thời hạn các đơn thư khiếu nại, tố

cáo của công dân. Thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở. Công tác triển khai nhiệm vụ quân sự quốc phòng - an ninh địa phương đảm bảo. Thực hiện nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập; xây dựng lực lượng đúng, đủ; vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức. Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được duy trì và giữ vững. Triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình kế hoạch phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục đối với các ngành, các cấp từ đó kịp thời hướng dẫn; tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Chương trình. Trong quá trình triển khai có nhiều cách làm hay, sáng tạo, nhiều mô hình hiệu quả được thực hiện từ đó rút ra được bài học kinh nghiệm và nhân rộng đến nhiều địa phương trong tỉnh góp phần tạo sự lan tỏa và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong xây dựng nông thôn mới.

### **3. Khó khăn**

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy có nhiều tiến bộ, song tỷ trọng ngành nông nghiệp còn cao, ngành thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của huyện. Sản xuất nông nghiệp tuy phát triển nhanh nhưng thiếu tính ổn định, kém bền vững. Giá trị sản xuất, chất lượng sản phẩm tuy có được nâng lên, nhưng nhìn chung giá thành sản xuất còn cao, và sức cạnh tranh còn kém. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp tuy có chuyển dịch nhưng vẫn còn chậm so với tiềm năng và cây lúa vẫn là cây trồng chủ yếu trong cơ cấu sản xuất.

Kinh tế tập thể tuy được chú trọng phát triển nhưng hiệu quả chưa cao, kinh tế trang trại, gia trại ở quy mô nhỏ; Việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào nông thôn còn hạn chế, nguồn lực đầu tư cho nông thôn mới chưa đáp ứng nhu cầu trên địa bàn huyện. Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng triển khai nhân rộng còn chậm. Nông thôn tuy có phát triển, nhưng còn nhiều tiêu chí chưa đạt hoặc mức độ đạt được còn thấp; một số tiêu chí đạt nhưng không bền vững có tính tác động, cũng là thách thức để nông thôn phát triển toàn diện. Thu nhập dân cư nông thôn tuy có được nâng lên, nhưng phần lớn nông dân còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, đặc biệt là đồng bào dân tộc có nhiều khó khăn hơn.

Việc thực hiện liên kết trong sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân đã được hình thành bước đầu đã đem lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, mối liên kết này vẫn còn thiếu tính bền vững, nhất là khi giá bán sản phẩm trên thị trường biến động theo hướng giảm thì phần thiệt hại luôn thuộc về người nông dân trực tiếp sản xuất, nên việc đầu tư tái sản xuất mở rộng quy mô còn hạn chế.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tuy có nhiều tiến bộ nhưng đào tạo nghề gắn với cho vay vốn và giải quyết việc làm chưa đồng bộ, dẫn đến thiếu vốn để làm ăn và nhiều trường hợp bỏ nghề đã học.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

## **1. Văn bản của Trung ương**

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được thông qua ngày 27/7/2021.

- Nghị quyết số 695/NQ-UBTVQH15 ngày 14/12/2022 của Quốc hội về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn nước ngoài cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2022 về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2022 về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025.

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025.

- Quyết định 18/2022/QĐ- TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc

gia về huyện nông thôn mới và Bộ Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của ngày 07/3/2024 Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;

- Các văn bản của các Cơ quan, các Bộ, ngành trung ương có liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2. Văn bản của tỉnh An Giang**

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Tỉnh Đảng bộ An Giang ngày 01 tháng 10 năm 2020.

- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc lựa chọn 33 xã điểm, 03 huyện/thị xã điểm nông thôn mới và 01 huyện nông thôn mới nâng cao tập trung chỉ đạo hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh An Giang về phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc

gia về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung xã điểm xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 861/KH-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc thực hiện Phong trào thi đua “An Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

- Các văn bản khác của các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

### **3. Văn bản của huyện Châu Thành**

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 30/07/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Châu Thành nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chương trình hành động số 01-CTr/HU ngày 01/10/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Châu Thành lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Đề án số 06-ĐA/HU ngày 30/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn “Huyện nông thôn mới” giai đoạn 2020 - 2025.

- Đề án số 08-ĐA/HU ngày 11/05/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và phát triển mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề án số 262/ĐA-UBND ngày 06/09/2022 của UBND huyện về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn Huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Châu Thành về triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và phát triển mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3929/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Châu Thành về việc phân công các ngành, đơn vị phụ trách Bộ Tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về nhiệm vụ Kinh tế - Xã hội năm 2024.

- Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 07/03/2024 của UBND huyện Châu Thành về triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2024.

- Ngoài ra, Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

### **III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tập trung lãnh, chỉ đạo thực hiện. UBND huyện hàng năm xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể trong triển khai thực hiện. Tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của cấp ủy, chính quyền các cấp, lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện để triển khai thực hiện, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có

sự phối hợp, hỗ trợ các xã trong công tác xây dựng nông thôn mới. Quá trình thực hiện, định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm và quan tâm công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Châu Thành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện hệ thống quản lý lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện từ huyện đến cơ sở.

### **1.1 Cấp huyện**

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện được thành lập và thường xuyên kiện toàn đảm bảo chỉ đạo thực hiện Chương trình có hiệu quả. Ban Chỉ đạo huyện có 42 thành viên (gồm 31 thành viên là lãnh đạo và chuyên viên các ban, ngành, đoàn thể liên quan và 11 thành viên là Phó chủ tịch UBND các xã) do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, có 02 Phó trưởng ban, trong đó 01 đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Phó trưởng ban phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và 01 đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Phó trưởng ban phụ trách Chương trình giảm nghèo.

Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện và Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo hàng năm đều được kiện toàn, củng cố. Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện có 26 thành viên, do Phó chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng, có 02 Phó Chánh văn phòng là Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, cùng đại diện của các ngành chuyên môn là thành viên. Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, thường trực đặt tại Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, bố trí 01 chuyên viên của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện chuyên trách xây dựng nông thôn mới. Tổ giúp việc về xây dựng nông thôn mới huyện có 17 thành viên do Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT là tổ trưởng.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện luôn bám sát văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của huyện đề kịp thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo huyện phụ trách xã, các cơ quan chuyên môn phụ trách các nội dung, các tiêu chí của xã; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cấp huyện.

### **1.2 Cấp xã**

Các xã đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban, Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Phân công cán bộ chuyên trách, theo dõi, tổng hợp, tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Trung ương, tỉnh và huyện. Hệ thống quản lý Chương trình ở cấp xã được quan tâm, kiện toàn kịp



thời khi có thay đổi về nhân sự và phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực, từng tiêu chí; thường xuyên kiểm tra, kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở cơ sở. Ban phát triển áp do cộng đồng nhân dân áp trực tiếp bầu, Hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý, Ban phát triển áp của các xã đạt hiệu quả, phát huy được dân chủ, nhân dân tin tưởng, phấn khởi vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

### **1.3 Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện**

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy đã ban hành Đề án số 06/ĐA/HU ngày 30/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn “Huyện nông thôn mới” giai đoạn 2020 - 2025. Ngoài ra, UBND huyện đã ban hành Đề án số 262/ĐA-UBND ngày 06/09/2022 về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn Huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ máy quản lý từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả năng lực quản lý. Ban chỉ đạo huyện, Ban quản lý xã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất,, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

## **2. Công tác kiểm tra, giám sát**

Trên cơ sở Nghị quyết, Chương trình công tác năm của Huyện ủy và kế hoạch của UBND huyện ban hành chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Huyện ủy phân công Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách lĩnh vực, phụ trách xã chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra và giám sát kết quả thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng về thường trực Huyện ủy; Ủy ban nhân dân huyện phân công thường trực UBND huyện phụ trách lĩnh vực, ngành đôn đốc, kiểm tra và tháo gỡ khó khăn kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện phân công thành viên phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu và phụ trách xã, thường xuyên xuống cơ sở để thực hiện nhiệm vụ. Trong đó tập trung cho các địa phương khó khăn và những tiêu chí khó để đôn đốc và hỗ trợ thường xuyên; Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện định kỳ hàng tuần báo cáo kết quả thực hiện NTM về thường trực UBND huyện để theo dõi và chỉ đạo kịp thời.

## **3. Công tác truyền thông, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn**

### **3.1. Công tác truyền thông, tuyên truyền**

Xác định công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, cần tập trung thực hiện thường xuyên, liên tục và lâu dài. Ngay từ khi triển khai thực hiện, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ

quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến xã luôn chú trọng, tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến với cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân. Công tác triển khai tuyên truyền được triển khai sâu rộng bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, lồng ghép với các phong trào của Hội, đoàn thể như tuyên truyền miệng qua các cuộc họp, hội nghị, thông qua hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền trực quan thông qua pano, áp phích.

Kết quả từ năm 2011 đến nay, đã tổ chức 2.908 cuộc tuyên truyền với 116.320 lượt người tham dự; phát 145.500 tờ rơi; lắp đặt 1.806 pano, áp phích; treo 2.973 băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền. Qua đó, bước đầu thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến về nhận thức đối với các cấp, các ngành, đặc biệt đã khơi dậy vai trò chủ thể, tạo niềm tin, tự giác tham gia của người dân địa phương trong xây dựng nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng và bộ mặt nông thôn của xã nhà đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều hệ thống nước sạch cũng như việc xử lý chất thải đã hoạt động có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp và ngành nghề đã đạt được hiệu quả nhất định. Nâng cao vai trò của người dân là nâng cao thể chế quản lý, tự quản của cộng đồng người dân như xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước, nội quy của ấp. Phát huy vai trò của nhân dân; thực hiện đoàn kết trong toàn dân, xây dựng các mối quan hệ tốt trong nhân dân. Phát huy tinh thần thương yêu đùm bọc, giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế, phòng chống và đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội. Đào tạo việc lập và thực hiện các dự án phát triển, cũng như việc vận hành và bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn quy mô nhỏ. Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Đặc biệt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được phát huy ngày càng thể hiện rõ hơn. Như vậy công tác tuyên truyền có thể tạo được sức lan toả đến tận cơ sở, được người dân đồng tình hưởng ứng. Kết quả tích cực mang lại là đã thay đổi căn bản nhận thức của người dân, xuất hiện nhiều cách làm hay, sáng tạo, trở thành những mô hình tiêu biểu trong các lĩnh vực vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, giảm nghèo, an sinh xã hội...

Quá trình tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh trên địa bàn 13/13 xã thị trấn đã được triển khai thực hiện và sự đồng thuận của người dân bình quân đạt trên 95%.

### ***3.2. Công tác đào tạo tập huấn***

Hàng năm tỉnh đều tổ chức các lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới. từ năm 2011 đến nay huyện đã cử trên 1.019 lượt cán bộ, công chức (thành viên Ban Chỉ đạo huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới của xã) tham gia các lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới.

Song song đó, UBND huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức 169 lớp tập huấn cho 7.605 lượt cán bộ các ngành, đoàn thể, cán bộ công chức

xã, áp với các nội dung triển khai nội dung chỉ đạo, cơ chế chính sách liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Kết quả đạt được và những định hướng trên địa bàn huyện; Hướng dẫn phương pháp đánh giá, xác định mức độ đạt tiêu chí thuộc các Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang; Các nội dung về nâng cao năng lực quản lý, điều hành và triển khai thực hiện đối với cán bộ các cấp trên địa bàn huyện; Các nội dung khác liên quan về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Đến nay, đội ngũ công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới của huyện và xã đã có đủ năng lực đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Qua các đợt tập huấn đã giúp cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện Chương trình và một số nông dân tiêu biểu hiểu rõ hơn những chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đồng thời nâng cao kiến thức quản lý, nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng vận động cộng đồng về xây dựng nông thôn mới.

#### **IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

Từ khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến nay tổng vốn huyện Châu Thành đã huy động để thực hiện đạt các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, tiêu chí huyện nông thôn mới là 2.849.958 triệu đồng, thực hiện 1.450 dự án. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 472.726 triệu đồng, chiếm 16,58%
- Ngân sách tỉnh: 1.163.291 triệu đồng, chiếm 40,81%
- Ngân sách huyện: 735.061 triệu đồng, chiếm 25,79%
- Vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công thủy lợi - Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 20224): 470.289 triệu đồng, chiếm 16,51%
- Vốn tín dụng: 2.000 triệu đồng, chiếm 0,07%
- Nhân dân đóng góp: 6.591 triệu đồng, chiếm 0,23%

##### **1. Giai đoạn 2011 – 2020**

Tổng kinh phí đã thực hiện: 1.989.154 triệu đồng, thực hiện 962 dự án, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 377.187 triệu đồng, chiếm 18,96%
- Ngân sách tỉnh: 739.670 triệu đồng, chiếm 37,18%
- Ngân sách huyện: 540.247 triệu đồng, chiếm 27,15%
- Vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công thủy lợi - Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 20224): 323.459 triệu đồng, chiếm 16,26%

- Vốn tín dụng: 2.000 triệu đồng, chiếm 0,100%
- Nhân dân đóng góp: 6.591 triệu đồng, chiếm 0,33%

## **2. Giai đoạn 2021 – 2024**

Tổng kinh phí đã thực hiện: 860.804 triệu đồng, thực hiện 488 dự án, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 95.539 triệu đồng, chiếm 11,09%
- Ngân sách tỉnh: 423.621 triệu đồng, chiếm 49,21%
- Ngân sách huyện: 194.814 triệu đồng, chiếm 22,63%
- Vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công thủy lợi - Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022-24): 146.830 triệu đồng, chiếm 17,05%.

## **3. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công**

Từ khi thực hiện Luật Đầu tư công nên việc thực hiện sử dụng nguồn vốn đầu tư công đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công tác về đầu tư xây dựng, sử dụng vốn đầu tư công rất hiệu quả và thiết thực, công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện đi vào nề nếp, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

#### **1.1 Số xã đạt chuẩn theo quy định**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 11 xã
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 11 xã. Tỷ lệ 100%
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 04 xã. Tỷ lệ 36,36%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 02 xã. Tỷ lệ 18,18%.
- Số xã đã duy trì nâng chất tiêu chí xã nông thôn mới (theo Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh và Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ): 11/11 xã. Tỷ lệ 100% số duy trì nâng chất.
- Số xã đã duy trì nâng chất tiêu chí nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh và Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ): 04/11 xã. Tỷ lệ 36,36% số duy trì nâng chất.

#### **1.2 Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện có 02 thị trấn, gồm thị trấn An Châu và thị trấn Vĩnh Bình.

- Kết quả đánh giá đến nay 02/02 thị trấn An Châu và thị trấn Vĩnh Bình đã đạt 09/09 tiêu chí đô thị văn minh theo Quyết định 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ số thị trấn rà soát đạt 09/09 tiêu chí đô thị văn minh: có 02/02 thị trấn (đạt 100%).

## **2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã (theo Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 22/06/2022 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

Tính đến nay, trên địa bàn huyện có 11/11 xã (đạt tỷ lệ 100%) đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới và các xã đã thực hiện rà soát, nâng chất tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### **2.1. Về Quy hoạch**

#### **2.1.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn***

Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011 - 2020 của 11 xã trên địa bàn huyện được phê duyệt trong giai đoạn 2010 - 2011 và triển khai thực hiện đến hết năm 2020. Để đảm bảo thực hiện đúng định hướng phát triển trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, huyện Châu Thành đã tổ chức rà soát và tập trung chỉ đạo UBND các xã triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Đến thời điểm hiện tại, 11/11 xã đã được UBND huyện phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040 theo quy định của: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01: 2021/BXD.

Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024, toàn bộ 11/11 xã đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040.

***b) Chỉ tiêu 1.2. Ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch***

Việc xây dựng Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND 11 xã thực hiện song song và được UBND huyện phê duyệt ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã điểm đến năm 2040.

Sau khi Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã và Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch chung được phê duyệt ban hành, 11/11 xã đã tổ chức công bố công khai rộng rãi quy hoạch tại trụ sở UBND xã và văn phòng các ấp trên địa bàn xã (tổng số 51 ấp/51 ấp) đúng theo thời hạn quy định; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng đã được UBND huyện phê duyệt theo quy định.

**2.1.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.2. Về giao thông**

### **2.2.1 Kết quả thực hiện**

Xác định việc bảo trì, duy tu, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, hàng năm UBND huyện Châu Thành đã chỉ đạo UBND các xã rà soát xây dựng mới, duy tu, bảo trì, sửa chữa đường giao thông. Song song đó thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào thực hiện vệ sinh môi trường các tuyến đường; tổ chức trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát ven đường nhằm tạo cảnh quan khu dân cư và chỉnh trang diện mạo nông thôn toàn địa bàn. Mặt khác, thường xuyên tuần tra, kiểm tra và vận động nhân dân tự tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc, bảng hiệu quảng cáo vi phạm hành lang an toàn giao thông. Đến nay, các tuyến đường trục xã, trục ấp, liên ấp, đường ngõ xóm được đầu tư xây dựng đồng bộ, tất cả các tuyến đường có chiều rộng nền đường phù hợp theo quy định.

Đường xã quản lý tổng cộng trên địa bàn huyện có 232,33km. Trong đó, đường xã gồm 15 tuyến dài 77,50km; đường ấp, liên ấp gồm 25 tuyến chiều dài 166,5km; đường ngõ, xóm gồm 24 tuyến chiều dài 23,21km; đường trục chính nội đồng gồm 44 tuyến chiều dài 131,62km.

Phần lớn các tuyến đường xã quản lý trên địa bàn huyện đều được đầu tư xây dựng cứng hóa mặt đường. Phần lớn các tuyến đường xã quản lý trên địa bàn huyện đều được đầu tư xây dựng cứng hóa mặt đường. Từ năm 2011 đến nay, UBND các xã đã đầu tư xây dựng hoàn thành tổng số 267,62km đường

giao thông gồm 157,62 km đường ấp, liên ấp và 110 km đường trục chính nội đồng; nâng cao tỷ lệ cứng hóa các tuyến đường trên địa bàn các xã. Cụ thể:

***a) Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%***

Trên địa bàn huyện có 15 tuyến đường xã với chiều dài 77,50 km. Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện có 77,50 km được đầu tư cứng hóa và các địa phương quan tâm thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng thường xuyên hệ thống giao thông đường xã trên địa bàn mình. Đồng thời, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông, cũng như thực hiện trồng cây xanh trên các tuyến.

Đến nay tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% (77,50 km/77,50 km), trong đó có 11/11 xã đạt tỷ lệ 100%.

***b) Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt > 90%***

Đường ấp và đường liên ấp trên địa bàn các xã có tổng số 25 tuyến với chiều dài 166,95 km. Từ sau năm 2011 đến nay, các địa phương đã xây dựng kế hoạch, tiếp tục thực hiện đầu tư cứng hóa các tuyến đường trên địa bàn mình. Đồng thời hoàn thiện hơn hệ thống các hạng mục cần thiết đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân.

Đến nay, tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% (166,95 km/166,95 km), trong đó có 11/11 xã đạt tỷ lệ 100%.

***c) Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%***

Đường ngõ, xóm trên địa bàn các xã gồm 24 tuyến với chiều dài 23,21 km. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% (23,21 km/23,21 km), trong đó có 11/11 xã đạt tỷ lệ 100%.

***d) Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt > 50%***

Trên địa bàn các xã có 44 tuyến đường trục chính nội đồng với chiều dài 131,62 km, hàng năm các xã đều xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, dặm vá các tuyến đường nội đồng để đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Đến nay, tỷ lệ đường trục chính nội đồng trên địa bàn các xã đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 83,57% (110 km/131,62 km). Có 11/11 xã đạt chỉ tiêu này; trong đó, xã đạt thấp nhất là xã Vĩnh An đạt tỷ lệ 70,04% (9,54 km/13,62 km); xã đạt cao nhất là xã Bình Hòa đạt tỷ lệ 89,33% (15,9 km/17,8 km).

**2.2.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### **2.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

#### **2.3.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt > 80%***

Trên địa bàn huyện Châu Thành có 13 xã, thị trấn với tổng diện tích sản xuất nông nghiệp là 81.182,74 ha; trong đó 11 xã có diện tích sản xuất nông nghiệp là 71.212,02 ha. Hàng năm huyện tổ chức chỉ đạo ngành nông nghiệp và các ngành liên quan phối hợp với các xã khảo sát hiện trạng các tuyến kênh, mương, cống, đập, đê bao... để chủ động xây dựng kế hoạch nạo vét, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất; công tác quản lý, khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý; đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cấp nước hộ dân sinh.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt 99,40%, cụ thể:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 99,93%
- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động đạt 98,27%
- Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động đạt 100%

***b) Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ***

Huyện Châu Thành có 11/11 xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Cụ thể: hàng năm các xã đã chủ động xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với từng loại hình thiên tai; củng cố tổ chức, bộ máy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Lực lượng xung kích cấp xã, áp thực hiện công tác phòng chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai của địa phương. Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh. Các xã đều có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

***\* Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:***

- Có Ban chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.



- Có quy định chức năng được phân công theo dõi lĩnh vực Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã và làm thường trực của Ban Chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã.

- Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban Chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Có 100% số cán bộ cấp huyện, xã tham gia trực tiếp công tác Phòng chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

- Có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho 100% đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, ấp; đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

**\* Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh**

- Có kế hoạch Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã.

- Có phương án ứng phó các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- Có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

**\* Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

- Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ.

+ Có 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép với nội dung an toàn trước thiên tai.

- Thông tin, cảnh báo và ứng phó với thiên tai: Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số Ban Chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

- Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”; Kết quả chấm điểm đạt từ  $\geq 50\%$  (Đạt: chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm; Khá: chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm; Tốt: chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên). Kết quả chỉ tiêu đạt Khá.

**2.3.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.4. Về điện**

### **2.4.1 Kết quả thực hiện**

#### ***a) Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn***

Hệ thống điện trên địa bàn huyện bao gồm các trạm biến áp phân phối, các tuyến đường dây trung áp, hạ áp, công tơ đo đếm điện năng phục vụ nhu cầu sử dụng điện, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy định kỹ thuật điện nông thôn và các văn bản pháp lý như Luật Điện lực; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Trưởng Bộ Công thương quy định hệ thống điện phân phối; Thông tư 30/2019/TT ngày 18/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Công thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT ngày 30/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Công thương và Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Trưởng Bộ Công thương về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về an toàn điện.

Hệ thống lưới điện trung thế, hạ thế cung cấp điện cho các hộ dân sinh hoạt và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn 11/11 xã đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và điện phục vụ sản xuất của nhân dân.

#### ***b) Chỉ tiêu 4.2 Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt > 98%***

Tỷ lệ hộ có điện thường xuyên; có điện đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn 11 xã hiện nay là 31.792 hộ/31.907 hộ, đạt 99,64%.

**2.4.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.5. Về Trường học**

### **2.5.1 Kết quả thực hiện**

***Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định***

Ủy ban nhân dân huyện đã quan tâm, hỗ trợ và sự phối hợp nhiệt tình, hiệu quả của các cấp, các ngành ưu tiên tập trung vốn đầu tư cơ sở vật chất trường học và đầu tư cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm; chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung cũng như chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh; công tác phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa

các bộ phận trong và ngoài ngành tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ năm học; tập trung các nguồn lực, chủ động thực hiện các giải pháp duy trì sĩ số học sinh, tạo nên tảng vững chắc cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xoá mù chữ được duy trì, nâng mức độ quy định theo hàng năm. Đặc biệt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, sau nhiều năm phấn đấu, năm 2024 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Từ đó làm tiền đề cơ bản cho việc phát triển chất lượng giáo dục vùng nông thôn, xây dựng hiệu quả các yêu cầu của nông thôn mới về giáo dục và đào tạo.

Trên địa bàn huyện, có 11 xã nông thôn mới có 43/43 trường học, tỷ lệ 100% có cơ sở vật chất đạt mức tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất là 36/43 trường học, tỷ lệ 83,72% (Trong đó: Mầm non, Mẫu giáo 08/11 trường; Tiểu học 18/22 trường; Trung học cơ sở 10/10 trường).

**2.5.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Trường học theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.6. Về Cơ sở vật chất văn hóa**

### **2.6.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã***

Hiện nay trên địa bàn huyện có 11/11 xã đã được đầu tư xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao (Viết tắt là ĐSHVHTT), Trung tâm Văn hóa và học tập cộng đồng (Viết tắt là TTVH & HTCD), Trung tâm Văn hóa - Thể thao (Viết tắt là TTVHTT) như sau:

- Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao gồm có 02 xã: An Hòa, Bình Hòa.
- Trung tâm Văn hóa và học tập cộng đồng gồm có 03 xã: Cần Đăng, Vĩnh Nhuận, Vĩnh Thành.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao gồm có 06 xã: Bình Thạnh, Hòa Bình Thạnh, Tân Phú, Vĩnh An, Vĩnh Hanh, Vĩnh Lợi.

Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng và Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã thường xuyên được duy tu bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời đảm bảo đưa vào phục vụ hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đạt theo yêu cầu vừa phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, cũng như đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn. 100% Trung tâm có hội trường đa năng trên 200 chỗ ngồi và sân thể thao được trang bị đảm bảo các dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ sinh hoạt của Nhân dân (sân bóng chuyền, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông, các dụng cụ thể thao đơn giản,...) được bố trí ở vị trí trung tâm xã, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, đã đáp ứng được các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng và tổ chức hội họp của nhân dân. Bên cạnh đó, tại Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng, Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, Trung tâm Văn hóa - Thể thao tại 11/11 xã

đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao và dụng cụ trò chơi cho trẻ em theo quy định; có nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cho mọi người dân trên địa bàn.

***b) Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định***

Thời gian qua việc đầu tư, quản lý, sử dụng các trang thiết bị phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em, người cao tuổi trên địa bàn huyện luôn được quan tâm, đầu tư. Hầu hết các xã trên địa bàn huyện đã thực hiện dành quỹ đất đầu tư trang thiết bị và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ em, người cao tuổi đạt hiệu quả cao. Hiện nay, 11/11 xã đều có các điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo qui định. Các điểm vui chơi giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được đặt tại Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng và Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã đảm bảo cơ sở vật chất về hội trường, sân khấu, wifi, âm thanh, ánh sáng, sân bóng chuyền, sân bóng đá mini,... khu vui chơi cho thiếu nhi có các bộ dụng cụ trò chơi như xích đu, thú nhún, cầu trượt,... Địa điểm giải trí và thể thao cho người cao tuổi đảm bảo không gian thoáng mát, sạch sẽ và các thiết bị phù hợp với người cao tuổi.

Bên cạnh đó, trên địa bàn các xã phối hợp Đoàn thanh niên phát động công trình làm từ vật liệu tái chế thực hiện thêm các điểm vui chơi giải trí dành riêng cho thiếu nhi được lắp đặt tại các điểm trường mầm non, tiểu học phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu và tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em. Đồng thời, cùng với việc tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em, định kỳ hàng năm đều tổ chức các lớp dạy bơi, phòng chống đuối nước cho trẻ em do Ủy ban nhân dân các xã phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tổ chức. Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng và Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở các xã đều dành trên 30% thời gian hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

***c) Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng***

Hiện nay trên địa bàn huyện Châu Thành có 63 khóm, ấp (trong đó 11 xã có 51 ấp). Tất cả 51/51 ấp trên địa bàn các xã đều có Điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao (Nhà Văn hóa, Khu thể thao ấp) đạt 100% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tất cả các ấp tận dụng Văn phòng ấp làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và các sân bãi của hộ dân làm điểm sinh hoạt văn hóa và thể thao, mỗi ấp đảm bảo diện tích điểm sinh hoạt văn hóa từ 300 m<sup>2</sup> trở lên, điểm sinh hoạt thể thao từ 500 m<sup>2</sup> trở lên. Có xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm và tổ chức nhiều chương trình văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cho mọi người dân trên địa bàn các ấp.

Những kết quả đạt được trên lĩnh vực văn hóa thuộc tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa, hoạt động tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trong nhân dân mà còn vừa góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Qua đó, phát huy phong trào tập luyện thể thao, rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, góp phần gìn giữ các hóa trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng dân cư. Kết quả 11/11 xã đạt chỉ tiêu.

**2.6.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.7. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

### **2.7.1 Kết quả thực hiện**

#### ***Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa***

Huyện Châu Thành có 21 chợ truyền thống đang hoạt động (trong đó có 14 chợ đạt chuẩn loại III, 07 chợ chuyển sang tụ điểm kinh doanh)...góp phần phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân. Hầu hết các chợ trên địa bàn huyện đều được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, nằm ở khu vực có vị trí thuận tiện về giao thông, là chợ truyền thống và là chợ đầu mối cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong xã và các khu vực lân cận.

Các chợ trên đều có thành lập tổ quản lý, có ban hành nội quy, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh tại chợ được bố trí, sắp xếp theo từng khu vực, theo từng ngành hàng, thuận lợi cho người bán và người mua; có các hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường; đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Đối với địa bàn 11 xã, tổng số chợ trên địa bàn là 21 chợ, trong đó có 11 chợ trung tâm xã được các địa phương lựa chọn thực hiện tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Tất cả các chợ này đều có thành lập tổ quản lý, có ban hành nội quy, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh tại chợ được bố trí, sắp xếp theo từng khu vực, theo từng ngành hàng, thuận lợi cho người bán và người mua; có các hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường; đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Hệ thống chợ trên địa bàn huyện được đầu tư ngày càng khang trang hơn, phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa cho nhân dân.

Bên cạnh đó, địa bàn huyện thời gian qua cũng đã phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi như các siêu thị, Bách hóa xanh, Điện máy xanh, Thế giới di động,... các cửa hàng tiện lợi hoạt động mua bán đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, hàng hóa mua bán đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng,... đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân. Đến nay, 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí.

**2.7.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.8. Về Thông tin và truyền thông**

### **2.8.1 Kết quả thực hiện**

#### ***a) Chỉ tiêu 8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính***

Hiện tại, 11/11 xã trên địa bàn huyện đều có điểm phục vụ bưu chính, có treo biển tên điểm phục vụ có trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính cho Nhân dân tại địa phương như: Có treo biển tên điểm phục vụ; Niêm yết giờ mở cửa và thời gian mở cửa (buổi sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ; buổi chiều: từ 13 giờ đến 17 giờ).

Đến nay các điểm Bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện; chuyển phát nhanh; phát hành báo; chuyển tiền nhanh; tiết kiệm bưu điện; dịch vụ chuyển tiền; dịch vụ thu hộ, chi hộ; chi trả các dịch vụ hành chính công khác trợ cấp người có công, trợ giúp xã hội; dịch vụ chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH; dịch vụ truyền thông, quảng cáo tại Điểm bưu điện văn hóa xã,... Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg. Kết quả 11/11 xã đạt chỉ tiêu.

#### ***b) Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet***

Hiện nay, của 11/11 xã đều đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và internet đạt tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đạt 100%; QCVN 35:2015/BTTTT đối với dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất; QCVN 36:2015/BTTTT đối với dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất; QCVN 34:2014/BTTTT đối với dịch vụ truy cập internet băng rộng cố định mặt đất; QCVN 8:2014/BTTTT đối với dịch vụ truy cập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp Bản thông kê tổng số số dân trên địa bàn xã có sử dụng dịch vụ internet, đạt theo yêu cầu của chỉ tiêu.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh 100.313/94.673 người đạt 106% (yêu cầu của tiêu chí > 65%). Kết quả 11/11 xã đạt chỉ tiêu.

#### ***c) Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp***

Hiện nay, 11/11 xã có đài truyền thanh hữu tuyến, vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh. Cơ sở vật chất đài truyền thanh vô tuyến gồm: 01 phòng máy; bộ thu phát sóng FM 30W; 01 hộp thiết bị dùng để thu tín hiệu FM. Có 63/63 khóm, ấp có các cụm loa hoạt động thường xuyên, ngoài ra địa phương còn sử dụng loa di động hoạt động thường xuyên trên tất cả các khóm, ấp, 100% các hộ gia đình thu xem được đài truyền hình Việt Nam,

đài tỉnh thông qua các phương thức truyền hình cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet; hệ thống internet, đường truyền được phủ khắp các xã, ấp đảm bảo đạt theo yêu cầu của chỉ tiêu.

Đài truyền thanh các xã, thị trấn hàng năm đều xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch thực hiện tuyên truyền chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương. UBND xã, thị trấn có phân công cán bộ làm công tác truyền thanh xã, thực hiện tiếp âm Đài tỉnh, huyện, Đài Tiếng nói Việt Nam và tin tức địa phương phát sóng 02 buổi/ngày truyền tải thông tin, phục vụ Nhân dân địa phương, giúp cho người dân cập nhật, nắm bắt nhanh chóng các thông tin trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;... kết quả 11/11 xã đạt chỉ tiêu.

***d) Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành***

Hệ thống mạng đã phủ khắp trên địa bàn 11/11 xã, hệ thống dây dẫn thường xuyên được cải tạo, nâng cấp đảm bảo phù hợp mỹ quan và chất lượng đường truyền. Mỗi xã có từ 05 - 07 điểm công cộng được lắp mạng wifi miễn phí đáp ứng tốt về chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành.

Tất cả 11/11 xã trên địa bàn huyện từng bước xây dựng chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng, tỷ lệ giao dịch, trao đổi thông tin qua mạng. Được kết nối truyền dẫn nội bộ, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc, giải quyết thủ tục dịch vụ công trực tuyến. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, có sử dụng ít nhất 04 phần mềm:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-Ioffice) thực hiện thông suốt từ tỉnh đến xã được 100% cán bộ, công chức cấp xã sử dụng. Ngoài ra, UBND xã thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác sử dụng chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng để trao đổi văn bản điện tử.

- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước (mailangiang.gov.vn) đã được cấp cho 100% các cơ quan, ban, ngành huyện, các xã, thị trấn. 100% cán bộ, công chức cấp xã thực hiện nghiêm túc việc sử dụng thư điện tử (Email) công vụ trao đổi công việc, trao đổi văn bản điện tử để giao dịch với các đơn vị, tổ chức, công dân qua môi trường mạng.

- Hệ thống một cửa điện tử, đến nay cấp xã đều có tài khoản để tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Các hồ sơ đều được thực hiện đúng quy trình tiếp nhận và trả hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt từ 90% đến 100% (yêu cầu của chỉ tiêu là 30%).

- Cổng/trang thông tin điện tử 11/11 xã và các trang thông tin điện tử được các xã khai thác, thực hiện tốt công tác tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị

quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các sự kiện chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, huyện, xã; tuyên truyền về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh.

Tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100% (yêu cầu 60%). Kết quả 11/11 xã đạt yêu cầu.

**2.8.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.9. Về Nhà ở dân cư**

### **2.9.1 Kết quả thực hiện**

Trong xây dựng nông thôn mới, nhà ở dân cư vừa phản ánh diện mạo của một vùng quê đổi mới, vừa phản ánh nâng cao đời sống của nhân dân. Huyện đã chỉ đạo các xã tập trung nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội địa phương, chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc chăm lo phát triển kinh tế gắn xây dựng chỉnh trang nhà ở. Huyện quan tâm xúc tiến mời gọi đầu tư các dự án xây dựng nhà ở dân cư trên địa bàn; tổ chức triển khai tốt các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các chương trình chính sách hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện nên đời sống người dân được tăng lên, điều kiện sống tốt hơn, hạ tầng nhà ở dân cư ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang đáp ứng cho đời sống sinh hoạt. Đồng thời, thực hiện lồng ghép các Chương trình hỗ trợ nhà ở, đất ở của Chính phủ; phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã tích cực vận động các ban từ thiện, các doanh nghiệp trong và ngoài huyện hỗ trợ sửa chữa, cất mới, xóa nhà tạm, dột nát; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ gia đình quan tâm, tự chỉnh trang sửa chữa, xây mới nhà ở đạt chuẩn theo quy định. Song song đó, công tác quản lý xây dựng được kiểm tra chặt chẽ, giảm nhiều tình trạng xây dựng nhà trái phép so với giai đoạn trước. Tính đến năm 2024, địa bàn huyện Châu Thành không còn nhà tạm, nhà dột nát; hầu hết nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn huyện đều được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân. Kết quả thực hiện đến nay như sau:

#### ***a) Chỉ tiêu 9.1. Không còn Nhà tạm, dột nát***

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện là 40.513 hộ; trong đó tổng số dân trên địa bàn 11 xã là 31.907 hộ.

Đến cuối năm 2024, trên địa bàn huyện có 11/11 xã không còn nhà tạm, dột nát.

#### ***b) Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt > 75%***

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện là 40.513 hộ; trong đó tổng số dân trên địa bàn 11 xã là 31.907 hộ.

Tổng số hộ có nhà ở có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn 11 xã là 26.785/31.907 hộ, chiếm tỷ lệ 83,95%. Trong đó, có 11/11 xã đạt tỷ



lệ > 76% (cụ thể xã đạt thấp nhất là xã Vĩnh An đạt tỷ lệ 76,11% và xã đạt cao nhất là xã Bình Hòa đạt tỷ lệ 91,48%).

**2.9.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.10. Về Thu nhập**

### **2.10.1 Kết quả thực hiện**

***Thu nhập bình quân đầu người (Theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới) năm 2024 đạt > 59 triệu đồng/người/năm***

Huyện Châu Thành là huyện nông nghiệp, thời gian qua đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp cùng với việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Huyện đã vận dụng linh hoạt các chính sách của Nhà nước nhằm thu hút doanh nghiệp liên kết sản xuất lĩnh vực nông nghiệp. Từ năm 2011 đến nay chuyển 660,82 ha đất lúa kém hiệu quả, đất vườn tạp sang trồng các loại rau màu, cây ăn quả chuyên canh có giá trị kinh tế cao như chanh, ổi, xoài, cam, dừa, sầu riêng, cà na, mít thái, na thái, dâu tằm, bưởi, vú sữa... góp phần tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn tăng gấp 3 - 5 lần so với diện tích đất trồng lúa. Phát triển mô hình nhà dẫn dụ chim yến được 11 nhà. Bên cạnh đó, từ năm 2011 đến nay huyện đã triển khai và phối hợp ngành nông nghiệp tỉnh triển khai khoảng 1.320 lớp tập huấn, hội thảo chuyên gia các ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp với khoảng 39.600 lượt nông dân tham dự với các nội dung như: sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP; sản xuất lúa theo chương trình 1 phải 5 giảm; bón phân giữ ẩm trên lúa; canh tác lúa thông minh thích ứng biến đổi khí hậu; ứng dụng chế phẩm sinh học trong nuôi dê thịt; chăn nuôi gà trên đệm lót sinh học; ủ ure làm thức ăn chăn nuôi; tận dụng phụ phẩm sau thu hoạch nông nghiệp; sản xuất lươn giống; nuôi lươn không bùn. Nhờ đó, giúp nông dân tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, cụ thể như năm 2024 diện tích sản xuất lúa theo chương trình 3 giảm 3 tăng đạt 97,11%, tăng 52,11% so với năm 2011; diện tích sản xuất lúa ứng dụng chương trình 1 phải 5 giảm đạt 66,10%, tăng 49,10% so với năm 2011; diện tích sản xuất lúa giống đạt 9,47%, tăng 4,97% so với năm 2011; diện tích ứng dụng hệ thống tưới phun tự động đạt 55,0%, tăng 40,0% so với năm 2011.

Kết quả điều tra thu nhập hộ gia đình của 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 - 2024, theo kết quả thống kê thu nhập bình quân đầu người của huyện năm 2022 đạt 64,310 triệu đồng/người/năm; năm 2023 đạt 68,390 triệu đồng/người/năm; năm 2024 đạt 72,871 triệu đồng/người/năm. Riêng khu vực nông thôn (11 xã) thu nhập bình quân đầu người là 70,84 triệu đồng.

Qua kết quả điều tra cho thấy tình hình sản xuất nông nghiệp trong 03 vụ đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; giá lúa năm 2024 ở mức cao từ trước đến nay,

giá các mặt hàng nông thủy sản khác ở mức ổn định nên người nông dân có thu nhập cao hơn, kéo theo sức mua hàng hóa, dịch vụ tăng lên, bên cạnh đó huyện có nhiều chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hộ cá thể tham gia sản xuất kinh doanh thu hút được nhiều lao động có việc làm tạo ra thu nhập; người dân có ý thức tự vươn lên; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn toàn huyện giảm còn 1,08%; tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều khu vực nông thôn giảm còn 1,54%; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên 90%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc đạt 75,17%; chính quyền địa phương luôn quan tâm hỗ trợ bằng cách tìm ra nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả, dạy nghề tạo việc làm...

Nếu như trước đây thu nhập của người dân nông thôn chủ yếu là từ sản xuất nông nghiệp (nhất là cây lúa), thì nay trong sản xuất nông nghiệp đã có bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi mạnh mẽ; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch cũng đã từng bước phát triển; đã thu hút được doanh nghiệp lớn vào sản xuất thu hút được khoảng 10.000 lao động tại địa phương, người dân nông thôn tạo được việc làm mới tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; tham gia tích cực xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn; nông thôn được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống giao thông, trường học, y tế, điện, nước, vệ sinh môi trường làm thay đổi bộ mặt nông thôn rõ nét.

Kết quả điều tra cụ thể giai đoạn 2022 - 2024, cụ thể như sau:

**Bảng : THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA XÃ NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2022-2024**

| TT | Đơn vị             | Chuẩn thu nhập bình quân đầu người đối với xã nông thôn mới (triệu đồng/người/năm) |                               |                               | So với quy định năm 2024 |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------|
|    |                    | Năm 2022<br>(≥ 53 triệu đồng)                                                      | Năm 2023<br>(≥ 56 triệu đồng) | Năm 2024<br>(≥ 59 triệu đồng) |                          |
|    | <b>Toàn Huyện</b>  | <b>64,310</b>                                                                      | <b>68,390</b>                 | <b>72,871</b>                 |                          |
| 1  | Thị trấn An Châu   | 84,229                                                                             | 83,015                        | 84,012                        |                          |
| 2  | Thị trấn Vĩnh Bình | 70,525                                                                             | 70,061                        | 73,420                        |                          |
| 3  | Xã An Hòa          | 65,095                                                                             | 67,630                        | 72,843                        | Đạt                      |
| 4  | Xã Cần Đăng        | 70,800                                                                             | 71,095                        | 74,758                        | Đạt                      |
| 5  | Xã Vĩnh Hanh       | 59,050                                                                             | 60,903                        | 65,230                        | Đạt                      |
| 6  | Xã Bình Thạnh      | 56,100                                                                             | 59,389                        | 62,153                        | Đạt                      |
| 7  | Xã Bình Hòa        | 66,907                                                                             | 70,692                        | 76,051                        | Đạt                      |
| 8  | Xã Vĩnh An         | 52,751                                                                             | 56,464                        | 60,167                        | Đạt                      |

|    |                   |        |        |        |     |
|----|-------------------|--------|--------|--------|-----|
| 9  | Xã Hòa Bình Thạnh | 69,974 | 60,771 | 63,498 | Đạt |
| 10 | Xã Vĩnh Lợi       | 54,160 | 56,015 | 59,628 | Đạt |
| 11 | Xã Vĩnh Nhuận     | 62,232 | 70,440 | 79,560 | Đạt |
| 12 | Xã Tân Phú        | 56,187 | 59,714 | 65,076 | Đạt |
| 13 | Xã Vĩnh Thành     | 64,307 | 68,383 | 79,230 | Đạt |

**2.10.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

## **2.11. Về Nghèo đa chiều**

### **2.11.1 Kết quả thực hiện**

***Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đạt <4%***

Chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 luôn được coi là chương trình trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện. Qua đó, giai đoạn 2021 - 2024, Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội như 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được hỗ trợ bảo hiểm y tế (cấp 6.871 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo); Hỗ trợ tiền điện cho 853 lượt hộ nghèo (trên 610.145 triệu đồng); Từ nguồn vận động của cán bộ, đảng viên và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện đã cất mới 851 và sửa chữa 126 căn nhà Đại đoàn kết với kinh phí trên 50,3 tỷ đồng cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí 19,8 tỷ đồng; trợ giúp cho 86.548 trường hợp gặp khó khăn đột xuất với tổng kinh phí trên 25,9 tỷ đồng; hỗ trợ tiền tết giai đoạn 2021 - 2024 cho đối tượng BTXH, hộ nghèo cụ thể: Quà tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 10.733 hộ (bình quân mỗi phần quà trị giá 300.000 đồng); trợ cấp cho đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội bình quân mỗi năm 7.933 người/tháng với kinh phí khoảng 4,5 tỷ đồng trên tháng và trợ cấp tiền tết bình quân mỗi năm (600.000 đồng/người), tổng kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng và tiền tết giai đoạn 2021 - 2024 trên 235 tỷ. Mừng thọ, chúc thọ người cao tuổi giai đoạn 2021-2024: 8.904 người. Trong đó: 70 tuổi là 3.544 người; 75 tuổi là 2.740 người; 80 tuổi là 1.316 người; 85 tuổi là 732 người; 90 tuổi là 344 người; 95 tuổi là 120 người; 100 tuổi là 40 người; trên 100 tuổi là 68 người. Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hỗ trợ tiền tết cho 1.056 người bị nhiễm Covid-19, số tiền 528.000.000 đồng (500.000 đồng/người). Đồng thời, huyện tổ chức đoàn thăm, tặng quà và chúc tết các Mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí cao niên tuổi đãng về hưu, các đồng chí cách mạng lão thành và các anh hùng lực lượng vũ trang; các mạnh thường quân trong và ngoài huyện... Kịp thời chi cứu trợ đột xuất các hộ bị rủi ro do thiên tai, bệnh tật với tổng kinh phí trên 228.000.000 đồng, nhằm khắc phục hậu quả để người dân ổn định cuộc sống.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với gia đình bị hỏa hoạn tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ các đơn vị khác và các mạnh thường quân giúp đỡ gia đình cất mới lại 04 căn nhà đảm bảo giá trị mỗi căn nhà trên 40.000.000 đồng và 01 căn sửa chữa 20.000.000 đồng theo định mức quy định tại khoản 1 điều 15 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2024 được các ban, ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn luôn có sự phối hợp đồng bộ, tích cực trong việc vận động, tuyên truyền và thực hiện tốt các chính sách nhằm giúp cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sớm ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo. Qua đó, có 11/13 xã, thị trấn tham gia dự án đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo với tổng kinh phí 3.963.015.000 đồng (Dự án nuôi bò: xã An Hòa số tiền 261.930.000 đồng, Bình Thạnh số tiền 167.400.000 đồng, Vĩnh An số tiền 280.680.000 đồng, Vĩnh Thành số tiền 217.320.000 đồng, Vĩnh Nhuận số tiền 302.700.000 đồng, Cần Đăng số tiền 405.200.000 đồng, Hòa Bình Thạnh số tiền 319.650.000 đồng, Vĩnh Hanh số tiền 667.620.000 đồng. Dự án may gia công: xã Bình Thạnh số tiền 185.790.000 đồng. Dự án chăn nuôi gà: xã Bình Hòa số tiền 86.475.000 đồng. Dự án thợ hồ: xã An Hòa số tiền 202.300.000 đồng).

Với việc triển khai hiệu quả, đồng bộ các chính sách an sinh xã hội. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 cụ thể như sau:

Tỷ lệ nghèo đa chiều toàn huyện còn 4,4% (giảm 6,59% so với năm 2021). Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,82% (giảm 1,87% so với năm 2021); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn 2,58% (giảm 4,72% so với năm 2021).

Kết quả thực hiện Tiêu chí 11 (Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đạt < 4%): Tỷ lệ nghèo đa chiều (bằng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cộng tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều) bình quân 11 xã đạt 2,62% (giảm 8,38% so với năm 2021), trong đó:

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là: 1,08% (342/31.664 hộ, trong đó: đã trừ 245 hộ nghèo không có khả năng lao động).

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều là: 1,54% (488/31.626 hộ, trong đó: đã trừ 283 hộ cận nghèo không có khả năng lao động).

**2.11.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

## **2.12. Về Lao động**

### **2.12.1 Kết quả thực hiện**

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân huyện xác định công tác tuyên truyền, vận động đóng vai trò rất quan trọng. Từ đó đã Ủy ban nhân dân huyện lồng ghép với việc triển khai thực hiện các tiểu dự án, nội dung thành phần 02 Chương trình mục

tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới một cách đồng bộ, cụ thể bằng việc phê duyệt các kế hoạch như: Kế hoạch Thực hiện các tiểu dự án, nội dung thành phần về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới năm 2024 (Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024); Kế hoạch Thực hiện các tiểu dự án, nội dung thành phần về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới năm 2024 (Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024).

Qua đó, giai đoạn 2021 - 2024 huyện đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang tổ chức Ngày hội tư vấn học nghề, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, Giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Kết quả có 40 doanh nghiệp đăng ký tham gia Ngày hội (trong đó tham gia trực tiếp: 20 doanh nghiệp; tham gia trực tuyến: 20 doanh nghiệp); số người đến tham dự Ngày hội ước tính khoảng 1.200 người; số lao động được tư vấn trực tiếp: 635 người; số lao động đăng ký tìm việc làm trực tiếp tại doanh nghiệp: 329 người; số lao động đăng ký tìm việc trực tuyến tại Ngày hội: 22 người; số lao động phỏng vấn trực tiếp: 236 người; số lao động hẹn phỏng vấn: 294 người; số lao động đăng ký xuất khẩu lao động: 54 người; số lao động đăng ký học nghề: 182 (in 1.000 tờ rơi, 1.000 quạt tuyên truyền về công tác giáo dục nghề nghiệp).

- Tổ chức tư vấn học nghề, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động cho 400 em học sinh Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Vĩnh Nhuận, xã Vĩnh Nhuận. Có sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp như: Trường Cao Đẳng nghề An Giang; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp khai trí; Trung tâm dịch vụ Việc làm tỉnh An Giang; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện; Công ty MIF - Tập đoàn Sao Mai).

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, công ty MIF - Tập đoàn Sao Mai; Trường kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông vận tải tổ chức được 12 buổi hội nghị tuyên truyền công tác giáo dục nghề nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động tại các khóm, ấp trên địa bàn huyện, có 1.040 người tham dự (in 1.040 tờ rơi; 1.040 quạt tuyên truyền).

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh của xã, thị trấn 900 buổi; viết 166 tin bài về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động phát trên hệ thống đài truyền thanh của xã.

Nhờ làm tốt công tác truyền thông, hướng nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm, đến nay đã giải quyết việc làm cho 6.750/6.000 đạt tỷ lệ 112,5% so với kế hoạch. Từ nguồn vốn quỹ quốc gia giải quyết việc đã giải ngân cho 264 hộ với số vốn 18.271 triệu; tạo việc làm cho 528 lao động; việc làm mới 3.990 lao

động; đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động 84/60 lao động đạt 140% so với kế hoạch và đạt 350% (84/24 lao động) so với kế hoạch tỉnh giao.

**a) Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt  $\geq 75\%$**

Số lao động qua đào tạo của 11 xã là 55.741 người/Tổng số lực lượng lao động của 11 xã là 74.153 người; đạt tỷ lệ bình quân 11 xã là 75,17%.

**b) Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ  $> 25\%$**

Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của 11 xã là 23.150 người/ Tổng số lực lượng lao động của 11 xã là 74.153 người; đạt tỷ lệ bình quân 11 xã là 31,22%.

**2.12.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

**2.13. Về Tổ chức sản xuất**

**2.13.1 Kết quả thực hiện**

**a) Chỉ tiêu 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã**

Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại. Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Luật Hợp tác xã (HTX) năm 2012; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Kinh tế tập thể của huyện đã có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng mà chủ lực là hình thức HTX hoạt động trên các lĩnh vực với quy mô, trình độ khác nhau, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn đã hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế thành viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Vốn góp HTX thành lập mới, cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm về quyền lợi của thành viên trong tham gia quản điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng... Kinh tế tập thể từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các các phòng, ban và trạm chuyên môn phối hợp với UBND các xã thị trấn tuyên truyền vận động người dân tham gia vào các hợp tác xã; quy hoạch vùng chuyên canh lồng ghép phát triển hệ sinh thái HTX gắn với các Kế hoạch chuỗi liên kết của từng ngành hàng thuộc Đề án “Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm

2030 tỉnh An Giang” theo Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh. Đến nay, trên địa bàn huyện Châu Thành có 19 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với tổng số 992 thành viên, gồm: (1) HTX NN An Châu (thị trấn An Châu); (2) HTX Nông Đạt Lợi (thị trấn An Châu); (3) HTX NN Vĩnh Bình (thị trấn Vĩnh Bình); (4) HTX sản xuất Lương Vĩnh Bình (thị trấn Vĩnh Bình); (5) HTX NN An Hoà (xã An Hoà); (6) HTX NN Bình Hoà (xã Bình Hoà); (7) HTX sản xuất rau an toàn Bình Thạnh (xã Bình Thạnh); (8) HTX NN Hoà A (xã Cần Đăng); (9) HTX sản xuất nông nghiệp và dịch vụ du lịch Châu Thành (xã Cần Đăng); (10) HTX NN Vĩnh Hanh (xã Vĩnh Hanh); (11) HTX NN Vĩnh An (xã Vĩnh An); (12) HTX NN Vĩnh An Nông (xã Vĩnh An); (13) HTX NN Vĩnh Lợi (xã Vĩnh Lợi); (14) HTX NN Vĩnh Hoà (xã Vĩnh Nhuận); (15) HTX NN Vĩnh Thành (xã Vĩnh Thành); (16) HTX NN Tân Phú (xã Tân Phú); (17) HTX NN Hoà Bình Thạnh (xã Hoà Bình Thạnh); (18) HTX NN Đông Bình Nhất (xã Vĩnh Thành); (19) HTX NN TM và DV Cánh Đồng Vàng (xã Vĩnh Thành). So với năm 2011 tăng 15 HTX

- Vốn góp cao nhất là 500 triệu đồng, vốn thấp nhất là 100 triệu đồng.

- Số lượng nhân sự quản lý, điều hành có trình độ đại học, cao đẳng trên tổng số nhân sự quản lý, điều hành của HTX: có 10/19 HTX (HTX Nông nghiệp An Hoà; HTX Nông nghiệp Bình Hoà; HTX Nông nghiệp Hoà Bình Thạnh; HTX Nông nghiệp Vĩnh An; HTX Nông nghiệp Tân Phú; HTX Nông nghiệp Vĩnh Bình; HTX NN TM và DV Cánh Đồng Vàng, HTX NN Vĩnh Hanh, HTX NN Vĩnh Lợi, HTX RAT Bình Thạnh).

- Về HTX có thực hiện LKSX và tiêu thụ với doanh nghiệp: Có 14 HTX ký kết hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông sản. Diện tích liên kết sản xuất hàng năm của các HTX từ 2.500 đến 6.000ha. Việc liên kết với các doanh nghiệp bước đầu đã mang lại hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân. Đặc biệt làm thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy làm kinh tế nông nghiệp cho người dân trên địa bàn huyện.

- Có 03 HTX có ứng dụng công nghệ cao (HTX NN Vĩnh Bình và HTX NN Bình Hoà sử dụng máy bay drone, HTX NN Vĩnh An Nông máy sạ cùm), 01 HTX đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao (HTX NN Vĩnh Hoà xã Vĩnh Nhuận sản phẩm sầu riêng).

Hợp tác xã được đánh giá, phân loại theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, như sau: 01 HTX đạt loại Tốt (HTX nông nghiệp Vĩnh Hoà), 10 HTX đạt loại khá (HTX nông nghiệp: Vĩnh Thành, Hoà A, Bình Hoà, An Hoà, Hoà Bình Thạnh, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Bình Thạnh, Tân Phú, Vĩnh Lợi).

Các HTX có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh, hàng năm có xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ

của hợp tác xã. Trung bình 01 HTXNN góp phần tạo việc làm thường xuyên cho 3 - 10 lao động tại địa phương.

***b) Chỉ tiêu 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững***

Huyện có 11/11 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững đạt 100%. Tất cả các hợp tác xã nông nghiệp hoặc nông dân khi liên kết tiêu thụ với công ty, doanh nghiệp đều có ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng với công ty, doanh nghiệp... tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, được thực hiện liên tục và liên kè đến thời điểm đánh giá nông thôn mới.

***c) Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương***

Căn cứ vào điều kiện thổ nhưỡng, thủy lợi của từng vùng, huyện đã quy hoạch và xác định cây trồng vật nuôi chủ lực cho từng xã để có sự đầu tư tập trung đồng bộ về hạ tầng giao thông thủy lợi, đường, điện, cống, cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm. Đến nay, mỗi xã đều có từ 3 đến 5 sản phẩm chủ lực. Các sản phẩm chủ lực đều được truy xuất nguồn gốc thông qua việc đăng ký và được cấp mã số vùng trồng và được chứng nhận VietGap, GlobalGap, SRP, Đạt chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm.

Triển khai Đề án tái cơ cấu lại nông nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành theo hướng thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào chuỗi liên kết phát triển sản xuất - chế biến - tiêu thụ; đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, cơ giới hóa tiến tới xây dựng nền nông nghiệp chính xác, nông nghiệp 4.0, nông nghiệp thông minh và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng cường năng lực, thích ứng linh hoạt, nhanh chóng của ngành Nông nghiệp huyện trước các biến động bất lợi của điều kiện sản xuất hoặc tình hình thị trường; đa dạng hóa hình thức phân phối, đặc biệt là ứng dụng thương mại điện tử trong phân phối sản phẩm nông nghiệp.

Qua thời gian thực hiện, người dân thấy được lợi thế cạnh tranh của sản phẩm đạt chứng nhận về chất lượng (VietGap, GlobalGap, SRP, Đạt chứng nhận ATVSTP) so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường, từ đó nông dân chủ động tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, một số hộ dân trong vùng chưa tham gia chuỗi cũng đã thay đổi tư duy sản xuất, tự chủ động sản xuất theo các quy trình kỹ thuật mới. Có 11/11 xã trên địa bàn huyện đều có sản phẩm chủ lực được chứng nhận các tiêu chuẩn VietGAP.

Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm được thực hiện trong quá trình sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận VietGAP, trước đây truy xuất nguồn gốc bằng việc ghi chép sổ sách, từ năm 2023 ứng dụng chương trình chuyên đổi số trong nông nghiệp huyện đã triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc điện tử cho



các sản phẩm chủ lực của huyện và được bán qua kênh thương mại điện tử. Đến nay kết quả 11/11 xã có sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số thực hiện truy xuất nguồn gốc và bán trên kênh thương mại điện tử.

***d) Chỉ tiêu 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường***

Hiện trạng, trên địa bàn huyện Châu Thành có 03 làng nghề gồm: Làng nghề rập chuột (thị trấn An Châu), Làng nghề mừng mền (xã Bình Hòa), Làng nghề lợp lưon (xã Cần Đăng). Cụ thể:

- Làng nghề lợp lưon Cần Đăng tại xã Cần Đăng được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, có phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 02/8/2017; đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề lợp lưon Cần Đăng theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017. Đến thời điểm hiện tại có khoảng 236 hộ dân làm nghề với tổng số lao động là 658 người, trong đó khoảng 45 hộ làm nghề chính là sản xuất lợp lưon thành phẩm, còn lại các hộ khác chỉ nhận về gia công. Trong số 236 hộ gia đình tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Cần Đăng đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Tình hình hoạt động tại làng nghề lợp lưon Cần Đăng, xã Cần Đăng:

+ Quy mô khoảng 4.500 cái lợp lưon/ngày.

+ Quy trình sản xuất: sau khi thu mua tre tươi từ các hộ trồng tre trong và ngoài tỉnh về các hộ dân thực hiện các công đoạn như cưa, chẻ nan và vót nan sau đó mang đi phơi khoảng 01 ngày, tiếp tục thui rế để giảm độ ẩm, sau đó mang đi bện hòm, đáy lợp, dẹt mình, câu mình và ráp vỉ định hình thành lợp lưon.

- Làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mừng mền Bình Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, có phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 11/03/2013; đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mừng mền Bình Hòa theo Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 23/8/2018. Đến thời điểm hiện tại có khoảng 26 hộ sản xuất, kinh doanh làm nghề với tổng số lao động là 572 người, trong đó làm việc chính thức tại nhà xưởng là 62 người và nhận về nhà gia công là 410 người. Trong số 26 hộ tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Bình Hòa đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Tình hình hoạt động tại làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mừng mền Bình Hòa, xã Bình Hòa:

+ Quy mô: 07 hộ sản xuất và kinh doanh mua bán 10.000 sản phẩm/ngày; 19 hộ kinh doanh mua bán 5.000 sản phẩm/ngày.

+ Quy trình sản xuất: Vải nguyên liệu được chủ dự án thu mua từ các nhà phân phối, đại lý bán sỉ và vận chuyển về cơ sở. Khi có đơn hàng hoặc có nhu cầu của thị trường thì tiến hành cắt vải theo mẫu được thợ vẽ sẵn. Sau đó may thành các sản phẩm mùng, mền, áo gối,... Riêng đối với gối, thú nhồi bông thì khi may xong sẽ nhồi ruột gối và may ghép mí lại lần nữa mới hoàn thành sản phẩm.

Cả hai làng nghề đều đạt tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Huyện cũng triển khai, hỗ trợ các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn theo Quyết định 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 và Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh An Giang.

### ***e) Chỉ tiêu 13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả***

Thực hiện đề án Tổ Khuyến nông cộng đồng và căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn 11 xã đã thành lập 11 tổ Khuyến nông cộng đồng đáp ứng hoạt động hỗ trợ nông dân trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Mỗi Tổ Khuyến nông cộng đồng có tối thiểu 04 người gồm các chuyên ngành khác nhau tùy thuộc vào điều kiện sản xuất thực tế của từng địa phương, có thể gồm khuyến nông viên (Khuyến nông cơ sở), kỹ thuật viên trồng trọt và bảo vệ thực vật, kỹ thuật viên chăn nuôi và thú y, kỹ thuật viên thủy sản, doanh nghiệp,.... Các Tổ khuyến nông cộng đồng đều có xây dựng quy chế hoạt động và liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tổ chức trong quá trình triển khai thực hiện. Trong đó:

- Tổ trưởng: do Lãnh đạo UBND cấp xã chỉ đạo lĩnh vực nông nghiệp.
- Tổ phó: do Khuyến nông viên cấp xã hoặc kỹ thuật viên trồng trọt và bảo vệ thực vật tham gia.
- Tổ viên: Hội nông dân, đoàn thanh niên, kỹ thuật viên trồng trọt và bảo vệ thực vật, kỹ thuật viên chăn nuôi và thú y, kỹ thuật viên thủy sản, doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi... tùy vào tình hình hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn tại địa phương.

Các Tổ Khuyến nông cộng đồng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và có những đóng góp tích cực trong thành tích chung của toàn ngành nông nghiệp. Hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông đã bám sát các định hướng, chỉ đạo của xã, tập trung phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và cung cấp các thông tin, kiến thức hữu ích phục vụ phát triển sản xuất của bà con nông dân. Một số kết quả đạt được nổi bật như sau:

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong nông nghiệp: kết hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, Trạm Khuyến nông huyện Châu Thành

và Phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn triển khai thực hiện các mô hình công nghệ cao thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Về thực hiện các mô hình ứng dụng hệ thống tưới tự động trong trồng cây ăn trái giúp nông dân tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn chất lượng, tăng lợi nhuận, hạn chế chống xói mòn đất; mô hình tận dụng phụ phẩm sau thu hoạch nông nghiệp để ủ phân hữu cơ giúp nông dân tận dụng các phụ phẩm hiện có tạo ra nguồn phân sạch phục vụ cho sản xuất hoặc bán cho các hộ trồng hoa kiểng, tạo thu nhập tăng thêm cho lao động nhàn rỗi, đặc biệt nguồn phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp được quản lý có kiểm soát hạn chế tác động môi trường, định hướng đến việc sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ.

- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập và phát triển hợp tác xã: Hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp củng cố, đổi mới toàn diện, phát triển đa dạng, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Đủ năng lực nội tại để vừa phục vụ tốt cho thành viên vừa tham gia và đứng vững trên thị trường trong tiến trình hội nhập một cách độc lập; phát triển hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp.

- Tư vấn, hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị: Công tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực, Tổ Khuyến nông cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc vận động gắn kết nông dân và doanh nghiệp trong tiêu thụ lúa và nông sản như: Tập đoàn Lộc Trời, Công ty Angimex, Công ty Foodant, Công ty Giống cây trồng Nông Hưng Phát, Công ty TNHH Nông Dược Ba Con Cò các tổ sản xuất lúa giống.

- Tư vấn, tổ chức quản lý sản xuất chuyển đổi số, quản lý chất lượng: Truy xuất nguồn gốc, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Tham mưu và phối hợp tốt với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện để hỗ trợ, hướng dẫn hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết gia hạn sản phẩm OCOP.

**2.13.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.14. Về Giáo dục và Đào tạo**

### **2.14.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ***

Đối với phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi: Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm thực hiện quy hoạch mạng lưới trường lớp, thực hiện tốt công tác huy động trẻ đến trường. Bên cạnh đó, nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi luôn duy trì mức cao. Tăng tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ ngày và bán trú tại đơn vị. Tham mưu phát triển đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ để thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 quy định về danh mục khung vị

trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Tiếp tục tham mưu tận dụng các nguồn kinh phí để mua sắm bổ sung đồ chơi ngoài trời, bổ sung thay thế trang thiết bị tối thiểu theo Thông tư số 02/2012/TTBGDĐT đã được trang bị nhưng hư hỏng. Tiếp tục phát động phong trào làm đồ dùng dạy học đáp ứng chương trình giáo dục mầm non.

Đối với phổ cập giáo dục Tiểu học: Ngành giáo dục và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng cơ chế phối hợp hạn chế bỏ học, trong đó quy định trách nhiệm cụ thể của trường và địa phương. Chỉ đạo các trường thực hiện tốt việc xây dựng cảnh quan sư phạm và môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Thực hiện tốt phong trào “xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực”. Trong giảng dạy, mỗi thầy cô phải thường xuyên đổi mới phương pháp dạy, phát huy tốt tự chủ chuyên môn; dạy học phân hóa đối tượng học sinh, quan tâm bồi dưỡng học sinh chưa hoàn thành để giúp các em đạt yêu cầu kiến thức, kỹ năng; hạ thấp tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm. Góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

Đối với phổ cập giáo dục Trung học cơ sở: Việc đổi mới nội dung phương pháp dạy và học ở cấp học Trung học cơ sở đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục. Cơ sở vật chất được đầu tư theo lộ trình, cảnh quan sư phạm ngày càng được củng cố và khởi sắc hơn. Việc chống lưu ban, bỏ học từng bước đạt nhiều kết quả, chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh yếu kém giảm dần từng năm. Tỷ lệ đạt chuẩn hàng năm đều tăng.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp với Hội Khuyến học huyện thực hiện tốt việc Tiếp bước đến trường ngay từ đầu năm học mới, vận động các mạnh thường quân hỗ trợ tập viết, sách giáo khoa, quần áo, xe đạp,... cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn có đủ điều kiện cho các em đến trường, hạn chế bỏ học giữa chừng. Bên cạnh đó, Hội còn đẩy mạnh các phong trào nuôi heo đất giúp bạn, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học,... ngày được phát huy.

Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng được nâng cao và phổ biến rộng rãi. Ban Chỉ đạo công tác đã xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Nhà trường thường xuyên thông báo cho cha mẹ học sinh biết về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức, nghỉ học không phép của học sinh; báo cáo cho cấp Ủy đảng, chính quyền cấp xã biết tình hình bỏ học của học sinh để có kế hoạch chỉ đạo và phối hợp các đoàn thể vận động học sinh trở lại trường, hạn chế thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

Năm 2024, huyện Châu Thành thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng đạt Chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ. Cụ thể:

- Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi: Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 99,45% (2154/2166 trẻ). Trẻ học 2 buổi/ngày là 2154/2154 trẻ, đạt tỷ lệ 100%. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 2119/2141 trẻ, đạt tỷ lệ 98,97%.

- Phổ cập giáo dục Tiểu học: Tổng số trẻ huy động vào lớp 1 là 2141/2141 trẻ, đạt tỷ lệ 100%. Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục Tiểu học (năm học 2023 - 2024) là 2182/2292 trẻ, đạt tỷ lệ 95,20%. Tổng số trẻ 11 - 14 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục Tiểu học (năm học 2023 - 2024) là 9505/9628 trẻ, đạt tỷ lệ 98,72%. Trong đó, trẻ em 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là 2095/2095 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở: Tổng số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 9331 em, tốt nghiệp Trung học cơ sở (tính đến năm học 2023 - 2024) đạt 8893 em, đạt tỷ lệ 95,31%. Tổng số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp Trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 7850/8893 em, đạt tỷ lệ 88,27%.

- Kết quả xóa mù chữ: Tổng dân số trong độ tuổi từ 15 - 25 tuổi là 23196 người; trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 tuổi biết chữ là 23149/23196 người, đạt tỷ lệ 99,80%. Tổng dân số trong độ tuổi từ 15 - 35 tuổi là 51984 người; trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 tuổi biết chữ là 50504/51984 người, đạt tỷ lệ 97,15%. Tổng dân số trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi là 127415 người; trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi biết chữ là 118655/127415 người, đạt tỷ lệ 93,12%.

***b) Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt  $\geq 80\%$***

Trên địa bàn huyện có 11/11 xã có học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học và trung cấp nghề đạt tỷ lệ từ 80% trở lên. Cụ thể:

- Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 7.411 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 7.066 em, đạt tỷ lệ 95,34%.

- Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 6.154/7.411 em, đạt tỷ lệ 83,04%.

(01) Xã Vĩnh Thành: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 764 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 746 em, đạt tỷ lệ 97,64%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 651/764 em, đạt tỷ lệ 85,21%

(02) Xã Vĩnh Nhuận: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 517 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 496 em, đạt tỷ lệ 95,94%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 447/517 em, đạt tỷ lệ 86,46%

(03) Xã Cần Đăng: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 1.047 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 999 em, đạt tỷ lệ 95,42%. Số thanh thiếu

niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 867/1.047 em, đạt tỷ lệ 82,81%

(04) Xã Bình Hòa: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 1.081 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 1.041 em, đạt tỷ lệ 96,29%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 883/1.081 em, đạt tỷ lệ 81,68%

(05) Xã An Hòa: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 899 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 859 em, đạt tỷ lệ 95,55%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 798/899 em, đạt tỷ lệ 88,77%

(06) Xã Hòa Bình Thạnh: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 677 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 639 em, đạt tỷ lệ 94,39%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 570/677 em, đạt tỷ lệ 84,19%

(07) Xã Vĩnh Hanh: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 846 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 790 em, đạt tỷ lệ 93,38%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 704/846 em, đạt tỷ lệ 83,22%

(08) Xã Vĩnh An: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 559 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 528 em, đạt tỷ lệ 94,45%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 414/559 em, đạt tỷ lệ 74,06%

(09) Xã Bình Thạnh: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 398 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 379 em, đạt tỷ lệ 95,23%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 296/398 em, đạt tỷ lệ 74,37%

(10) Xã Tân Phú: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 262 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 247 em, đạt tỷ lệ 94,27%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 215/262 em, đạt tỷ lệ 82,06%

(11) Xã Vĩnh Lợi: Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi phải phổ cập là 361 em, tốt nghiệp trung học cơ sở là 342 em, đạt tỷ lệ 94,74%. Số thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đang tiếp tục học chương trình giáo

dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp là 309/361 em, đạt tỷ lệ 85,60%.

**2.14.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.15. Về Y tế**

### **2.15.1 Kết quả thực hiện**

#### ***a) Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 90\%$***

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh và thực hiện đồng bộ, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Từ năm 2011 đến nay, ngành Bảo hiểm xã hội đã triển khai 1.324 hội nghị tuyên truyền về các chính sách bảo hiểm y tế với trên 33.000 người tham dự và trên 22.500 người tham gia BHYT tại hội nghị. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội huyện đã phát động cán bộ viên chức của đơn vị và các mạnh thường quân tặng trên 4500 thẻ BHYT cho những người dân và học sinh có hoàn cảnh khó khăn với tổng giá trị trên 1,2 tỷ đồng.

Tính đến nay, bình quân trên địa bàn các xã, thị trấn tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là đạt 96,32%. Riêng ở 11 xã tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế bình quân đạt 97,25%. Tất cả 11/11 xã đều đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt  $> 90\%$  (trong đó xã đạt thấp nhất là xã Bình Thạnh, đạt tỷ lệ 95,12% và xã đạt cao nhất là xã Bình Hòa, đạt tỷ lệ 99,42%).

#### ***b) Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế***

Triển khai quán triệt nội dung chỉ thị 06/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân”; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020; Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế An Giang, huyện đã triển khai củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và đảm bảo nguồn nhân lực y, bác sỹ để phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân; cơ sở thuốc, vật tư y tế cơ bản đảm bảo yên cầu chuyên môn của Trạm Y tế; các dịch vụ kỹ thuật thực hiện tại các Trạm Y tế ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu, 100% trạm y tế được triển khai thanh toán khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế. Kết quả kiểm tra Bộ tiêu chí quốc gia về y tế 13/13 Trạm Y tế xã, thị trấn đã đạt về danh mục kỹ thuật và đủ điều kiện thực hiện khám chữa bệnh BHYT, tiêm chủng theo quy định.

Năm 2013-2016, huyện có 13 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ

tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 đến năm 2020 (Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh An Giang); Năm 2018-2019: có 08 xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 đến năm 2020 (Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh An Giang) nâng số cơ sở đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế là 08 xã; Năm 2020 có 05 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 đến năm 2020 (Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh An Giang) nâng số xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 13/13 xã, thị trấn. Trong năm 2023 huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của BYT về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Năm 2023: huyện có 3/13 thực hiện đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT (Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh); Năm 2024 huyện có 10/13 Trạm Y tế xã, thị trấn được công nhận đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT.

***c) Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt  $\leq 19\%$***

Nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện, hàng năm UBND các xã, thị trấn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, các chế độ ăn dinh dưỡng hợp lý và thấp dinh dưỡng... bằng nhiều hình thức như treo băng rôn, áp phích, tờ rơi tuyên truyền tại các trạm y tế, chợ, trường học... truyền thông trực tiếp thông qua các buổi truyền thông dinh dưỡng, thực hành dinh dưỡng, các đợt tiêm chủng, cân đo, tư vấn tại trạm, qua điện thoại, vãng gia hộ gia đình. Đài Truyền thanh các xã, thị trấn phát thanh tuyên truyền về dinh dưỡng trẻ em, phối hợp ban ngành đoàn thể nhất là hội phụ nữ về công tác tuyên truyền sức khỏe trẻ em, tiêm ngừa phòng bệnh cho trẻ, sức khỏe sinh sản trên địa bàn. Tổ chức truyền thông giáo dục dinh dưỡng cộng đồng tập trung vào các đối tượng: phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú và người chăm sóc trẻ nhỏ; tuyên truyền đến người dân về cách chọn thực phẩm hợp lý, đa dạng tùy theo thực tế, mùa... để nâng cao chất lượng bữa ăn, khuyến khích sử dụng các thức ăn giàu dinh dưỡng sẵn có tại địa phương.

Thường xuyên thực hiện rà soát các đối tượng là trẻ em, phụ nữ chuẩn bị mang thai và trong thai kỳ có cần bổ sung viên sắt hoặc viên đa chất để phòng chống suy dinh dưỡng. Tổ chức phục hồi dinh dưỡng tại các điểm có trẻ suy dinh dưỡng cao nhằm cải thiện tình trạng thiếu chất vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ, trẻ suy dinh dưỡng.

Công tác cân, đo chiều cao, theo dõi tăng trưởng và thực hành dinh dưỡng đối với các trẻ suy dinh dưỡng được quản lý chặt chẽ hàng tháng. Trẻ được cân, đo cập nhật biểu đồ tăng trưởng vào sổ theo dõi của chương trình, sổ tay cộng



tác viên; định kỳ thực hành trình diễn hướng dẫn thực hành nấu ăn phù hợp phòng chống suy dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, người chăm sóc trẻ và bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi; kịp thời phát hiện trẻ suy dinh dưỡng để nhanh chóng phục hồi dinh dưỡng cho trẻ; bổ sung vi chất cho phụ nữ có thai và các bà mẹ cho con bú.

Phối hợp các điểm trường mẫu giáo trên địa bàn tổ chức theo dõi tăng trưởng trẻ dưới 5 tuổi và hướng dẫn cải thiện chế độ dinh dưỡng cho trẻ em trong hệ thống các trường. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho các cháu 02 lần/năm để nhà trường có cơ sở hướng dẫn, đề nghị phụ huynh chăm sóc trẻ tốt hơn.

Trung tâm Y tế huyện và các Trạm Y tế trên địa bàn huyện đã thực hiện tốt chương trình y tế dân số về dinh dưỡng trẻ em như: củng cố và nâng cao năng lực mạng lưới cộng tác viên; theo dõi tăng trưởng, phát triển và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; bổ sung Vitamin A, viên sắt/đa vi chất cho các đối tượng nguy cơ; truyền thông thay đổi hành vi phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc toàn diện 1000 ngày đầu đời của trẻ ... Tổ chức khảo sát đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi hàng năm để có định hướng cho hoạt động năm tiếp theo.

Kết quả tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) trung bình trên địa toàn huyện là 17.28% (1.797/10.400 trẻ). Tính trên 11 xã là 18.08% (1.460/8.077 trẻ). Tính đến cuối 2024, tất cả 11/11 xã không có xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng vượt quá quy định ( $\geq 19\%$ ).

#### ***d) Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 50\%$***

Nhằm triển khai hiệu quả trong công tác quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn, ngoài công tác lập, khám, tạo hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân. Trong thời gian qua huyện đã tổ chức triển khai phổ biến, quán triệt, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức người lao động và nhân dân trên địa bàn thực hiện cài đặt ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt lịch khám bệnh, tư vấn sức khỏe...

Tổ chức tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng các ứng dụng công nghệ trên thiết bị di động thông minh trong khám bệnh, chữa bệnh, khai báo y tế, đăng ký tiêm chủng, tra cứu lịch sử khám bệnh, kết quả tiêm chủng... bằng các hình thức Tuyên truyền trực quan thông qua việc treo băng rôn, áp phích, phát tờ rơi tại các khu vực trung tâm, trụ sở cơ quan, trường học và khu dân cư...

Huy động cán bộ, công chức, viên chức; các hội viên, đoàn viên các ngành, đoàn thể; tổ công nghệ cộng đồng trên địa bàn phối hợp ngành y tế đến từng nhà hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng.

Các cơ sở y tế khuyến khích người dân sử dụng các ứng dụng để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, kê đơn thuốc điều trị ngoại trú; cập nhật kết quả khám, chữa bệnh khi đi khám...

Kết quả đến cuối năm 2024, số người có sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn huyện là 137.959 người/151.006 người, chiếm tỷ lệ 91,36%. Tại 11 xã

số người có sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn huyện là 107.299 người/119.196 người, chiếm tỷ lệ 90,02%. Tất cả 11/11 xã đều đảm bảo tỷ lệ dân số khám chữa bệnh điện tử đạt > 50% (trong đó xã đạt thấp nhất là xã Tân Phú, đạt tỷ lệ 67,42% và xã đạt cao nhất là xã Vĩnh Hanh, đạt tỷ lệ 97,08%).

**2.15.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.16. Về Văn hóa**

### **2.16.1 Kết quả thực hiện**

***Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới***

Nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa văn hóa áp, tiêu chuẩn công nhận ấp văn hóa, ý thức và vai trò tự quản của các cộng đồng dân cư trong việc xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Ấp văn hóa”; phổ biến nhân rộng mô hình ấp văn hóa chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề phụ; huy động được nội lực của người dân nông thôn xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn mới: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Việc nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa của ấp văn hóa đạt tiêu chuẩn ngày càng nhiều, ý thức và vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trong việc xây dựng và giữ vững ngày càng phát huy mạnh mẽ. Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh được quan tâm chỉ đạo thực hiện, chất lượng gia đình văn hóa, ấp, khóm văn hóa từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện; tình hình bạo lực gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn trong nhiều năm nay không có xảy ra. Mỗi xã đều thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo Thông tư số 04/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa thực sự là nơi hình thành các giá trị truyền thống tốt đẹp; xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, chăm lo xây dựng con người phát triển toàn diện được cấp ủy, chính quyền, cơ quan đơn vị trong xã chú trọng.

Xây dựng ấp văn hóa bền vững, thực sự là những điểm sáng về văn hóa ở nông thôn: Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, thu hút người dân nông thôn tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn; xây dựng cộng đồng nông thôn ổn định về chính trị, dân chủ, hòa thuận, nhân ái giàu bản sắc dân tộc, có môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

Các xã trên địa bàn huyện đều ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Qua đó, các hộ dân trên địa bàn các xã đều thực hiện tốt, tổ chức đúng theo quy định. Các Ban ấp đã tiến hành quy trình xây dựng quy ước ấp và đã triển khai

đến bà con nhân dân biết đến những lễ nghi truyền thống cũng như thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; về nếp sống văn hóa, quan hệ gia đình và xã hội; về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng gia đình văn hóa bằng các hoạt động thiết thực như thành lập các mô hình phòng chống bạo lực gia đình, câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, mô hình nhà tạm lánh được trang bị các trang thiết bị cần thiết, nâng cao chất lượng hoạt động các địa chỉ tin cậy, nhóm phòng chống bạo lực gia đình, cán bộ gia đình và trẻ em phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể xã tuyên truyền đến bà con nhân dân các ấp về phòng chống bạo lực gia đình cho bản thân và gia đình.

Tổng số hộ toàn huyện là 40.513 hộ; tổng số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa đầu năm 2024 là 40.455; đến cuối năm 2024 có 39.437/40.513 hộ đạt chuẩn hộ gia đình văn hóa, đạt 97,34%. Đến nay, toàn huyện có 63/63 khóm, ấp (trong đó tính trên địa bàn 11 xã là 51/51 ấp) luôn giữ vững Ấp văn hóa, qua đó đã tạo cơ sở vật chất, tinh thần và cơ chế huy động, tập hợp lực lượng thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở.

**2.16.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.17. Về Môi trường và an toàn thực phẩm**

### **2.17.1 Kết quả thực hiện**

**a) Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt  $\geq 90\%$**

Huyện Châu Thành có 02 thị trấn và 11 xã với tổng số hộ là 40.513 hộ; số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 39.475 hộ/40.513 hộ, đạt tỷ lệ 97,44%. Trong đó, 11/11 xã có số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 30.869 hộ/31.907 hộ, đạt tỷ lệ 96,75%.

Tất cả 11/11 xã đều có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên 90% (trong đó xã đạt thấp nhất là xã Cần Đăng đạt tỷ lệ 90,80% và xã đạt cao nhất là xã Vĩnh Hanh đạt tỷ lệ 99,41%).

**b) Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt  $\geq 95\%$**

*\* Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường*

Địa bàn huyện có 11 xã và 02 thị trấn. Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn 11 xã là 200 cơ sở, số cơ sở hoạt động thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường là 290 cơ sở, đồng thời 200/200 cơ sở đã được xác nhận thủ tục về môi trường, đạt tỷ lệ: 100%. Trong đó, 60/200 cơ sở đã thực hiện lập lại thủ tục môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, (trong đó, 07/200 đã

thực hiện Giấy phép môi trường và 53/200 thực hiện đăng ký môi trường), 140/200 cơ sở còn lại đã hợp đồng với các đơn vị tư vấn và đang triển khai thực hiện lập lại thủ tục môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đã có cam kết thực hiện hoàn thành trước ngày 01/4/2025.

Số cơ sở sản xuất - kinh doanh thực hiện theo đúng các giải pháp bảo vệ môi trường được phê duyệt trong hồ sơ: Đã kiểm tra 200/200 cơ sở theo kế hoạch đề ra. Trong đó, 200/200 cơ sở thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường được duyệt, đạt tỷ lệ 100%, cụ thể:

- 200/200 cơ sở có phát sinh nước thải sinh hoạt, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn và xử lý tăng cường, đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- 60/200 cơ sở phát sinh nước thải sản xuất, thu gom và xử lý bằng biện pháp lắng lọc tại chỗ hoặc xử lý vi sinh, hóa lý trước khi thải ra môi trường, riêng trạm y tế xử lý nước thải y tế bằng hệ thống xử lý nước thải.

- 200/200 cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt đều tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng theo quy định.

- 200/200 cơ sở phát sinh chất thải rắn sản xuất, thu gom, phân loại để bán phế liệu hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- 16/200 cơ sở phát sinh chất thải nguy hại y tế đều ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế theo quy định (Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông).

### ➔ **Đánh giá: đạt.**

*\* Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường*

- Tổng số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường: 912 hộ. Trong đó:

- + Hộ kinh doanh: 881 hộ.

- + Hộ nuôi trồng thủy sản: 31 hộ.

UBND 11 xã đã cho 912 cơ sở/hộ sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường và kiểm soát nguồn thải trong nuôi trồng thủy sản.

*\* Đối với Làng nghề:* Trên địa bàn 11 xã có 02 làng nghề được công nhận tại xã Bình Hòa, Cần Đăng.

- Làng nghề lọc lươn Cần Đăng tại xã Cần Đăng:

- + Được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 02/8/2017.

+ Được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề lợp lưon Cần Đăng theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 (*Kèm hồ sơ Phương án được phê duyệt*).

+ Đến thời điểm hiện tại có khoảng 236 hộ dân làm nghề với tổng số lao động là 658 người, trong đó khoảng 45 hộ làm nghề chính là sản xuất lợp lưon thành phẩm, còn lại các hộ khác chỉ nhận về gia công. Trong số 236 hộ gia đình tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Cần Đăng đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Tình hình hoạt động và công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề:

Quy mô khoảng 4.500 cái lợp lưon/ngày;

Quy trình sản xuất: sau khi thu mua tre tươi từ các hộ trồng tre trong và ngoài tỉnh về các hộ dân thực hiện các công đoạn như cưa, chẻ nan và vót nan sau đó mang đi phơi khoảng 01 ngày, tiếp tục thui rẽ để giảm độ ẩm, sau đó mang đi bện hom, đáy lợp, dẹt mình, câu mình và ráp vỉ định hình thành lợp lưon.

Chất thải phát sinh từ làng nghề: chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh chủ yếu từ các công đoạn gia công, sản xuất như cưa đoạn thân tre dền vót nan tre, bện hom; đáy lợp đến câu mình; ráp vỉ với các thành phần chủ yếu như mật dăm, rẽ tre sau khi cắt mép, vỏ, ruột tre, dây gân, dây chì vụn thải bỏ,... Theo ước tính, bình quân sản xuất thành phẩm 100 cái lợp lưon thì lượng chất thải rắn sản xuất thông thường thải bỏ khoảng 15,5 kg/ngày. Biện pháp xử lý: đối với các loại phế thải từ cọng dừa, bẹ dừa, trúc thải bỏ từ quá trình gia công như mật dăm, mắt tre, vỏ và ruột tre, thân tre, rẽ tre sau khi cắt mép... đều được các hộ dân làm nghề tận dụng lại làm chất đốt trong quá trình thui rẽ; Các loại dây gân, dây chì thải bỏ được các hộ dân thu gom cẩn thận cho vào bao chứa tái sử dụng lại hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty TNHH Xây dựng Môi trường xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên tại xã Bình Hòa để xử lý theo quy định. Nước thải sinh hoạt hiện nay các hộ dân trong làng nghề đều có công trình thu gom, xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (hầm tự hoại), xử lý với quy mô hộ gia đình. Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải sản xuất.

- Làng nghề tiêu thủ công nghiệp may mùng mền Bình Hòa:

+ Được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiêu thủ công nghiệp, theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 11/03/2013.

+ Được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề tiêu thủ công nghiệp may mùng mền Bình Hòa theo Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 23/8/2018.

+ Đến thời điểm hiện tại có khoảng 26 hộ sản xuất, kinh doanh làm nghề với tổng số lao động là 572 người, trong đó làm việc chính thức tại nhà xưởng là 62 người và nhận về nhà gia công là 410 người. Trong số 26 hộ tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Bình Hòa đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Tình hình hoạt động và công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề:

Quy mô: 07 hộ sản xuất và kinh doanh mua bán 10.000 sản phẩm/ngày; 19 hộ kinh doanh mua bán 5.000 sản phẩm/ngày.

Quy trình sản xuất: Vải nguyên liệu được chủ dự án thu mua từ các nhà phân phối, đại lý bán sỉ và vận chuyển về cơ sở. Khi có đơn hàng hoặc có nhu cầu của thị trường thì tiến hành cắt vải theo mẫu được thợ vẽ sẵn. Sau đó may thành các sản phẩm mùng, mền, áo gối,... Riêng đối với gối, thú nhồi bông thì khi may xong sẽ nhồi ruột gối và may ghép mí lại lần nữa mới hoàn thành sản phẩm.

Chất thải phát sinh từ làng nghề: chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh chủ yếu từ các công đoạn cắt, may làm phát sinh vải thừa, vải vụn với khối lượng bằng khoảng 1% khối lượng sản phẩm. Biện pháp xử lý: đối với các loại vải vụn, vải thừa, chỉ vụn,... được thu gom và bán lại cho cơ sở gia công đan võng, cơ sở nhồi ruột gối, ruột đệm. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty TNHH Xây dựng Môi trường xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên tại xã Bình Hòa để xử lý theo quy định. Nước thải sinh hoạt hiện nay các hộ dân trong làng nghề chủ yếu được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại ba ngăn. Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải sản xuất.

***c) Chỉ tiêu 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tổn động nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung***

Để đảm bảo thực hiện, duy trì có hiệu quả các mô hình cảnh quan xanh - sạch - đẹp trên địa bàn quản lý, UBND 11/11 xã đã có Kế hoạch tổ chức trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát tại 72 tuyến đường với tổng chiều dài 227,38 km, đã tổ chức triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả như sau: trồng các loại cây hoa như: xây 219 bồn hoa, trồng 2.600 bông trang, 720 cây bông giấy, 250 cây Quỳnh Anh, 1.330 cây bằng lăng, 1.000 cây ô môi, 170 cây phượng đỏ, 610 cây hoàng yến, 500 cây bạch đàn, 2.000 cây tràm, 500 cây muôn anh đào, 1.620 cây (vàng bạc, kèn hồng, chuông vàng...). Bên cạnh đó, vận động nhân dân trồng các loại hoa tầm thấp như hoa mười giờ, bông búp, cúc sao nháy trước cửa hoặc khuôn viên nhà để tạo cảnh quan và trên dọc các tuyến đường (do các xã vận động cây giống, hạt giống từ các hộ dân có trồng hoa về ươm cây con, sau đó trồng trên các tuyến đường), góp phần thực hiện đảm bảo số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ...: 177/227,38 km (đạt 77,8%) và định kỳ ra quân vệ sinh tại các tuyến đường chính, mô hình mẫu, khu dân cư, công viên,...

với tần suất 01 lần/tuần, khi có tổ chức các sự kiện môi trường sẽ nâng tần suất thực hiện lên từ 02 lần/tuần. Kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, vận động các mạnh thường quân, doanh nghiệp, cơ sở, nhân dân trên địa bàn xã; đồng thời cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên xã, ấp, bà con nhân dân đóng góp ngày công lao động để thực hiện,... Diện tích trồng cây xanh đạt 8,22 m<sup>2</sup>/người.

Về quy hoạch có liên quan và hương ước, quy ước ấp về bảo vệ môi trường: UBND huyện Châu Thành phê duyệt đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn mới đến năm 2030; Các Quyết định về việc công nhận quy ước tại các ấp trên địa bàn 11 xã.

- Hệ thống cây xanh: các tuyến đường Quốc lộ 91, tỉnh lộ 941, 947, các tuyến đường nông thôn và trụ sở các xã, nhà trẻ, trường học, Trạm Y tế xã, Trung tâm Văn hóa Thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ... có hệ thống cây xanh phù hợp, không chứa hay tiết ra chất độc hại, không gây hại đến môi trường và sức khỏe con người, đảm bảo cảnh quan, không ảnh hưởng giao thông. Qua kiểm tra rà soát không phát hiện các loài cây ngoại lai theo danh mục quy định tại Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hệ thống kênh mương: 381/381 tuyến kênh, rạch với tổng chiều dài 2.111,39 km không thuộc danh mục khu, điểm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang theo Công văn số 52/UBND-KTN ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh An Giang; Hằng năm, địa phương thường xuyên được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang bờ kè đảm bảo phục vụ nước tưới tiêu đồng thời đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong năm 2024 đã nạo vét 65 km tuyến kênh theo như kế hoạch đã đề ra. Đối với hệ thống ao, hồ trên địa bàn xã thường xuyên được nạo vét, tu bổ nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân; Các đoạn sông, kênh, rạch trong xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải; không có tên trong danh sách khu, điểm ô nhiễm môi trường do UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 52/UBND-KTN ngày 15/01/2024.

- Tất cả các tuyến đường trên địa bàn 11/11 xã từng bước được nhựa hóa, bê tông hóa, rải đá, không có hiện tượng tồn đọng nước và lầy lội sau khi mưa. Đã tổ chức triển khai hiệu quả các mô hình, câu lạc bộ, hương ước về giữ vệ sinh môi trường, qua đó đã vận động 22.099/30.799 hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh (đạt tỷ lệ 72%), các hàng rào bằng cây trước nhà thường xuyên được các hộ dân cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.

- Để đảm bảo công tác thu hồi chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân trên địa bàn các xã, Đối với 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đã triển khai bố trí 52 điểm thu hồi chất thải nguy hại trong sinh hoạt, cụ thể: tại Văn phòng 52 ấp với cơ sở vật chất, trang thiết bị là 02

thùng lưu chứa CTNH với dung tích mỗi thùng là 120 lít. Đồng thời, UBND các xã này đều đặt bảng thông báo tại khu vực lưu chứa và dán nhãn cảnh báo trên từng thùng chứa chất thải nguy hại theo quy định; Bên cạnh đó, đối với chất thải rắn sinh hoạt thông thường, 11/11 xã đã bố trí 5.388 thùng rác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ dân nằm trên các tuyến đường thu gom rác.

- Hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện Châu Thành được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân sử dụng. Các khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn hoặc trên các tuyến đường đã được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; thường xuyên thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành. Riêng đối với các Khu dân cư, Cụm dân cư tập trung trên địa bàn huyện do nhà nước đầu tư và doanh nghiệp quản lý đã có Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 21/11/2023 của UBND huyện về việc sắp xếp lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư, cụm dân cư tập trung trên địa bàn huyện Châu Thành.

Trên địa bàn 11 xã có 65/72 tuyến đường (đạt tỷ lệ 90%) đã được lắp đặt bóng đèn chiếu sáng; các tuyến đường, khu vực công cộng có biển báo nguy cơ xảy ra tai nạn để người dân chú ý, thường xuyên có kế hoạch phát hoang cây xanh, cây che khuất tầm nhìn, tạo độ thông thoáng an toàn trong giao thông, không để xảy ra tai nạn trên địa bàn. Đến nay, đã có 650 camera được lắp đặt dọc theo các tuyến đường, tại các khu vực công cộng, các khu vực trọng yếu, trong đó số lượng camera an ninh do cơ quan chức năng quản lý là 40 camera, 610 camera do người dân trên tuyến đường trực tiếp sử dụng và quản lý. Trên toàn địa bàn huyện Châu Thành có lắp 211 biển báo trên các tuyến đường giao thông để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông gồm: biển chỉ dẫn, biển tải trọng, biển báo hiệu,...

Tất cả 11/11 xã đều đều đảm bảo cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

***d) Chỉ tiêu 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ )***

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” và Kế hoạch 229/KH-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về trồng cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành số 243/KH-UBND ngày 27/5/2021 về trồng cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Kết quả hiện nay trên địa bàn 11 xã đều có tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt quy định. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn trên địa bàn 11 xã là  $180.530 \text{ m}^2/21.962$  người dân, đạt tỷ lệ  $8,22 \text{ m}^2/\text{người}$ . Tất cả 11/11 xã



đều đảm bảo Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $> 2 \text{ m}^2/\text{người}$ .

Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn cụ thể tại các xã như sau: xã Vĩnh Thành đạt  $24,02 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $17.870 \text{ m}^2/744$  người dân); xã Vĩnh Nhuận đạt  $8,75 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $9.070 \text{ m}^2/1.037$  người dân); xã Cần Đăng đạt  $11,71 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $52.900 \text{ m}^2/4.516$  người dân); xã Bình Hòa đạt  $5,92 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $13.270 \text{ m}^2/2.243$  người dân); xã An Hòa đạt  $12,57 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $23.450 \text{ m}^2/1.866$  người dân); xã Hòa Bình Thạnh đạt  $6,70 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $2.900 \text{ m}^2/433$  người dân); xã Vĩnh Hạnh đạt  $5,88 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $52.390 \text{ m}^2/8.916$  người dân); xã Vĩnh An đạt  $6,03 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $3.950 \text{ m}^2/655$  người dân); xã Bình Thạnh đạt  $3,46 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $2.110 \text{ m}^2/609$  người dân); xã Tân Phú đạt  $2,95 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $2.110 \text{ m}^2/715$  người dân); xã Vĩnh Lợi đạt  $2,24 \text{ m}^2/\text{người}$  ( $510 \text{ m}^2/228$  người dân).

***e) Chỉ tiêu 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch***

Trên địa bàn huyện có 05 cụm nghĩa trang nhân dân tại các xã Vĩnh Nhuận, Bình Hòa, Bình Thạnh và xã Hòa Bình Thạnh đáp ứng phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân trên địa bàn và các xã lân cận có sử dụng chung cụm nghĩa trang nhân dân. Các nghĩa trang đều được cải tạo, chỉnh trang cơ sở hạ tầng, đảm bảo đi lại thuận tiện, không bị lầy lội, ngập lụt, được trồng cây xanh cách ly khu vực xung quanh nghĩa trang. Đồng thời, các nghĩa trang đều được Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (nơi có nghĩa trang) quyết định thành lập Ban quản trang và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang nhân dân.

Những năm qua, với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong việc tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nhận thức đầy đủ hơn về lợi ích và ý nghĩa của việc mai táng, hỏa táng đảm bảo nếp sống văn minh, tiến bộ với đời sống xã hội, vừa bảo đảm vệ sinh môi trường, vừa tiết kiệm quỹ đất... đã từng bước tạo sự được đồng thuận, ủng hộ và thực hiện. Từ đó việc mai táng, hỏa táng được thực hiện phù hợp với quy định và theo quy hoạch. Việc mai táng, hỏa táng trên địa bàn các xã hiện nay được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về Quy định về vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; Thông tư số 04/2011/BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Kết quả 11/11 xã đều đảm bảo mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

***f) Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt  $\geq 85\%$***

*\* CTR sinh hoạt:*

Trên địa bàn 11 xã có tổng số hộ dân hiện có 30.799 hộ, với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên toàn địa bàn 11 xã khoảng 54,2

tấn/ngày, 30.799/30.799 hộ dân trên địa bàn các xã đều đăng ký xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định (đạt 100%), trong đó số hộ dân tham gia mạng lưới thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định trên địa bàn 11 xã là 25.436/30.799 hộ (đạt tỷ lệ 82,59%), toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân được Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; số hộ dân còn lại tự thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp ở khu vực chưa tổ chức thu gom theo tuyến do điều kiện khách quan với hình thức thu gom, xử lý với nội dung cụ thể như sau: (1) Đối với lượng chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa), UBND 11/11 xã đã bố trí bao cho các hộ dân phân loại, thu gom loại chất thải này để bán cho các đơn vị thu mua phế liệu hoặc chuyển giao cho Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, xử lý theo quy định (cụ thể, tăng cường triển khai đồng bộ công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang theo yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2563/STNMT-MT ngày 24/7/2023) với khối lượng khoảng 0,2 tấn/ngày, đối với chất thải rắn hữu cơ do người dân đăng ký tự xử lý bằng biện pháp phù hợp tại nhà khoảng 0,7 tấn/ngày chủ yếu là rác hữu cơ dùng làm thức ăn chăn nuôi và ủ phân bón compost, đối với rác thải vườn: lá cây, cỏ, nhánh cây khô... các hộ dân tận dụng để làm vật liệu đốt.

- Hình thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn 11/11 xã đều được bố trí thùng rác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân nằm trên tuyến đường, khu vực công cộng, công viên,... với tổng số lượng thùng là 5.388 thùng chứa rác trên các tuyến đường. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành đều Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh theo Hợp đồng số 55/2024/HĐ-PTNMT ngày 07/6/2024 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành và Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh về việc thu gom rác thải, cụ thể: đơn vị thu gom sử dụng 08 chiếc xe ép rác chuyên dụng (tải trọng từ 03 đến 10 tấn) đều được lắp đặt thiết bị bơm tuần hoàn trong xe rác để không xảy ra tình trạng nước rỉ rác rò rỉ ra bên ngoài, phân chia theo lịch trình thu gom, với tần suất 01 lần/ngày, để vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý theo đúng quy định.

- Trong thời gian tới, để nâng cao số hộ dân tham gia mạng lưới thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định tại một số tuyến đường nhỏ, hẻm trên địa bàn huyện Châu Thành, UBND huyện Châu Thành sẽ phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tổ chức thực hiện mở rộng thu gom rác trên các tuyến đường nhỏ hẹp chưa có dịch vụ thu gom rác.

*\* CTR không nguy hại:*

- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường và thuộc đối tượng không lập hồ sơ môi trường

theo quy định là 1.112 cơ sở. Chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải không nguy hại thu gom, xử lý đạt 100%.

- Chất thải xây dựng phát sinh chủ yếu xà bần như: các loại chất thải, mảnh vụn nhỏ của gạch, đá, xi măng, sắt, gỗ vụn... được tạo thành từ việc phá hủy các công trình: xà bần được tận dụng san lấp mặt bằng, sắt, gỗ vụn: tái sử dụng hoặc bán phế liệu, được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn 11 xã: Rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch được nông dân sử dụng máy cuộn rơm thành cuộn tròn bán để sử dụng: trồng nấm, thức ăn gia súc,... Đồng thời, UBND 11 xã tổ chức tuyên truyền vận động người dân không để xảy ra tình trạng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường và cản trở giao thông. Góp phần tỷ lệ chất thải rắn nông nghiệp được thu gom, xử lý đạt 100%.

***g) Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%***

*\* Đối với bao gói thuốc BVTV sau sử dụng*

Trên địa bàn 11 xã có tổng diện tích đất trồng trọt: 25.135,73 ha, ước khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh khoảng 20 tấn/năm. Đến cuối năm 2024, UBND 11 xã đã bố trí 400 thùng chứa và 33 hố chứa tại các tuyến đường ra cánh đồng (đầu kênh và cuối kênh) để đảm bảo thu gom, lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định.

Bên cạnh đó, UBND 11 xã đã tổ chức 62 cuộc tập huấn, tuyên truyền, vận động nông dân, với 1.710 lượt người tham gia; đồng thời, các cửa hàng vật tư nông nghiệp trên địa bàn 11 xã tuyên truyền đến nông dân mua hàng tại cửa hàng nâng cao ý thức tham gia thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng để đúng nơi quy định. Toàn bộ lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được UBND huyện Châu Thành hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/năm, với tổng khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom và xử lý đến cuối năm 2024 khoảng 20 tấn. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

Ngoài ra UBND xã An Hòa, Bình Hòa, Vĩnh Thành, Vĩnh Nhuận phối hợp Công ty Tân Thành triển khai mô hình thu gom chai lọ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đổi hàng tiêu dùng, tại 20 ấp thực hiện thu gom được 1,7 tấn bao bì vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật đổi được 1.500 phần quà tiêu dùng, (đường, dầu ăn, nước tương...).

*\* Đối với chất thải y tế*

Trên địa bàn 11/11 xã có 32 cơ sở y tế đang hoạt động gồm: 01 Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, 11 Trạm Y tế xã, 16 phòng khám tư nhân. Tại 27 cơ sở

y tế đều có bố trí trang thiết bị để thực hiện phân loại và bố trí khu vực lưu chứa chất thải y tế nguy hại đảm bảo theo quy định, toàn bộ lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế nêu trên đều được Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định, với khối lượng chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý khoảng 680 kg/năm (Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông là đơn vị được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với 27 cơ sở y tế đang hoạt động). Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

***h) Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt  $\geq 70\%$***

Các tổ chức đoàn thể các cấp thường xuyên vận động, tuyên truyền hộ gia đình xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, thay đổi thói quen, tập tục lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. UBND huyện chỉ đạo các xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, rà soát đối tượng cần hỗ trợ vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội từ nguồn nước sạch vệ sinh môi trường để xây dựng nhà tiêu, nhà tắm và các thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, xóa bỏ hoàn toàn cầu tiêu trên ao hồ, cầu tiêu trên sông, kênh, rạch. Đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền, vận động người dân toàn huyện phát động thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, giới thiệu nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong thực hiện tốt phong trào.

Trên địa bàn 11 xã, tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là 96,98% (30.945/31.907 hộ). Tất cả 11/11 xã đều có tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $> 70\%$  (trong đó xã đạt thấp nhất là xã Bình Thạnh đạt tỷ lệ 85,13% và xã đạt cao nhất là xã Bình Hòa đạt tỷ lệ 99,71%).

***i) Chỉ tiêu 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt  $\geq 70\%$***

Nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đến nay các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi đều thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải như xử lý bằng bể biogas, đệm lót sinh học... đảm bảo vệ sinh, môi trường và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi.

Trên địa bàn 11 xã có 684/729 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 93,83% và 01/01 trang trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường bình quân chung trên 11 xã đạt 96,92%. Tất cả 11/11 xã đều đảm bảo tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt  $> 70\%$ .

***j) Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%***

Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh về an toàn thực phẩm; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên; Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, tết Trung thu, thị trường tết Nguyên đán.

Căn cứ luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm, hàng năm Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã xây dựng và triển khai các kế hoạch về thực hiện công tác tập huấn, kiểm tra và hậu kiểm công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện. Tại 11 xã có 3.854 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản; Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện, xã quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 3.854/3.854 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%, trong đó:

- Ngành Y tế quản lý: 775 cơ sở, trong đó có 9 cơ sở do tỉnh quản lý, 45 cơ sở do huyện quản lý được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm; 721 cơ sở kinh doanh và thức ăn đường phố đảm bảo an toàn thực phẩm do xã quản lý. Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm 54/54 cơ sở. Tổng cộng 721/721 cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý 2.428 cơ sở, trong đó tỉnh quản lý 03 cơ sở, huyện quản lý 35 cơ sở, xã quản lý 2.390 cơ sở kinh doanh sơ chế biến thực phẩm nhỏ lẻ, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm. Số cơ sở đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm 38/38 cơ sở, tỷ lệ 100%; 2.390/2.390 cơ sở ký cam kết an toàn thực phẩm, tỷ lệ 100%.

- Ngành Công thương quản lý 651 cơ sở, trong đó tỉnh quản lý 0 cơ sở, huyện quản lý 0 cơ sở, xã quản lý 651 cơ sở kinh doanh sơ chế biến thực phẩm nhỏ lẻ, cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm. Số cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm là 651/651 cơ sở, chiếm tỷ lệ 100%.

***k) Chỉ tiêu 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 30\%$***

Trên địa bàn 11/11 xã có tổng số hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định là 21.684/30.799 hộ tham gia đạt tỷ lệ 70,4%, với hình thức phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau: (1) Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa) các hộ dân sử dụng bao chứa rác tái chế, tái sử dụng do UBND 11 xã bố trí để lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu mua phế liệu hoặc cơ sở có

chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; (2) Đối với rác thải hữu cơ, thực phẩm thừa khuyến khích các hộ dân tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; (3) Đối với rác thải còn lại các hộ dân bỏ vào thùng rác hiện hữu do các hộ dân bố trí để Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý đúng quy định.

Để đảm bảo triển khai thực hiện và duy trì mô hình đạt hiệu quả, 11/11 xã đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn”, qua đó đã tổ chức 77 cuộc tập huấn, tuyên truyền khoảng 2.664 lượt người dân tham dự, đồng thời phát 2.664 tờ rơi, cấp phát 21.738 bao chứa chất thải tái chế, tái sử dụng cho 18.949 hộ dân tham gia mô hình phân loại chất thải rắn. Bên cạnh đó, hàng tuần 11 xã đều tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, với tần suất phát thanh 05 buổi/tuần, bên cạnh đó xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Châu Thành.

Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh môi trường trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải nhựa): Trên địa bàn 11 xã đã bố trí trang thiết bị thu gom, lưu chứa và phân loại như sau: 5.388 thùng chứa rác các loại (loại 120 lít, loại 240 lít, thùng bê 20 lít...) trên các tuyến đường; tại 151 khu vực công cộng bố trí 689 thùng chứa. Qua đó, việc thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn mang đến kết quả tích cực trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau: Từng bước nâng cao ý thức của các hộ dân trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm đáng kể khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đem xử lý, các hộ dân tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được hưởng lợi ích từ việc bán rác thải tái chế, đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo công suất xử lý của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.

- Kết quả thực hiện một số mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải nhựa):

+ Tại 11/11 xã đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn” trên địa bàn các ấp.

+ Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại 22 điểm trường trên địa bàn huyện, với 27 mô hình tham gia bao gồm: ngôi nhà 100 đồng, ngôi nhà kế hoạch nhỏ, phân loại rác, thời trang tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa như dụng cụ dạy học, lớp học không có rác thải nhựa,... Nguồn kinh phí thu được từ mô hình phân loại, thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng hỗ trợ cho công tác đoàn, hội của trường và hỗ trợ tập, sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Qua thực hiện mô hình, đã thay đổi thói quen thải bỏ lãng phí lượng chất thải có thể tái chế, tái sử dụng, góp phần tiết kiệm và sử dụng hiệu quả lợi ích từ rác thải mang lại.

Đồng thời, nâng cao ý thức của các hộ dân, học sinh trên địa bàn huyện Châu Thành trong công tác bảo vệ môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế tạo động lực thúc đẩy việc nhân rộng mô hình, thu hút nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 05 mô hình như: 11 tổ phụ nữ bảo vệ môi trường, 05 tổ phụ nữ đi chợ bằng giỏ nhựa, 11 tổ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, 01 tổ phụ nữ 5 có 3 sạch, 18 tuyến đường hoa, ... đã mang lại hiệu quả thiết thực, thay đổi thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, từ bỏ thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, chuyển sang dùng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường và có thể tái sử dụng lại nhiều lần, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Góp phần nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn huyện Châu Thành.

+ Huyện đoàn Châu Thành đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 11 mô hình và nhiều hoạt động như: 11 mô hình Thanh niên bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với hơn 500 đoàn viên thanh niên tham gia. Huyện đoàn Châu Thành và các tổ chức đoàn cơ sở trồng mới hơn 10.000 cây xanh mỗi năm, tổ chức 04 đợt Chủ nhật xanh (hàng quý), thực hiện các hoạt động thu gom rác, vật liệu tái chế, vệ sinh môi trường, cạo xóa biển quảng cáo, cắt tỉa cây xanh,....

+ Tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Châu Thành đã thực hiện không sử dụng sản phẩm từ nhựa khó phân hủy, giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại cơ quan, đơn vị trong các cuộc hội họp như sử dụng ly thủy tinh, ly nhựa, sành thay thế cho chai nhựa dùng một lần.

+ Triển khai công tác quản lý chất thải nhựa đối với các cơ sở y tế, hành nghề khám chữa bệnh trên địa bàn huyện Châu Thành, đưa nội dung giảm thiểu chất thải nhựa là một tiêu chí đánh giá cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp. Tăng cường giám sát trong việc cung cấp miễn phí túi ni lông cho khách hàng, khuyến khích người dùng mang túi, bao gói khi sử dụng dịch vụ hoặc mua thuốc.

***l) Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt  $\geq 50\%$***

Trên địa bàn 11/11 xã có 200 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường và 912 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề không thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường. Các cơ sở có bố trí dụng cụ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tổ chức thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở theo quy định.

- Tổng số hộ trên địa bàn 11 xã là 30.799 hộ. Tổng số hộ tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và lồng ghép thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định là 21.684/30.799 hộ (đạt tỷ lệ 70,4%), cụ thể: Để phân loại, thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa thì UBND 11 xã đã

bố trí 21.684 bao chứa chất thải nhựa để các hộ dân tham gia mô hình, đồng thời tổ chức 59 lớp tuyên truyền với 1.996 lượt người dân tham dự, nội dung tuyên truyền về phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; từ chối sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi nilon khó phân hủy; khuyến khích phát triển, sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường, đặc biệt là thực hiện tốt chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Bên cạnh đó, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, thị trấn, phát thanh 2 lần/ngày/tuần, xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện. Ước tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 11 xã khoảng 54,2 tấn/ngày, trong đó chất thải nhựa phát sinh khoảng 4,3 tấn/ngày. Chất thải nhựa được các hộ dân trên địa bàn phân loại, tái chế, tái sử dụng hoặc bán cơ sở phế liệu ước khoảng 3,1 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 72,1%.

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn quản lý: Các địa phương đã tổ chức thành lập, duy trì trên 64 mô hình, hoạt động ra quân vệ sinh môi trường, thu gom chất thải nhựa trên ao hồ, sông, rạch, các tuyến đường giao thông với 2.316 lượt người tham gia và thu gom được 30,2 tấn rác thải, trong đó ước lượng chất thải nhựa thu gom được khoảng 2,4 tấn; Treo 261 băng rôn, pano tuyên truyền tại các điểm đông dân cư, các điểm chợ, trường học, với các khẩu hiệu bảo vệ môi trường, nói không với chất thải nhựa, bảo vệ nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu,...

Kết quả: Các đơn vị, hộ dân có ý thức và phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong phong trào “Chống rác thải nhựa” như: các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh phân loại lưu trữ riêng, tận dụng tái chế, hạn chế sử dụng túi ni lông khi đi chợ, sử dụng giỏ xách nhựa. Đối với rác thải nhựa không tận dụng được bán phế liệu cho đơn vị có chức năng thu mua phế liệu. Riêng rác thải nhựa không bán phế liệu hoặc tái chế được thu gom vào thùng rác đặt trước nhà để Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.17.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.18. Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

### **2.18.1 Kết quả thực hiện**

#### ***a) Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn***

Thực hiện tốt các Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ, Quyết định số



04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định, tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức xã, phường, thị trấn; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Trong những năm qua, huyện Châu Thành đã chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; gắn quy hoạch với việc đào tạo nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ và luân chuyển cán bộ. Phát triển đảng viên mới được quan tâm cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện Đề án “Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn và thực hiện tốt cơ chế một cửa theo tiêu chí 18 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015” trên địa bàn huyện: Từ tháng 9 năm 2012 tổng số cán bộ, công chức cấp xã của 13/13 xã, thị trấn là 284 người, số đạt chuẩn về trình độ chuyên môn là 262 người, đạt tỷ lệ 92,25%. Đến tháng 12 năm 2015 số cán bộ, công chức cấp xã là 280 người, số đạt chuẩn về trình độ chuyên môn là 273 người, đạt tỷ lệ 97,50%, tăng 5,25% so với năm 2012 đã góp phần hoàn thành chỉ tiêu 18.1 trong tiêu chí 18 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 ở các xã.

Từ năm 2016 - 2018: Phòng Nội vụ huyện đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cử 115 lượt cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn; 43 lượt cán bộ, công chức xã tham dự bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; 54 lượt cán bộ, công chức xã tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên và nhiều lớp bồi dưỡng khác để đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Từ năm 2019 - 2020, huyện tiếp tục cử 359 lượt cán bộ, công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng khác để đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Từ năm 2021 - 2024, huyện đã cử 806 lượt cán bộ, công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng khác. Qua đó, tỷ lệ đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của chỉ tiêu 18.1 về cán bộ, công chức cấp xã được đảm bảo theo quy định và ngày một nâng cao.

- Việc thực hiện quy trình, giới thiệu nhân sự bầu giữ các chức vụ cán bộ tại xã được thực hiện đảm bảo theo các tiêu chuẩn tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản khác có liên quan. Sau khi trúng cử giữ các chức danh, cán bộ xã được cơ quan có thẩm quyền cử đi học tập và đã hoàn thành các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về kiến thức quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao và các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn đối với chức vụ hiện đảm nhiệm.

- Việc tuyển dụng công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã theo hình thức xét tuyển và tiếp nhận các chức danh cán bộ chuyên trách khi hết nhiệm kỳ vào chức danh công chức tại UBND xã đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; 100% công chức xã đạt chuẩn phải đảm bảo về điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Công chức cấp xã có ý thức tự học, rèn luyện bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; qua đó trình độ, năng lực thực thi công vụ từng bước được nâng lên, đảm bảo việc cập nhật kiến thức chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tính đến năm 2024, huyện Châu Thành có 263/263 cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, tỷ lệ 100%. Tất cả 11/11 xã đều đạt chỉ tiêu. Trong đó, Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo: Thạc sỹ 14 người, tỷ lệ: 5,32%; Cử nhân 244 người, tỷ lệ: 92,78%; Cao đẳng 01 người, tỷ lệ: 0,38%; Trung cấp 04 người (trong đó đang tham gia đào tạo đại học là 01 người), tỷ lệ: 1,52%. Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 39 người, tỷ lệ: 14,83%; Trung cấp 199 người, tỷ lệ: 75,67%; Sơ cấp: 23 người, tỷ lệ: 8,74%; Chưa qua đào tạo: 02 người, tỷ lệ: 0,76%.

***b) Chỉ tiêu 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên***

Đảng bộ của 11/11 xã trong các năm qua được Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên theo quy định. Năm 2024, Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Đảng bộ 11 xã trên địa bàn huyện theo Thông báo số 123-TB/BTCHU, ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy Châu Thành về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2024, trong đó: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 01/11 xã; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10/11 xã.

***c) Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên***

Trong các năm qua, tất cả các tổ chức chính trị - xã hội của xã gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn cơ sở, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh được cấp có thẩm quyền xếp loại chất lượng từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt tỷ lệ 100%.

***d) Chỉ tiêu 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định***

Ban hành kịp thời và đúng quy định các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật; ban hành và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024; xây dựng mỗi xã có ít nhất 02 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; kịp thời hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; thực hiện xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục

pháp luật, hòa giải ở cơ sở; thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý và phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý; thực hiện tốt công tác dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo. Trong năm 2024, 13/13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện không có cán bộ công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 100% xã đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; kết quả đánh giá, các xã, thị trấn đạt từ 90/100 điểm trở lên và đảm bảo 03 điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Để đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí 18.4 về "Xã tiếp đạt chuẩn tiếp cận pháp luật" theo quy định, UBND huyện giao trách nhiệm cho Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện tham mưu UBND huyện quyết định. Với những kết quả đạt được trên của các xã, thị trấn cùng với báo cáo đề xuất của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện; đối chiếu quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

***e) Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội***

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, ban ngành có liên quan và các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, hội nghị, tập huấn triển khai pháp luật về bình đẳng giới; hôn nhân gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình,...nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức các xã, thị trấn đặc biệt đối với các xã nằm trong lộ trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Từ đó góp phần giúp các địa phương đạt được chỉ tiêu “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội”. Kết quả cụ thể 08 nội dung như sau:

- Nội dung 1. Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã. Nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã bao gồm: Bí Thư đảng ủy xã, Phó Bí thư đảng ủy xã, Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc có cán bộ nữ được quy hoạch đề khi khuyết thực hiện bố trí ngay vào vị trí chủ chốt này theo quy định. Tất cả 11/11 xã đều có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã; hoặc có cán bộ nữ được quy hoạch theo quy định.

- Nội dung 2: Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô

hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). Tất cả 11/11 xã có trên 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã.

- Nội dung 3: Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh. Tất cả 11/11 xã không có trường hợp tảo hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo theo quy định.

- Nội dung 4: Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình theo quy định tại Quyết định số 1814/QĐ-LĐTBXH ngày 18/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn tạm thời về điều kiện tối thiểu của địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng. Tất cả 11/11 xã đều có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh đạt chuẩn theo quy định.

- Nội dung 5: Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách bằng văn bản của Chủ tịch UBND cấp xã như Quyết định, thông báo hoặc quy chế phân công nhiệm vụ. Tất cả 11/11 xã đều bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em theo quy định.

- Nội dung 6: Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định (có Quyết định thành lập, quy chế làm việc). Tất cả 11/11 xã có thành lập tổ chức liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc nhóm thường trực bảo vệ trẻ em theo quy định.

- Nội dung 7: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh. Tất cả 11/11 xã đảm bảo 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp theo quy định.

- Nội dung 8: 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH. Tất cả 11/11 xã đều hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại theo quy định.

**f) Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp**

Giai đoạn 2011 - 2024, Ban Chỉ đạo huyện đã phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 30 đợt tập huấn tại huyện, có trên 2.400 lượt học viên tham dự là thành viên ban chỉ đạo huyện, tổ công tác giúp việc ban chỉ đạo huyện, thành viên ban quản lý 11 xã và đại diện nông dân tiêu biểu tại các ấp của 11 xã; phối hợp với Ban quản lý nông thôn mới các xã cử cán bộ tham gia 66 lớp tập huấn tại tỉnh với trên 1.500 lượt cán bộ tham dự.

Ngoài ra, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới các xã cũng xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân với các nội dung như: thực hiện công tác duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí, chỉ tiêu đã đạt; tuyên truyền, vận động thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt; truyền thông các nhiệm vụ, giải pháp trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Các xã đã tổ chức với trên 924 lớp tập huấn và 27.500 lượt người tham dự.

Qua các đợt tập huấn đã giúp cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện Chương trình và một số nông dân tiêu biểu hiểu rõ hơn những chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đồng thời nâng cao kiến thức quản lý, nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng vận động cộng đồng về xây dựng nông thôn mới.

**2.18.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2.19. Về Quốc phòng và An ninh**

### **2.19.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng***

\* *Công tác xây dựng lực lượng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập:* Ban CHQS huyện tổ chức biên chế đúng theo quy định. Ban CHQS các xã, thị trấn có đủ 04 chức danh theo quy định, cơ cấu thành phần gồm: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên và Chính trị viên phó. Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng: 100% đã qua đào tạo ngành quân sự cơ sở (Chỉ huy trưởng 13 đồng chí, trình độ Đại học 05 đồng chí, Cao đẳng 08 đồng chí; Phó Chỉ huy trưởng 23 đồng chí, trình độ Đại học 08 đồng chí, Cao đẳng 14 đồng chí, Trung cấp 01 đồng chí). Trụ sở Ban CHQS các xã, thị trấn được sửa chữa khang trang, sạch đẹp, bảo đảm nơi ăn, nghỉ, sinh hoạt, công tác cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Chi bộ quân sự cấp xã có 13/13 chi ủy, đạt 100%, duy trì hoạt động nền nếp, hiệu quả, đạt trong sạch vững mạnh hằng năm. Tính đến nay toàn huyện xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ: 1.638/1.638 đ/c, đạt 1,08% so với dân số; quân số đảm bảo 100% chỉ tiêu trên giao, tổ chức biên chế đúng Thông tư số 77/2020/TT-BQP; Thông tư số 52/2024/TT-BQP của Bộ Quốc phòng. Công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được quan tâm, hiện có 394/1.638 đồng chí là đảng viên, đạt 24,05% (trong đó Dân quân 289 đồng chí, đạt 19,03%; Tự vệ 105 đồng chí, đạt 87,50%). Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật được chặt chẽ, đúng Thông tư số 76/2020/TT-BQP; Thông tư số 48/2024/TT-BQP của Bộ Quốc phòng. Thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng Dân quân tự vệ được 42.196 công dân; Năm 2024, tổ chức kết nạp lực lượng Dân quân được 269 đồng chí và công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân quân số 230 đồng chí. Tổ chức tập

huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho lực lượng Dân quân tự vệ đúng Thông tư số 69/2020/TT-BQP; Thông tư số 47/2024/TT-BQP của Bộ Quốc phòng.

- Tổng số tập huấn được 118/118 đồng chí, đạt 100%, cụ thể (tham gia tập huấn cán bộ Chính trị viên, Chính trị viên phó, Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trung đội trưởng Dân quân binh chủng của các xã, thị trấn được 31/31 đồng chí, đạt 100%; Tổ chức tập huấn cán bộ Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng được 87/87 đồng chí, đạt 100%).

- Tổng số huấn luyện được 1.464/1.464 đồng chí, đạt 100%, cụ thể (Cấp huyện tổ chức huấn luyện Dân quân năm thứ nhất, quân số 232/232 đồng chí, đạt 100%; Dân quân Thường trực, quân số 09/09 đồng chí, đạt 100%; Dân quân cơ động, quân số 24/24 đồng chí, đạt 100%; Dân quân binh chủng, quân số 300/300 đồng chí, đạt 100%; huấn luyện lực lượng Tự vệ, cơ quan, quân số 49/49 đồng chí, đạt 100%. Cấp xã tổ chức huấn luyện Dân quân thường trực, quân số 135/135 đồng chí, đạt 100%; Dân quân cơ động, quân số 312/312 đồng chí, đạt 100%; Dân quân tại chỗ, quân số 403/403 đồng chí, đạt 100%).

- Huấn luyện cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp giữ chức chỉ huy; quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan, binh sĩ đúng nội dung, đủ thời gian theo quy định, quân số đạt 100%, kết quả chung: Khá.

- Tham mưu cho Huyện uỷ, UBND huyện, Ban Chỉ đạo diễn tập huyện xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo diễn tập và tổ chức triển khai diễn tập chiến đấu xã, thị trấn trong khu vực phòng thủ cho xã Vĩnh An, thị trấn Vĩnh Bình; diễn tập phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn xã Vĩnh Nhuận, kết quả đạt mục đích yêu cầu đề ra.

- Tham gia Hội thi mô hình học cụ; Hội thao thể dục thể thao; Hội thao bắn súng quân dụng Dân quân tự vệ do Bộ CHQS tỉnh tổ chức, kết quả đạt 11 giải (trong đó đạt 02 giải ba toàn đoàn; 06 giải nhất, nhì, ba đồng đội; 03 giải nhất, nhì, ba cá nhân).

*\* Công tác sẵn sàng chiến đấu, xây dựng kế hoạch và phối hợp giữa các lực lượng:* Duy trì nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ); thường xuyên tổ chức luyện tập các phương án chiến đấu bảo vệ cơ quan (cấp huyện: 55 cuộc = 1.333 đ/c; cấp xã: 715 cuộc = 7.741 đ/c); tổ chức luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ (cấp huyện: 02 cuộc = 84 đ/c; cấp xã: 26 cuộc = 324 đ/c); điều chỉnh Quyết tâm tác chiến phòng thủ, kế hoạch bảo đảm binh chủng, ngành theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệp đồng PCTT - TKCN, PCCN, cứu sập năm 2024 với các đơn vị đứng chân trên địa bàn. Xây dựng, triển khai và luyện tập các kế hoạch SSCĐ bảo vệ các ngày cao điểm lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương; phối hợp với Công an tổ chức tuần tra giữ gìn ANCT, TTATXH trên địa bàn được 4.251 cuộc, có 9.386 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia.

\* *Công tác xây dựng chính quy*: Thực hiện nghiêm Chỉ thị 79; Chỉ thị 85 và Thông tư 143 của Bộ Quốc phòng; Hướng dẫn của Quân khu; Kế hoạch số 115/KH-BCH ngày 28/02/2024 của Bộ CHQS tỉnh về xây dựng đơn vị điểm trên các mặt công tác cho Bộ Quốc phòng năm 2024; Công văn 1313/CV-BCH ngày 27/10/2024 của Bộ CHQS tỉnh An Giang về việc đề nghị công nhận đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” năm 2024. Đảng ủy, Ban CHQS huyện tổ chức xây dựng nghị quyết chuyên đề xây dựng đơn vị điểm trên tất cả các mặt công tác cho Bộ CHQS tỉnh, thực hiện xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” và chỉ đạo cơ quan xây dựng kế hoạch thực hiện. Thường xuyên giáo dục kết hợp với quản lý chặt chẽ quân số, vũ khí trang bị; duy trì thực hiện nghiêm điều lệnh, chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập, công tác, kỷ luật Quân đội, pháp luật của Nhà nước, quy định của đơn vị. Từ đó, ý thức chấp hành kỷ luật chuyển biến tốt; tăng cường công tác kiểm tra cơ quan, đơn vị thuộc quyền và hướng dẫn triển khai thực hiện tốt các chế độ nền nếp chính quy, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

\* *Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ*: Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện luôn được kiện toàn đủ số lượng, đúng thành phần, đạt chất lượng, hoạt động tốt. Tổ chức đúng các bước đăng ký, quản lý thực lực thanh niên sẵn sàng gọi nhập ngũ. Thực hiện khám sức khỏe chặt chẽ, phân loại, kết luận sức khỏe chính xác từng thanh niên. Tổ chức xét duyệt, tuyển chọn đúng quy trình, không có đơn thư khiếu nại tiêu cực trong công tác tuyển quân. Thực hiện tốt công tác chính sách Quân đội, hậu phương Quân đội đối với thanh niên nhập ngũ. Năm 2024, tổ chức giao quân cho các đơn vị được 161 thanh niên (trong đó Quốc phòng: 129 thanh niên; Công an: 32 thanh niên), đạt 100% chỉ tiêu, không có trường hợp đào, bỏ ngũ.

\* *Công tác tuyển sinh quân sự*: Tham mưu Hội đồng tuyển sinh quân sự huyện xây dựng kế hoạch tuyển sinh quân sự năm 2024; tổ chức tuyên truyền, hướng nghiệp cho học sinh đăng ký vào các Trường sĩ quan trong Quân đội; hồ sơ đăng ký được 49 em, qua sơ tuyển khám sức khỏe được 23 em đủ điều kiện, kết quả trúng tuyển được 10 em; Tham gia thi tuyển ngành quân sự cơ sở được 12 đồng chí, kết quả trúng 11 đồng chí.

\* *Công tác động viên Quân đội*: Tổ chức triển khai tốt các bước công tác động viên Quân đội. Thường xuyên phúc tra, đăng ký quân nhân dự bị được 2.916 quân nhân (trong đó Sĩ quan 251 quân nhân, HSQ-BS 2.665 quân nhân); đăng ký, quản lý nữ chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội được 260 người; đăng ký, quản lý các loại phương tiện kỹ thuật được 351 phương tiện để bảo đảm sẵn sàng huy động khi có yêu cầu. Sắp xếp, biên chế quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên được 2.300/2.300 quân nhân, đạt 100% Tổ chức giao nguồn huấn luyện cho các đơn vị, quân số 61/61 quân nhân, đạt 100%; Tổ chức huấn luyện khung B, quân số 39/39 quân nhân, đạt 100%; Đảng viên trong lực lượng QNDB 397/2.916 đồng chí, đạt 13,61%.

\* *Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh*

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đầy đủ, chặt chẽ, đúng theo hướng dẫn của trên; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh huyện và các xã, thị trấn luôn được kiện toàn đầy đủ, đúng thành phần, duy trì hoạt động tốt.

- Tổ chức khảo sát, quản lý chặt chẽ các đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh. Tổng số các đối tượng: 3.761, đã qua 3.546, chưa qua 215 (Đối tượng 2: tổng số 16, đã qua 15, chưa qua 01; Đối tượng 3: tổng số 244, đã qua 221, chưa qua 23; Đối tượng 4: tổng số 3.232, đã qua 3.068, chưa qua 164; Chức sắc, nhà tu hành, chức việc các tôn giáo: tổng số 269, đã qua 242, chưa qua 27).

- Tổ chức đưa cán bộ thuộc đối tượng 2 tham gia bồi dưỡng KTQPAN, quân số 01/01 đồng chí, đạt 100%; đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng KTQPAN, quân số 08/08 đồng chí, đạt 100%; cập nhật bồi dưỡng KTQPAN đối tượng 3, quân số 08/08 đồng chí, đạt 100%.

- Tổ chức bồi dưỡng KTQPAN đối tượng 4 cấp huyện, xã, thị trấn, quân số 65/65 đồng chí, đạt 100%; cập nhật bồi dưỡng KTQPAN đối tượng 4 cấp huyện, xã, thị trấn, quân số 80/80 đồng chí, đạt 100%.

- Thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn. Trong năm 2024, toàn huyện thông tin trên đài phát thanh được: 507 tin, bài. Tổ chức GDQPAN cho quần chúng nhân dân được 118 cuộc với 4,397 lượt người tham gia (thời gian: mỗi cuộc từ 01 đến 02 giờ) thông qua việc tuyên truyền, vận động gia đình thanh niên thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ, Luật Dự bị động viên... trong các cuộc sinh hoạt; vận động quần chúng ở địa phương về đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Tổ chức Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh của các Trường trung học phổ thông được 3,349/3,349 em, đạt 100%.

- Hội đồng GDQPAN huyện tổ chức kiểm tra Hội đồng GDQPAN thị trấn An Châu, Vĩnh Bình; xã Vĩnh An, Tân Phú, Vĩnh Nhuận; Trường THCS An Châu, Trường THPT Vĩnh Bình năm 2024.

*\* Công tác đảng, công tác chính trị:*

- Đảng ủy, Ban CHQS huyện luôn coi trọng công tác quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng; tổ chức tham gia học tập quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của trên; thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình giáo dục chính trị, phổ biến pháp luật cho các đối tượng, kết quả kiểm tra đạt khá. Lực lượng 47 đã có 270 tin, bài, hình ảnh và 479 lượt chia sẻ và 175 lượt bình luận tham gia đấu tranh trên không gian mạng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 87 của Thường vụ Quân ủy Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy



truyền thông, công hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới; tham gia đầy đủ các Hội thi do cấp trên tổ chức đạt kết quả tốt. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Tham gia học tập chuyên đề năm 2024 “An Giang học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ, Bác Tôn về chăm lo đời sống nhân dân”. Công tác thi đua khen thưởng và phong trào thi đua quyết thắng được triển khai thực hiện có nền nếp, chặt chẽ, hiệu quả.

- Quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng trong lực lượng vũ trang huyện có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ chính trị, từ đó có quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình, quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu của Đảng ủy. Tiến hành sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương, Quân ủy Trung ương về công tác xây dựng Đảng bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả. Kịp thời kiện toàn cấp ủy các cấp đảm bảo số lượng và chất lượng, góp phần đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Đảng ủy luôn coi trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; vai trò của cấp ủy, chỉ huy các cấp ngày càng được phát huy tốt, nội bộ luôn đoàn kết, thống nhất cao; duy trì nghiêm chế độ, nền nếp sinh hoạt đảng, công tác hành chính đảng thực hiện tốt, đúng thủ tục, nguyên tắc. Cấp ủy các cấp thường xuyên xây dựng phương pháp lãnh đạo khoa học, dân chủ; tác phong công tác theo hướng toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sâu sát cơ sở; giữ vững đoàn kết, nguyên tắc lãnh đạo trong Đảng. Việc cụ thể hoá nhiệm vụ cấp trên giao và tình hình thực tiễn vào quá trình lãnh đạo cơ quan, đơn vị của các cấp ủy có nhiều tiến bộ, đạt kết quả tốt.

- Năm 2024 phân tích, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc, bình xét khen thưởng đúng quy định. Qua đánh giá các tổ chức đảng và đảng viên có sự chuyển biến tích cực, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo, triển khai thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình công tác cán bộ, bảo đảm dân chủ, khách quan trọng xem xét, đề nghị bổ nhiệm cán bộ, đề bạt quân hàm, nâng lương, giải quyết tốt chính sách cán bộ, nhất là bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nâng cao phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ huy, dân chủ, đoàn kết, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đăng ký, quản lý, sắp xếp sĩ quan dự bị thực hiện chặt chẽ. Công tác kê khai tài sản, thu nhập cá nhân thực hiện đúng kế hoạch; thường xuyên quan tâm quản lý việc vay, mượn tiền của cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang huyện.

- Thực hiện tốt công tác vận động quần chúng và quy chế dân chủ cơ sở; phối hợp thực hiện tốt công tác dân vận, tiêu biểu trong công tác giúp dân. Công tác chính sách đối với Quân đội và hoạt động đền ơn, đáp nghĩa được triển khai

thực hiện chặt chẽ, đúng đối tượng; triển khai thực hiện đúng tiến độ xây dựng nhà “Tình đồng đội” theo kế hoạch. Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ được tiến hành có nền nếp. Đoàn thanh niên hoạt động với nội dung, hình thức phong phú, bám sát nhiệm vụ chính trị, đạt hiệu quả thiết thực.

- Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra đã quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn, quy chế làm việc và xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát sát với tình hình nhiệm vụ của đơn vị, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; giám sát phải mở rộng”. Đồng thời triển khai kế hoạch, có tác dụng nâng cao ý thức, trách nhiệm của đảng viên trong đấu tranh, ngăn ngừa với những biểu hiện lệch lạc, sai trái trong đơn vị. Công tác thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện đúng quy định, công khai, dân chủ, có tính giáo dục cao. Lãnh đạo thực hiện đúng các quy định phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm ở các cấp. Kê khai, công khai, minh bạch tài sản, thu nhập đúng theo quy định.

*\* Công tác bảo đảm Hậu cần:*

- Tổ chức bảo đảm lượng dự trữ vật chất hậu cần SSCĐ đúng theo quy định. Điều chỉnh hệ thống văn kiện hậu cần bảo đảm cho nhiệm vụ SSCĐ, bảo đảm hậu cần trong công tác cứu hộ, cứu nạn và trong các ngày cao điểm lễ, tết, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và địa phương. Đảm bảo tốt các phương tiện, vật chất sẵn sàng cơ động kịp thời khi có tình huống xảy ra.

- Thực hiện đúng tiêu chuẩn tiền ăn Quốc phòng với mức ăn 65.000đ/người/ngày. Bên cạnh đó còn xuất quỹ vốn đơn vị chi ăn thêm 92.960.000 ngàn đồng (3.000đ/người/ ngày). Đối với lực lượng Dân quân thường trực 13 xã, thị trấn thực hiện mức ăn 65.000đ/người/ngày bằng nguồn ngân sách của địa phương.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho bộ đội, bảo đảm tỉ lệ quân số khỏe 98,5%; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế địa phương nắm chắc và dự báo chính xác tình hình dịch bệnh, bảo đảm tốt sức khỏe cho LLVT huyện.

- Quản lý chặt chẽ dụng cụ, vật chất công tác bảo đảm hậu cần không để mất mát, hư hỏng, xuống cấp.

*\* Công tác bảo đảm Kỹ thuật:*

- Điều chỉnh các văn kiện bảo đảm kỹ thuật cho các nhiệm vụ. Hoàn chỉnh các kế hoạch ngắn hạn theo quy định của chuyên ngành. Luôn bảo đảm đúng, đủ về số lượng, chất lượng và đồng bộ theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, niêm cất VKTB đạt hệ số kỹ thuật ( $K_t = 1$ ). Thường xuyên làm tốt công tác đăng ký quản lý, thống kê số lượng, chất lượng VKTB hiện đang quản lý. Giữ vững kho đạt tiêu chuẩn 5 nội dung, thực hiện tốt chế độ tổng kiểm kê 00 giờ ngày 01/01 đúng quy định.

- Thực hiện tốt Cuộc vận động “Quản lý, khai thác VKTB kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”; công tác bảo quản, bảo dưỡng các

loại phương tiện bảo đảm cho mọi hoạt động, bảo đảm tuyệt đối an toàn khi tham gia giao thông. Các loại phương tiện luôn đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

Tất cả các xã, thị trấn đều đảm bảo xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.

***b) Chỉ tiêu 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự***

Công an huyện ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm TTATXH, xây dựng lực lượng Công an huyện năm 2024; Kế hoạch về nhiệm vụ công tác Công an; Kế hoạch số 443/KH-CAH-TM ngày 11/3/2024 về công tác Công an thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024; Kế hoạch số 608/KH-CAH-TM ngày 04/4/2024 về việc thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới năm 2024; Kế hoạch số 628/KH-CAH-TM ngày 09/4/2024 về việc Phát động phong trào thi đua “Dân vận khéo” và “Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao” trong lực lượng Công an toàn huyện năm 2024; Kế hoạch số 524/KH-CAH-TM ngày 20/3/2024 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, TNXH; thực hiện Chỉ Tiêu 19.2 – Tiêu chí 19 trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Thông tư số 124/2021/TT-BCA của Bộ Công an Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2024....

Ngoài ra, Công an huyện Châu Thành đã chủ động thực hiện tốt công tác nắm tình hình, kịp thời dự báo, phân tích, đánh giá và tham mưu, đề xuất Cấp ủy, UBND huyện và Công an tỉnh nhiều biện pháp, giải pháp xử lý hiệu quả các vụ việc, không để xảy ra phức tạp hoặc tình hình đột xuất, bất ngờ ảnh hưởng đến ANTT trên địa bàn huyện. Phối hợp chặt chẽ các cơ quan chức năng chủ động công tác nắm tình hình, kịp thời xử lý các mâu thuẫn, bức xúc nảy sinh liên quan đến ANTT ngay tại cơ sở, nhất là các vụ tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, dự án nhà ở, dự án khu dân cư, không để hình thành điểm nóng về “ANTT”. Quản lý chặt các đối tượng chính trị, giám sát các đối tượng nổi trong tôn giáo, dân tộc, đối tượng khiếu kiện,... không để các đối tượng lợi dụng làm phức tạp tình hình, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ phát sinh thành điểm nóng. Tiến hành thực hiện công tác nắm tình hình, quản lý, giám sát, tìm chân đối tượng trong thời gian diễn ra các sự kiện và khi lãnh đạo Đảng, Nhà nước cấp Trung ương, đoàn công tác cấp Trung ương đến An Giang làm việc.

Về thực hiện Chỉ tiêu 19.2 “An toàn về an ninh, trật tự”, đến hết năm 2024 có 11/11 xã đạt Chỉ tiêu 19.2 – Tiêu chí 19, cụ thể:

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn các xã, thị trấn luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm pháp luật phức tạp làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện; phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm 2023 trên địa bàn các xã được kiềm chế và kéo giảm.

- Tập thể Công an 11 xã được đánh giá, xếp loại năm 2024: “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Công an các xã, thị trấn tiếp tục củng cố nâng chất các mô hình đảm bảo ANTT hoạt động có hiệu quả trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT như: “Tự quản về an toàn giao thông”; “Camera an ninh”; “02 An” (An ninh trật tự - An sinh xã hội); “Xứ, họ đạo bình yên, gia đình hòa thuận” và “Móc khóa tổ giác tội phạm”... Đặc biệt, năm 2024 các xã đã tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả mô hình “Hệ thống chính trị trực tiếp tham gia bảo đảm an ninh, trật tự” theo chỉ đạo của UBND huyện. Qua đó, các mô hình đã phát huy hiệu quả tích cực trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, giúp cơ quan Công an truy xét, xử lý các vụ việc có liên quan đến ANTT. Kết quả có 11/11 xã đạt Chỉ tiêu 19.2 – Tiêu chí 19.

**2.19.2 Tự đánh giá:** có 11/11 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

**3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã (theo Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 22/06/2022 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

Trên địa bàn huyện có 04/11 xã (xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Nhuận, xã Cần Đăng, xã Bình Hòa); đạt tỷ lệ 36,36% đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Sau khi được công nhận các xã tiếp tục tập trung thực hiện duy trì, nâng chất theo quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tính đến cuối năm 2024 xã đã duy trì và nâng chất đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 75/75 chỉ tiêu theo quy định.

### **3.1 Về Quy hoạch**

#### **3.1.1 Kết quả thực hiện**

**a) Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch**

Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011 - 2020 của 11 xã trên địa bàn huyện được phê duyệt trong giai đoạn 2010 - 2011 và triển khai thực hiện đến hết năm 2020. Để đảm bảo thực hiện đúng định hướng phát triển trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, huyện Châu Thành đã tổ chức rà soát và tập trung chỉ đạo UBND các xã triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Đến thời điểm hiện tại, 05/05 xã đã được UBND huyện phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040 theo quy định của: Luật

Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01: 2021/BXD.

Kết quả thực hiện đến cuối tháng 12/2024, có 04/04 xã đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040.

***b) Chỉ tiêu 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch***

Việc xây dựng Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được Ủy ban nhân dân các xã thực hiện song song và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã điểm đến năm 2040.

Sau khi Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã và Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch chung được phê duyệt ban hành, 04/04 xã đã tổ chức công bố công khai rộng rãi quy hoạch tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và văn phòng các ấp trên địa bàn xã (tổng số 21 ấp/21 ấp) đúng theo thời hạn quy định; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt theo quy định.

***c) Chỉ tiêu 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên***

Qua rà soát, trong giai đoạn từ năm 2019 - 2024 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho 04 dự án trên địa bàn của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao.

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ 04/04 xã trên địa bàn đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã hoặc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án khu dân cư trên địa bàn các xã phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch của huyện và của tỉnh. Trong đó:

(1) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Chợ Tân Thành, xã Vĩnh Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 25/6/2007, diện tích 2,22 ha.

(2) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Vĩnh Nhuận, xã Vĩnh Nhuận được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 2283/QĐ-UB-XD ngày 01/10/1999, diện tích 3,71 ha.

(3) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Chợ Cần Đăng Mở rộng 2, xã Cần Đăng được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 30/6/2020, diện tích 4,49 ha.

(4) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu Nhà ở Công nhân Khu Công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 25/12/2017, diện tích 5,95 ha.

**3.1.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

## **3.2 Về Giao thông**

### **3.2.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định đạt 100%***

Trên địa bàn huyện có 15 tuyến đường xã với chiều dài 77,539 km. Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện có 77,539 km được đầu tư cứng hóa và các địa phương quan tâm thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng thường xuyên hệ thống giao thông đường xã trên địa bàn mình. Đồng thời, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông, cũng như thực hiện trồng cây xanh trên các tuyến.

Trong đó trên địa bàn 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có 45 tuyến đường xã với chiều dài 104,85km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...).

Cả 04/04 đều có tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định đạt 100%.

***b) Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%***

Đường ấp và đường liên ấp trên địa bàn các xã có tổng số 25 tuyến với chiều dài 157,62 km. Từ sau năm 2011 đến nay, các địa phương đã xây dựng kế hoạch, tiếp tục thực hiện đầu tư cứng hoá các tuyến đường trên địa bàn mình. Đồng thời hoàn thiện hơn hệ thống các hạng mục cần thiết đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân.

Trong đó trên địa bàn 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có 11 tuyến đường ấp và đường liên ấp với chiều dài 65,70 km được cứng hóa và bảo trì hàng năm; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%.

Cả 04/04 đều có tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%.

***c) Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%***

Đường ngõ, xóm trên địa bàn các xã gồm 24 tuyến với chiều dài 23,21 km. Trong đó, trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao có 11 tuyến với chiều dài 10,95 km.

Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 100%

***d) Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa  $\geq 70\%$***

Trên địa bàn các xã có 44 tuyến đường trục chính nội đồng với chiều dài 131,619 km, hàng năm các xã đều xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, dặm vá các tuyến đường nội đồng để đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Trong đó, trên địa bàn 05 xã nông thôn mới nâng cao có 44 tuyến đường trục chính nội đồng với chiều dài 131,619 km được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Có 04/04 xã tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa  $> 70\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% (8,6 km/8,6 km)

- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% (25,8 km/25,8 km)

- Xã Cần Đăng: tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% (12,0 km/12,0 km)

- Xã Bình Hòa: tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% (17,8 km/17,8 km)

**3.2.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.3 Về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

#### **3.3.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt  $\geq 90\%$***

Hàng năm huyện tổ chức chỉ đạo ngành nông nghiệp và các ngành liên quan phối hợp với các xã khảo sát hiện trạng các tuyến kênh, mương, công, đập, đê bao... để chủ động xây dựng kế hoạch nạo vét, duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất; công tác quản lý, khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý; đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cấp nước hộ dân sinh.

Tất cả 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt  $> 90\%$ , cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt 100%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt 97,99%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt 100%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động trên địa bàn các xã đạt 100%

***b) Chỉ tiêu 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững***

Trên địa bàn 04 xã nông thôn mới nâng cao có 04 Tổ chức thủy lợi cơ sở (Trong đó: 02 Tổ hợp tác, 02 HTX hoạt động nhiều ngành nghề, trong đó có lĩnh vực cung ứng dịch vụ thủy lợi như: bơm tưới hoặc bơm tiêu). Tổ chức thủy lợi cơ sở cơ bản đảm bảo về pháp lý theo quy định của Luật Thủy lợi. Có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi (bơm tưới, tiêu) được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

Số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của các tổ chức thủy lợi từ 82 điểm trở lên.

Mức độ hài lòng của thành viên đối với 04 tổ chức thủy lợi cơ sở, được đánh giá là đạt.

***c) Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt  $\geq 20\%$***

Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt từ 20% trở lên (theo Quyết định 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025). Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: diện tích đất gieo trồng cây trồng chủ lực (của các vụ trong năm: Đông xuân, Hè Thu, Thu Đông) thực tế áp dụng tưới tiên



tiên, tiết kiệm nước/tổng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực theo quy hoạch/kế hoạch huyện trên địa bàn 05 xã nông thôn mới nâng cao cụ thể như sau:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 81,55%

- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 84,42%

- Xã Cần Đăng: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 64,06%

- Xã Bình Hòa: tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 70,11%

***d) Chỉ tiêu 3.4. Công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm đạt 100%***

Các xã đều xây dựng kế hoạch công trình như: xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, hư hỏng công trình, máy móc thiết bị,... Các hạng mục công trình như: Nạo vét kênh, sửa chữa công trình cống, trạm bơm, gia cố đê bao,... được sửa chữa thường xuyên, định kỳ đạt 100% so với kế hoạch.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, gia cố đê, nạo vét kênh,... từ nguồn vốn bảo vệ đất trồng lúa, dịch vụ công ích thủy lợi. Cụ thể năm 2024 như sau:

- Xã Vĩnh Thành: Tổng số 06 công trình, chiều dài 8.018 km, với kinh phí 1.307 triệu đồng.

- Xã Vĩnh Nhuận: Tổng số 06 công trình, chiều dài 15.739 km, với kinh phí 1.789 triệu đồng.

- Xã Cần Đăng: Tổng số 05 công trình, chiều dài 3.704 km, với kinh phí 1.870 triệu đồng.

- Xã Bình Hòa: Tổng số 04 công trình, chiều dài 2.204 km, với kinh phí 293 triệu đồng.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các xã phối hợp cùng các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhà thầu cung ứng dịch vụ tưới, tiêu và thành viên triển khai thực hiện việc bảo trì các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng từ nguồn vốn nhân dân đóng góp, vốn các tổ chức thủy lợi, vốn ngân sách huyện, vốn hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi, hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP cấp cho ngân sách huyện.

***e) Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi***

Trên địa bàn huyện, 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào từng công trình thủy lợi do xã quản lý. Có thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền.

Việc kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn (Số lượng cơ sở sản xuất, buôn bán phân bón hoặc thuốc bảo vệ thực vật; Số lượng cơ sở chăn nuôi; Cơ sở, diện tích nuôi trồng thủy sản; Số lượng Bệnh viện, trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh; Nước thải sinh hoạt (cửa hàng ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ, khu dân cư, khu du lịch). Công tác, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi kịp thời và theo quy định của pháp luật.

***f) Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (quy định Khá)***

Hàng năm các xã đã chủ động xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với từng loại hình thiên tai; củng cố tổ chức, bộ máy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Lực lượng xung kích cấp xã, áp thực hiện công tác phòng chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai của địa phương. Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh. Các xã đều có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

***\* Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:***

- Có Ban chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.

- Có quy định chức năng được phân công theo dõi lĩnh vực Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã và làm thường trực của Ban Chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã.

- Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban Chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Có 100% số cán bộ cấp huyện, xã tham gia trực tiếp công tác Phòng chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

- Có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho 100% đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, ấp; đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

***\* Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh***

- Có kế hoạch Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã.

- Có phương án ứng phó các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- Có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

*\* Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:*

- Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

- + Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ.

- + Có 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép với nội dung an toàn trước thiên tai.

- Thông tin, cảnh báo và ứng phó với thiên tai: Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số Ban Chỉ huy Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự cấp huyện, xã được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

- Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”; Kết quả chấm điểm đạt từ  $\geq 50\%$  (Đạt: chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm; Khá: chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm; Tốt: chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên). Kết quả chỉ tiêu đạt Khá.

**3.3.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### 3.4 Về Điện

#### 3.4.1 Kết quả thực hiện

***Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt  $\geq 99\%$***

Hệ thống lưới điện trung thế, hạ thế cung cấp điện cho các hộ dân sinh hoạt và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các xã đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và điện phục vụ sản xuất của nhân dân.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt  $> 99,0\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%

- Xã Vĩnh Nhuận: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 99,56%

- Xã Cần Đăng: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 99,93%

- Xã Bình Hòa: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 99,96%

**3.4.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### 3.5 Về Giáo dục và Đào tạo

#### 3.5.1 Kết quả thực hiện

*a) Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, có kế hoạch lộ trình đạt 100% và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đạt  $\geq 70\%$*

Ủy ban nhân dân huyện đã quan tâm, hỗ trợ và sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả của các cấp, các ngành ưu tiên tập trung vốn đầu tư cơ sở vật chất trường học và đầu tư cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm; chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung, cũng như chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh; công tác phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các bộ phận trong và ngoài ngành tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ năm học; tập trung các nguồn lực, chủ động thực hiện các giải pháp duy trì sĩ số học sinh, tạo nền tảng vững chắc cho công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

Trên địa bàn 04 xã nông thôn mới nâng cao, có 17/17 trường học tỷ lệ 100% có cơ sở vật chất đạt mức tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất là 14/17 trường học (trong đó có 04 trường đạt Mức độ 2), tỷ lệ 82,35% (Trong đó: Mầm non, Mẫu giáo 03/04 trường; Tiểu học 08/10 trường; Trung học cơ sở 03/03 trường). Cụ thể như sau:

**(01) Xã Vĩnh Thành:** Trên địa bàn xã có 04 trường học (gồm MG Vĩnh Thành; Tiểu học A Vĩnh Thành; Tiểu học B Vĩnh Thành và THCS Vĩnh Thành), trong đó có 03/04 trường được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và 2 (TH A), tỷ lệ 75%.

- Trường TH A Vĩnh Thành được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, tại Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH B Vĩnh Thành được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường THCS Vĩnh Thành được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**(02) Xã Vĩnh Nhuận:** Trên địa bàn xã có 03 trường học (gồm MG Vĩnh Nhuận; TH A Vĩnh Nhuận và TH B Vĩnh Nhuận), trong đó có 03/03 trường được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và 2 (MG), tỷ lệ 100%.

- Trường MG Vĩnh Nhuận được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, tại Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH A Vĩnh Nhuận được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH B Vĩnh Nhuận được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**(03) Xã Cần Đăng:** Trên địa bàn xã có 05 trường học (gồm MG Cần Đăng; TH A Cần Đăng; TH B Cần Đăng; TH C Cần Đăng và THCS Cần Đăng), trong đó có 04/05 trường được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và 2 (THCS), tỷ lệ 80%.

- Trường MG Cần Đăng được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 19/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH A Cần Đăng được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH C Cần Đăng được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường THCS Cần Đăng được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 02/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và phân đầu đạt Mức độ 2 tại Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt Kế hoạch số 1212/KH-PGDĐT ngày 18/10/2024 của Phòng GDĐT huyện Châu Thành về việc xây dựng Trường THCS Cần Đăng đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 năm học 2024 – 2025.

**(04) Xã Bình Hòa:** Trên địa bàn xã có 05 trường học (gồm MG Bình Hòa; TH A Bình Hòa; TH B Bình Hòa; TH C Bình Hòa và THCS Quán Cơ Thành), trong đó có 04/05 trường được công nhận Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và 2 (THCS), tỷ lệ 80%.

- Trường MG Bình Hòa được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

- Trường TH A Bình Hòa được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Trường TH C Bình Hòa được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Trường THCS Quán Cơ Thành được công nhận Đạt chuẩn quốc gia tại Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và phân đấu đạt Mức độ 2 theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Châu Thành phê duyệt Kế hoạch số 1315/KH-PGDĐT ngày 12/11/2024 của Phòng GDĐT huyện về việc xây dựng Trường THCS Quán Cơ Thành đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm học 2024 - 2025.

***b) Chỉ tiêu 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi***

Tiếp tục duy trì kết quả Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phấn đấu duy trì nâng chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Hoàn thiện việc quy hoạch mạng lưới trường lớp, thực hiện tốt công tác huy động trẻ 5 tuổi đến trường và nâng tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi ra lớp. Tăng tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày và bán trú tại các đơn vị. Tham mưu phát triển đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ để thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Tiếp tục tham mưu, tận dụng các nguồn kinh phí để mua sắm bổ sung đồ chơi ngoài trời, bổ sung thay thế trang thiết bị tối thiểu theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT đã được trang bị nhưng hư hỏng. Tiếp tục phát động phong trào làm đồ dùng dạy học đáp ứng chương trình GDMN.

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; huyện duy trì đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2024 tại Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Châu Thành về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD THCS và XMC năm 2024.

***c) Chỉ tiêu 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3***

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 tại Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Châu Thành về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD THCS và XMC năm 2024.

***d) Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2***

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 tại Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Châu Thành về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, PCGD THCS và XMC năm 2024.

***e) Chỉ tiêu 5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên***

Năm 2024, cả 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt.

***f) Chỉ tiêu 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền***

Năm 2024, cả 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Ủy ban nhân dân các xã, các trường học đã tổ chức thành lập và hoạt động có hiệu quả với các câu lạc bộ như Võ Cổ truyền Tây Sơn Xuân Bình, Takwondo, phổ cập bơi, bóng đá, bóng chuyền hơi... thu hút nhiều người dân, giáo viên và học sinh tham gia. Các thành viên câu lạc bộ tích cực tham gia luyện tập, nhằm rèn luyện sức khỏe và tham gia các hội thi như võ cổ truyền, Takwondo, phổ cập bơi, bóng đá, bóng chuyền hơi,... cấp xã, cấp huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Kết quả 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

**3.5.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.6 Về Văn hóa**

#### **3.6.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên***

Hiện nay, 04/04 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện đều triển khai lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao đơn giản ngoài trời tại các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, ở các điểm công cộng phục vụ người dân trung bình 04 - 05 bộ dụng cụ/điểm đạt 100% (gồm xích đu, xà đơn, xà kép, bộ lưới bóng chuyền, bộ lưới cầu lông ...).

Tại 04 xã thành lập và duy trì các câu lạc bộ như: cờ tướng, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, dưỡng sinh, bóng đá, cầu lông, đàn ca tài tử.... các câu lạc bộ được duy trì hoạt động thường xuyên và ngày càng được quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động và tăng số lượng thành viên trong câu lạc bộ, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia hưởng ứng, tập luyện, giao lưu thường xuyên góp phần đáng kể trong việc phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho bà con nhân dân. Đồng thời, các xã cũng thường kỳ tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ nhu cầu tinh thần của người dân như: các chương trình văn nghệ, các giải thể dục thể thao quần chúng mừng Đảng, mừng Xuân hàng năm, tổ chức Liên hoan tiếng hát công nhân chức lao động, Giao lưu các CLB bóng đá, trò chơi dân gian, Ngày chạy Olympic Vì sức khỏe toàn dân, Hội thao... Ngoài ra, xã còn tuyên chọn vận động viên tham gia thi đấu giải bóng đá, bóng chuyền và các môn thể thao khác do cấp trên tổ chức, tổ chức đưa thí sinh

tham gia hội thi như: Kể chuyện sách, Hội thi Tiếng hát ngành giáo dục, Hội khỏe phù đồng,... cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức.

- Đối với các ấp: Tiếp tục tận dụng Văn phòng ấp là nơi sinh hoạt văn hóa cho nhân dân; Kết hợp các nhà dân, sân bãi thể thao do dân tự tạo và các sân bãi khác để làm nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp; mỗi ấp đảm bảo diện tích điểm sinh hoạt văn hóa từ 300m<sup>2</sup> trở lên, điểm sinh hoạt thể thao từ 500m<sup>2</sup> trở lên.

- Ngoài ra, trên địa bàn các xã còn có các cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao, các hộ gia đình trang bị dụng cụ thể thao phục vụ nhu cầu luyện tập thể thao thường xuyên đạt tiêu chí quy định.

- Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức đảm bảo trong năm gồm: 12 cuộc trong đó 4 cuộc văn nghệ và 8 cuộc tuyên truyền nhiệm vụ chính trị; 01 cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn có hơn 250 lượt người xem và cổ vũ; 04 cuộc giao lưu/thi đấu thể thao. Đảm bảo thực hiện các nội dung theo yêu cầu của chỉ tiêu. Kết quả 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

***b) Chỉ tiêu 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định***

Công tác kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa được các ngành, các cấp từ huyện đến xã thực hiện tốt và phát huy đúng giá trị quy định. Qua kiểm kê, phân loại các loại hình di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện Châu Thành đều được kiểm kê theo đúng quy định. Trong đó, các di tích được xếp hạng gồm có 04 di tích được công nhận di tích cấp Tỉnh (Đình Bình Hòa, Đình Bình Phú, Đình Phú Nhuận, Chùa Tân An). Di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê gồm Đờn ca tài tử; Lễ hội Kỳ yên (Lễ hội truyền thống); Nghề thủ công truyền thống: Nấu rượu, Hót thuốc Nam,....

Xác định việc bảo tồn, gìn giữ các di tích, lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện luôn đi đôi với việc phát huy giá trị, đây là con đường phát triển mang tính bền vững, được sự ủng hộ và tham gia của cộng đồng. Những năm qua, các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, đơn vị trên địa bàn huyện quan tâm thực hiện công tác bảo vệ, trùng tu, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa. Theo đó nhiều di tích cơ sở tín ngưỡng, đình, miếu trên địa bàn huyện được trùng tu, sửa chữa khang trang và vững chắc hơn; công tác giữ gìn, tôn tạo các di tích theo đúng Luật Di sản văn hóa. Bên cạnh việc đầu tư từ nguồn ngân sách của Nhà nước cho công tác tu bổ, trùng tu, tôn tạo, huyện cũng đẩy mạnh công tác xã hội hoá, tích cực vận động Nhân dân chung tay bảo vệ, giữ gìn các di tích tại địa phương trong việc bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích trong thời gian qua. Qua đó, góp phần khuyến khích người dân tham gia cùng Nhà nước trong công tác gìn giữ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống. Nhằm phát huy đúng giá trị các di tích hiện có, các di tích lịch sử văn hóa từ khi được công nhận các xã đều thành lập Ban Quản lý di tích, thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền cùng với việc quản lý chặt chẽ nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân làm tốt việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của di tích, không để xảy ra các hành vi xâm lấn hay vi phạm quy định của Luật Di sản văn hóa cũng như các quy



định pháp luật hiện hành có liên quan. Các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp cũng tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, hội họp, sinh hoạt Chi, tổ hội, hoạt động du khảo về nguồn, trên các nền tảng mạng xã hội (facebook, youtube,...) nhằm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các di tích lịch sử văn hóa đến với đoàn viên, hội viên, học sinh, quần chúng Nhân dân góp phần giáo dục truyền thống, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của địa phương. Cùng với đó, công tác tổ chức lễ hội tại các điểm di tích cũng được huyện quan tâm chỉ đạo. Hàng năm, UBND huyện đều có hướng dẫn tăng cường công tác quản lý và tổ chức lễ hội theo đúng quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và của các cấp, các ngành trong đó công tác tuyên truyền về lễ hội được đẩy mạnh nhằm nâng cao nhận thức cho Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh nơi thờ tự, tham gia quản lý, giữ gìn các phong tục, tập quán của địa phương,... Các lễ hội khi tổ chức đều có thành lập Ban tổ chức; các nghi lễ trong lễ hội được diễn ra theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hoá, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương, bảo tồn, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc; xây dựng quy chế tổ chức lễ hội chặt chẽ, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lễ hội, không để xảy ra tình trạng lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín, dị đoan...; các lễ hội đã thu hút được đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia.

***c) Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ áp dụng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%***

Tính đến thời điểm cuối năm 2024 có 63/63 xóm, ấp trên địa bàn huyện (trong đó 21/21 ấp của 04 xã nông thôn mới nâng cao) được công nhận đạt chuẩn áp văn hóa, đạt 100%, theo quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

**3.6.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.7 Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

#### **3.7.1 Kết quả thực hiện**

***Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm***

Huyện Châu Thành có 21 chợ truyền thống đang hoạt động (trong đó có 14 chợ đạt chuẩn loại III, 07 chợ chuyển sang tụ điểm kinh doanh)...góp phần phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân. Riêng trên địa bàn 04 xã nông thôn mới nâng cao có 04 chợ truyền thống đang hoạt động (trong đó có 04 chợ đạt chuẩn loại III)...góp phần phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân. Hầu hết các chợ trên địa bàn huyện đều được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, nằm ở khu vực có vị trí thuận tiện về giao thông, là chợ truyền thống và là chợ đầu mối cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong xã và các khu vực lân cận.

Các chợ trên đều có thành lập tổ quản lý, có ban hành nội quy, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh tại chợ được bố trí, sắp xếp theo từng khu vực, theo từng ngành hàng, thuận lợi cho người bán và người mua; có các hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường; đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Tất cả các chợ này đều có thành lập tổ quản lý, có ban hành nội quy, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh tại chợ được bố trí, sắp xếp theo từng khu vực, theo từng ngành hàng, thuận lợi cho người bán và người mua; có các hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường; đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Bên cạnh đó, địa bàn huyện thời gian qua cũng đã phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi như các siêu thị, Bách hóa xanh, Điện máy xanh, Thế giới di động,... các cửa hàng tiện lợi hoạt động mua bán đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, hàng hóa mua bán đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng,... đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân. Đến nay, 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn tiêu chí.

**3.7.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.8 Về Thông tin và Truyền thông**

#### **3.8.1 Kết quả thực hiện**

Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện đã xác định thông tin và truyền thông là một giải pháp quan trọng để chỉ đạo, hướng dẫn và phản ánh việc thực hiện kịp thời công tác xây dựng nông thôn mới. Đã quan tâm đầu tư hạ tầng phục vụ thông tin, truyền thông nhằm tăng cường các hình thức tuyên truyền, triển khai đa dạng, thu hút sự quan tâm của các ngành, các cấp đoàn thể nhằm truyền tải một cách sâu sắc, thiết thực nhất là chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới tới mọi tầng lớp nhân dân, đạt các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

***a) Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân***

Để thực hiện hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”. 04/04 xã có điểm phục vụ bưu chính, có trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có treo biển tên điểm phục vụ. Niêm yết giờ mở cửa và thời gian mở cửa. Có trang

bị đầy đủ máy vi tính kết nối mạng và phân công cán bộ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch công của Tỉnh, Bộ và Cổng dịch vụ công Quốc gia khi có nhu cầu. Điềm phục vụ bưu chính tiếp nhận và chuyển phát các loại hồ sơ như: hồ sơ tư pháp, giấy phép kinh doanh, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe,... đến tận địa chỉ người dân và doanh nghiệp từ đó tạo thuận lợi cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn tiết kiệm chi phí và thời gian, công sức khi làm thủ tục. Kết quả có 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

***b) Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh***

Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện cung cấp đầy đủ bảng thống kê người sử dụng điện thoại thông minh trên từng xã. Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ từ 90 đến 100% năm 2024, đạt theo yêu cầu của chỉ tiêu. Kết quả 04/04 xã đạt chỉ tiêu

***c) Chỉ tiêu 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông***

Trên địa bàn 04 xã nông thôn mới nâng cao có 21/21 ấp (100%) có hệ thống loa truyền thanh đang hoạt động, thực hiện truyền thanh và tiếp âm truyền thanh Đài huyện, tỉnh và Đài Tiếng nói Việt Nam và tin tức địa phương phát sóng đầy đủ thời lượng với 02 buổi/ngày. Hệ thống Đài truyền thanh hữu tuyến và vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, ngoài ra còn sử dụng loa lưu động hoạt động thường xuyên trên tất cả các ấp, UBND xã có phân công cán bộ làm công tác đài truyền thanh xã, đảm bảo đạt theo yêu cầu chỉ tiêu.

Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện cung cấp đầy đủ bảng thống kê hộ gia đình đăng ký sử dụng truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet trên từng địa bàn xã, ấp có hộ dân sử dụng truyền hình qua mạng internet.

Để tạo điều kiện cho người dân có các điểm vui chơi, giải trí lành mạnh, UBND các xã bố trí các tủ sách công cộng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia nghiên cứu, trao đổi các nội dung quan tâm tại các điểm như: Bộ phận một cửa UBND xã, Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã, Điểm sinh hoạt văn hóa - Thể thao xã, thư viện các trường học,... Kết quả có 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

***d) Chỉ tiêu 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới***

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt từ 90% đến 100% (yêu cầu của chỉ tiêu là 50%). Đạt các nội dung theo yêu cầu của chỉ tiêu.

100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

Triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số cấp xã, UBND xã phối hợp với các đơn vị tổ chức lớp tập huấn tuyên truyền sâu rộng đến người dân về công tác chuyển đổi số, sử dụng các dịch vụ công, các dịch vụ tiện ích, các kỹ năng số cơ bản và cần thiết nhằm mục đích quảng bá, quảng cáo, bán sản phẩm trên môi trường số để người dân nắm bắt, đồng thuận và triển khai thực tế vào đời sống. Kết quả, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt trên 68%, bằng nhiều kênh phổ biến như phổ biến trực tiếp, phổ biến trên đài truyền thanh, trong các buổi tập huấn, trong các buổi họp.

***e) Chỉ tiêu 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)***

21/21 ấp của 04 xã nông thôn mới nâng cao có phát sóng 3G, 4G; phủ sóng băng rộng di động đạt 100% tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tra cứu, truy cập thông tin trên môi trường mạng. 04/04 xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng, đường truyền ổn định, đảm bảo người dân đều được tiếp cận thuận lợi, dễ dàng. Cung cấp tên truy nhập đảm bảo theo các nội dung yêu cầu của chỉ tiêu. Kết quả có 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

**3.8.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.9 Về Nhà ở dân cư**

#### **3.9.1 Kết quả thực hiện**

***Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt  $\geq 85\%$***

Tính đến năm 2024, địa bàn các xã không còn nhà tạm, nhà dột nát; hầu hết nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn huyện đều được chỉnh trang xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng của người dân. Cả 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt  $> 85\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt 87,14%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt 86,37%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt 87,34%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt 91,48%

**3.9.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.10 Về Thu nhập**

#### **3.10.1 Kết quả thực hiện**

***Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt  $\geq 72$  triệu đồng/người/năm***

Thu nhập hộ gia đình luôn gắn liền với mức sống của người dân, là yếu tố nền tảng quan trọng trong việc tạo nên diện mạo mới ở nông thôn. Vì vậy, để duy trì và nâng cao mức thu nhập người dân thì việc quan tâm tạo điều kiện môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng liên doanh liên kết trong xuất và tiêu thụ sản phẩm luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chính quyền các cấp ở địa phương.

Để thực hiện tốt vấn đề này, Chi cục Thống kê có kiến nghị như sau:

- UBND huyện Châu Thành cùng các ban ngành đoàn thể có liên quan ở địa phương luôn quan tâm hỗ trợ các xã trong công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương; tận dụng tối đa các nguồn vốn ưu đãi để hỗ trợ thúc đẩy sản xuất; ưu tiên tham gia thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi ngành nghề nâng cao giá trị sản phẩm,...

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của các xã quan tâm triển khai thực hiện tốt các giải pháp theo như kế hoạch nâng chất của xã đã đề ra. Trong triển khai thực hiện cần đúc kết các mô hình chuyển đổi hiệu quả để kịp thời nhân rộng.

Tính đến năm 2024, Thu nhập bình quân đầu người của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt > 72 triệu đồng/người/năm. Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành đạt 79,230 triệu đồng/người/năm
- Xã Vĩnh Nhuận đạt 79,560 triệu đồng/người/năm
- Xã Cần Đăng đạt 74,758 triệu đồng/người/năm
- Xã Bình Hòa đạt 76,051 triệu đồng/người/năm

**3.10.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.11 Về Nghèo đa chiều**

#### **3.11.1 Kết quả thực hiện**

***Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đạt  $\leq 2,5\%$***

Nhờ thực hiện tốt công tác giảm nghèo, tính đến cuối năm 2024 tỷ lệ nghèo đa chiều (bằng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cộng với tỷ lệ hộ nghèo đa chiều) của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt  $\leq 2,5\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 2,45%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 1,99%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 1,18%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 2,22%

**3.11.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### 3.12 Về Lao động

#### 3.12.1 Kết quả thực hiện

##### *a) Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt $\geq 75\%$*

Số lao động qua đào tạo của 04 xã là 34.762 người /Tổng số lực lượng lao động của 04 xã là 45.008 người, đạt tỷ lệ bình quân 04 xã là 77,24%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt  $> 75\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 78,92%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,70%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,60%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,13%

##### *b) Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt $\geq 35\%$*

Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ bình của 04 xã 15.094 người /Tổng số lực lượng lao động của 04 xã 45.008 người, đạt tỷ lệ bình quân 04 xã là 33,54%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt  $> 35\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 31,84%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 32,27%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30,37%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 34,71%

##### *c) Chỉ tiêu 12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế đạt $> 90\%$*

Qua rà soát của 04 xã, số người có việc làm trong độ tuổi lao động đến thời điểm rà soát là 38.174 lao động/dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của 04 xã là 40.182 lao động, đạt tỷ lệ bình quân 04 xã là 95%. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt  $> 90\%$ . Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 95,01%
- Xã Vĩnh Nhuận: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 95,01%
- Xã Cần Đăng: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 95,00%
- Xã Bình Hòa: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 95,00%

**3.12.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### 3.13 Về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

#### 3.13.1 Kết quả thực hiện

***a) Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định***

Đối với các xã nông thôn mới nâng cao đều có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. Cụ thể như sau:

***(01) Xã Vĩnh Thành:***

Xã Vĩnh Thành được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2015 và đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Năm 2023, xã không ngừng duy trì, củng cố và nâng chất giữ vững xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Song song, trong quá trình tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. Từ đó, tạo nên bước phát triển bền vững cho lợi thế phát triển kinh tế xã nhà và duy trì, nâng chất đạt được mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí mới.

Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành. Địa chỉ trụ sở: Ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành được thành lập với giấy chứng nhận ĐKHTX 521007000017 cấp ngày 20/11/2018, vốn điều lệ đăng ký ban đầu 100.000.000 đồng, góp vốn của 60 thành viên đến nay số lượng 120 thành viên vốn góp 110.000.000 đồng. Mỗi thành viên góp vốn tối thiểu theo điều lệ là 500.000 đồng và tối đa không quá 20.000.000 đồng. Do ông Võ Văn Vũ làm đại diện theo pháp luật. Bộ máy, gồm: Hội đồng quản trị: 05 người; Ban giám đốc: 01 người, Ban kiểm soát: 03 người, kế toán: 01 người, thủ quỹ: 01 người. Thực hiện các loại hình dịch vụ sản xuất kinh doanh: Cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ cày xới và liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa.

Hàng năm Hợp tác xã đều có tổ chức Đại hội thường niên, nhằm báo cáo lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh cho năm tiếp theo nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất.

Trong thời gian qua, Hợp tác xã hoạt động có lãi đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông. Cụ thể như sau: Năm 2019 tổng lợi nhuận đạt 16.000.000 đồng; năm 2020 tổng lợi nhuận đạt 18.000.000 đồng; năm 2021 tổng lợi nhuận đạt 28.000.000 đồng; năm 2022 lợi nhuận đạt 40.000 đồng; năm 2023 lợi nhuận 30.000.000 đồng. Hoạt động dịch vụ của Hợp tác xã đã góp phần làm ổn định sản xuất nông nghiệp trong khu vực, các thành viên Hợp tác xã tham gia liên kết với công ty.

Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đánh giá, phân loại: đạt loại khá năm 2023.

Năm 2021 Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành thực hiện: Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, liên kết tiêu thụ công ty trách nhiệm hữu hạn Tín Thành ATC tiêu thụ nông sản lúa với diện tích 52 ha/ 1 vụ (156 ha/năm) và cày xới cung ứng dịch vụ với diện tích 120 ha ở khu vực vùng Vĩnh Thành 2 thuộc ấp

Trung Thành gồm: Vụ Đông Xuân 40 ha, Hè Thu 30 ha, Thu Đông 50 ha. Cung ứng vật tư nông nghiệp và hoạt động dịch vụ trồng trọt cây xới với tổng doanh thu 1.092.000.000đ, tổng chi phí 1.064.000.000đ lợi nhuận từ hoạt động 28.000.000đ.

Năm 2022 Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành thực hiện: Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, liên kết tiêu thụ công ty trách nhiệm hữu hạn Tín Thành ATC tiêu thụ nông sản lúa với diện tích 52 ha/ 1 vụ (156 ha/năm) và cây xới cung ứng dịch vụ với diện tích 120 ha ở khu vực vùng Vĩnh Thành 2 thuộc ấp Trung Thành gồm: Vụ Đông Xuân 40ha, Hè Thu 30 ha, Thu Đông 50 ha và cung ứng vật tư nông nghiệp và hoạt động dịch vụ trồng trọt cây xới với tổng doanh thu 1.146.000.000đ, tổng chi phí 1.106.000.000đ lợi nhuận từ hoạt động 40.000.000đ.

Năm 2023 Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành thực hiện: Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp với diện tích 140 ha (vụ Đông Xuân 50 ha, Hè Thu 40 ha, Thu Đông 50 ha); liên kết tiêu thụ Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu nông nghiệp Song Nhân tiêu thụ nông sản lúa với diện tích 52 ha/ 1 vụ (156 ha/năm); cung ứng dịch vụ cây xới với diện tích 120 ha (vụ Đông Xuân 40 ha, Hè Thu 30 ha, Thu Đông 50 ha) tại tiểu vùng Vĩnh Thành 2 - ấp Trung Thành. Tổng doanh thu các dịch vụ 1.126.000.000đ, tổng chi phí 1.096.000.000đ lợi nhuận từ hoạt động 30.000.000đ.

Năm 2024 Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành thực hiện: Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp với diện tích 150 ha (vụ Đông Xuân 50 ha, Hè Thu 50 ha, Thu Đông 50 ha); liên kết tiêu thụ Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu nông nghiệp Song Nhân tiêu thụ nông sản lúa với diện tích 52 ha/ 1 vụ (156 ha/năm); cung ứng dịch vụ cây xới với diện tích 130 ha (vụ Đông Xuân 40 ha, Hè Thu 30 ha, Thu Đông 50 ha) tại tiểu vùng Vĩnh Thành 2- ấp Trung Thành. Ước lượng tổng doanh thu các dịch vụ 1.175.000.000đ.

Trong các năm qua các thành viên trong Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành và nông dân trong xã được Trạm Khuyến Nông, Trạm Bảo vệ thực vật huyện Châu Thành... tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng lúa áp dụng theo chương trình 1 phải 5 giảm, 3 giảm 3 tăng, những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ phục vụ trong sản xuất nông nghiệp, nông dân tham gia tập huấn được hướng dẫn các qui trình nông nghiệp như: Kỹ thuật làm đất, san phẳng mặt ruộng bằng tia laser, chọn giống và sử dụng giống tốt, kỹ thuật bón phân, xử lý sâu bệnh... Qua đó nâng cao năng lực và nhận thức của nông dân, giúp nông dân mạnh dạn ứng dụng công nghệ và trong sản xuất góp phần vào thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương, nâng cao giá trị ngành hàng hóa.

Công tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực: Từ năm 2019 - 2024, HTXNN Vĩnh Thành đại diện cho thành viên ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty trách nhiệm hữu hạn Tín Thành ATC, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu nông nghiệp Song Nhân với diện tích 884 ha. Trong đó, số lượng thành viên có diện tích tham gia liên



kết sản xuất tiêu thụ là 26/120 thành viên với diện tích là 156 ha/480 ha chiếm 32,5% tổng diện tích của thành viên HTX. Cụ thể:

- Năm 2019: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 104 ha (2 vụ hè thu và thu đông) với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

- Năm 2020: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha (3 vụ đông xuân, hè thu và thu đông) với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

- Năm 2021: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

- Năm 2022: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

- Năm 2023: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

- Năm 2024: Diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha với giá bán cao hơn giá thị trường từ 200đ - 500đ/kg lúa tươi.

Về hiệu quả kinh tế, HTX NN được thành lập và phát triển dịch vụ đã góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho người dân là thành viên HTX, lao động làm việc cho HTX và gián tiếp tăng thu nhập cho người nông dân sử dụng dịch vụ giá rẻ do HTX cung ứng, giảm chi phí sản xuất. Dịch vụ hỗ trợ liên kết sản xuất lúa không những góp phần tăng thu nhập cho HTX và người dân, mà còn tạo tiền đề cho nhiều hoạt động liên kết khác trong các năm sau.

Về hiệu quả cộng đồng, xã hội mà dịch vụ của HTX mang lại, HTX NN tập hợp sản xuất được một bộ phận người nông dân, giúp cho việc triển khai chủ trương, chính sách của địa phương nhanh chóng và nhất quán hơn; vai trò pháp nhân và hoạt động dịch vụ của HTX còn thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp đến ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ. Doanh nghiệp có đầu mỗi tập hợp người sản xuất, có điểm tập kết vật tư, nông sản. Người sản xuất có đầu ra ổn định, được cho ứng trước vật tư sản xuất. Dịch vụ liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty TNHH Tín Thành ATC bền vững qua nhiều năm, là tiền đề và tiềm năng để HTX ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với các doanh nghiệp khác trong thời gian tới. Đây là kết quả đáng phấn khởi, là động lực để đội ngũ quản trị và thành viên tiếp tục cố gắng để đem lại nhiều giá trị hơn cho người nông dân và thành viên.

Ngoài ra, hàng năm HTX cũng tiến hành xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp, định hướng cho nông dân thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp địa phương.

Định hướng tới HTX mua máy bay phun thuốc nông nghiệp 3 trong 1 để phục vụ cho các thành viên và nông dân trong vùng với giá hợp lý. Qua đó, từng bước tạo được niềm tin, uy tín cho Hợp tác xã.

## **(02) Xã Vĩnh Nhuận**

Xác định phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao thu nhập, đời sống người dân và đây là yếu tố cốt lõi trong xây dựng nông thôn mới. Do đó, thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, huyện, Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng Kế hoạch về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi (trong đó tập trung sản xuất lúa giống là sản phẩm chủ lực của địa phương) và những năm qua xã đã tập trung tuyên truyền vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả của sản phẩm sản xuất, đồng thời tích cực mở rộng liên kết sản xuất với các doanh nghiệp để có thị trường tiêu thụ ổn định, giúp người nông dân an tâm sản xuất và đạt một số kết quả như sau:

Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa. Địa chỉ trụ sở: ấp Vĩnh Hòa 1, xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa (gọi tắt là HTX NN Vĩnh Hòa) được thành lập với giấy chứng nhận ĐKHTX số 1602173280 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 1998, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 22 tháng 8 năm 2023, đến nay số lượng là 57 thành viên với vốn góp 139.200.000 đồng; do ông Bùi Văn Cường làm đại diện theo pháp luật. Bộ máy, gồm: Hội đồng quản trị: 03 người, Ban giám đốc: 01 người, phụ trách kỹ thuật: 01 người, kế toán: 01 người, thủ quỹ: 01 người; địa chỉ trụ sở: ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; thực hiện các loại hình dịch vụ sản xuất kinh doanh: bơm tiêu chống úng, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hàng năm HTX đều có tổ chức Đại hội thường niên, báo cáo lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh cho năm tiếp theo nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất; định hướng tới HTX vận động thêm thành viên và đẩy mạnh các hoạt động cung ứng và sản xuất lúa giống xác nhận, bao tiêu lúa chất lượng cao, làm đại lý ủy thác cung ứng vật tư.

Năm 2023: Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Nhuận được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đánh giá, phân loại: đạt loại tốt.

- Trong thời gian qua, HTX hoạt động có lãi đảm bảo lợi nhuận cho thành viên. Cụ thể như sau:

+ Năm 2020: tổng doanh thu 552.580.000 đồng, tổng chi phí 434.379.924 đồng, lợi nhuận từ hoạt động 118.200.076 đồng.

+ Năm 2021: tổng doanh thu 481.006.000 đồng, tổng chi phí 389.169.500 đồng, lợi nhuận từ hoạt động 91.836.500 đồng.

+ Năm 2022: tổng doanh thu 554.770.000 đồng, tổng chi phí 462.387.900 đồng lợi nhuận từ hoạt động 92.382.100 đồng.

+ Năm 2023: tổng doanh thu 2.835.015.000 đồng, tổng chi phí 2.765.265.000 đồng lợi nhuận từ hoạt động 69.750.000 đồng.

- HTX đại diện cho thành viên ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời từ năm 2021 - 2023 với diện tích 663,71 ha, trong đó số lượng thành viên có diện tích đất tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ là 22/57 thành viên đạt 38,6%, với diện tích là 655,2/663,71 ha đạt 98,72% tổng diện tích của HTX tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ với Công ty, cụ thể:

+ Năm 2021: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 215,32 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

+ Năm 2022: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 211,1 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

+ Năm 2023: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 237,3 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

- Năm 2024, Hợp tác xã vẫn hoạt động hiệu quả và ổn định.

Về hiệu quả kinh tế, HTX NN được thành lập và phát triển dịch vụ đã góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho người dân là thành viên HTX, lao động làm việc cho thành viên HTX.

Dịch vụ hỗ trợ liên kết sản xuất lúa không những góp phần tăng thu nhập cho thành viên HTX mà còn tạo tiền đề cho nhiều hoạt động liên kết khác trong các năm sau.

### **(03) Xã Cần Đăng**

Hiện trạng trên địa bàn xã Cần Đăng có Hợp tác xã nông nghiệp Hòa A (gọi tắt là HTX NN Hòa A) được thành lập với giấy chứng nhận ĐKHTX số 52100700009 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 2 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12 tháng 01 năm 2022, đến nay số lượng là 99 thành viên với vốn góp 54.200.000 đồng; do ông Trịnh Văn Chênh làm đại diện theo pháp luật. Bộ máy, gồm: Hội đồng quản trị: 0 người, Ban kiểm soát: 03 người, kế toán: 01 người địa chỉ trụ sở: ấp Vĩnh Hòa A, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; thực hiện các loại hình dịch vụ sản xuất kinh doanh: Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Hàng năm HTX đều có tổ chức Đại hội thường niên, báo cáo lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh cho năm tiếp theo nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất; định hướng tới HTX vận động thêm thành viên và đẩy mạnh các hoạt động cung ứng và sản xuất lúa giống xác nhận, bao tiêu lúa chất lượng cao.

- Trong thời gian qua, HTX hoạt động có lãi đảm bảo lợi nhuận cho thành viên. Cụ thể như sau:

+ Năm 2021: tổng doanh thu 1.030.000.000 đồng, tổng chi phí 1.013.770.480 đồng, lợi nhuận từ hoạt động 16.229.520 đồng.

+ Năm 2022: tổng doanh thu 377.820.000 đồng, tổng chi phí 353.914.574 đồng, lợi nhuận từ hoạt động 23.905.426 đồng.

+ Năm 2023: tổng doanh thu 464.530.000 đồng, tổng chi phí 440.149.500 đồng lợi nhuận từ hoạt động 24.380.500 đồng.

- HTX hỗ trợ đại diện cho thành viên ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống với Công ty TNHH giống cây trồng Nông Hưng Phát và công ty Đồng Phát từ năm 2021 - 2024 với diện tích 473,5 ha, cụ thể:

+ Năm 2021: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 156 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

+ Năm 2022: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống là 81 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

+ Năm 2023: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống là 99 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

+ Năm 2024: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống là 137,5 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

Ngoài ra, HTX đứng ra vận động thành viên tham gia mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap với diện tích 11ha (Quyết định số: 3588-22/QĐCN-TT-FAO)

Năm 2023: Hợp tác xã nông nghiệp Hoà A được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đánh giá, phân loại: đạt loại khá.

- Về hiệu quả kinh tế, HTX NN được thành lập và phát triển dịch vụ đã góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho người dân là thành viên HTX, lao động làm việc cho thành viên HTX. Dịch vụ hỗ trợ liên kết sản xuất lúa không những góp phần tăng thu nhập cho thành viên HTX mà còn tạo tiền đề cho nhiều hoạt động liên kết khác trong các năm sau.

#### **(04) Xã Bình Hòa**

Hợp tác xã nông nghiệp Bình Hoà. Địa chỉ trụ sở: ấp Phú An I, xã Bình Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được thành lập với giấy chứng nhận ĐKHTX 521007000015 cấp ngày 14/12/2017, vốn điều lệ đăng ký ban đầu 150.000.000 đồng, do ông Phó Văn Nghệ làm đại diện theo pháp luật; Bộ máy, gồm: Hội đồng quản trị: 03 người, Ban giám đốc: 01 người, kế toán: 01 người, thủ quỹ: 01 người. Dịch vụ hiện nay của HTX đang thực hiện dịch vụ: Dịch vụ mua bán rom cuộn, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch và liên kết tiêu thụ lúa.

Hàng năm HTX đều có tổ chức Đại hội thường niên, báo cáo lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh cho năm tiếp theo nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất; định hướng tới HTX vận động thêm thành viên và đẩy mạnh các hoạt động cung ứng và sản xuất lúa giống xác nhận, bao tiêu lúa chất lượng cao, làm đại lý ủy thác cung ứng vật tư.

Năm 2023: HTX Nông nghiệp Bình Hoà (HTX NN Bình Hoà) thực hiện:

- HTX NN Bình Hoà trong năm 2023 đã đại diện tiến hành thu mua rơm nguyên liệu của xã viên và một số nông dân trong và ngoài xã với diện tích là 161 ha. Thu mua với mức giá là: 50.000 đồng/ 1.000 m<sup>2</sup>. Sau đó, HTX tiến hành cuộn và bán lại cho nông dân trong và ngoài xã với số lượng 16.100 cuộn rơm phụ vụ cho nông dân trồng nấm, làm thức ăn cho trâu bò, các hộ dân làm rẫy... HTX được trích 8.825.000 đồng.

- Tư vấn, hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị như: HTX đã đứng ra làm đại diện kí hợp đồng liên kết sản xuất lúa cho nông dân với công ty Giống cây trồng Nông Hưng Phát: diện tích 163,5 ha/26 hộ (sản xuất 03 vụ).

- + Vụ Đông Xuân: 54,5 ha / 26 hộ.

- + Vụ Hè thu: 54,5/ 26 hộ.

- + Vụ Thu đông: 54,5/ 26 hộ.

Qua đó HTX thu hoa hồng từ hoạt động này qua : 8.175.000 đồng ( HTX được trích 50.000đ/ ha )

***b) Chỉ tiêu 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn***

Tính đến cuối năm 2024, 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn và còn thời hạn. Cụ thể như sau:

(01) Xã Vĩnh Thành: có 02 sản phẩm OCOP của Hộ Kinh doanh Yến Phương tại ấp Trung Thành

- Sản phẩm nước mắm chay Cô Nành được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của UBND tỉnh An Giang.

- Sản phẩm Tàu hủ ky Cô Nành được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Châu Thành.

(02) Xã Vĩnh Nhuận: có 02 sản phẩm OCOP của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa tại ấp Vĩnh Hòa.

- Sản phẩm Sầu riêng Vĩnh Hòa được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 6531/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND huyện Châu Thành.

- Sản phẩm Nhãn Phát tài Vĩnh Hòa được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Châu Thành.

(03) Xã Cần Đăng: có 01 sản OCOP của Hộ Kinh doanh Hoàng Huy

- Sản phẩm Nấm đông trùng hạ thảo khô được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 6531/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND huyện Châu Thành.

(04) Xã Bình Hòa: có 01 sản phẩm OCOP của Cơ sở Đông Nam tại ấp Phú An I

- Sản phẩm Nước cốt trái Nhàu được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 Sao theo Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND huyện Châu Thành.

***c) Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm***

Từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, năm 2011 đến nay, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 11/11 xã. Các mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất và đã dần thay đổi được tập quán sản xuất theo hướng truyền thống mà dần thay thế vào đó là phương pháp hiện đại nâng cao năng suất, tiết kiệm thời gian cũng như công lao động góp phần mang lại thu nhập cho người sản xuất.

Qua nhiều năm thực hiện có một số mô hình phát triển và được nhân rộng đến các hộ xung quanh, cải tiến phương thức sản xuất từng bước nâng cao thu nhập cho người dân. Trong đó, mô hình ứng dụng hệ thống tưới trên cây ăn trái là mô hình được ứng dụng rộng rãi bởi tính năng dễ thực hiện và khả năng duy trì cao, đồng thời mang lại những hiệu quả thiết thực như: giúp tăng năng suất cây trồng từ 40 đến 50%, giảm chi phí công lao động đề tưới, chăm sóc từ 70 đến 80%, tiết kiệm khoảng 30% lượng nước tưới so với tưới truyền thống, tăng giá trị sản xuất từ 30 đến 45%, tăng thu nhập từ 20 đến 40%.

Huyện có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có mô hình ứng dụng công nghệ cao một trong các lĩnh vực như: trồng trọt, thủy sản, cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: mô hình “Ứng dụng ứng dụng kỹ thuật trong nuôi ghép các giống Linh sam phù hợp với khí hậu địa phương”

- Xã Vĩnh Nhuận: mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển qua điện thoại cho vườn sầu riêng; mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn và sầu riêng

- Xã Cần Đăng: mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn và quýt

- Xã Bình Hòa: mô hình “ Nuôi lợn sinh sản trong ống nhựa bằng thức ăn dạng viên nén từ các nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương.”

***d) Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã***

Trên địa bàn 04/04 xã có Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. Cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: có THT Tân Thành được chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 30 ha có gắn mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xã Vĩnh Nhuận: có HTX NN Vĩnh Hòa được chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp mã số vùng trồng và đã được cấp chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 15 ha; chứng nhận sản xuất sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 10 ha có gắn mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xã Cần Đăng: có HTX NN Hòa A được chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 10 ha có gắn mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xã Bình Hòa: có HTX NN Bình Hòa được chứng nhận sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 10 ha có gắn mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

***e) Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt  $\geq 10\%$***

Sản phẩm chủ lực của các địa phương bán qua kênh thương mại điện tử hiện nay khá đa dạng với nhiều sản phẩm OCOP, thực phẩm chế biến, các sản phẩm nông sản đặc trưng của các địa phương. Các sản phẩm chủ lực này được các cơ sở, hộ kinh doanh đưa bán trên các kênh thương mại điện tử như: Lazada.com; sendo.vn; shopee.vn; sanphamangiang.com;...đảm bảo các yêu cầu, quy định chung về đăng ký kinh doanh, nhãn hiệu hàng hóa, công bố chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm,...

Hiện nay, 04/04 xã trên địa bàn có sản phẩm chủ lực được bán qua kênh Thương mại điện tử với tỷ lệ trên 10%.

***f) Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng***

Cả 04/04 xã đều được cấp mã số vùng trồng cho lúa. Các mã số vùng trồng có văn bản của Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh An Giang xác nhận vùng trồng đạt yêu cầu theo quy định. 04/04 xã đạt chỉ tiêu 13.6 về vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

***g) Chỉ tiêu 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội***

Hiện nay, trên địa bàn huyện Châu Thành chưa có khu du lịch, điểm du lịch được công nhận theo quy định. Tuy nhiên, trong thời gian qua, huyện xác định phát triển du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và giới thiệu những địa điểm tham quan hấp dẫn trên địa bàn huyện. Do đó, để thúc đẩy phát triển du lịch, huyện quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đa dạng sản phẩm, đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông hiện đại, đặc biệt là mạng xã hội có sức ảnh hưởng sâu rộng và mang lại hiệu quả cao hơn. Do đó, cùng với công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch Châu Thành thông qua các hình thức như cổ động trực quan, băng rôn, áp phích; các hoạt động văn hóa, văn nghệ lồng ghép triển lãm quảng bá hình ảnh du lịch Châu Thành tại các ĐSHVHTT, TTVH&HTCĐ, TTVHTT của các xã, thị trấn; tham gia các hội chợ, tuần lễ du lịch được tổ chức trong và ngoài tỉnh; xây dựng và lắp đặt các biển địa giới hành chính, biển quảng cáo, biển chỉ đường có nội dung quảng bá du lịch;... Các xã đã tăng cường quảng bá, đăng tải các tin, bài viết, clip giới thiệu, quảng bá rộng rãi về các địa điểm tham quan, lợi thế, tiềm năng, các hoạt động văn hóa và thể thao truyền thống của địa phương thu hút khách du lịch thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội như: Trang thông tin điện tử xã và các tài khoản cộng đồng mạng xã hội như facebook, youtube, zalo, tango,...

- + <https://anchau.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://anhua.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://binhhua.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://binhthanh.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://candang.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://hoabinhthanh.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://tanphu.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhan.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhbinh.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhhanh.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhnhuan.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhloi.chauthanh.angiang.gov.vn/>;
- + <https://vinhthanh.chauthanh.angiang.gov.vn/>.

Qua đó, các xã đã thực hiện và đăng tải các nội dung quảng bá, giới thiệu các hình ảnh du lịch, về các tiềm năng; điều kiện tự nhiên; danh lam thắng cảnh; các địa điểm có khả năng phục vụ khách du lịch như di tích lịch sử; làng nghề mừng mền (Bình Hòa); hệ thống lưu trú; những địa điểm có cảnh quan đẹp, các



sản phẩm quà tặng - sản phẩm OCOP - sản phẩm đặc trưng địa phương... và một số vườn cây ăn trái kết hợp vui chơi, giải trí phục vụ khách du lịch.

***h) Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)***

Huyện có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có mô hình ứng dụng công nghệ cao một trong các lĩnh vực như: trồng trọt, thủy sản, cụ thể:

- Xã Vĩnh Thành: mô hình “Ứng dụng ứng dụng kỹ thuật trong nuôi ghép các giống Linh sam phù hợp với khí hậu địa phương”

- Xã Vĩnh Nhuận: mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển qua điện thoại cho vườn sầu riêng; mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn và sầu riêng

- Xã Cần Đăng: mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn và quýt

- Xã Bình Hòa: mô hình “ Nuôi lươn sinh sản trong ống nhựa bằng thức ăn dạng viên nén từ các nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương.”

Ngoài ra, từ các mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ phát triển sản xuất đã xuất hiện các sản phẩm được chứng nhận danh hiệu sản phẩm OCOP như: Khô cá lóc Ngọc Nhi, Sầu riêng Vĩnh Hòa, Nhãn phát tài. Định hướng sắp tới thực hiện các mô hình trồng trọt, chăn nuôi chú trọng tạo ra sản phẩm chất lượng để tham gia OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm thương hiệu An Giang.

**3.13.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.14 Về Y tế**

#### **3.14.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt  $\geq 95\%$***

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh và thực hiện đồng bộ, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Bình quân trên địa bàn các xã, thị trấn tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,52%. Riêng 04/04 xã đạt từ 95% trở lên.

***b) Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe  $\geq 90\%$***

Công tác quản lý sức khỏe người dân là một hoạt động thường quy nhằm theo dõi, đánh giá tình trạng sức khỏe cho mọi người một cách khoa học nhất, cán bộ ngành y tế đã liên tục triển khai cập nhật bổ sung thông tin cá nhân của từng người dân và tuyên truyền vận động bản thân mỗi người dân thông tin của bản thân vào ứng dụng sổ sức khỏe của mình. Tại các cơ sở y tế bố trí bàn hướng dẫn người dân cài đặt các ứng dụng như sổ sức khỏe điện tử, VNeID, VssID... cho người dân; khuyến khích người dân sử dụng ứng dụng để ghi triệu

chứng lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú; cập nhật kết quả khám, chữa bệnh khi đi khám bệnh... Trạm y tế triển khai thực hiện tốt công tác tiêm chủng và quản lý sức khỏe nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là quản lý, điều trị bệnh nhân mắc bệnh mãn tính không lây như: tăng huyết áp, đái tháo đường, tim mạch... Tổng số người dân được quản lý sức khỏe trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt > 90%. Kết quả 04/04 xã đạt.

***c) Chỉ tiêu 14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa > 40%***

Triển khai thực hiện Đề án “khám chữa bệnh từ xa”: khám chữa bệnh từ xa mang lại nhiều lợi ích thiết thực, nhất là trong bối cảnh khó khăn về địa lý đối với việc đi lại, thiên tai và đại dịch. Việc lồng ghép khám chữa bệnh từ xa trong hệ thống y tế sẽ giảm thiểu sự bất bình đẳng và các rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế của các nhóm yếu thế. Khám chữa bệnh từ xa cũng giúp tiết kiệm được nguồn lực (chi phí, thời gian và công sức) nhờ hạn chế được các lần thăm khám trực tiếp phải di chuyển rất xa, cần lời khuyên hay tư vấn từ các chuyên gia, hoặc cần hội chẩn nhiều chuyên khoa.

Dịch vụ khám chữa bệnh từ xa có thể giúp người bệnh tuân thủ điều trị tốt hơn và quản lý sức khỏe hiệu quả hơn, tuyến trên hỗ trợ tuyến dưới tăng khả năng cung cấp dịch vụ y tế cũng như sự tin tưởng của người dân với y tế cơ sở. Không những thế, khám chữa bệnh từ xa còn có thể giúp mang lại sự an toàn cho người bệnh cũng như nhân viên y tế, đặc biệt là trong các tình huống có nguy cơ lây nhiễm bệnh như trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

Trạm Y tế ở 04/04 xã đã triển khai công tác ứng dụng công nghệ trong việc khám, tư vấn sức khỏe cho người dân từ xa, niêm yết công khai số điện thoại của các Bác sỹ, Y sỹ tại Trạm Y tế để thuận lợi cho người dân chủ động liên hệ tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, bệnh tật đỡ tốn công sức, thời gian đi lại... đồng thời giới thiệu đến người dân sử dụng ứng dụng của Nền tảng VTelehealth tại địa chỉ <https://vtelehealth.gov.vn> do Cục Công nghệ thông tin – Bộ Y tế xây dựng, triển khai thống nhất cả nước (Quyết định 823/QĐ-BYT ngày 15/02/2023 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa

Đến cuối năm 2024, tỷ lệ người dân sử dụng ứng dụng khám bệnh, chữa bệnh từ xa tại 04/04 xã trên địa bàn đạt trên 40%.

***d) Chỉ tiêu 14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 70%***

Đề công tác quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân được đồng bộ toàn diện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, huyện Thoại sơ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng “Sổ sức khỏe điện tử” ngay khi đến khám bệnh. Phối hợp ban ngành đoàn thể huyện, xã, thị trấn tiếp tục vận động người dân tham gia cài đặt và sử dụng, khai thác thông tin sức khỏe trên các ứng dụng liên quan như VssID, VNeID, tự cập nhật thông tin sức khỏe, khám bệnh chữa bệnh của bản thân vào các ứng dụng. Triển khai liên thông đơn thuốc ngoại trú tích hợp BHYT trên

ứng dụng sức khỏe điện tử của người dân khi khám bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh tạo điều kiện cho người theo dõi được quá trình điều trị, thuốc điều trị của người bệnh.

Tổng số người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều đạt tỷ lệ trên 70%.

**3.14.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Y tế theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.15 Về Hành chính công**

#### **3.15.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính***

Các thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý trên môi trường mạng, có cán bộ tiếp nhận và xử lý. Hiện nay trên địa bàn 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho bộ phận văn phòng giải quyết thủ tục hành chính như máy vi tính, máy scan, máy in,... Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc đảm bảo 01 máy/người (đạt 100%), 100% máy vi tính được kết nối đường truyền internet, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối thông tin và thực hiện giải quyết hồ sơ trực tiếp và trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh, bộ, của Quốc gia và khai thác cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thay cho sổ hộ khẩu của người dân, doanh nghiệp.

Ngoài ra, các xã triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến tại bộ phận một cửa cấp huyện, xã. Thủ tục hành chính được giải quyết đều được công khai trên các phương tiện truyền thông.

Bưu điện cung cấp đầy đủ kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của các xã.

***b) Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên***

04/04 xã nông thôn mới nâng cao đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND huyện về thực hiện cải cách hành chính, trong đó có công tác chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình; đảm bảo 100% thủ tục được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời tại bộ phận một cửa, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng. Tất cả các xã đều thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo danh mục được quy định của UBND tỉnh An Giang, thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của chỉ tiêu. Kết quả có 04/04 xã đạt chỉ tiêu

***c) Chỉ tiêu 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp***

Công tác giải quyết thủ tục hành chính được UBND huyện triển khai thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên, thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo đúng

quy định, hạn chế tình trạng giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp. Đã công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại UBND các xã, tất cả các xã đạt theo yêu cầu.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tất cả các xã đều đạt theo yêu cầu.

- 04/04 xã đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận của 04/04 xã đạt trung bình 89,36%, tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ đạt trung bình 92,26%.

- Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã.

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp của 04/04 xã nông thôn mới nâng cao trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính của 04/04 xã đạt tỷ lệ 100%.

**3.15.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.16 Về Tiếp cận pháp luật**

#### **3.16.1 Kết quả thực hiện**

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn số 1170/HD-STP ngày 26/7/2024 của Sở Tư pháp hướng dẫn nội dung tiêu chí 16 “tiếp cận pháp luật” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Qua kiểm tra hồ sơ minh chứng Tiêu chí 16 - Tiếp cận pháp luật đối với 04 xã trên địa bàn huyện Châu Thành bao gồm: xã Vĩnh Nhuận, Vĩnh Thành, Bình Hòa, Cần Đăng: UBND các xã đã ban hành kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024, thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ, Nhân dân trên địa bàn xã.

Đồng thời, tổ chức triển khai các nhiệm vụ đảm bảo các chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; xây dựng mỗi xã ít nhất 02 mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở và 01 mô hình hòa giải ở cơ sở; kịp thời hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; thực hiện xã hội hóa, thu hút nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý và phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý; thực hiện tốt công tác dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật.

**a) Chỉ tiêu 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận**

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở đạt tỷ lệ 90% trở lên.

**b) Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt  $\geq 90\%$**

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải thành): đạt tỷ lệ 90% trở lên.

**c) Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt  $\geq 90\%$**

Có 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 90% trở lên.

**3.16.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.17 Về Môi trường**

#### **3.17.1 Kết quả thực hiện**

**a) Chỉ tiêu 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường**

Trên địa bàn huyện có 13 xã, thị trấn, có 04/13 xã thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trong đó, 04 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản tập trung.

**b) Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%**

*\* Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường*

- Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn 04 xã là 81 cơ sở, số cơ sở hoạt

động thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường là 81 cơ sở, đồng thời 81/81 cơ sở đã được xác nhận thủ tục về môi trường, đạt tỷ lệ: 100%.

- Số cơ sở sản xuất - kinh doanh thực hiện theo đúng các giải pháp bảo vệ môi trường được phê duyệt trong hồ sơ: Đã kiểm tra 81/81 cơ sở theo kế hoạch đề ra. Trong đó, 81/81 cơ sở thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường được duyệt, đạt tỷ lệ 100%.

**➔ Đánh giá: đạt.**

*\* Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường*

- Tổng số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường: 463 hộ. Trong đó:

+ Hộ kinh doanh: 451 hộ.

+ Hộ nuôi trồng thủy sản: 12 hộ.

UBND 04 xã đã cho 463 cơ sở/hộ sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường và kiểm soát nguồn thải trong nuôi trồng thủy sản.

*\* Làng nghề:* Trên địa bàn 04 xã có 02 làng nghề được công nhận tại xã Bình Hòa, Cần Đăng.

- Làng nghề lợp lươn Cần Đăng tại xã Cần Đăng được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp, có phương án bảo vệ môi trường làng nghề (*Kèm hồ sơ Phương án được phê duyệt*) theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 02/8/2017; đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề lợp lươn Cần Đăng theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017.

+ Đến thời điểm hiện tại có khoảng 236 hộ dân làm nghề với tổng số lao động là 658 người, trong đó khoảng 45 hộ làm nghề chính là sản xuất lợp lươn thành phẩm, còn lại các hộ khác chỉ nhận về gia công. Trong số 236 hộ gia đình tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Cần Đăng đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Tình hình hoạt động và công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề:

Quy mô khoảng 4.500 cái lợp lươn/ngày;

Quy trình sản xuất: sau khi thu mua tre tươi từ các hộ trồng tre trong và ngoài tỉnh về các hộ dân thực hiện các công đoạn như cưa, chẻ nan và vót nan sau đó mang đi phơi khoảng 01 ngày, tiếp tục thui rế để giảm độ ẩm, sau đó mang đi bện hòm, đáy lợp, dẹt mình, câu mình và ráp vỉ định hình thành lợp lươn.

Chất thải phát sinh từ làng nghề: chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh chủ yếu từ các công đoạn gia công, sản xuất như cưa đoạn thân tre đến vót nan tre, bện hom; đáy lợp đến câu mình; ráp vỉ với các thành phần chủ yếu như mặt dăm, rẽ tre sau khi cắt mép, vỏ, ruột tre, dây gân, dây chì vụn thải bỏ,... Theo ước tính, bình quân sản xuất thành phẩm 100 cái lợp lươn thì lượng chất thải rắn sản xuất thông thường thải bỏ khoảng 15,5 kg/ngày. Biện pháp xử lý: đối với các loại phế thải từ cọng dừa, bẹ dừa, trúc thải bỏ từ quá trình gia công như mặt dăm, mắt tre, vỏ và ruột tre, thân tre, rẽ tre sau khi cắt mép... đều được các hộ dân làm nghề tận dụng lại làm chất đốt trong quá trình thui rẽ; Các loại dây gân, dây chì thải bỏ được các hộ dân thu gom cẩn thận cho vào bao chứa tái sử dụng lại hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty TNHH Xây dựng Môi trường xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên tại xã Bình Hòa để xử lý theo quy định. Nước thải sinh hoạt hiện nay các hộ dân trong làng nghề đều có công trình thu gom, xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (hầm tự hoại), xử lý với quy mô hộ gia đình. Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải sản xuất.

- Làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mùng mền Bình Hòa được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiêu thủ công nghiệp, có phương án bảo vệ môi trường làng nghề (*Kèm hồ sơ Phương án được phê duyệt*) theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 11/03/2013; đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mùng mền Bình Hòa theo Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 23/8/2018.

+ Đến thời điểm hiện tại có khoảng 26 hộ sản xuất, kinh doanh làm nghề với tổng số lao động là 572 người, trong đó làm việc chính thức tại nhà xưởng là 62 người và nhận về nhà gia công là 410 người. Trong số 26 hộ tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND xã Bình Hòa đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Tình hình hoạt động và công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề:

Quy mô: 07 hộ sản xuất và kinh doanh mua bán 10.000 sản phẩm/ngày; 19 hộ kinh doanh mua bán 5.000 sản phẩm/ngày.

Quy trình sản xuất: Vải nguyên liệu được chủ dự án thu mua từ các nhà phân phối, đại lý bán sỉ và vận chuyển về cơ sở. Khi có đơn hàng hoặc có nhu cầu của thị trường thì tiến hành cắt vải theo mẫu được thợ vẽ sẵn. Sau đó may thành các sản phẩm mùng, mền, áo gối,... Riêng đối với gối, thú nhồi bông thì khi may xong sẽ nhồi ruột gối và may ghép mí lại lần nữa mới hoàn thành sản phẩm.

Chất thải phát sinh từ làng nghề: chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh chủ yếu từ các công đoạn cắt, may làm phát sinh vải thừa, vải vụn với khối lượng bằng khoảng 1% khối lượng sản phẩm. Biện pháp xử lý: đối với các loại vải vụn, vải thừa, chỉ vụn,... được thu gom và bán lại cho cơ sở gia công đan

võng, cơ sở nhồi ruột gói, ruột đệm. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty TNHH Xây dựng Môi trường xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên tại xã Bình Hòa để xử lý theo quy định. Nước thải sinh hoạt hiện nay các hộ dân trong làng nghề chủ yếu được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại ba ngăn. Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải sản xuất.

→ Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.2 (đạt 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản có đầy đủ hồ sơ môi trường và thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định).

***c) Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt  $\geq 95\%$***

***\* CTR sinh hoạt:***

Trên địa bàn 04 xã có tổng số hộ dân hiện có 15.210 hộ, với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên toàn địa bàn 04 xã khoảng 26,8 tấn/ngày, trong đó số hộ dân tham gia mạng lưới thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định trên địa bàn 04 xã là 14.802/15.210 hộ (đạt tỷ lệ 97,3%), toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân được Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; số hộ dân còn lại tự thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp ở khu vực chưa tổ chức thu gom theo tuyến do điều kiện khách quan với hình thức thu gom, xử lý với nội dung cụ thể như sau: (1) Đối với lượng chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa), UBND 05/05 xã đã bố trí bao cho các hộ dân phân loại, thu gom loại chất thải này để bán cho các đơn vị thu mua phế liệu hoặc chuyển giao cho Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, xử lý theo quy định (cụ thể, tăng cường triển khai đồng bộ công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang theo yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2563/STNMT-MT ngày 24/7/2023) với khối lượng khoảng 0,05 tấn/ngày, đối với chất thải rắn hữu cơ do người dân đăng ký tự xử lý bằng biện pháp phù hợp tại nhà khoảng 0,21 tấn/ngày chủ yếu là rác hữu cơ dùng làm thức ăn chăn nuôi và ủ phân bón compost, đối với rác thải vườn: lá cây, cỏ, nhánh cây khô... các hộ dân tận dụng để làm vật liệu đốt.

- Hình thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn 04/04 xã đều được bố trí thùng rác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân nằm trên tuyến đường, khu vực công cộng, công viên,... với tổng số lượng thùng là 2.104 thùng chứa rác trên các tuyến đường. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành đều Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh theo Hợp đồng số 55/2024/HĐ-PTNMT ngày 07/6/2024 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành và Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường



Xanh về việc thu gom rác thải, cụ thể: đơn vị thu gom sử dụng 08 chiếc xe ép rác chuyên dụng (tải trọng từ 03 đến 10 tấn) đều được lắp đặt thiết bị bơm tuần hoàn trong xe rác để không xảy ra tình trạng nước rỉ rác rò rỉ ra bên ngoài, phân chia theo lịch trình thu gom, với tần suất 01 lần/ngày, để vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý theo đúng quy định.

- Trong thời gian tới, để nâng cao số hộ dân tham gia mạng lưới thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định tại một số tuyến đường nhỏ, hẻm trên địa bàn huyện Châu Thành, UBND huyện Châu Thành sẽ phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tổ chức thực hiện mở rộng thu gom rác trên các tuyến đường nhỏ hẹp chưa có dịch vụ thu gom rác.

*\* CTR không nguy hại:*

- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường và thuộc đối tượng không lập hồ sơ môi trường theo quy định là 544 cơ sở. Chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải không nguy hại thu gom, xử lý đạt 100%.

- Chất thải xây dựng phát sinh chủ yếu xà bần như: các loại chất thải, mảnh vụn nhỏ của gạch, đá, xi măng, sắt, gỗ vụn... được tạo thành từ việc phá hủy các công trình: xà bần được tận dụng san lấp mặt bằng, sắt, gỗ vụn: tái sử dụng hoặc bán phế liệu, được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý đạt 100%.

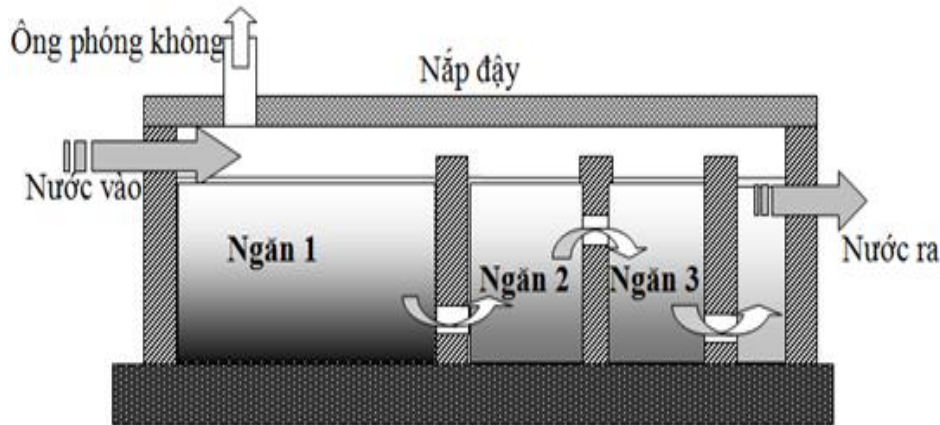
- Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn 04 xã: Rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch được nông dân sử dụng máy cuộn rơm thành cuộn tròn bán để sử dụng: trồng nấm, thức ăn gia súc,... Đồng thời, UBND 04 xã tổ chức tuyên truyền vận động người dân không để xảy ra tình trạng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường và cản trở giao thông. Góp phần tỷ lệ chất thải rắn nông nghiệp được thu gom, xử lý đạt 100%.

➔ Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.3 (Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%).

***d) Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt  $\geq 35\%$***

Các hộ gia đình trên địa bàn 04 xã đều thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả. Các hộ gia đình có hố ga riêng để xử lý nước thải phát sinh của gia đình bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn trước khi thải ra môi trường hoặc vào hệ thống thoát nước chung của cụm dân cư. Số hộ thực hiện thu gom xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp là: 14.697/15.210 hộ (đạt tỷ lệ 97%). Khối lượng nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý khoảng 5.878,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trên tổng khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 6.084 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đạt tỷ lệ 97%.

Riêng 11 khu, cụm dân cư trên địa bàn 04 xã tỷ lệ hộ dân thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt 100%. Các khu, cụm dân cư các xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư.



### Mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình

Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.4 (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 97%)

#### ***e) Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt $\geq 50\%$***

Trên địa bàn 04/04 xã có tổng số hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định là 11.646/15.210 hộ tham gia đạt tỷ lệ 76,6%, với hình thức phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau: (1) Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa) các hộ dân sử dụng bao chứa rác tái chế, tái sử dụng do UBND 04 xã bố trí để lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu mua phế liệu hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; (2) Đối với rác thải hữu cơ, thực phẩm thừa khuyến khích các hộ dân tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; (3) Đối với rác thải còn lại các hộ dân bỏ vào thùng rác hiện hữu do các hộ dân bố trí để đơn vị thu gom rác vận chuyển về các Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý theo quy định.

Để đảm bảo triển khai thực hiện và duy trì mô hình đạt hiệu quả, 04/04 xã đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn”, qua đó đã tổ chức 21 cuộc tập huấn, tuyên truyền khoảng 678 lượt người dân tham dự, đồng thời phát 833 tờ rơi, cấp phát 11.646 bao chứa chất thải tái chế, tái sử dụng cho 11.646 hộ dân tham gia mô hình phân loại chất thải rắn. Bên cạnh đó, hàng tuần 04 xã đều tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, với tần suất

phát thanh 05 buổi /tuần, bên cạnh đó xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Châu Thành.

Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh môi trường trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải nhựa): Trên địa bàn 04 xã đã bố trí trang thiết bị thu gom, lưu chứa và phân loại như sau: 2.104 thùng chứa rác các loại (loại 120 lít, loại 240 lít,...) trên các tuyến đường; tại 59 khu vực công cộng bố trí 283 thùng chứa. Qua đó, việc thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn mang đến kết quả tích cực trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau: Từng bước nâng cao ý thức của các hộ dân trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm đáng kể khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đem xử lý, các hộ dân tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được hưởng lợi ích từ việc bán rác thải tái chế, đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo công suất xử lý của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.

- Kết quả thực hiện một số mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải nhựa):

+ Tại 04/04 xã đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn” trên địa bàn các ấp.

+ Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại 17 điểm trường trên địa bàn huyện, với 17 mô hình tham gia bao gồm: ngôi nhà 100 đồng, ngôi nhà kế hoạch nhỏ, phân loại rác, thời trang tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa như dụng cụ dạy học, lớp học không có rác thải nhựa,... Nguồn kinh phí thu được từ mô hình phân loại, thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng hỗ trợ cho công tác đoàn, hội của trường và hỗ trợ tập, sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Qua thực hiện mô hình, đã thay đổi thói quen thải bỏ lãng phí lượng chất thải có thể tái chế, tái sử dụng, góp phần tiết kiệm và sử dụng hiệu quả lợi ích từ rác thải mang lại. Đồng thời, nâng cao ý thức của các hộ dân, học sinh trên địa bàn huyện Châu Thành trong công tác bảo vệ môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế tạo động lực thúc đẩy việc nhân rộng mô hình, thu hút nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 04 mô hình như: 4 tổ phụ nữ bảo vệ môi trường, 04 tổ phụ nữ đi chợ bằng giỏ nhựa, 4 tổ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, 01 tổ phụ nữ 5 có 3 sạch,... đã mang lại hiệu quả thiết thực, thay đổi thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, từ bỏ thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, chuyển sang dùng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường và có thể tái sử dụng lại nhiều lần, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Góp phần nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn huyện Châu Thành.

+ Huyện đoàn Châu Thành đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 04 mô hình và nhiều hoạt động như: 04 mô hình Thanh niên bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với hơn 230 đoàn viên thanh niên tham gia. Huyện đoàn Châu Thành và các tổ chức đoàn cơ sở trồng mới hơn 4.500 cây xanh mỗi năm, tổ chức 04 đợt Chủ nhật xanh (hàng quý), thực hiện các hoạt động thu gom rác, vật liệu tái chế, vệ sinh môi trường, cạo xóa biển quảng cáo, cắt tỉa cây xanh,....

+ Tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Châu Thành đã thực hiện không sử dụng sản phẩm từ nhựa khó phân hủy, giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại cơ quan, đơn vị trong các cuộc hội họp như sử dụng ly thủy tinh, ly nhựa, sành thay thế cho chai nhựa dùng một lần.

+ Triển khai công tác quản lý chất thải nhựa đối với các cơ sở y tế, hành nghề khám chữa bệnh trên địa bàn huyện Châu Thành, đưa nội dung giảm thiểu chất thải nhựa là một tiêu chí đánh giá cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp. Tăng cường giám sát trong việc cung cấp miễn phí túi ni lông cho khách hàng, khuyến khích người dùng mang túi, bao gói khi sử dụng dịch vụ hoặc mua thuốc.

+ Phối hợp với các đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp tổ chức nhiều lượt thu gom rác thải nhựa trao đổi nhu yếu phẩm, với lượng rác nhựa thu gom khoảng trên 1,7 tấn.

Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.5 (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 76,6%).

***f) Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%***

\* Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài vào địa bàn 04/04 xã: Không có.

***(1) Chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt của các hộ gia đình***

- UBND 04/04 xã đã tổ chức 22 mô hình điểm phân loại, thu gom và xử lý CTNH phát sinh từ rác thải sinh hoạt của hộ dân tại 22 Văn phòng ấp với sự tham gia của các hộ dân trên địa bàn các ấp. Mỗi mô hình được bố trí 02 thùng rác loại 60 lít, 120 lít, 240 lít (tùy vào điều kiện của địa phương) và bảng thông báo tại khu vực lưu chứa và dán nhãn cảnh báo trên từng thùng chứa chất thải nguy hại theo quy định, sau khi lượng chất thải nguy hại đạt thể tích của thiết bị lưu chứa sẽ được lưu tại khu vực do các ấp bố trí và UBND 05 xã sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt của các hộ gia đình được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Bên cạnh đó, để đảm bảo triển khai thực hiện và duy trì mô hình đạt hiệu quả, UBND 04/04 xã đã tổ chức 18 cuộc họp dân tuyên truyền, hướng dẫn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt nguy hại với khoảng 586 lượt người dân tham dự. Bên cạnh đó, hàng tuần 04 xã đều tuyên truyền trên hệ thống đài

truyền thanh xã, với tần suất phát thanh 02 ngày/tuần và xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Châu Thành, để vận động 15.210/15.210 hộ trên toàn địa bàn 04 xã thực hiện phân loại, thu gom chất thải nguy hại sinh hoạt về 22 mô hình điểm được bố trí tại 22 Văn phòng ấp.

### ***(2) Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất - kinh doanh***

Trên địa bàn 04/04 xã có 81 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường và 463 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề không thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường. Các cơ sở có bố trí dụng cụ và khu vực lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định, khi đảm bảo thể tích và thời gian lưu chứa theo quy định các cơ sở này sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đảm bảo đúng theo quy định đảm bảo 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (*Kết quả thực hiện trên cơ sở kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề của UBND huyện Châu Thành và UBND 04 xã*).

### ***(3) Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế***

Trên địa bàn 04/04 xã có 10 cơ sở y tế đang hoạt động gồm: 01 Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, 04 Trạm Y tế xã, 05 cơ sở y tế tư nhân. Tại 10 cơ sở y tế đều có bố trí trang thiết bị để thực hiện phân loại và bố trí khu vực lưu chứa chất thải y tế nguy hại đảm bảo theo quy định, toàn bộ lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế nêu trên đều được Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định, với khối lượng chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý khoảng 387 kg/năm (Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông là đơn vị được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với 10 cơ sở y tế đang hoạt động). Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

### ***(4) Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý***

Trên địa bàn 04 xã có tổng diện tích đất trồng trọt: 9.758,35 ha, ước khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh khoảng 7,8 tấn/năm. Đến cuối năm 2024, UBND 04 xã đã bố trí 147 thùng chứa tại các tuyến đường ra cánh đồng (đầu kênh và cuối kênh) để đảm bảo thu gom, lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định.

Bên cạnh đó, UBND 04 xã đã tổ chức 21 cuộc tập huấn, tuyên truyền, vận động nông dân, với 661 lượt người tham gia; đồng thời, các cửa hàng vật tư nông nghiệp trên địa bàn 04 xã tuyên truyền đến nông dân mua hàng tại cửa hàng nâng cao ý thức tham gia thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng để đúng nơi quy định. Toàn bộ lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được UBND huyện Châu Thành hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/năm, với tổng khối lượng bao gói thuốc bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom và xử lý đến cuối

năm 2024 khoảng 7,8 tấn. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

Ngoài ra UBND xã An Hòa, Bình Hòa, Vĩnh Thành, Vĩnh Nhuận phối hợp Công ty Tân Thành triển khai mô hình thu gom chai lọ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đổi hàng tiêu dùng, tại 16 ấp thực hiện thu gom được 1,3 tấn bao bì vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật đổi được 1.100 phần quà tiêu dùng, (đường, dầu ăn, nước tương...).

Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.6 (100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường).

**g) Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt  $\geq 80\%$**

Trong năm 2024, khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp (gồm lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi) được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:

- Chăn nuôi: Chất thải hữu cơ phát sinh nuôi gia súc, gia cầm (Trâu, bò, heo, gà, vịt) được thu gom ủ, phơi khô làm phân bón cho cây trồng; biogas thành nguyên liệu khí đốt.

- Trồng trọt: Phụ phẩm nông nghiệp được phát sinh được thu gom ủ, phơi khô làm phân bón, củi đốt,... Ngoài ra, đối với lúa các phụ phẩm rơm được cuộn lại phục vụ làm thức ăn gia súc, phủ ẩm mặt đất trồng rau, màu; rạ được xử lý cày vùi bằng các chế phẩm sinh học.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường/Khối lượng chất thải được phát sinh 05 xã, cụ thể như sau:

| STT | Tên xã        | Tỷ lệ %<br>(Tiêu chuẩn $\geq 80\%$ ) | Đánh giá |
|-----|---------------|--------------------------------------|----------|
| 01  | Xã Vĩnh Thành | 84,87                                | Đạt      |
| 02  | Xã Vĩnh Nhuận | 83,43                                | Đạt      |
| 03  | Xã Cần Đăng   | 82,60                                | Đạt      |
| 04  | Xã Bình Hòa   | 84,40                                | Đạt      |

**h) Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt  $\geq 85\%$**

Trên địa bàn 04 xã có 319/341 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 93,55% và 1/1 trang trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ bình quân chung trên 04 xã đạt 96,78%. Các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi đều thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải như xử lý bằng bể biogas, đệm lót sinh học... đảm bảo vệ sinh, môi trường và đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi.

***i) Chỉ tiêu 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch***

Trên địa bàn huyện có 04 cụm nghĩa trang nhân dân tại các xã Vĩnh Nhuận, Bình Hòa, Bình Thạnh và xã Hòa Bình Thạnh, phục vụ nhu cầu an táng của người dân trên địa bàn 11 xã trong thời gian qua. Việc mai táng trên địa bàn các xã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về Quy định về vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; Thông tư số 04/2011/BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

***j) Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt  $\geq 10\%$***

Trên địa bàn huyện có 03 cơ sở hỏa táng. Đồng thời, do phong tục tập quán địa phương nên hình thức hỏa táng chưa được người dân sử dụng rộng rãi trong cộng đồng. Địa phương đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, đảm bảo vệ sinh môi trường; kết quả tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn 04 xã thời gian qua là 73/403 người được khai tử, đạt tỷ lệ 18,11% (tiêu chí quy định  $\geq 10\%$  trở lên).

Đánh giá: Huyện Châu Thành có 04/04 xã đạt chuẩn Chỉ tiêu 17.10 thuộc Tiêu chí 17 về Môi trường thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2015 theo Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

***k) Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4m^2/người$***

Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn cụ thể tại các xã như sau: xã Vĩnh Thành đạt 24,02  $m^2/người$  (17.870  $m^2/744$  người dân); xã Vĩnh Nhuận đạt 8,75  $m^2/người$  (9.070  $m^2/1.037$  người dân); xã Cần Đăng đạt 11,71  $m^2/người$  (52.900  $m^2/4.516$  người dân); xã Bình Hòa đạt 5,92  $m^2/người$  (13.270  $m^2/2.243$  người dân). Kết quả: 04/04 xã đạt chỉ tiêu.

***l) Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt  $\geq 70\%$***

Trên địa bàn 04 xã có 81 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường và 463 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề không thuộc đối tượng phải

lập thủ tục hành chính về môi trường. Các cơ sở có bố trí dụng cụ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tổ chức thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở theo quy định.

Tổng số hộ trên địa bàn 04 xã là 15.210 hộ. Tổng số hộ tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và lồng ghép thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định là 11.646/15.210 hộ (đạt tỷ lệ 76,6%), cụ thể: Đề phân loại, thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa thì UBND 04 xã đã bố trí 11.646 bao chứa chất thải nhựa để các hộ dân tham gia mô hình, đồng thời tổ chức 21 cuộc họp dân tuyên truyền với 461 lượt người dân tham dự, nội dung tuyên truyền về phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; từ chối sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi nilon khó phân hủy; khuyến khích phát triển, sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường, đặc biệt là thực hiện tốt chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Bên cạnh đó, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, thị trấn, phát thanh 2 lần/ngày/tuần. Ước tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 04 xã khoảng 26,8 tấn/ngày, trong đó chất thải nhựa phát sinh khoảng 2,14 tấn/ngày. Chất thải nhựa được các hộ dân trên địa bàn phân loại, tái chế, tái sử dụng hoặc bán cơ sở phế liệu ước khoảng 1,64 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 76,6%.

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn quản lý: Các địa phương đã tổ chức thành lập, duy trì trên 25 mô hình, hoạt động ra quân vệ sinh môi trường, thu gom chất thải nhựa trên ao hồ, sông, rạch, các tuyến đường giao thông với 3.150 lượt người tham gia và thu gom được 12,7 tấn rác thải, trong đó ước lượng chất thải nhựa thu gom được khoảng 1,0 tấn; Treo 45 băng rôn, pano tuyên truyền tại các điểm đông dân cư, các điểm chợ, trường học, với các khẩu hiệu bảo vệ môi trường, nói không với chất thải nhựa, bảo vệ nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu,...

Kết quả: Các đơn vị, hộ dân có ý thức và phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong phong trào “Chống rác thải nhựa” như: các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh phân loại lưu trữ riêng, tận dụng tái chế, hạn chế sử dụng túi ni lông khi đi chợ, sử dụng giỏ xách nhựa. Đối với rác thải nhựa không tận dụng được bán phế liệu cho đơn vị có chức năng thu mua phế liệu. Riêng rác thải nhựa không bán phế liệu hoặc tái chế được thu gom vào thùng rác đặt trước nhà để Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Đánh giá: 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 17.12 (Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 76,6%).



**3.17.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

### **3.18 Về Chất lượng môi trường sống**

#### **3.18.1 Kết quả thực hiện**

***a) Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt  $\geq 95\%$***

Huyện Châu Thành có 02 thị trấn và 11 xã với tổng số hộ là 40.513 hộ; số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 39.475 hộ/40.513 hộ, đạt tỷ lệ 97,44%. Trong đó, 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đều có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $> 95\%$ .

***b) Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt  $\geq 60$  lít***

Qua thống kê chỉ số sử dụng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch, bình quân đầu người trên địa bàn 04 xã nông thôn mới nâng cao đạt cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt từ 60 lít/người/ngày đêm trở lên.

***c) Chỉ tiêu 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt  $\geq 40\%$***

Trên địa bàn huyện có 13 hệ thống cấp nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Xí nghiệp Điện nước Châu Thành tổ chức quản lý, nâng cấp hàng năm và khai thác bền vững. Cụ thể: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý 02 hệ thống (Trạm cấp nước Liên xã Vĩnh Bình – Cần Đăng – Vĩnh Hanh; Trạm cấp nước Vĩnh Lợi – Hòa Bình Thạnh). Xí nghiệp Điện nước quản lý 11 hệ thống (Nhà máy nước An Châu; Trạm cấp nước An Hòa; Trạm cấp nước BOO Vĩnh Hanh (cấp liên xã Vĩnh Bình- Vĩnh Hanh -Vĩnh Nhuận) ; Trạm cấp nước Bình Thạnh; Trạm cấp nước Vĩnh An; Trạm cấp nước Hòa Bình Thạnh; Trạm cấp nước Vĩnh Lợi; Trạm cấp nước Tân Phú; Trạm cấp nước Tân Thành; Trạm cấp nước Đông Bình Nhất; Nhà máy nước Bình Hòa). Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100% (13/13 công trình) (Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Châu Thành ngày 16/12/2024).

***d) Chỉ tiêu 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%***

Các ngành chuyên môn huyện đã phối hợp với Sở Công thương tập huấn kiến thức về ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương quản lý và phối hợp Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản tổ chức tập huấn, tuyên truyền về ATTP lĩnh vực ngành Nông nghiệp quản lý. Bên cạnh đó, trạm Y tế 04 xã cũng đã tổ chức phổ biến kiến thức về ATTP cho 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn 04 xã là 2.401 cơ sở. Trong đó: lĩnh vực y tế: 605 cơ sở (bao gồm: tỉnh 08, huyện: 43, xã: 554); lĩnh vực nông nghiệp: 1.145 cơ sở (bao gồm: tỉnh 01, huyện: 21, xã: 1.123); lĩnh vực công thương: 651 cơ sở (bao gồm: tỉnh 008, huyện: 00, xã: 651). Tất cả các cơ sở đều tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

***e) Chỉ tiêu 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã***

Công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn huyện được triển khai đồng bộ, thống nhất từ huyện đến các xã, thị trấn. Có sự phân công, phối hợp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo rõ ràng góp phần thuận lợi trong công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn, không để xảy ra sự cố về ATTP.

Đến thời điểm hiện tại thì 04/04 xã nông thôn mới nâng cao đạt theo quy định. Trên địa bàn các xã đều không xảy ra sự cố về ATTP (không có ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người).

***f) Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%*** Trên địa bàn 04/04 xã có 14 cơ sở sơ chế, chế biến nông lâm thủy sản do tỉnh và huyện quản lý, có giấy chứng nhận ATTP 14/14 cơ sở (đạt 100%).

***g) 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt  $\geq 80\%$***

04/04 xã nông thôn mới nâng cao có tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt  $\geq 80\%$ . Cụ thể: Xã Vĩnh Thành đạt 96,84%; Xã Vĩnh Nhuận đạt 99,51%; Xã Cần Đăng đạt 98,52%; Xã Bình Hòa đạt 99,71%.

***h) Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường đạt 100%***

Trên địa bàn 01/04 xã (xã Bình Hòa) có Khu liên hợp xử lý Chất thải rắn cụm Long Xuyên, hiện có 01 khu chôn lấp rác hợp vệ sinh do Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang làm chủ đầu tư, công suất tiếp nhận 350 tấn/ngày.đêm đi vào hoạt động năm 2017 với 02 ô chôn lấp hợp vệ sinh (tiếp nhận rác của 03 địa phương: Châu Thành, Châu Phú, Long Xuyên). Khu xử lý chất thải này đã thực hiện có thủ tục bảo vệ môi trường và thực hiện đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

**Hiện trạng môi trường của các bãi rác cũ không hợp vệ sinh đã ngưng tiếp nhận rác từ lâu trên địa bàn 02 xã Vĩnh Nhuận, Bình Hòa như sau:**

- Bãi rác cũ xã Bình Hòa có diện tích chứa rác 8.003 m<sup>2</sup>, khối lượng rác cần xử lý khoảng 20.000 tấn, năm hoạt động 1998 và ngưng hoạt động năm 2016.

- Bãi rác xã Vĩnh Nhuận có diện tích chứa rác 1.327,6 m<sup>2</sup>, khối lượng rác cần xử lý 1.778 tấn, hoạt động năm 2010 và ngưng hoạt động năm 2015.

### **Kết quả xử lý ô nhiễm:**

- Qua khảo sát thực tế bãi rác cũ xã Bình Hòa có diện tích chứa rác khoảng 8.003 m<sup>2</sup>, đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2016. Tổng lượng rác đến năm 2016 khoảng 20.000 tấn, hiện nay lượng rác này đã ổn định, bề mặt rác đã phân hủy theo thời gian và độ cao bằng với mặt đất tự nhiên và được phủ lớp cỏ bao quanh bề mặt nên không còn rác lộ thiên và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Theo phương án xử lý đang được xây dựng, toàn bộ lượng rác nêu trên tại sẽ được thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý bằng công nghệ đốt. Hiện nay, dự án đóng cửa bãi rác cũ xã Bình Hòa đã được UBND huyện Châu Thành đăng ký vào danh mục vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 để tiến hành thực hiện việc xử lý, đóng lấp.

- Đối với bãi rác xã Vĩnh Nhuận: là bãi rác có diện tích chứa rác rất nhỏ khoảng 1.327,6 m<sup>2</sup>, đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2015, đến tháng 6/2019, huyện đã tổ chức vận chuyển rác một phần rác về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh. Hiện nay lượng rác này đã ổn định, bề mặt rác đã phân hủy theo thời gian và độ cao bằng với mặt đất tự nhiên và được phủ lớp cỏ bao quanh bề mặt nên không còn rác lộ thiên và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Qua kiểm tra thực tế của Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây trong tháng 12/2024 nhận thấy lượng rác tại bãi rác này còn rất ít. Bên cạnh đó, khu đất 1.327,6m<sup>2</sup> hiện tại không phù hợp với quy hoạch để thực hiện dự án đóng cửa bãi rác, nên huyện Châu Thành đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường thống nhất đưa bãi rác này ra khỏi dự án đóng cửa 09 bãi rác của tỉnh. Đồng thời giao huyện Châu Thành xây dựng Phương án vận chuyển lượng rác tồn còn lại tại bãi rác Vĩnh Nhuận về Khu xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý theo quy định và có báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đóng lấp bãi rác xã Vĩnh Nhuận.

**Đánh giá:** 04/04 xã đạt đối với chỉ tiêu 18.8 (100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường).

**3.18.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

## **3.19 Về Quốc phòng và An ninh**

### **3.19.1 Kết quả thực hiện**

**a) Chỉ tiêu 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân**

- Có 04/04 xã, đạt duy trì tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024.

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao:

- + Xây dựng, kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự xã: 04/04 xã đạt.
- + Tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng Dân quân xã: 04/04 xã đạt.
- + Thực hiện tốt các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng: 04/04 xã đạt.
- + Kết quả chung thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo các quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia duy trì xây dựng nông thôn mới nâng cao có 04/04 xã đạt theo quy định.

***b) Chỉ tiêu 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự***

Công an huyện đã kịp thời tham mưu Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo ANCT-TTATXH. Trên địa bàn huyện tình hình an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, ổn định không xảy ra các hoạt động như: chống phá Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; hoạt động ly khai, đòi tự trị... góp phần phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục chỉ đạo Công an các xã, thị trấn củng cố nâng chất các mô hình đảm bảo ANTT hoạt động có hiệu quả trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT như: “Tự quản về an toàn giao thông”; “Camera an ninh”; “02 An” (An ninh trật tự - An sinh xã hội); “Xứ, họ đạo bình yên, gia đình hòa thuận” và “Móc khóa tố giác tội phạm”... Duy trì thực hiện quy chế, kế hoạch phối hợp đảm bảo ANTT ở địa bàn giáp ranh cụm Công an Châu Thành, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn và cụm Công an Châu Thành, Thoại Sơn, thành phố Long Xuyên... Ngoài ra, Công an huyện phối hợp với MTTQ và các ban ngành đoàn thể tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện hiệu quả mô hình “Hệ thống chính trị trực tiếp tham gia bảo đảm an ninh, trật tự” trên địa bàn huyện Châu Thành. Đặc biệt, thường xuyên chỉ đạo Công an xã Vĩnh Thành, Cần Đăng, Vĩnh Nhuận, Bình Hòa củng cố, nâng chất hoạt động mô hình “Camera an ninh” trên địa bàn xã.

Công an huyện phối hợp MTTQ, các ngành, đoàn thể các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới, các yêu cầu của Chỉ tiêu 19.2 - Tiêu chí 19; vận động Nhân dân tích cực phòng ngừa, tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở cơ sở. Qua đó, đã tổ chức được 63 buổi tuyên truyền, có 2.882 lượt cán bộ và Nhân dân tham dự. Qua công tác tuyên truyền đã tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức của cán bộ và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng xã nông thôn mới nói chung và Chỉ tiêu 19.2 xã đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” nói riêng, góp phần cổ vũ, động viên mọi tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới ở địa bàn cơ sở. Hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt vai trò tham mưu cấp ủy, UBND cùng cấp trong thực hiện quy định về xây dựng khóm, ấp, xã, phường thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ

sở giáo dục đạt chuẩn “An toàn về ANTT” năm 2024 (theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an).

Qua triển khai thực, các xã nông thôn mới nâng cao và xã xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn các xã luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm pháp luật phức tạp làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

Kết quả có 04 xã duy trì và đạt Chỉ tiêu 19.2 - Tiêu chí 19 đối với xã xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024, cụ thể như sau:

- Có 04 xã duy trì đạt Chỉ tiêu 19.2 – Tiêu chí 19 đối với xã nông thôn mới nâng cao năm 2024: Xã Cần Đăng, Bình Hòa, Vĩnh Thành, Vĩnh Nhuận.

**3.19.2 Tự đánh giá:** có 04/04 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

**4. Kết quả xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/08/2022 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ)**

Huyện chọn 02 xã Vĩnh Nhuận và Vĩnh Thành để xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025 theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang và Quyết định 319/QĐ-TTg ngày 8/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó xã Vĩnh Nhuận thực hiện kiểu mẫu về “Tổ chức sản xuất”, xã Vĩnh Thành thực hiện kiểu mẫu về “Văn hóa”.

#### **4.1 Xã Vĩnh Nhuận**

##### **4.1.1. Kết quả duy trì, nâng chất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Xã Vĩnh Nhuận đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 (theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc công nhận xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành đạt chuẩn “xã nông thôn mới nâng cao” năm 2023).

Sau khi được công nhận, xã Vĩnh Nhuận tập trung chỉ đạo trong công tác duy trì, nâng chất thành quả đã đạt, đến nay xã đảm bảo duy trì đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 75/75 chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

##### **4.1.2. Về thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Nhuận**

Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã luôn tập trung vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, mô hình sản xuất và tiêu thụ lúa bền vững, xây dựng và phát triển nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả khác.

Năm 2024, đã kết hợp mở được 02 lớp dạy nghề cho 60 lao động nông thôn. Hàng năm giới thiệu, giải quyết việc làm mới từ 30 - 60 lao động, với mục tiêu nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, tự tạo việc làm cho lao động nhàn rỗi. Ủy ban nhân dân xã kết hợp với các đoàn thể tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân tham gia các lớp học nghề như Kỹ thuật Chăn nuôi bò và Làm chả đòn chay, nuôi heo đất xoay vòng vốn.

Xét cho vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội huyện để phát triển kinh tế gia đình, hỗ trợ vốn chăn nuôi bò vỗ béo, nuôi heo, nuôi lươn, trồng rau sạch, phát triển mới nhiều mô hình chuyển đổi trồng cây ăn trái, rau màu chuyên canh trên đất lúa kém hiệu quả.

Vận động nhân dân áp dụng thực hiện các ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp như sử dụng motor điện phục vụ bơm tưới sản xuất ba vụ, sử dụng các loại máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại trong suốt quá trình sản xuất như máy gặt đập liên hợp, sấy lúa, máy phun xịt thuốc...

Đến nay, thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu là 79,56 triệu đồng/người/năm (cao hơn 10,5% quy định thu nhập bình quân đầu người xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 là 72 triệu đồng/người).

#### **4.1.3. Về mô hình ấp thông minh**

Xã thực hiện Mô hình ấp thông minh - tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Nhuận. Kết quả thực hiện mô hình như sau:

##### **a) Hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động bao phủ đến hộ gia đình**

Ấp Vĩnh Hiệp có triển khai hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động bao phủ đến hộ gia đình là ấp đáp ứng các điều kiện sau:

- Các hộ dân trên địa bàn ấp có khả năng kết nối mạng Internet cáp quang hoặc mạng viễn thông di động 3G/4G và các thế hệ tiếp theo
- Về hạ tầng Internet cáp quang của ấp Vĩnh Hiệp được các đơn vị như VNPT, Viettel, FPT trang bị bao phủ toàn ấp.
- Về hạ tầng Internet cáp quang và thông tin thuê bao di động bao phủ đến hộ gia đình đạt tỷ lệ 100%.

##### **b) Văn phòng áp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, trao đổi công việc, thông tin, tuyên truyền với người dân**

Văn phòng ấp Vĩnh Hiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, trao đổi công việc, thông tin, truyền truyền với người dân:

- Cán bộ làm việc tại văn phòng ấp có sử dụng zalo, gmail cho hoạt động tại ấp và giao tiếp với người dân. Tại ấp có triển khai các nghị quyết và các văn bản pháp luật qua zalo đến cho người dân nắm rõ và thực hiện đúng theo quy định.

- Có 100% cán bộ ấp được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức về an toàn thông tin.

**c) Có thành lập và triển khai tổ công nghệ số cộng đồng**

- Ấp có thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng ấp Vĩnh Hiệp với 08 thành viên, từ khi thành lập các thành viên trong Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn về các chủ trương, chính sách, pháp luật về công nghệ số.

- Tổ công nghệ số cộng đồng ấp Vĩnh Hiệp có bố trí 01 điểm hỗ trợ người dân tại văn phòng ấp để hướng dẫn cài đặt các phần mềm như Smart An Giang, VNeID, Dịch vụ công trực tuyến... Các ứng dụng thanh toán tiền trực tuyến Momo, Viettel money, VNPT money, các ứng dụng thanh toán trực tuyến các ngân hàng.

**d) Tỷ lệ người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh trên 40%**

- Số người dân trong độ tuổi lao động tại ấp: 486 người

- Số người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh: 362 người

Tỷ lệ người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt 74,49%.

**e) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt tối thiểu 30%**

- Số người dân trong độ tuổi lao động tại ấp: 486 người

- Số người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu: 362 người.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt 74,49%.

**4.1.4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về Tổ chức sản xuất**

**4.1.4.1. Chỉ tiêu 1.1: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu (Quy định đạt).**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu (Quy định đạt).

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trên địa bàn xã Vĩnh Nhuận diện tích sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt là 3.320,55 ha, trong đó: diện tích lúa chiếm ưu thế với 3.167,65 ha lúa; 107,46 ha cây ăn trái (sầu riêng chiếm 34,31 ha); rau màu 42,76 ha.

UBND xã Vĩnh Nhuận xác định cây sầu riêng và lúa là sản phẩm chủ lực của địa phương theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/08/2022 của UBND xã Vĩnh Nhuận về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực đáp ứng Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025. Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản trên địa bàn xã.

- Vùng nguyên liệu sầu riêng được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 12/2023/NNPTNT-CT được phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành; và đạt tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 10 ha theo Quyết định số 38-07.23/QĐCN-TT FAO ngày 29/7/2023 của Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO; của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nhuận.

Năm 2023, Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sầu riêng với Công ty TNHH nông dược Ba Con Cò (Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) và thanh lý hợp đồng vào tháng 02/2024 với diện tích 2,05 ha; sản lượng 5,5 tấn; giá bán loại 1 là 120.000 đồng/kg (3,5 tấn) và giá bán loại 1 là 50.000 đồng/kg (2,0 tấn).

Năm 2024, Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sầu riêng với Công ty TNHH nông dược Ba Con Cò (Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) với diện tích 04 ha; sản lượng dự kiến 40 tấn.

- Vùng nguyên liệu sản xuất lúa:

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Lộc Trời phối hợp thành viên Hợp tác xã sản xuất lúa giống trên địa bàn xã thực hiện xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lúa theo quy trình canh tác đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm với diện tích 15 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP theo Quyết định số 103-11.23/QĐCN-TT-FAO ngày 02/11/2023 của Công ty Cổ phần Chứng nhận và kiểm nghiệm FAO; và 10 ha được cấp mã số vùng trồng được xác nhận theo công văn số 04/GXN-SNNPTNT ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang, trong đó:

+ Vụ Đông Xuân 2023 - 2024: Liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ lúa, với diện tích 62,5 ha; sản lượng 462,5 tấn.

+ Vụ Hè Thu 2024: Liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ lúa, với diện tích 32,5 ha; sản lượng 188,5 tấn.

+ Vụ Thu Đông 2024: Liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ lúa, với diện tích 63,3 ha; sản lượng khoảng 411,45 tấn.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.1 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

**4.1.4.2. Chỉ tiêu 1.2: Có hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã và thực hiện liên kết sản xuất, kinh doanh có hiệu quả (Quy định  $\geq 1$ ).**



**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã và thực hiện liên kết sản xuất, kinh doanh có hiệu quả (Quy định  $\geq 1$ ).

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trên địa bàn xã Vĩnh Nhuận có Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa (gọi tắt là HTX NN Vĩnh Hòa) được thành lập với giấy chứng nhận ĐKHTX số 1602173280 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 1998, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 22 tháng 8 năm 2023, đến nay số lượng là 57 thành viên với vốn góp 139.200.000 đồng; do ông Bùi Văn Cường làm đại diện theo pháp luật. Bộ máy, gồm: Hội đồng quản trị: 03 người, Ban giám đốc: 01 người, phụ trách kỹ thuật: 01 người, kế toán: 01 người, thủ quỹ: 01 người; địa chỉ trụ sở: ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; thực hiện các loại hình dịch vụ sản xuất kinh doanh: bơm tiêu chống úng, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hàng năm HTX đều có tổ chức Đại hội thường niên, báo cáo lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh cho năm tiếp theo nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất; định hướng tới HTX vận động thêm thành viên và đẩy mạnh các hoạt động cung ứng và sản xuất lúa giống xác nhận, bao tiêu lúa chất lượng cao, làm đại lý ủy thác cung ứng vật tư.

Trong thời gian qua, HTX hoạt động có lãi đảm bảo lợi nhuận cho thành viên. Cụ thể như sau:

- Năm 2021: tổng doanh thu 481.006.000 đồng, tổng chi phí 389.169.500 đồng, lợi nhuận từ hoạt động 91.836.500 đồng.
- Năm 2022: tổng doanh thu 554.770.000 đồng, tổng chi phí 462.387.900 đồng lợi nhuận từ hoạt động 92.382.100 đồng.
- Năm 2023: tổng doanh thu 2.835.015.000 đồng, tổng chi phí 2.212.852.000 đồng lợi nhuận từ hoạt động 69.750.000 đồng.
- Năm 2024: Hợp tác xã vẫn hoạt động ổn định và hiệu quả.

HTX đại diện cho thành viên ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời từ năm 2021 - 2023 với diện tích 663,71 ha, trong đó số lượng thành viên có diện tích đất tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ là 22/57 thành viên đạt 38,6%, với diện tích là 655,2/663,71 ha đạt 98,72% tổng diện tích của HTX tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ với Công ty, cụ thể:

- Năm 2021: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 215,32 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

- Năm 2022: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 211,1 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

- Năm 2023: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa là 237,3 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

Năm 2023: Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đánh giá, phân loại: đạt loại tốt.

Hiệu quả mang lại:

- Về hiệu quả kinh tế: Góp phần tăng thu nhập trực tiếp cho nông dân là thành viên HTX, lao động làm việc cho HTX, đảm bảo tối đa quyền lợi cho nông dân và gián tiếp tăng thu nhập cho người nông dân sử dụng dịch vụ do HTX cung ứng, giảm chi phí sản xuất. Dịch vụ hỗ trợ liên kết sản xuất lúa không những góp phần tăng thu nhập cho HTX và người dân, hình thành chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi một cách bền vững mà còn tạo tiền đề cho nhiều hoạt động liên kết khác trong thời gian tới.

- Về hiệu quả xã hội: Giúp cho việc triển khai chủ trương, chính sách của địa phương nhanh chóng và nhất quán hơn; Dịch vụ liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời là tiền đề và tiềm năng để HTX ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với các doanh nghiệp khác trong thời gian tới.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.2 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

**4.1.4.3. Chỉ tiêu 1.3: Các khâu chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa (Quy định: Đạt).**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Các khâu chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Toàn xã có 07 tiểu vùng sản xuất với diện tích 3.320,55 ha trồng lúa; 42,76 ha rau màu; 107,46 ha cây ăn trái. Áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp giúp tiết kiệm được sức người, vật chất đem lại năng suất và chất lượng sản phẩm cao hơn, có hiệu quả lâu dài về kinh tế.

Ủy ban nhân dân xã chọn việc áp dụng cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái để thực hiện xã nông thôn mới kiểu mẫu. Kết quả áp dụng cơ giới hóa như sau:

Vụ Đông Xuân năm 2023 - 2024: Tỷ lệ các khâu trong sản xuất cây ăn trái áp dụng cơ giới hóa vụ Đông Xuân đạt tỷ lệ trung bình 97%. Cụ thể:

- Tỷ lệ các khâu trong sản xuất lúa áp dụng cơ giới hóa vụ Đông Xuân đạt tỷ lệ trung bình 100%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo trồng đạt tỷ lệ 100%; Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%; Khâu thu hoạch (đối với lúa) 100%.

- Tỷ lệ các khâu trong sản xuất hoa màu áp dụng cơ giới hóa vụ Đông Xuân đạt tỷ lệ trung bình 86%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo trồng đạt tỷ lệ 43%; Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ cơ giới hóa trên cây ăn trái đạt 97%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo trồng đạt tỷ lệ 0%; Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ các khâu trong sản xuất cây ăn trái áp dụng cơ giới hóa vụ Hè Thu đạt tỷ lệ trung bình 100%. Cụ thể:

- Tỷ lệ các khâu trong sản xuất lúa áp dụng cơ giới hóa vụ Hè Thu đạt tỷ lệ trung bình 100%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo trồng đạt tỷ lệ 100%; Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%; Khâu thu hoạch (đối với lúa) 100%.

- Tỷ lệ các khâu trong sản xuất hoa màu áp dụng cơ giới hóa vụ Hè Thu đạt tỷ lệ trung bình 87%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo trồng đạt tỷ lệ 46%; Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ các khâu trong sản xuất cây ăn trái áp dụng cơ giới hóa vụ Hè Thu đạt tỷ lệ trung bình 100%. Trong đó: Khâu làm đất đạt tỷ lệ 100%; Khâu gieo (không gieo trồng mới trong vụ hè thu); Khâu tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%; Khâu chăm sóc đạt tỷ lệ 100%.

Đánh giá tỷ lệ trung bình các khâu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp được áp dụng cơ giới hóa lĩnh vực trồng trọt đạt: 99,77% (so với yêu cầu >80%).

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.3 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

**4.1.4.4. Chỉ tiêu 1.4: Đảm bảo liên kết sản xuất bền vững sản phẩm chủ lực theo chu kỳ liên tiếp (Quy định: Đạt).**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Đảm bảo liên kết sản xuất bền vững sản phẩm chủ lực theo chu kỳ liên tiếp (Quy định: Đạt)

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Vĩnh Nhuận có diện tích đất nông nghiệp là 3.320,55 ha thuộc 07 tiểu vùng sản xuất (giảm 26,85 ha do nằm trong dự án đường cao tốc thành phần 1). Trong đó, 07/07 tiểu vùng của xã có đề bao sản xuất vụ 3 với tổng diện tích là 3.314,15 ha (do còn 6,4 ha của tiểu vùng Vĩnh Nhuận 2 thuộc ấp Vĩnh Hòa 1 nằm ngoài đề bao). Diện tích trồng lúa 3.167,65 ha; rau màu 42,59 ha; cây ăn trái 104,46 ha và thủy sản 05 ha. Là điều kiện để xã đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Song song đó đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa và 07 Tổ hợp tác chuyên cung cấp dịch vụ nông nghiệp cho nông dân, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Từ đó, tạo lòng tin giữa doanh nghiệp và nông dân khi tham gia vào quy trình sản xuất của doanh nghiệp. Là địa phương có nhiều mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhiều mô hình liên kết sản xuất trong lĩnh vực Trồng trọt, cụ thể như:

Liên kết sản xuất lúa giống: tổng diện tích liên kết sản xuất tiêu thụ lúa giống từ 2021 - 2024 là 870,61 ha. Trong đó, Hợp tác xã 797.9 ha, Tổ hợp tác 28ha, Nông dân liên kết với Doanh nghiệp 20,8ha, cụ thể như sau:

- Năm 2021: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống giữa Hợp tác xã với Doanh nghiệp là 263,91 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm. Trong đó, thành viên Hợp tác xã là 215,31 ha/263,91 ha.

- Năm 2022: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống giữa Hợp tác xã với Doanh nghiệp là 259,7 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm. Trong đó, thành viên Hợp tác xã là 211,1 ha/259,7 ha.

- Năm 2023: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống giữa Hợp tác xã với Doanh nghiệp là 237,3 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm.

- Năm 2024: diện tích tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống giữa Hợp tác xã với Doanh nghiệp là 160,8 ha (3 vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông) với giá bán theo thỏa thuận giá thị trường từng loại giống tại thời điểm. Trong đó, lúa giống 158,3, liên kết sàu riêng 2,05ha. Hợp tác xã không hưởng hoa hồng từ dịch vụ liên kết giữa Hợp tác xã với Doanh nghiệp.

#### Liên kết sản xuất cây ăn trái

- Đối với cây ăn trái: xã Vĩnh Nhuận hiện đang có diện tích 107,46 ha với các loại cây trồng chủ yếu như: dừa, sàu riêng, nhãn, xoài, mít.... Trong đó, nổi bật là cây sàu riêng và nhãn phát tài của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm với diện tích 14,7 ha (10 ha sàu riêng và 4,7 ha nhãn phát tài).

- Năm 2023, Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sàu riêng với Công ty TNHH nông dược Ba Con Cò (Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) và thanh lý hợp đồng vào tháng 02/2024 với diện tích 2,05 ha; sản lượng 5,5 tấn; giá bán loại 1 là 120.000 đồng/kg (3,5 tấn) và giá bán loại 1 là 50.000 đồng/kg (2,0 tấn).

- Năm 2024, Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sàu riêng với Công ty TNHH Nông Dược Ba Con Cò (Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) với diện tích 04 ha; sản lượng dự kiến 40 tấn.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, mời gọi doanh nghiệp; lồng ghép tuyên truyền vận động, khuyến khích

nông dân tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trên quy mô toàn xã với các hình thức liên kết như: giữa nông dân với Tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp; giữa Tổ hợp tác với HTX, doanh nghiệp; giữa HTX với HTX, doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp... nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia và hướng đến sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.4 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

**4.1.4.5. Chỉ tiêu 1.5: Có sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (Quy định  $\geq 2$ ).**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên (Quy định  $\geq 2$ )

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Thực hiện Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh An Giang bắt đầu từ năm 2019 đến nay, qua công tác tuyên truyền lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với các hình thức như: Hợp dân, hội nghị, tập huấn, bản tin truyền thanh... Nhờ sự quan tâm lãnh, chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn của hội đồng, tổ giúp việc cấp tỉnh và huyện và sự nỗ lực cấp ủy, chính quyền địa phương cùng với công tác tuyên truyền của MTTQ, các đoàn thể và cán bộ phụ trách. Đến nay xã Vĩnh Nhuận có 02 sản phẩm có giấy chứng nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao: Sầu riêng Vĩnh Hòa (Theo Quyết định số 6531/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành) và Nhân Phát Tài (Theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành), góp phần nâng cao chất lượng các sản phẩm, mở rộng thị trường và tăng thu nhập cho người dân đồng thời từng bước hỗ trợ các chủ thể tiếp cận với các kênh bán hàng, sàn giao dịch điện tử để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm của địa phương.

Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn chủ thể có sản phẩm OCOP 3 sao (Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Hòa) tiếp tục không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng hạng sao, đồng thời tiếp tục tuyên truyền vận động lập danh sách hỗ trợ và sàng lọc các sản phẩm có tiềm năng của địa phương.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.5 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

**4.1.4.6. Chỉ tiêu 1.6: Có mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả và có thể nhân rộng (Quy định  $\geq 1$ ).**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả và có thể nhân rộng (Quy định  $\geq 1$ ).

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Đến thời điểm hiện nay, tiêu chí về tổ chức sản xuất được xem là điểm mạnh của địa phương do có nhiều mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật

nuôi, nhiều mô hình liên kết sản xuất trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Trong các năm qua, địa phương luôn đẩy mạnh thực hiện các mô hình sản xuất nổi bật góp phần xây dựng nông thôn mới như mô hình:

- Năm 2022: Thực hiện mô hình Chăn nuôi dê thịt sử dụng hệ thống uống nước tự động kết hợp với ủ chua làm thức ăn; tổng mức đầu tư 133.691.800 đồng; trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 49.611.800 đồng

- Năm 2023 thực hiện 02 mô hình gồm: (01) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng tại xã Vĩnh Nhuận với diện tích 20.000 m<sup>2</sup>; tổng mức đầu tư 415.518.000 đồng; trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 199.753.000 đồng; (02) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng với diện tích 23.000 m<sup>2</sup>; tổng mức đầu tư 508.790.000 đồng; trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 198.970.000 đồng.

- Năm 2024 thực hiện mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn phát tài tại xã Vĩnh Nhuận với diện tích 13.000 m<sup>2</sup>; tổng mức đầu tư 427.830.600 đồng; trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 180.030.600 đồng.

Trong các mô hình đã và đang thực hiện nổi bật nhất là mô hình “Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng”, đây là mô hình mới của huyện Châu Thành và được nhân rộng gần đây.

Vì vậy, UBND xã Vĩnh Nhuận quyết định chọn mô hình “Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng” là mô hình nổi trội trong việc thực hiện chỉ tiêu 1.6 xã có mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả và có thể nhân rộng trên địa bàn

Kết quả thực hiện mô hình: Lắp đặt được hệ thống tưới phun tự động cho cây sầu riêng có ứng dụng hệ thống châm phân tự động. Với diện tích 23.000m<sup>2</sup>; trồng khoảng cách trung bình 6m x 6m; trồng được 600 cây sầu riêng Ri6. Sử dụng 02 máy bơm công suất 4hp, mỗi gốc sầu riêng được lắp đặt hai béc tưới có công suất 25 lít/giờ. Hệ thống ống chính có kích thước 114mm, mỗi hàng sầu riêng lắp đặt một đường ống nhánh 60mm. Lắp đặt bộ lọc đĩa tưới phi 60 để lọc lại các cặn, rác, tạp chất... trong đĩa lọc, hạn chế việc tắc nghẽn hệ thống tưới.

Đánh giá chung về mô hình

- Thuận lợi: Người dân mạnh dạn ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

- Khó khăn: Vốn đầu tư ban đầu cao; Giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao, không ổn định.

Hiệu quả mang lại:

- Về kinh tế: Giúp giảm lượng nước tưới, từ đó giúp cây trồng hấp thu tốt nhất lượng nước và phân bón thông qua hệ thống châm phân, từ đó hạn chế tình trạng xói mòn đất và mất phân bón so với cách tưới truyền thống; Tiết kiệm nước tưới: từ 30 - 50% so với tưới truyền thống; hạn chế cỏ dại do kiểm soát được khu vực tưới, không tưới tràn lan. Giảm chi phí nhân công tưới và bón phân: từ 40 - 60% so với tưới truyền thống. Giảm chi phí bình quân 95.040.000 đồng/năm/23.000 m<sup>2</sup>. Gia tăng thu nhập cho người nông dân: lợi nhuận một năm thu được gấp 8-10 lần so với trồng lúa (trên cùng diện tích).

- Về xã hội: Giúp cho nông dân tiếp cận với kỹ thuật mới, nâng cao năng suất lao động; Sử dụng công nghệ tưới phun có thể kiểm soát được cỏ dại tốt hơn, hạn chế việc sử dụng các loại thuốc diệt cỏ và giảm sự rửa trôi phân bón nên góp phần bảo vệ môi trường sinh thái; Mô hình còn tạo ra nhiều việc làm cho lao động nông thôn trong việc trồng, chăm sóc (phun thuốc tắng lá, làm cỏ, đắp mô). Nâng cao nhận thức người dân trong việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Về môi trường: Mô hình hạn chế gây ô nhiễm môi trường: Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động giúp kiểm soát được lượng nước tưới, hạn chế cỏ dại, hạn chế xói mòn đất; Từ đó giúp hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc diệt cỏ). Giúp cây phát triển tốt, do luôn tạo được độ ẩm trong đất, giúp cây hấp thu nhanh chất dinh dưỡng, từ đó sớm ra hoa và cho trái nhiều hơn.

Mô hình hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Khả năng nhân rộng: Tổng diện tích trồng cây ăn trái trên địa bàn xã hiện nay là 107,46 ha/198 hộ (trong đó sầu riêng là 34,31 ha). Việc thực hiện mô hình “Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng” đang được chủ đầu tư mô hình chia sẻ với các hộ trồng cây ăn trái (trong đó có sầu riêng) trên địa bàn xã, khuyến khích các hộ này đầu tư hệ thống tưới tự động góp phần giảm giá thành, tạo ra sản phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài tỉnh.

Đồng thời, UBND xã Vĩnh Nhuận đã đăng ký thêm 01 hộ có nhu cầu thực hiện ứng dụng hệ thống tưới phun tự động cho cây nhãn và sầu riêng. Hiện nay, tổng diện tích ứng dụng hệ thống tưới phun tự động trên cây ăn trái của xã là 48,9 ha (chiếm tỷ lệ 45,51%).

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 1.6 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022.

## 4.2 Xã Vĩnh Thành

### 4.2.1. Kết quả duy trì, nâng chất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Xã Vĩnh Thành, Huyện Châu Thành được công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới nâng cao” năm 2022 (theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Đến nay xã tiếp tục duy trì và nâng chất đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 75/75 chỉ tiêu theo quy định. Sau khi được công nhận

xã tiếp tục tập trung thực hiện duy trì, nâng chất theo quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tính đến cuối năm 2024 xã đã duy trì và nâng chất đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, 75/75 chỉ tiêu theo quy định.

#### **4.2.2. Về thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Thành**

Nâng cao thu nhập cho người dân là mục tiêu quan trọng phải đạt được trong xây dựng nông thôn mới. Những năm qua Đảng ủy-UBND xã đã có nhiều giải pháp thiết thực như: Tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tích cực mở rộng liên kết sản xuất với các doanh nghiệp để có thị trường tiêu thụ; phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng; thông qua chính sách tín dụng tạo điều kiện thuận lợi phát triển ngành nghề phi nông nghiệp; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi; quan tâm chăm lo đời sống cho các gia đình chính sách, giúp xoá đói giảm nghèo...

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm: tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhiều mô hình sản xuất, chăn nuôi có hiệu quả được nhân rộng; tổng diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu và cây ăn trái là 190 ha (trong đó diện tích chuyển sang trồng rau màu là 141,5 ha và sang trồng cây ăn trái là 48,5 ha). Các mô hình chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây ăn trái giúp gia tăng lợi nhuận bình quân 2,5 lần; chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây ăn trái giúp gia tăng lợi nhuận bình quân 2,8 lần.

Tập trung công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm: đào tạo phát triển tay nghề cho lao động nông nghiệp, tạo điều kiện cho việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành khác; từ năm 2023 đến nay đã tổ chức 03 lớp nghề với 90 lao động tham gia đào tạo, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn xã là 78,92% (6.315 lao động/8.002 lao động). Tư vấn giải quyết việc làm cho hơn 450 lao động (luỹ kế lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã đạt 6.545 lao động/6.889 lao động; đạt tỷ lệ 95,01%).

Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khó khăn được tiếp cận các nguồn vốn của ngân hàng chính sách xã hội huyện để làm ăn vươn lên thoát nghèo. Kết quả từ năm 2023 đến nay đã hỗ trợ cho 1.347 hộ vay nâng tổng số vay toàn xã 42 tỷ đồng; vận động các mạnh thường quân hỗ trợ cất mới 13 căn nhà cho các hộ nghèo, hộ khó khăn yên tâm làm kinh tế cải thiện cuộc sống, tăng nguồn thu nhập cho gia đình. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã là 2,42%, trong đó: tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0,73% (25 hộ/3.426 hộ) và hộ cận nghèo còn 1,69% (58 hộ/3.427 hộ).

Từ thu nhập hoạt động trên, Kết quả qua điều tra được Chi cục Thống kê huyện Châu Thành công bố mức thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu là 79,230 triệu



đồng/người/năm (cao hơn 10,10% quy định thu nhập bình quân đầu người xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 là 72 triệu đồng/người).

#### **4.4.3. Về mô hình áp thông minh**

Xã thực hiện Mô hình áp thông minh - tại ấp Đông Bình Trạch, xã Vĩnh Thành. Kết quả thực hiện mô hình như sau:

##### **a) Hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động bao phủ đến hộ gia đình**

- Về hạ tầng internet cáp quang của ấp Đông Bình Trạch được các đơn vị như VNPT, Viettel, FPT, Mobifone trang bị bao phủ toàn ấp.

- Về hạ tầng internet cáp quang và thông tin thuê bao di động bao phủ đến hộ gia đình đạt tỷ lệ 100%.

Đánh giá đạt.

##### **b) Văn phòng áp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, trao đổi công việc, thông tin, tuyên truyền với người dân**

- Cán bộ làm việc tại văn phòng áp có sử dụng zalo, gmail cho hoạt động tại ấp và giao tiếp với người dân.

- Có 100% cán bộ áp được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức về an toàn thông tin.

Đánh giá đạt.

##### **c) Có thành lập và triển khai tổ công nghệ số cộng đồng**

- Ấp có thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng ấp Đông Bình Trạch với 10 thành viên, từ khi thành lập các thành viên trong Tổ công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn về các chủ trương, chính sách, pháp luật về công nghệ số.

- Tổ công nghệ số cộng đồng ấp Đông Bình Trạch có bố trí 01 điểm hỗ trợ người dân tại văn phòng ấp để hướng dẫn cài đặt các phần mềm như Smart An Giang, VNeID, Dịch vụ công trực tuyến,... Các ứng dụng thanh toán tiền trực tuyến Momo, Viettel money, VNPT money, các ứng dụng thanh toán trực tuyến các ngân hàng.

Đánh giá đạt.

##### **d) Tỷ lệ người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh trên 40%**

Tỷ lệ người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt tỷ lệ 51,80% trong đó:

- Tổng số người dân tại ấp: 1.554 người.

- Số người dân biết sử dụng smartphone vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh: 805 người.

Đánh giá đạt.

**e) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt tối thiểu 30%**

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt 38,87% trong đó:

- Số người dân trong độ tuổi lao động tại ấp : 1.554 người.
- Số người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến là: 604 người.

Đánh giá đạt.

#### **4.2.4 Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về Văn hóa**

**4.2.4.1. Chỉ tiêu 1.1: Có 100% các ấp trên địa bàn xã có tối thiểu 03 năm liên tiếp đạt danh hiệu “Ấp văn hóa” tính đến thời điểm đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu.**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có 100% các ấp trên địa bàn xã có tối thiểu 03 năm liên tiếp đạt danh hiệu “Ấp văn hóa” tính đến thời điểm đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu.

#### **b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trên địa bàn xã có 5/5 ấp đạt danh hiệu văn hóa (trong đó, có 4 ấp đạt từ 20 năm liên tục và 1 ấp đạt 17 năm liên tục) được UBND huyện trao Quyết định cấp lại danh hiệu văn hóa theo quyết định 2616/QĐ-UBND ngày 24/12/2024.

Năm 2024 toàn xã có 3.356 hộ/ 3.442 hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa (đạt 97,5%) ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu văn hóa theo quy định, đạt 100%. Cụ thể:

Ấp Đông Bình Nhất được công nhận ấp văn hóa từ năm (1998 – 2023) 25 năm.

Ấp Trung Thành được công nhận ấp văn hóa từ năm (1998 – 2023) 25 năm.

Ấp Đông Bình Trạch được công nhận ấp văn hóa từ năm (1999 – 2023) 24 năm.

Ấp Đông Phú 1 được công nhận ấp văn hóa từ năm (2005 – 2023) 15 năm.

Ấp Tân Thành được công nhận ấp văn hóa từ năm (2006 – 2023) 17 năm.

Đến thời điểm hiện tại các ấp trên địa bàn xã đã cập nhật hoàn thành hồ sơ theo mục II của Nghị định 86/2023/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục hồ sơ xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “xã, phường thị trấn tiêu biểu”.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 4.1 lĩnh vực văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh An Giang.

**4.2.4.2. Chỉ tiêu 1.2: Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn tham gia**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% dân số thường trú trở lên tham gia

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Nhằm nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư cũng như cả hệ thống chính trị về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể CLB Đờn ca tài tử và CLB Hát với nhau từng bước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa xã. Mô hình câu lạc bộ Đờn ca tài tử và câu lạc bộ hát với nhau là mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu được đông đảo bà con nhân dân trong xã tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần. Sau 02 năm triển khai và thực hiện từ năm 2023 – 2024 đã có bước phát triển, tính đến nay trên địa bàn xã có 11 CLB Đờn ca tài tử và CLB hát với nhau; 04 CLB Văn nghệ và 10 CLB thể dục thể thao thường xuyên diễn ra trong các ngày dịp lễ, hội, tết trong năm và tối thứ 7 hàng tuần thu hút người dân thường trú trên địa xã bàn tham gia cụ thể như sau:

**Hoạt động văn hóa văn nghệ:** Hiện trên địa bàn xã có tổng số 11 CLB mô hình Đờn ca tài tử và Hát với nhau và 02 CLB Văn nghệ, với 636 thành viên tham gia, trong đó: (01 CLB Đờn ca tài tử của xã; 05 CLB Đờn ca tài tử của 05 ấp với 117 thành viên; 05 CLB Hát với nhau của ấp với 204 thành viên; 01 CLB văn nghệ ở trường học với 275 em học sinh tham gia; 01 CLB văn nghệ dân tộc khmer với 40 thành viên tham gia) thường xuyên giao lưu vào tối thứ 7 hàng tuần; các lễ hội lớn trong năm và tham gia các giải do Xã, Huyện, Tỉnh tổ chức thu hút 7.762/11.996 người dân thường trú trên địa bàn xã, đạt 64,7% . Trong năm 2024 các cuộc giao lưu thường xuyên diễn ra như sau:

01 cuộc giao lưu đờn ca tài tử và hát với nhau nhân dịp tết Nguyên đán thu hút khoảng 2450 người dân trong xã đến xem. Địa điểm tại sân công viên Ủy ban nhân dân xã và tối 30 Tết Nguyên Đán và thứ 7 hàng tuần.

01 cuộc giao lưu đờn ca tài tử và hát với nhau nhân dịp tuyển quân năm 2024 thu hút khoảng 380 người tham gia.

01 cuộc giao lưu đờn ca tài tử và hát với nhau nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 thu hút khoảng 645 cán bộ và nhân dân tham gia. Địa điểm tại Hội trường Trung Tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã.

05 cuộc tổ chức giao lưu đờn ca tài tử và hát với nhau nhân dịp Lễ ra mắt, củng cố lại các câu lạc bộ đờn ca tài tử và hát với nhau tại các câu lạc bộ của 5/5 ấp thu hút khoảng 767 người dân tham gia.

01 cuộc giao lưu đờn ca tài tử và hát với nhau nhân dịp lễ hội Đình thần kỳ yên trong 2 đêm (vào tối ngày 19/4 và 20/4 AL) thu hút khoảng 3.520 người dân tham dự. Địa điểm tại Đình Thần Phú Nhuận.

**Hoạt động thể dục thể thao:** Toàn xã có 6.867/11.996 người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia tập thể dục thường xuyên, đạt 57,24% như:

CLB bóng đá: Toàn xã có 08 câu lạc bộ bóng đá trong đó: (5 câu lạc bộ tại 5 ấp giao lưu mỗi buổi chiều hàng ngày tại sân bóng đá của các ấp và 03 câu lạc bộ tại trường học, với 534 thành viên tham gia) giao lưu hàng tuần tại sân trường, ngoài các câu lạc bộ còn tham gia các giải do Xã, Huyện tổ chức nhân các ngày dịp lễ, sự kiện của địa phương thu hút từ 50 đến 100 người đến xem và cổ vũ.

CLB bóng chuyền: Toàn xã có 06 câu lạc bộ bóng chuyền trong đó: (05 câu lạc bộ tại ấp tổ chức tại sân bóng đá của các ấp và 01 câu lạc bộ tại trường THCS tổ chức tại sân trường, với 197 thành viên tham gia) các CLB giao lưu mỗi buổi chiều hàng ngày tại sân bóng chuyền của các ấp, ngoài ra các câu lạc bộ này thường xuyên tham gia các giải giao lưu, thi đấu do Xã, Huyện tổ chức nhân các ngày dịp lễ, sự kiện của địa phương, thu hút từ 50 đến 100 người đến xem và cổ vũ.

CLB cờ tướng: Toàn xã có 05 câu lạc bộ cờ tướng với 234 thành viên tham gia, tham gia sinh hoạt vào các buổi sáng, trưa, chiều hàng ngày và tham gia các giải thi đấu do Xã, Huyện tổ chức thu hút 100 đến 150 người tham dự.

CLB dưỡng sinh: Toàn xã có 05 câu lạc bộ dưỡng sinh sinh hoạt vào buổi sáng từ 05 giờ đến 06 giờ 30 phút hàng ngày; với 172 thành viên tham gia tham dự.

CLB võ thuật: Có 01 câu lạc bộ võ thuật với 42 thành viên tham gia, tham gia tập luyện hàng ngày vào 16 giờ đến 18 giờ, tại sân công viên UBND xã, thường xuyên tổ chức giao lưu với các câu lạc bộ võ thuật xã bạn thu hút từ 100 đến 200 người tham dự giao lưu.

CLB cầu lông: Có 02 câu lạc bộ cầu lông trong đó (01 tại ấp Tân thành, 01 tại trường THCS Vĩnh Thành) với 53 thành viên tham gia, thường xuyên tổ chức giao lưu với các bạn, huyện, tỉnh thu hút từ 100 đến 150 người tham gia.

CLB đua xuồng: Có 10 câu lạc bộ đua xuồng trong đó: ( 05 ấp có 5 CLB; 04 trường học có 04CLB và UBND xã có 01CLB) với tổng số các CLB 158 thành viên, tham gia giao lưu thi đấu với xã bạn và các ngày lễ lớn trong năm thu hút 300 đến 500 người đến xem và cổ vũ.

CLB chạy xe đạp: Có 01 câu lạc bộ tại xã với 15 thành viên, tham gia tập luyện thể dục từ 05 giờ đến 06 giờ 30 phút hàng ngày.

CLB đá cầu: Có 01 câu lạc bộ với 20 thành viên, tham gia sinh hoạt vào 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày.

CLB thể dục dịp điệu: Có 01 câu lạc bộ thể dục nhịp điệu với 80 em học sinh tham gia hoạt động diễn ra tại trường mẫu giáo Vĩnh Thành, với 80 em tham gia vào chiều thứ 3 và thứ 6 hàng tuần.

### **c. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện chỉ tiêu 4.2 là 60 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách xã 20 triệu đồng
- Nhân dân đóng góp 40 triệu đồng

**d. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 4.2 lĩnh vực văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh An Giang.

**4.2.4.3. Chỉ tiêu 1.3: Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

### **b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trên địa bàn xã có 5/5 ấp đều có câu lạc bộ đờn ca tài tử và hát với nhau là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của miền tây năm bộ nói chung, xã Vĩnh Thành nói riêng do đó bạn bè và những người gần đó thường xuyên giao lưu đờn ca tài tử, hát với nhau sau một ngày lao động vất vả. Qua đó Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiện toàn các CLB, xây dựng kế hoạch, quy chế và báo cáo hoạt động hàng năm và hỗ trợ kinh phí. Cụ thể:

Câu lạc bộ hát với nhau ấp Đông Bình Nhất: Có 38 thành viên, hoạt động tối thứ bảy hàng tuần, thu hút từ 50 đến 60 người đến dự. Địa điểm tại quán cafe Phan Hữu Tâm.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử ấp Đông Bình Trạch: Có 39 thành viên, hoạt động tối thứ bảy hàng tuần, thu hút từ 30 đến 60 người đến dự. Địa điểm tại cafe Huỳnh Công Trí.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử ấp Trung Thành: Có 30 thành viên, hoạt động tối thứ bảy hàng tuần, thu hút từ 30 đến 50 người đến dự. Địa điểm tại quán cafe Bùi Văn Thum.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử ấp Tân Thành: Có 35 thành viên, hoạt động tối thứ bảy hàng tuần, thu hút từ 30 đến 50 người đến dự. quán cà phê ông Nguyễn Thanh Bình.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử ấp Đông Phú 1: Có 29 thành viên, hoạt động tối thứ bảy hàng tuần, thu hút từ 30 đến 50 người đến dự. Địa điểm tại quán cafe Võ Văn Mạo.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 4.3 lĩnh vực văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh An Giang.

**4.2.4.4. Chỉ tiêu 1.4: Các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh truyền thống trên địa bàn xã được duy trì và bảo tồn đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc anh em.**

**a) Yêu cầu của chỉ tiêu:** Các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh truyền thống trên địa bàn xã được duy trì và bảo tồn đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc anh em.

**b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trên địa bàn xã có 01 Đình được công nhận di tích cấp tỉnh: Đình Phú Nhuận thuộc ấp Đông Phú Một – xã Vĩnh Thành, được xây dựng năm 1857. Là di sản văn hóa cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Đến ngày nay đã trải qua 04 lần trùng tu, bảo dưỡng với sự đóng góp của chính quyền địa phương các và nhân dân trong và ngoài xã. Hàng năm chính quyền địa phương, cùng ban quý tế, nhân dân trong và ngoài xã luôn thực hiện tốt công tác quản lý, trùng tu, tôn tạo di tích Đình và tổ chức Lễ hội Kỳ yên đúng theo phong tục của địa phương. Đây là điểm sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh truyền thống trên địa bàn xã được duy trì và bảo tồn giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc anh em.

Hồ sơ minh chứng: đảm bảo theo Quyết định 1131/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

**c. Tự đánh giá:** Đạt chuẩn Chỉ tiêu 4.4 lĩnh vực văn hóa xã nông thôn mới kiểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh An Giang.

**5. Kết quả thực hiện đô thị văn minh ở thị trấn An Châu và Thị trấn Vĩnh Bình (theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

**5.1 Thị trấn An Châu**

Thị trấn An Châu được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024 theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành

**5.2 Thị trấn Vĩnh Bình**

Thị trấn Vĩnh Bình được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024 theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành

**6. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

**6.1 Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

**6.1.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt (quy định  $\geq 01$  công trình).

### **6.1.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đến năm 2035 Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt đã có định hướng quy hoạch các điểm phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, huyện đã có rà soát, cập nhật, điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện vị trí các dự án phát triển cơ sở kinh tế, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa cũng như yêu cầu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Đến thời điểm hiện tại, Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được. Các nội dung điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch vùng huyện sau khi được phê duyệt, huyện thực hiện công bố, công khai quy hoạch điều chỉnh theo đúng quy định, để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, giai đoạn từ năm 2019 đến nay, huyện hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: Nâng cấp mở rộng các tuyến đường huyện; Xây dựng Trạm Y tế huyện Châu Thành; Xây dựng Nhà thi đấu đa năng; Xây dựng Hội trường Trung tâm văn hóa của huyện; Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh; Cải tạo, nâng cấp Công viên An Châu ... Các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã và đang được đầu tư xây dựng đảm bảo yêu cầu và phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành đến năm 2035 đã được phê duyệt.

**6.1.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 1 về quy hoạch theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.2 Tiêu chí số 2 về Giao thông**

### **6.2.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.
- Tỷ lệ km đường Huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt  $\geq 50\%$ .
- Bến xe khách tại trung tâm Huyện (nếu có quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên

### 6.2.2 Kết quả thực hiện tiêu chí

Huyện có 01 tuyến quốc lộ 91 đi qua với chiều dài 14,253 km; 02 tuyến đường tỉnh (ĐT941 và ĐT 947) đi qua với tổng chiều dài 37,3 km; 10 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 150,76km, mặt đường được nhựa hóa 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối liên thông từ trung tâm huyện tới trung tâm hành chính các xã. 100% các tuyến đường huyện được bảo trì hàng năm.

Trong thực hiện nâng chất hoàn thiện tiêu chí huyện nông thôn mới, tiến tới xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Giai đoạn 2019 đến nay, huyện đã và đang tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp mở rộng 05 tuyến đường huyện, dài 62,9km đạt chuẩn cấp V đồng bằng, cơ bản đáp ứng và phù hợp với lộ trình quy hoạch phát triển giao thông trên địa bàn huyện đã được tỉnh phê duyệt. Hiện nay, toàn bộ 10 tuyến đường huyện có cấp kỹ thuật đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005, đảm bảo phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông của huyện; hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện đã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường theo quy hoạch. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch hiện nay là 150,76km/150,76 km, đạt 100%.

Hệ thống cây xanh trên các tuyến đường huyện được các địa phương và người dân quan tâm trồng, chăm sóc và bảo dưỡng tốt; đáp ứng các yêu cầu về tạo cảnh quan, bóng mát, có giá trị bảo vệ môi trường, có tác dụng phòng hộ cao, ổn định nền đường, tăng cảm giác an toàn khi tham gia giao thông. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đảm bảo đạt theo quy định.

Về chỉ tiêu bến xe khách: Bến xe trung tâm huyện đang là bến xe khách loại IV, có diện tích 5.012 m<sup>2</sup>, cơ sở hạ tầng bến đáp ứng theo Quy chuẩn bến xe loại IV quy định.

**6.2.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## 6.3 Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

### 6.3.1 Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

### 6.3.2 Kết quả thực hiện tiêu chí

**a) Chỉ tiêu 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch**

Toàn huyện có 665 công trình thủy lợi liên xã, với tổng chiều dài 687.749,7 km. Trong đó: 343 tuyến kênh, tổng chiều dài 687.494 m; 322 cống (02 cống hở, 320 cống tròn).



Về công tác quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện: Huyện đã thực hiện tốt việc quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống thủy lợi hoạt động hiệu quả, đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn; tất cả các công trình thủy lợi do huyện quản lý đều được phân cấp quản lý, giao trách nhiệm rõ ràng đảm bảo việc quản lý và vận hành các công trình; điều tiết, vận hành các cống, bông đầu mối, quản lý các trạm bơm đúng theo quy định.

Hàng năm, huyện tổ chức chỉ đạo ngành nông nghiệp và các ngành liên quan phối hợp với các xã khảo sát hiện trạng các tuyến kênh mương, cống, đập, đê bao,... để chủ động xây dựng kế hoạch nạo vét, duy tu sửa chữa, nâng cấp công trình đảm bảo phục vụ sản xuất. Thực hiện nạo vét, duy tu sửa chữa, nâng cấp công trình: Tổng số 380 công trình, với kinh phí 231.736,6 triệu đồng.

***b) Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ***

Huyện Châu Thành đã chủ động xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, các kế hoạch, phương án Ứng phó biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự (UPBĐKH-PCTT và PTDS) đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực: Có Ban chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS cấp huyện được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương; Có quy định phòng chức năng được phân công theo dõi lĩnh vực UPBĐKH-PCTT và PTDS và làm thường trực của Ban chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS cấp huyện; Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương; Có 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ; Có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm cho 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: Có Kế hoạch UPBĐKH-PCTT và PTDS cấp huyện được phê duyệt; Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương; Có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

- Về cơ sở hạ tầng thiết yếu: Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng: Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều (nếu có); 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng

mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai. Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai: Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số Ban chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS cấp xã được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

**6.3.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.4 Tiêu chí số 4 về Điện**

### **6.4.1 Yêu cầu của tiêu chí**

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

### **6.4.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

Huyện Châu Thành có 11 xã và 02 thị trấn; hệ thống lưới điện trung, hạ thế các tuyến đường trục chính liên xã trên địa bàn huyện gồm: Quốc lộ 91, Tỉnh lộ 941, Tỉnh lộ 947. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ hệ thống điện trên địa bàn huyện gồm: Đường dây trung thế với tổng chiều dài là 292,076 km. Đường dây hạ thế với tổng chiều dài là 266,571 km. Các trạm biến áp với tổng dung lượng là 197.512,5 kVA/962 trạm, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện như: đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo quy định hướng dẫn đánh giá của Bộ Công Thương; đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp được đầu tư, cải tạo và nâng cấp theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định, phù hợp với Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang; Hệ thống điện liên xã đảm bảo phù hợp với tình trạng và yêu cầu kết nối giữa các hệ thống, phù hợp về kỹ thuật của ngành điện và theo quy hoạch; đảm bảo chất lượng nguồn cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021 - 2025.

Đồng thời, toàn bộ 11/11 xã trên địa bàn huyện đạt Tiêu chí về điện trong xây dựng nông thôn mới, tương đương tỷ lệ đạt là 100%.

**6.4.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.5 Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục**

### **6.5.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối các xã.

- Tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên đạt  $\geq 60\%$ .

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

### **6.5.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

#### ***a) Chỉ tiêu 5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn***

\* Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế: Có 11/11 Trạm Y tế xã đã được công nhận. Riêng 2 thị trấn Vĩnh Bình, An Châu đạt tiêu chí về đô thị văn minh và quản lý hồ sơ minh chứng về UBND thị trấn.

\* Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Trang thiết bị: đạt chuẩn Bộ Y tế.

- Tại TTYT đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.

\* Về Môi trường:

- TTYT đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- 13/13 TYT xã, thị trấn: đạt 100% xử lý chất thải rắn

- 13/13 TYT có hệ thống xử lý chất thải lỏng có hồ sơ chủ sở hữu nguồn thải, có Đề án bảo vệ môi trường nhưng không có giấy môi trường TTYT đang tích cực tham mưu SYT kinh phí hỗ trợ và làm giấy phép môi trường theo quy định.

#### ***b) Chỉ tiêu 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã***

Quy hoạch đất tại vị trí trung tâm đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời)  $> 5.000 \text{ m}^2$ . Diện tích hoạt động trong nhà: Văn phòng  $> 250 \text{ m}^2$ ; Phục vụ hoạt động chuyên môn  $> 1.000 \text{ m}^2$ . Diện tích hoạt động ngoài trời  $> 3.300 \text{ m}^2$ .

Quy mô xây dựng: Hội trường  $> 350$  chỗ ngồi. Phòng làm việc (Giám đốc, Phó Giám đốc)  $> 10 \text{ m}^2/\text{phòng}$ . Phòng chuyên môn: Hành chính tổng hợp, Văn hóa văn nghệ, Thể dục thể thao  $> 20 \text{ m}^2/\text{phòng}$ ; Đội tuyên truyền lưu động  $> 30 \text{ m}^2$ . Công trình thể dục thể thao: có ít nhất 02 trong các công trình sân vận động, bể bơi, nhà tập luyện thể thao. Công trình phụ trợ: Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà (12m x 8m); Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời  $> 500 \text{ m}^2$ ; Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa  $> 800 \text{ m}^2$ . Hội trường đa năng: Trang bị âm thanh, ánh sáng; Đạo cụ, trang phục. Đảm bảo công trình thể dục thể thao. Được trang bị xe ô tô chuyên dùng.

Có nhiều hoạt động kết nối với các xã.

Thư viện được đảm bảo nguồn lực cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng và có khả năng kết nối, liên thông với mạng lưới thư viện của tỉnh.

***c) Chỉ tiêu 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên đạt  $\geq 60\%$***

Trên địa bàn huyện có 03/04 trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên; đạt tỷ lệ 75%. Cụ thể:

- Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm: Được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh An Giang;

- Trường THPT Vĩnh Bình: Được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh An Giang;

- Trường THPT Cần Đăng: Được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh An Giang.

***d) Chỉ tiêu 5.4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.***

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 (Theo Quyết định số 2415/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1)

**6.5.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.6 Tiêu chí số 6 về Kinh tế**

### **6.6.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm công nghiệp ngành nghề nông thôn.

- Chợ trung tâm huyện đạt chợ kinh doanh thực phẩm.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của Huyện.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

### **6.6.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

***a) Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm công nghiệp ngành nghề nông thôn.***

- Đối với chỉ tiêu Khu công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Huyện có Khu Công nghiệp Bình Hòa tọa lạc tại xã Bình Hòa được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2007 với quy mô 131,78 ha (theo Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 20/6/2006 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Hòa), đến nay đã cấp 19 Giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp (đã thu hồi 01 GCNĐT của Công ty TNHH Giấy Chingluh Việt Nam). Tổng vốn đã đăng ký là 4.732,168 tỷ đồng, vốn lũy kế đã thực hiện là 3.544,957 tỷ đồng, tổng diện tích cho thuê là 92,1%. Trong đó, có 15 dự án đang hoạt động, 01 dự án đang hoạt động thử nghiệm (Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến), 01 dự án đang lập thủ tục (Công ty TNHH Samduk Việt Nam), 01 dự án tạm ngưng hoạt động (Công ty TNHH Thanh Nhựt Huy). Tổng số công nhân toàn khu công nghiệp tính đến cuối năm 2024 là 13.346 lao động. Hiện Khu công nghiệp Bình Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch mở rộng lên 250 ha đến năm 2025 và tăng lên 400 ha đến năm 2030.

- Từ khi được đầu tư xây dựng đến nay, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp Bình Hòa đã dần được đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chính (gồm: đường giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp). Trong đó, một phần các hạng mục hạ tầng kỹ thuật được nhà nước đầu tư, phần còn lại do các doanh nghiệp hoạt động trong Khu công nghiệp Bình Hòa tổ chức thực hiện theo đúng dự án đầu tư được duyệt, theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án của các doanh nghiệp được UBND tỉnh cấp.

- Ngày 13/01/2025, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang có văn bản số 98/BQLKKT-QLQH XD về việc hỗ trợ đánh giá Chỉ tiêu 6.1 đối với Khu công nghiệp Bình Hòa thuộc Tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới gửi UBND huyện Châu Thành. Theo đó, Ban Quản lý Khu kinh tế đánh giá mức độ hoàn thành Chỉ tiêu 6.1 kèm các hồ sơ minh chứng đối với Khu công nghiệp Bình Hòa đạt yêu cầu.

***b) Chỉ tiêu 6.2. Chợ trung tâm huyện đạt chợ kinh doanh thực phẩm.***

Huyện Châu Thành chọn chợ Cần Đăng mở rộng để xét tiêu chí chợ huyện nông thôn mới. Sở Công Thương đã có Biên bản đánh giá vào ngày 12/9/2024 về việc phúc tra, đánh giá mức độ đạt huyện nông thôn mới đối với Chỉ tiêu số “6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn” của Tiêu chí số 6 Kinh tế tại chợ Cần Đăng mở rộng, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Chợ Cần Đăng mở rộng để xét tiêu chí chợ huyện nông thôn mới. Chợ Cần Đăng đảm bảo các nội dung: (01) Quyết định thành lập Ban quản lý chợ; (02) Quyết định ban hành Nội quy chợ; (03) Quyết định phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ; (04) Hồ sơ về phòng cháy chữa cháy (Công ty CP Đầu tư HTG đã cung cấp Giấy Chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy của Phòng

CS PCCC và CNCH Công an tỉnh); (05) Hồ sơ về môi trường (Công ty CP Đầu tư HTG đã cung cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Khu dân cư Chợ Cần Đăng mở rộng của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang). Các nội dung còn lại đang hoàn thiện hồ sơ minh chứng (như: danh sách cán bộ quản lý chợ và tiểu thương đã tập huấn kiến thức được Sở Công Thương xác nhận; Bản cam kết của các hộ kinh doanh thực phẩm tại chợ do Phòng Kinh tế và Hạ tầng xác nhận; Hợp đồng thu gom rác giữa đơn vị khai thác chợ và Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện; Hóa đơn chi trả việc sử dụng nước sạch sinh hoạt tại chợ; Kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ; Kế hoạch thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường khử khuẩn, khử trùng định kỳ của chợ; Sổ theo dõi hàng hóa...). Đối với chỉ tiêu Chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: Chợ Cần Đăng, huyện Châu Thành đang hoạt động theo quy hoạch. Năm 2021, chợ được đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng, đáp ứng tiêu chuẩn chung về chợ kinh doanh thực phẩm. Thực hiện nâng chất tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện tiếp tục thực hiện xây dựng Chợ Cần Đăng đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định. Hiện nay, Chợ Cần Đăng đã đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017.

***c) Chỉ tiêu 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của Huyện.***

Đến năm 2024, diện tích đất nông nghiệp của huyện là 30.169,4 ha sản xuất nông nghiệp, chiếm 85,15% so với diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt với diện tích 81.818,08 ha (bao gồm: lúa: 76.811,51 ha; cây ăn trái: 676,34 ha; rau, màu: 2.530,23 ha). Qua đó, huyện Châu Thành đã xác định sản phẩm nông nghiệp chủ lực và Xây dựng vùng nguyên liệu để phát triển kinh tế nông thôn, như sau:

Về sản xuất lúa: Hiện nay, huyện có 25 mã số vùng trồng được cấp với diện tích 824,1 ha (Trong đó, có 24 mã số vùng trồng lúa với diện tích 811,5 ha, 01 mã số vùng trồng trên cây ăn trái với diện tích 12,6 ha và 0 mã số vùng trồng rau màu với diện tích 0 ha), cụ thể: có 09 mã vùng trồng lúa xuất khẩu đi các thị trường Nhật, Eu, Trung quốc với diện tích 504,8 ha, sản lượng cung cấp cho xuất khẩu 9.591,2 tấn/năm và 16 vùng trồng phục vụ thị trường nội địa và sẵn sàng xuất khẩu. Các vùng trồng ứng dụng kỹ thuật tiên tiến như: 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm (sản xuất cacbon thấp), công nghệ sinh thái, tiêu chuẩn toàn cầu SRP; các vùng sản xuất đều có dự án/ mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và được đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ đảm bảo phục vụ sản xuất như: giao thông, thủy lợi, logistic. Vùng trồng đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản xuất sản phẩm nông sản chất lượng, an toàn thực phẩm không nhiễm các đối tượng kiểm dịch thực vật và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Ngoài ra, các vùng trồng lúa khác trên địa bàn huyện Châu Thành được liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị đảm bảo

an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến thu hoạch với các doanh nghiệp là 16.736,91 ha, mô hình liên kết sản xuất có hợp đồng cung ứng vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân.

- Về sản xuất rau, màu: Diện tích sản xuất cây màu và rau dưa các loại đạt 2.530,23 ha. Huyện hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất sản phẩm nông sản chủ lực như: bắp trái non, nấm bào ngư và đông trùng hạ thảo, ... được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao và được liên kết các doanh nghiệp để tiêu thụ đảm bảo ra cho nông dân. Vùng nguyên liệu được đẩy mạnh phát triển nâng cao đời sống người dân trong phát triển kinh tế nông thôn.

- Về sản xuất cây ăn trái: Tổng diện tích sản xuất cây ăn trái toàn huyện đến nay đạt 676,34 ha, huyện hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất đối với cây ăn trái, sản phẩm nông sản chủ lực như: Mít, sầu riêng, nhãn,... được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm, chứng nhận VietGAP, các vùng nguyên liệu được liên kết các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo ra cho nông dân.

#### ***d) Chỉ tiêu 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.***

Trên địa bàn huyện Châu Thành không thành lập Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp. Tuy nhiên có các Trạm chuyên môn như: Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông, Trạm Chăn nuôi và Thú y và Tổ kỹ thuật viên thủy sản huyện Châu Thành.

Các trạm trên địa bàn huyện chịu sự chỉ đạo song trùng giữa các đơn vị ngành dọc là Chi cục, Trung tâm cấp tỉnh và UBND huyện, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ thực vật; kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật; khuyến nông; công tác chăn nuôi và thú y; nuôi trồng thủy sản; khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản; quản lý thức ăn, thuốc thú y thủy sản trên địa bàn huyện; hỗ trợ, tư vấn và định hướng giúp nông dân, các tổ chức sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp. Tổng số nhân sự của các Trạm, Tổ hiện có 69 người, cơ cấu nhân sự gồm: 01 Trưởng Trạm, 01 Phó Trưởng trạm, cán bộ kỹ thuật tại các Trạm, Tổ và 46 kỹ thuật viên bố trí ở 13 xã, thị trấn. Kỹ thuật viên xã là viên chức thuộc biên chế của đơn vị ngành dọc được phân công về công tác tại địa bàn xã, thị trấn, chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Trạm, Tổ. Các đơn vị hiện đang hoạt động hiệu quả qua các năm.

Giai đoạn 2011 - 2024, các Trạm, Tổ đã phối hợp phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn, cụ thể như sau:

- Chuyển giao kỹ thuật như: chương trình 3 giảm 3 tăng diện tích nông dân áp dụng đạt 97,1%; chương trình 1 phải 5 giảm diện tích nông dân áp dụng đạt 66,1%; chương trình 1 phải 6 giảm; sản xuất lúa theo tiêu chuẩn quốc tế SRP; kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn trái; trồng nấm rơm trong nhà; kiến thức

sản xuất giống lúa; nuôi gia súc sinh thái, nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao bằng đệm lót sinh học, đệm lót lên men; khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; dự án sản xuất lúa giống phục vụ cánh đồng lớn; IPM, MRLs;...

- Xây dựng mô hình điểm trình diễn điểm để chuyển giao kỹ thuật: công nghệ sinh thái; trồng nấm rơm trong nhà; kiến thức sản xuất giống lúa; nuôi gia súc sinh thái trong vườn, nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao bằng đệm lót sinh học, đệm lót lên men; phân bón hữu cơ; trồng măng tây xanh kết hợp bón phân hữu cơ; trồng gừng trong bao lưới dưới tán cây ăn trái; nuôi cá chạch lấu trong ao đất; sản xuất lơng giống; máy gieo hạt lúa theo cụm; trồng hoa sinh thái kết hợp SRP ...

- Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện cánh đồng mẫu lớn diện tích liên kết sản xuất tiêu thụ lúa đạt 16.736,91 ha/năm đạt 21,29% tổng diện tích sản xuất của huyện; hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất tiêu thụ cây ăn trái, rau màu...

- Lĩnh vực chăn nuôi: Triển khai hoạt động phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và phát triển chăn nuôi kịp thời, có hiệu quả; kiểm tra, giám sát các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm; giám sát dịch bệnh lây sang người; kiểm tra mua bán, vận chuyển, giết mổ động vật; giám sát dịch bệnh đến tận hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm thông qua hệ thống cán bộ tổ, ấp, thú y xã, huyện nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời không để dịch xảy ra hoặc xảy ra trên diện hẹp ít tổn thất và dễ bao vây dập dịch; định kỳ lấy mẫu giám sát kháng thể sau tiêm phòng vacxin và lấy mẫu giám sát lưu hành mầm bệnh để đánh giá hiệu quả việc sử dụng vacxin cũng như giải pháp phòng bệnh; tiêm phòng vacxin được thực hiện thường xuyên và đảm bảo tỷ lệ tạo kháng thể bảo hộ để vật nuôi phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm tránh gây thiệt hại do dịch bệnh (trong số đó có những bệnh lây sang người) cho người chăn nuôi, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và kinh tế gia đình, xã hội; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng được thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm...

**6.6.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.7 Tiêu chí số 7 về Môi trường**

### **6.7.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 40\%$ .

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (quy định  $\geq 01$  mô hình).



- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (quy định  $\geq 01$  công trình).

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (quy định  $\geq 2m^2$  /người)

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định đạt 100%.

### **6.7.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

***a) Chỉ tiêu 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh***

#### ***(1) Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt***

Để đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành, Hàng năm, UBND huyện đều có ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, gần nhất Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/4/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện năm 2024.

Trên địa bàn huyện Châu Thành có Khu liên hợp xử lý Chất thải rắn cụm Long Xuyên, hiện có 01 khu chôn lấp rác hợp vệ sinh do Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang làm chủ đầu tư, công suất tiếp nhận 350 tấn/ngày.đem đi vào hoạt động năm 2017 với 02 ô chôn lấp hợp vệ sinh (tiếp nhận rác của 03 địa phương: Châu Thành, Châu Phú, Long Xuyên). Hiện nay, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Châu Thành khoảng 75 tấn/ngày, trong đó, chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa) các hộ dân sử dụng bao chứa rác tái chế, tái sử dụng do UBND 13 xã, thị trấn bố trí để lưu chứa và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu mua phế liệu hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và lượng chất thải rắn thực phẩm các hộ dân tận dụng để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi với khối lượng khoảng 12,5 tấn/ngày, lượng chất thải rắn sinh hoạt còn lại được thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý Chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý là 62,5 tấn/ngày.

Hiện nay, tại Khu liên hợp xử lý Chất thải rắn cụm Long Xuyên đang triển khai thực hiện Dự án Nhà máy đốt rác công suất 300 tấn/ngày do Công ty CP Thương mại và Đầu tư Huy Ngọc Hưng làm chủ đầu tư. Dự án này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 500/QĐ-STNMT ngày 27/4/2021 và đã khởi công xây dựng từ ngày 21/6/2024, thời gian thi công lắp đặt theo hợp đồng là 18 tháng, dự kiến đến tháng 12/2025

sẽ hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và đi vào vận hành thử nghiệm. Khi đó, toàn bộ lượng rác của huyện Châu Thành sẽ được xử lý bằng công nghệ đốt, đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh đáp ứng yêu cầu Chỉ tiêu 7.1.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh An Giang cũng đã có chủ trương triển khai Dự án đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật phục vụ kêu gọi đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công suất 1.000 tấn/ngày.đem theo công nghệ đốt có thu hồi năng lượng tại khu đất 7,35ha phù hợp với Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1369/QĐ-TTg, vị trí khu đất được quy hoạch liền kề với dự án Hạ tầng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành. Hiện nay, dự án đang trong giai đoạn lập báo cáo chủ trương đầu tư và xây dựng Bộ tiêu chí mời gọi đầu tư, dự kiến đến năm 2028 đưa vào vận hành khai thác.

- Hình thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn huyện Châu Thành không có trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành đã được đồng bộ và đi vào nề nếp, đồng thời trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn đều được bố trí thùng rác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân nằm trên tuyến đường, khu vực công cộng, công viên,... với tổng số lượng thùng là 6.170 thùng chứa rác trên các tuyến đường. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đều được Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý Chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý bằng công chôn lấp hợp vệ sinh theo Hợp đồng số 55/2024/HĐ-PTNMT ngày 07/6/2024 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh, cụ thể: Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh sử dụng 08 chiếc xe ép rác chuyên dụng (tải trọng từ 03 đến 10 tấn) đều được lắp đặt thiết bị bơm tuần hoàn trong xe rác để không xảy ra tình trạng nước rỉ rác rò rỉ ra bên ngoài, phân chia theo lịch trình thu gom, với tần suất 01 lần/ngày, để vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Bình Hòa xử lý theo đúng quy định.

***(2) Hiện trạng môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường tạm thời đối với 03 bãi rác cũ không hợp vệ sinh đã ngưng tiếp nhận rác từ lâu trên địa bàn huyện Châu Thành:***

Hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tạm thời để giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với 03 bãi rác cũ không hợp vệ sinh đã ngưng tiếp nhận rác từ lâu trên địa bàn huyện Châu Thành theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3669/STNMT-MT ngày 25/10/2023. Cụ thể:

**\* Hiện trạng môi trường của 03 bãi rác cũ không hợp vệ sinh đã ngưng tiếp nhận rác từ lâu trên địa bàn huyện Châu Thành, như sau:**

- Bãi rác xã Bình Hòa có diện tích chứa rác 8.003 m<sup>2</sup>, khối lượng rác cần xử lý khoảng 20.000 tấn, năm hoạt động 1998 và ngưng hoạt động năm 2016.

- Bãi rác xã Vĩnh Nhuận có diện tích chứa rác 1.327,6 m<sup>2</sup>, khối lượng rác cần xử lý 1.778 tấn, hoạt động năm 2010 và ngưng hoạt động năm 2015.

- Bãi rác xã Bình Thạnh có tổng diện tích 3.020,9 m<sup>2</sup>, khối lượng rác cần xử lý 2.091 tấn, hoạt động năm 2012 và ngưng tiếp nhận rác từ năm 2020.

**Kết quả thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tạm thời đối với 03 bãi rác cũ không hợp vệ sinh đã ngưng tiếp nhận rác từ lâu trên địa bàn huyện:**

- Qua khảo sát thực tế bãi rác cũ xã Bình Hòa có diện tích chứa rác khoảng 8.003 m<sup>2</sup>, đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2016. Tổng lượng rác đến năm 2016 khoảng 20.000 tấn, hiện nay lượng rác này đã ổn định, bề mặt rác đã phân hủy theo thời gian và độ cao bằng với mặt đất tự nhiên và được phủ lớp cỏ bao quanh bề mặt nên không còn rác lộ thiên và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Theo phương án xử lý đang được xây dựng, toàn bộ lượng rác nêu trên tại sẽ được thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý bằng công nghệ đốt. Hiện nay, dự án đóng cửa bãi rác cũ xã Bình Hòa đang được UBND huyện Châu Thành đăng ký vào danh mục vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 để tiến hành thực hiện việc xử lý, đóng lấp.

- Đối với bãi rác xã Vĩnh Nhuận: là bãi rác có diện tích chứa rác rất nhỏ khoảng 1.327,6 m<sup>2</sup>, đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2015, đến tháng 6/2019, huyện đã tổ chức vận chuyển rác một phần rác về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh. Hiện nay lượng rác này đã ổn định, bề mặt rác đã phân hủy theo thời gian và độ cao bằng với mặt đất tự nhiên và được phủ lớp cỏ bao quanh bề mặt nên không còn rác lộ thiên và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Qua kiểm tra thực tế của Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây trong tháng 12/2024 nhận thấy lượng rác tại bãi rác này còn rất ít. Bên cạnh đó, khu đất 1.327,6m<sup>2</sup> hiện tại không phù hợp với quy hoạch để thực hiện dự án đóng cửa bãi rác, nên huyện Châu Thành đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường thống nhất đưa bãi rác này ra khỏi dự án đóng cửa 09 bãi rác của tỉnh. Đồng thời giao huyện Châu Thành xây dựng Phương án vận chuyển lượng rác tồn còn lại tại bãi rác Vĩnh Nhuận về Khu xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên để xử lý theo quy định và có báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đóng lấp bãi rác xã Vĩnh Nhuận.

- Đối với bãi rác xã Bình Thạnh: Đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2020, lượng rác trước đây tiếp nhận tại bãi rác này là rất ít, khoảng 800kg/ngày được thu gom từ các hộ dân trên địa bàn xã. Hiện nay, toàn bộ lượng rác đã oai mục xuống thấp hơn mặt bằng hiện trạng, có thảm thực vật phủ kín, không còn phát sinh mùi hôi, không có nước rỉ rác. Bãi rác này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đóng lấp cùng với 09 bãi rác cũ đã ngừng hoạt động của tỉnh. Dự kiến trong năm 2026 sẽ triển khai thi công đóng lấp.

**(3) Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn không nguy hại**

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn đều được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải xây dựng phát sinh chủ yếu xà bần như: các loại chất thải, mảnh vụn nhỏ của gạch, đá, xi măng, sắt, gỗ vụn,... được tạo thành từ việc phá hủy các công trình: xà bần được tận dụng san lấp mặt bằng; sắt gỗ vụn: tái sử dụng hoặc bán phế liệu, được thu gom và xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được thu gom xử lý đạt 100%.

- Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn 13 xã, thị trấn: Rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch được nông dân sử dụng máy cuộn rơm thành cuộn tròn bán để sử dụng: trồng nấm, thức ăn gia súc,... Đồng thời, UBND 13 xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền vận động người dân không để xảy ra tình trạng đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường và cản trở giao thông. Góp phần tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được thu gom, xử lý đạt 100%.

#### ***(4) Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại***

##### ***\* Chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt của các hộ gia đình***

UBND 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện đã tổ chức 26 mô hình điểm phân loại, thu gom và xử lý CTNH phát sinh từ rác thải sinh hoạt của hộ dân tại 26 Văn phòng ấp với sự tham gia của các hộ dân trên địa bàn các ấp. Mỗi mô hình được bố trí 02 thùng rác loại 60 lít, 120 lít, 240 lít (tùy vào điều kiện của địa phương) và bảng thông báo tại khu vực lưu chứa và dán nhãn cảnh báo trên từng thùng chứa chất thải nguy hại theo quy định, sau khi lượng chất thải nguy hại đạt thể tích của thiết bị lưu chứa sẽ được lưu tại khu vực do các ấp bố trí và UBND 05 xã sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt của các hộ gia đình được thu gom, xử lý đạt 100%.

Bên cạnh đó, để đảm bảo triển khai thực hiện và duy trì mô hình đạt hiệu quả, UBND 05/05 xã đã tổ chức 22 cuộc họp dân tuyên truyền, hướng dẫn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt nguy hại với khoảng 786 lượt người dân tham dự. Bên cạnh đó, hàng tuần 05 xã đều tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, với tần suất phát thanh 02 ngày/tuần và xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Châu Thành, để vận động 18.782 /18.782 hộ trên toàn địa bàn 05 xã thực hiện phân loại, thu gom chất thải nguy hại sinh hoạt về 26 mô hình điểm được bố trí tại 26 Văn phòng ấp.

##### ***\* Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất - kinh doanh***

Tất cả các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường và không thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn đều có bố trí dụng cụ và khu vực lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định, khi đảm bảo thể tích và thời gian lưu chứa theo quy định các cơ sở này sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất

thải nguy hại đảm bảo đúng theo quy định đảm bảo 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (*Kết quả thực hiện trên cơ sở kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề của UBND huyện Châu Thành và UBND 13 xã, thị trấn*).

**\* *Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế***

Các cơ sở y tế trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn đều có bố trí trang thiết bị để thực hiện phân loại và bố trí khu vực lưu chứa chất thải y tế nguy hại đảm bảo theo quy định, toàn bộ lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế nêu trên đều được Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định (Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông là đơn vị được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các cơ sở y tế nêu trên). Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%. Chất thải y tế của các cơ sở y tế được phân loại, thu gom và xử lý theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2021/TTBYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**\* *Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý***

Trên địa bàn 13 xã, thị trấn có tổng diện tích đất trồng trọt: 29.536 ha, ước khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh khoảng 23,6 tấn/năm. Đến cuối năm 2024, UBND 13 xã, thị trấn đã bố trí 446 thùng chứa và 33 hố chứa tại các tuyến đường ra cánh đồng (đầu kênh và cuối kênh) để đảm bảo thu gom, lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định.

Bên cạnh đó, UBND 13 xã, thị trấn đã tổ chức 72 cuộc tập huấn, tuyên truyền, vận động nông dân, với 2.054 lượt người tham gia; đồng thời, các cửa hàng vật tư nông nghiệp trên địa bàn 13 xã, thị trấn tuyên truyền đến nông dân mua hàng tại cửa hàng nâng cao ý thức tham gia thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng để đúng nơi quy định. Toàn bộ lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được UBND huyện Châu Thành hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/năm, với tổng khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom và xử lý đến cuối năm 2024 khoảng 23,6 tấn. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

Ngoài ra UBND xã An Hòa, Bình Hòa, Vĩnh Thành, Vĩnh Nhuận phối hợp Công ty Tân Thành triển khai mô hình thu gom chai lọ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đổi hàng tiêu dùng, tại 20 ấp thực hiện thu gom được 1,7 tấn bao bì vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật đổi được 1.500 phần quà tiêu dùng, (đường, dầu ăn, nước tương...).

**➔ Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.1 (Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp <50% tổng lượng phát sinh).**

***b) Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 40\%$ .***

Trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn có tổng số hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định là 28.133/39.259 hộ tham gia đạt tỷ lệ 71,6%, với hình thức phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau: (1) Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng (bao gồm chất thải nhựa) các hộ dân sử dụng bao chứa rác tái chế, tái sử dụng do UBND 13/13 xã, thị trấn bố trí để lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu mua phế liệu hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; (2) Đối với rác thải hữu cơ, thực phẩm thừa khuyến khích các hộ dân tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; (3) Đối với rác thải còn lại các hộ dân bỏ vào thùng rác hiện hữu do các hộ dân bố trí để Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành để xử lý đúng quy định.

Để đảm bảo triển khai thực hiện và duy trì mô hình đạt hiệu quả, 13/13 xã, thị trấn đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn”, qua đó đã tổ chức 85 cuộc tập huấn, tuyên truyền khoảng 3.104 lượt người dân tham dự, đồng thời phát 3.104 tờ rơi, cấp phát 25.187 bao chứa chất thải tái chế, tái sử dụng cho 28.133 hộ dân tham gia mô hình phân loại chất thải rắn. Bên cạnh đó, hàng tuần 13 xã, trấn đều tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, với tần suất phát thanh 05 buổi/tuần, bên cạnh đó xây dựng video tuyên truyền hướng dẫn công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Châu Thành.

Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh môi trường trong công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải nhựa): Trên địa bàn 13 xã, thị trấn đã bố trí trang thiết bị thu gom, lưu chứa và phân loại như sau: 6.080 thùng chứa rác các loại (loại 120 lít, loại 240 lít, thùng bê 20 lít...) trên các tuyến đường; tại 194 khu vực công cộng bố trí 1.068 thùng chứa. Qua đó, việc thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn mang đến kết quả tích cực trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau: Từng bước nâng cao ý thức của các hộ dân trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm đáng kể khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đem xử lý, các hộ dân tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được hưởng lợi ích từ việc bán rác thải tái chế, đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo công suất xử lý của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.

- Kết quả thực hiện một số mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải nhựa):

+ Tại 13/13 xã, thị trấn đều thành lập nhiều mô hình, câu lạc bộ môi trường và phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động các hộ dân tham gia Mô hình “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn” trên địa bàn các ấp.

+ Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại 29 điểm trường trên địa bàn huyện, với 34 mô hình tham gia bao gồm: ngôi nhà 100 đồng, ngôi nhà kế hoạch nhỏ, phân loại rác, thời trang tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa như dụng cụ dạy học, lớp học không có rác thải nhựa,... Nguồn kinh phí thu được từ mô hình phân loại, thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng hỗ trợ cho công tác đoàn, hội của trường và hỗ trợ tập, sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Qua thực hiện mô hình, đã thay đổi thói quen thải bỏ lãng phí lượng chất thải có thể tái chế, tái sử dụng, góp phần tiết kiệm và sử dụng hiệu quả lợi ích từ rác thải mang lại. Đồng thời, nâng cao ý thức của các hộ dân, học sinh trên địa bàn huyện Châu Thành trong công tác bảo vệ môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế tạo động lực thúc đẩy việc nhân rộng mô hình, thu hút nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 05 mô hình như: 13 tổ phụ nữ bảo vệ môi trường, 7 tổ phụ nữ đi chợ bằng giỏ nhựa, 13 tổ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, 03 tổ phụ nữ 5 có 3 sạch, 18 tuyến đường hoa, ... đã mang lại hiệu quả thiết thực, thay đổi thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, từ bỏ thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, chuyển sang dùng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường và có thể tái sử dụng lại nhiều lần, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Góp phần nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn huyện Châu Thành.

+ Huyện đoàn Châu Thành đã thành lập, tổ chức và duy trì thực hiện 13 mô hình và nhiều hoạt động như: 13 mô hình Thanh niên bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu với hơn 600 đoàn viên thanh niên tham gia. Huyện đoàn Châu Thành và các tổ chức đoàn cơ sở trồng mới hơn 12.000 cây xanh mỗi năm, tổ chức 04 đợt Chủ nhật xanh (hàng quý), thực hiện các hoạt động thu gom rác, vật liệu tái chế, vệ sinh môi trường, cạo xóa biển quảng cáo, cắt tỉa cây xanh,....

+ Tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Châu Thành đã thực hiện không sử dụng sản phẩm từ nhựa khó phân hủy, giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại cơ quan, đơn vị trong các cuộc hội họp như sử dụng ly thủy tinh, ly nhựa, sành thay thế cho chai nhựa dùng một lần.

+ Triển khai công tác quản lý chất thải nhựa đối với các cơ sở y tế, hành nghề khám chữa bệnh trên địa bàn huyện Châu Thành, đưa nội dung giảm thiểu chất thải nhựa là một tiêu chí đánh giá cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp. Tăng cường giám sát trong việc cung cấp miễn phí túi ni lông cho khách hàng, khuyến khích người dùng mang túi, bao gói khi sử dụng dịch vụ hoặc mua thuốc.

+ Phối hợp với các đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp tổ chức nhiều lượt thu gom rác thải nhựa trao đổi nhu yếu phẩm, với lượng rác nhựa thu gom khoảng trên 2,1 tấn.

**➔ Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.2 (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 71,6%).**

***c) Chỉ tiêu 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (quy định  $\geq 01$  mô hình).***

Trên địa bàn huyện có một mô hình tái chế rơm thành phân bón của Công ty TNHH Gia Khánh do ông Trần Trung Hiếu đứng tên giấy phép kinh doanh số 1602101381 được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22/5/2019, diện tích mô hình 180 m<sup>2</sup> với công suất thiết kế là 60 tấn/năm, công suất hiện tại 60 tấn/năm. Mô hình liên kết 100 hộ nông dân trồng lúa trong vùng và lân cận.

Mô hình này hoạt động từ đầu năm 2019 đến nay. Mô hình mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tận dụng phụ, phế phẩm trong nông nghiệp góp phần phát triển sản xuất của địa phương.

Thị trường tiêu thụ chính qua các đơn vị như: An Giang, Đồng Tháp.

Phương án, quy trình sản xuất kinh doanh chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp: Xử lý và tiêu hủy rác thải trong nông nghiệp. Cụ thể: Sau khi rơm được đem về kho sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ có tính chất vật lý (như cắt, nghiền, ủ, ép, đóng bánh...) và sau khi được nghiền nhỏ sẽ dùng chế phẩm sinh học để thay đổi tính chất của chất thải hữu cơ thành các dạng dễ tiêu, dễ phân hủy. Sản lượng phân bón cung cấp cho các hộ trồng cây ăn trái, rau màu và hoa kiểng trên 60 tấn/năm.

- Hiệu quả của mô hình mang lại:

+ Về kinh tế: việc triển khai thực hiện mô hình đã giúp đạt được mục tiêu nâng cao thu nhập cho nông dân thông qua việc chuyển giao, hướng dẫn nông dân tạo chế phẩm sinh học từ nguồn tài nguyên bản địa để sản xuất sạch theo hướng hữu cơ, tuần hoàn với chi phí thấp.

+ Về xã hội: Mô hình này nhằm mục đích giúp cho nông dân tái sử dụng rác thải sinh hoạt hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp tạo ra chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng lợi nhuận cho nông dân.

+ Về môi trường: Giúp bảo vệ môi trường thông qua việc phân loại, xử lý rác tại nguồn.

+ Về xây dựng nông thôn mới: Mô hình mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần phát triển nông nghiệp sạch, nâng cao thu nhập người dân nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới.

***d) Chỉ tiêu 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (quy định  $\geq 01$  công trình).***

- Để đảm bảo thực hiện tốt công tác xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, UBND huyện Châu Thành đã ban hành Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 về việc ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng nước thải trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Đối với công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, hiện tại trên địa bàn huyện có 01 Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của dự án Khu dân cư Chợ Cần Đăng mở rộng đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, áp dụng công nghệ xử



lý nước thải phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và có công suất xử lý 450 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 1320/GP-STNMT ngày 13/12/2022 là đảm bảo yêu cầu đề phục vụ đánh giá chỉ tiêu 7.4 của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới. Hiện nay công trình này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xác nhận hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định.

- Huyện cũng đã đầu tư xây dựng 01 Công trình xử lý nước thải sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Khu dân cư xã Tân Phú với công suất 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Hiện nay, dự án cụm dân cư xã Tân Phú đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định.

- Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện hiện có 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khác đã đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng: (1) Hệ thống xử lý nước thải Khu trung tâm văn hóa thể thao và dân cư đô thị huyện với công suất 250m<sup>3</sup>/ngày.đêm, (2) Hệ thống xử lý nước thải Khu dân cư Đất Thành An Châu công suất 60m<sup>3</sup> ngày.đêm, hiện trong giai đoạn lập các thủ tục cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

- Theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Hiện nay, các hộ dân đã cam kết và đóng phí này theo Hợp đồng sử dụng nước và hóa đơn tiền nước.

**➔ Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.4** (Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (quy định  $\geq$  01 công trình)).

***e) Chỉ tiêu 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu***

**\* Đối với Khu công nghiệp**

Trên địa bàn huyện Châu Thành có Khu công nghiệp Bình Hòa, trong đó có 20 dự án, trong đó: 02 dự án chưa xây dựng, 01 dự án đang triển khai xây dựng, 16 dự án đang hoạt động và 01 dự án đang tạm ngưng sản xuất và các dự án hoạt động trong Khu công nghiệp đảm bảo thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, như sau, như sau:

- Về Thành lập Khu công nghiệp: Được thành lập ngày 09/6/2009 theo Quyết định số 1183/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang, với quy mô 131,755 ha, diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 100,01 ha. Đến nay, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục hạ tầng chủ yếu như: Hệ thống giao thông, thoát nước mưa, nước thải, nhà máy cấp nước, hệ thống đường dây trung thế, hệ thống chiếu sáng, Hệ thống xử lý nước thải KCN Bình Hòa (giai đoạn 1) công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (bao gồm hồ sơ cố).

- Về thủ tục môi trường: Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hiện đang thực hiện thủ tục đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổng diện tích đất của Khu công nghiệp Bình Hòa là 131,755 ha, trong đó tỷ lệ cây xanh do Ban quản lý Khu kinh tế đầu tư trước đây chiếm tỷ lệ 4,92%. Đồng thời các DN trong KCN cũng đã đầu tư trồng cây xanh trong từng dự án với tổng diện tích là 13,9ha, chiếm tỷ lệ 10% trên tổng diện tích KCN. Do đó, tổng diện tích cây xanh hiện nay tại KCN Bình Hòa chiếm tỷ lệ gần 15%, đạt yêu cầu của chỉ tiêu 7.4.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: Hàng năm, 16/16 cơ sở đang hoạt động trong Khu công nghiệp Bình Hòa đều thực hiện gửi báo cáo tình hình thực hiện bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Trong đó, các doanh nghiệp đều thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với quản lý chất thải rắn sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, CTNH và quản lý nước thải.

#### **\* Làng nghề:**

Trên địa bàn huyện có 03 làng nghề được công nhận tại xã Bình Hòa, Cần Đăng và thị trấn An Châu.

- Đối với 02 làng nghề: Làng nghề lợp lươn Cần Đăng và làng nghề tiểu thủ công nghiệp may mùng mền Bình Hòa được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề và được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường 02 làng nghề. Trong quá trình hoạt động các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc 02 làng nghề đều chấp hành và thực hiện tốt các quy định theo pháp luật về bảo vệ môi trường (chi tiết trình bày tại chỉ tiêu 17.2. Bộ tiêu chí nông thôn mới).

- Đối với làng nghề tiểu thủ công nghiệp rập chuột tại thị trấn An Châu được UBND tỉnh An Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 25/10/2007; đã được UBND huyện Châu Thành phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 23/7/2024. Cụ thể:

+ Đến thời điểm hiện tại có 17 hộ sản xuất, kinh doanh làm nghề với tổng số lao động là 124 người. Trong số 17 hộ sản xuất, kinh doanh tham gia thì không có cơ sở hoạt động nhỏ lẻ và không thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường. UBND thị trấn An Châu đã tổ chức kiểm tra hoạt động làng nghề. Kết quả các hộ trong làng nghề thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Tình hình hoạt động và công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề:

Quy mô khoảng 13.600 - 17.000 sản phẩm/ngày;

Quy trình sản xuất: Sắt nguyên liệu được thu mua về sau đó tiến hành đang thành các tấm lưới sắt và cắt theo các kích cỡ chuẩn của rập chuột thông thường hoặc theo kích cỡ của khách hàng đặt. Tiếp theo sẽ gia công, lắp ráp lại

thành các khung hình hộp chữ nhật và lắp ráp với các nắp bấy, lò xo để tạo thành thành phẩm.

Chất thải phát sinh từ làng nghề: chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh chủ yếu từ các công đoạn cắt làm phát sinh sắt thừa, lưới sắt thừa với khối lượng bằng khoảng 1% khối lượng sản phẩm. Biện pháp xử lý: các loại sắt vụn, sắt thừa,... được thu gom và lại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty TNHH Xây dựng Môi trường xanh thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên tại xã Bình Hòa để xử lý theo quy định. Nước thải sinh hoạt hiện nay các hộ dân trong làng nghề đều có công trình thu gom, xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (hầm tự hoại), xử lý với quy mô hộ gia đình. Hoạt động của làng nghề không phát sinh nước thải sản xuất.

**➔ Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.5 (Đạt).**

***f) Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (quy định  $\geq 2m^2$ /người)***

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” và Kế hoạch 229/KH-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về trồng cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành số 243/KH-UBND ngày 27/5/2021 về trồng cây xanh theo Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân tham gia trồng và chăm sóc cây xanh tại các điểm, khu dân cư, kết quả đạt được như sau:

- Trên địa bàn huyện Châu Thành bao gồm 27 điểm/tuyến/khu dân cư của 11 xã, chủ yếu trồng các loại cây bóng mát như: cây bằng lăng, bàng, xà cừ, vú sữa, cây sao, cây dầu, cây hoa hoàng yến, mai vạn phúc... phù hợp với khu vực nông thôn.

- Tổng số nhân khẩu tại 27 điểm/tuyến/khu dân cư của 11 xã là: 4.882 người.

- Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn thực tế được quy đổi theo quy định của các xã là 180.530 m<sup>2</sup>.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện là 180.530 m<sup>2</sup>/21.962 người dân, đạt tỷ lệ 8,22 m<sup>2</sup>/người.

***g) Chỉ tiêu 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt  $\geq 50\%$ .***

Trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn có 290 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường và 1.089 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề không thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường. Các cơ sở có bố trí dụng cụ phân

loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tổ chức thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở theo quy định.

- Tổng số hộ trên địa bàn 13 xã, thị trấn là 39.259 hộ. Tổng số hộ tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và lồng ghép thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định là 28.133/39.259 hộ (đạt tỷ lệ 71,6%), cụ thể: Để phân loại, thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa thì UBND 13 xã, thị trấn đã bố trí 28.133 bao chứa chất thải nhựa để các hộ dân tham gia mô hình, đồng thời tổ chức 71 lớp tuyên truyền với 2.369 lượt người dân tham dự, nội dung tuyên truyền về phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; từ chối sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi nilon khó phân hủy; khuyến khích phát triển, sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường, đặc biệt là thực hiện tốt chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Bên cạnh đó, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã, thị trấn, phát thanh 2 lần/ngày/tuần. Ước tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 13 xã, thị trấn khoảng 80,4 tấn/ngày, trong đó chất thải nhựa phát sinh khoảng 6,4 tấn/ngày. Chất thải nhựa được các hộ dân trên địa bàn phân loại, tái chế, tái sử dụng hoặc bán cơ sở phế liệu ước khoảng 4,7 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 73,4%.

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn quản lý: Các địa phương đã tổ chức thành lập, duy trì trên 64 mô hình, hoạt động ra quân vệ sinh môi trường, thu gom chất thải nhựa trên ao hồ, sông, rạch, các tuyến đường giao thông với 2.966 lượt người tham gia và thu gom được 30,55 tấn rác thải, trong đó ước lượng chất thải nhựa thu gom được khoảng 2,4 tấn; Treo 294 băng rôn, pano tuyên truyền tại các điểm đông dân cư, các điểm chợ, trường học, với các khẩu hiệu bảo vệ môi trường, nói không với chất thải nhựa, bảo vệ nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu,...

Kết quả: Các đơn vị, hộ dân có ý thức và phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong phong trào “Chống rác thải nhựa” như: các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh phân loại lưu trữ riêng, tận dụng tái chế, hạn chế sử dụng túi ni lông khi đi chợ, sử dụng giỏ xách nhựa. Đối với rác thải nhựa không tận dụng được bán phế liệu cho đơn vị có chức năng thu mua phế liệu. Riêng rác thải nhựa không bán phế liệu hoặc tái chế được thu gom vào thùng rác đặt trước nhà để Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Thời gian tới, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch, giải pháp tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn giai đoạn 2022-2025 để đảm bảo nội dung của tiêu chí.

➔ **Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.7 (Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 71,6%).**

***h) Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định đạt 100%.***

Trên địa bàn huyện Châu Thành không có điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

➔ **Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 7.8 (Đạt).**

**6.7.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## **6.8 Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống**

### **6.8.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt  $\geq 40\%$ .

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn Huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

### **6.8.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

***a) Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt  $\geq 95\%$***

Huyện Châu Thành có 11 xã và 02 thị trấn với tổng số 40.513 hộ, số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 39.475/40.513 hộ, đạt tỷ lệ 97,44%. Trong đó, 11/11 xã có số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 30.869/31.907 hộ, đạt tỷ lệ 96,75%. 100% số hộ dân sử dụng nước sạch từ 13 công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện với số lượng nước người dân sử dụng trung bình ngày là 22.577 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Châu Thành ngày 16/12/2024).

***b) Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt  $\geq 40\%$ .***

Trên địa bàn huyện có 13 hệ thống cấp nước do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Xí nghiệp Điện nước Châu Thành tổ chức quản lý, nâng cấp hàng năm và khai thác bền vững. Cụ thể: Trung tâm Nước

sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý 02 hệ thống (Trạm cấp nước Liên xã Vĩnh Bình – Cần Đăng – Vĩnh Hanh; Trạm cấp nước Vĩnh Lợi – Hòa Bình Thạnh). Xí nghiệp Điện nước quản lý 11 hệ thống (Nhà máy nước An Châu; Trạm cấp nước An Hòa; Trạm cấp nước BOO Vĩnh Hanh (cấp liên xã Vĩnh Bình- Vĩnh Hanh -Vĩnh Nhuận) ; Trạm cấp nước Bình Thạnh; Trạm cấp nước Vĩnh An; Trạm cấp nước Hòa Bình Thạnh; Trạm cấp nước Vĩnh Lợi; Trạm cấp nước Tân Phú; Trạm cấp nước Tân Thành; Trạm cấp nước Đông Bình Nhất; Nhà máy nước Bình Hòa). Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100% (13/13 công trình) (Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Châu Thành ngày 16/12/2024).

***c) Chỉ tiêu 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và nguồn nước mặt trên địa bàn huyện***

Để tăng cường kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, có các biện pháp phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Châu Thành, UBND huyện Châu Thành có Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 15/9/2023 và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 về việc kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Châu Thành.

Hiện trạng có 343 tuyến kênh nội huyện, nội xã, liên xã, nội đồng không thuộc danh mục khu, điểm ô nhiễm môi trường được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Công văn số 52/UBND-KTN ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh An Giang; hàng năm huyện Châu Thành đều tổ chức các hoạt động ra quân vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang bờ kè đảm bảo phục vụ nước tưới tiêu đồng thời đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên căn cứ báo cáo tổng hợp quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2023 cho thấy, chất lượng nước mặt các tuyến kênh, rạch nội đồng địa bàn huyện Châu Thành trong năm 2023 và giai đoạn 2020-2023 chưa đảm bảo tốt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A1-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Các tuyến kênh, rạch nội đồng đều có diện tích nhỏ, lưu lượng nước thấp, dòng chảy bị hạn chế nên khả năng trao đổi tự làm sạch của dòng nước bị kém đi. Bên cạnh đó, chất lượng nước cũng ảnh hưởng từ nguồn thải trong sản xuất nông nghiệp và nhà dân sinh sống ven các tuyến kênh, rạch.

Qua rà soát kiểm kê hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện hiện có 343 kênh nội huyện, nội xã, liên xã, nội đồng, trong đó: 20 kênh cấp II nội huyện, 17 kênh cấp III liên xã, 151 kênh cấp III nội xã, 155 kênh nội đồng.

Hàng năm, huyện Châu Thành đều xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống hạn, thiếu nước, xâm nhập mặn mùa khô. Qua đó, dự báo nguy cơ và có phương án bảo vệ phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước đảm bảo chất lượng nguồn nước đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ đời sống dân sinh. Thường xuyên, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống cấp nước đảm bảo

vận hành các nhà máy nước liên tục phục vụ sinh hoạt cho nhân dân. Đảm bảo việc khai thông dòng chảy, tích trữ nước, vận hành hợp lý hệ thống công trình thủy lợi nhằm tiết kiệm nước, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thường xuyên cải tạo cảnh quan môi trường nước tại các tuyến kênh, mương. Đảm bảo tuyến kênh, mương xanh, sạch, không rác thải, gắn kết chặt chẽ bảo vệ mỹ quan với đời sống người dân và trong tổ chức sản xuất.

➔ **Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 8.3 (Đạt).**

***d) Chỉ tiêu 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn Huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn***

Nhằm thực hiện tốt công tác xây dựng cảnh quan môi trường, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 về việc ban hành Kế hoạch xây dựng cảnh quan, môi trường nông thôn “sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn” trên địa bàn huyện Châu Thành. Đồng thời, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 11/10/2024 về ra quân tổng vệ sinh, xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp các tuyến đường trên địa bàn huyện Châu Thành để huy động cả hệ thống chính trị và nhân dân thực hiện trong năm 2024 và năm 2025.

**\* *Cảnh quan không gian sáng:*** Trên địa bàn 13 xã có 89/109 tuyến đường (đạt tỷ lệ 81,5%) đã được lắp đặt bóng đèn chiếu sáng; các tuyến đường, khu vực công cộng có biển báo nguy cơ xảy ra tai nạn để người dân chú ý, thường xuyên có kế hoạch phát hoang cây xanh, cây che khuất tầm nhìn, tạo độ thông thoáng an toàn trong giao thông, không để xảy ra tai nạn trên địa bàn.

Các tuyến đường giao thông trên địa bàn 13 xã, thị trấn tổng chiều dài 321,88 km trong đó có 321,88 km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt tỷ lệ 100%.

**\* *Cảnh quan không gian xanh:*** Huyện đã ban hành các Kế hoạch về việc trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Châu Thành tại các Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 15/6/2021, Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 16/02/2022, Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 17/3/2023. Đến nay, huyện Châu Thành đã trồng 246.850 cây xanh như: Bằng lăng, cây dầu, sao, bạch đàn, cẩm lai,... và tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện là 8,22 m<sup>2</sup>/người.

**\* *Cảnh quan không gian sạch:*** Đường xã, liên xã đều được trang bị thùng chứa rác, bố trí các điểm tập kết thu gom rác hợp lý không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, không làm mất vẻ mỹ quan; Đơn vị thu gom rác thực hiện thu gom thường xuyên, đúng lịch, các tuyến kênh mương được vệ sinh, khơi thông dòng chảy, phát quang, không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư và rác thải dưới kênh mương và

không có trong danh mục khu điểm ô nhiễm môi trường do UBND tỉnh phê duyệt.

**\* Cảnh quan không gian đẹp:** Các tuyến đường được trồng hoa, cây cảnh, hộ gia đình tham gia chỉnh trang hàng rào, cột cờ thẳng tắp, thường xuyên cải tạo vườn tạp.

**\* Cảnh quan không gian an toàn:** Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; các tuyến đường, khu vực công cộng có biển báo nguy cơ xảy ra tai nạn để người dân chú ý, thường xuyên có kế hoạch phát hoang cây xanh, cây che khuất tầm nhìn, tạo độ thông thoáng an toàn trong giao thông, không để xảy ra tai nạn trên địa bàn. Đến nay, đã có 650 camera được lắp đặt dọc theo các tuyến đường, tại các khu vực công cộng, các khu vực trọng yếu, trong đó số lượng camera an ninh do cơ quan chức năng quản lý là 40 camera, 610 camera do người dân trên tuyến đường trực tiếp sử dụng và quản lý. Trên toàn địa bàn huyện Châu Thành có lắp 211 biển báo trên các tuyến đường giao thông để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông gồm: biển chỉ dẫn, biển tải trọng, biển báo hiệu,...

Tất cả các tuyến đường được nhựa hóa, bê tông hóa, rải đá, không lầy lội khi mưa. Có nhiều mô hình, câu lạc bộ, hương ước về giữ vệ sinh môi trường, thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông. Các tuyến đường thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không xả rác bừa bãi không đúng vị trí tập kết theo quy định. Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định).

**➔ Đánh giá: đạt đối với chỉ tiêu 8.4 (Đạt).**

**e) Chỉ tiêu 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.**

Trên địa bàn huyện có 103 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý. Trong đó, có 103/103 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

**6.8.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

**6.9 Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công**

**6.9.1 Yêu cầu của tiêu chí**

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.



- Tổ chức chính trị - xã hội Huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

### **6.9.2 Kết quả thực hiện tiêu chí**

***a) Chỉ tiêu 9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.***

Đảng bộ, chính quyền huyện Châu Thành luôn quan tâm đổi mới phương thức tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; quán triệt và triển khai các quy định, quyết định, văn bản lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh, của huyện. Chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn huyện Châu Thành (trong đó: Bầu cử đại biểu Quốc hội: kết quả bầu đạt 03/03 đại biểu; Bầu cử đại biểu HĐND tỉnh An Giang: kết quả bầu đạt 05/05 đại biểu; Đại biểu HĐND huyện Châu Thành: kết quả bầu đạt 33/34 đại biểu, khuyết 01 đại biểu; Đại biểu HĐND cấp xã: kết quả bầu đạt 348/352 đại biểu, khuyết 04 đại biểu. Đồng thời, tổ chức thành công cuộc bầu cử Trưởng ấp, khóm nhiệm kỳ 2022 – 2027 trên địa bàn huyện, số lượng Trưởng ấp là 63 người, Phó Trưởng ấp được công nhận là 59 người.

Bước sang năm 2024, Đảng bộ huyện tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng năm 2024; công tác giao nhận quân 2024 đạt chỉ tiêu 100%; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo...các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng tiếp tục được các cấp, ngành và địa phương quan tâm; đặc biệt là tổ chức thành công Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thường trực HĐND huyện tổ chức các kỳ họp HĐND huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo dân chủ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của huyện; đôn đốc các cấp, các ngành triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND huyện; thực hiện hoạt động giám sát thường xuyên giữa hai kỳ họp HĐND huyện. UBND huyện tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và tập trung thực hiện các tiêu chí huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Ban Tổ chức Huyện ủy Châu Thành đã ban hành Thông báo số 123-TB/BTCHU về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2024.

Từ những kết quả đạt được, trong các năm qua Đảng bộ, chính quyền huyện Châu Thành được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh An Giang đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- **Đánh giá:** Đạt chuẩn theo quy định.

**b) Chỉ tiêu 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội Huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%.**

Trong những năm vừa qua Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện luôn đổi mới nội dung phương thức hoạt động, hướng hoạt động về cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước trong các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện. Trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thi đua lao động sản xuất, đóng góp tiền, ngày công, hiến đất, chỉnh trang nhà ở góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, chăm lo xây dựng củng cố tổ chức ngày càng vững mạnh.

Trong năm 2024, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện đã thực hiện đạt kết quả như sau:

- Thông báo số 151-TB/ĐTN-VP ngày 31/12/2024 của Ban Chấp hành Tỉnh đoàn An Giang công nhận Huyện đoàn Châu Thành “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

- Quyết định số 297/QĐ-LĐLĐ ngày 18/12/2024 của Liên đoàn lao động tỉnh An Giang công nhận Liên đoàn lao động huyện Châu Thành “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”

- Quyết định số 138- QĐ/HNDT ngày 16/12/2024 của Hội Nông dân tỉnh An Giang công nhận Hội Nông dân huyện Châu Thành “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Quyết định số 1761/BTV-VPTC ngày 30/11/2024 của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh An Giang công nhận Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Châu Thành “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

- Thông báo số 33/TB-MTTQ-BTV ngày 11/12/2024 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh An Giang công nhận Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Châu Thành “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

- **Đánh giá:** 100 % đạt chuẩn theo quy định.

**c) Chỉ tiêu 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.**

Trong 02 năm 2023 - 2024, huyện Châu Thành không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp huyện bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- **Đánh giá:** đạt chuẩn theo quy định.

**d) Chỉ tiêu 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự.**

Để thực hiện tốt Chỉ tiêu 9.4 trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, Công an huyện Châu Thành đã chủ động tham mưu Huyện ủy Ban hành Chỉ thị số 12-CT/HU, ngày 28/3/2024 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an năm 2024; tham mưu UBND huyện, Ban Chỉ đạo 138 huyện ban hành các Kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; công tác phòng, chống tội phạm, HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024, như: Kế hoạch số 427/KH-BCĐ ngày 07/3/2024 về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024; Kế hoạch số 726/KH-BCĐ ngày 24/4/2023 về Phát động phong trào thi đua phòng, chống tội phạm, HIV/AIDS, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024; Kế hoạch số 221/KH-BCĐ ngày 05/6/2023 về tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” năm 2024.

Có 11/11 xã đạt Chỉ tiêu 19.2 “An toàn về an ninh, trật tự” - Tiêu chí 19 (đạt 100%). Trong đó, có 05 xã duy trì và đạt Chỉ tiêu 19.2 – Tiêu chí 19 đối với xã xây dựng nông thôn mới nâng cao: Xã Cần Đăng, Bình Hòa, Vĩnh Thành, Vĩnh Nhuận, An Hòa.

- Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm pháp luật phức tạp làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Trong năm 2024 phạm tội về trật tự xã hội trên địa bàn huyện so với cùng kỳ năm 2023 giảm 30,1%.

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Qua kết quả đánh giá việc thực hiện Chỉ tiêu 9.4 - Tiêu chí 9 “Đảm bảo an ninh, trật tự” trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2024. Công an huyện đánh giá năm 2024 đạt Chỉ tiêu 9.4 - Tiêu chí 9.

**e) Chỉ tiêu 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.**

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử

cấp tỉnh theo Danh mục được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đang còn hiệu lực thi hành tại thời điểm công nhận: Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về việc công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Năm 2024, thủ tục hành chính của huyện là 573 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến là 573 thủ tục (trong đó dịch vụ công trực tuyến một phần có 187 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến toàn trình có 205 thủ tục). Kết quả giải quyết hồ sơ trực tuyến đạt tỷ lệ 88.86%.

***f) Chỉ tiêu 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định***

\* Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn:

- Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật: đạt 100% (so với quy định đạt 100%).

- Tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật (sau đây gọi là văn bản hành chính): đạt 100% (so với quy định  $\geq 80\%$ ).

\* Tiếp cận thông tin:

- Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

- Tỷ lệ thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật: đạt 98% (so với quy định  $\geq 90\%$ ).

- Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật: đạt 100% (so với quy định  $\geq 90\%$ ).

\* Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở:

- Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn.

- Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: đạt 95% (so với quy định đạt  $\geq 80\%$ ).

- Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: đạt 100% (so với quy định đạt  $\geq 80\%$ ) nhiệm vụ được bảo đảm kinh phí thực hiện.

- Tỷ lệ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt 100% (so với quy định đạt  $\geq 80\%$ ).

- Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn: đạt 95% (so với quy định  $\geq 80\%$ ).

\* Trợ giúp pháp lý:

Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: đạt 100% (so với quy định đạt  $\geq 80\%$ ).

Đánh giá mức độ đạt chỉ tiêu: đạt.

**6.9.3 Tự đánh giá:** Đạt chuẩn tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công theo Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

## V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo huyện và sự phối hợp tích cực giữa các ban, ngành huyện trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và người dân về xây dựng nông thôn mới, tạo thuận lợi trong việc huy động nguồn lực trong cán bộ và nhân dân chung tay thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường ngày càng được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và ngày càng phát triển; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự xã hội được đảm bảo; hệ thống tổ chức chính trị ngày càng vững mạnh, dân chủ ở cơ sở được phát huy

### 2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đã đạt được, chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Châu Thành còn một số tồn tại, hạn chế:

- Tiến độ xây dựng, nâng chất nông thôn mới thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn, do cơ chế huy động nguồn lực, phân bổ nguồn vốn và chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn ở cơ sở còn gặp khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng công nghiệp, thương mại, dịch vụ được quan tâm đầu tư phát triển nhưng do nguồn lực có hạn nên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Sạt lở và cảnh quan nông thôn còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm cải thiện; đô thị hóa chưa đồng bộ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

- Một bộ phận cán bộ và nhân dân bằng lòng, thỏa mãn với những kết quả đã đạt được trong xây dựng nông thôn mới, còn có tư tưởng trông chờ hỗ trợ của nhà nước, nên việc phát huy vai trò chủ thể trong quá trình tổ chức, thực hiện chương trình đôi lúc có chậm lại.

### **3. Nguyên nhân tồn tại hạn chế**

- Nền kinh tế phát triển chủ yếu dựa trên nền tảng nông nghiệp. Tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp chưa phát triển nhiều các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả giá trị gia tăng cao.

- Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp nông thôn còn quá ít; chưa có những cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp. Đồng thời, các yếu tố khách quan như giá cả các mặt hàng nông sản, thủy sản thiếu ổn định, thị trường đầu ra đôi lúc gặp khó khăn; các ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế kéo dài, tình hình dịch bệnh Covid- 19, tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp,... gây khó khăn cho sản xuất và cho quá trình chuyển dịch cơ cấu nội ngành.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

Một là, phải có sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của cơ quan Đảng, chính quyền các cấp nhất là Ban Chỉ đạo nông thôn mới ở địa phương; Phải xây dựng kế hoạch, có giải pháp, lộ trình thực hiện cụ thể, phân công ngành, cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện từng tiêu chí. Đồng thời phải kiểm tra, giám sát, thường xuyên đi cơ sở để kịp thời nắm, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng để nhân dân thông suốt, đồng tình ủng hộ cùng chung tay góp sức với chính quyền địa phương đóng góp sức người, sức của để xây dựng thành công các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới bởi lẽ người dân là chủ thể của chương trình và là người hưởng lợi trực tiếp. Kịp thời phát hiện và tuyên dương khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu để động viên, khích lệ tinh thần, nhân rộng phong trào trong quần chúng nhân dân.

Ba là, việc thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, có cách làm phù hợp với điều kiện của từng địa phương thông qua lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế chính sách.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa tập trung thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí không cần vốn trước; đồng thời khai thác nguồn thu, huy động mọi nguồn lực để đối ứng nguồn vốn của trung ương, tỉnh đầu tư các tiêu chí, chỉ tiêu cần vốn.

Năm là, kế thừa và phát huy nhiều bài học kinh nghiệm, thành quả từ các chương trình mục tiêu, các phong trào quần chúng trước đây để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của huyện trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó, có bài học kinh nghiệm xuyên suốt đó là phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, sử dụng vốn đúng mục đích công khai, minh bạch nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và nhân dân.

### **5. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu**

Với quan điểm xây dựng nông thôn mới là một quá trình thường xuyên, liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc; với trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, huyện Châu Thành đã quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới theo hướng “toàn diện, hiệu quả, bền vững” và phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới theo nguyên tắc “*Cơ cấu lại nền nông nghiệp là động lực, nông thôn mới là nền tảng, nông dân là chủ thể*” theo phương châm “*Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra - Dân thụ hưởng*” là giá trị cốt lõi của Chương trình, phát huy phong trào “Châu Thành chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

Việc tuyên truyền, xây dựng mô hình điểm nâng cao nhận thức cho các cấp và Nhân dân được huyện chú trọng, là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện Chương trình, được cụ thể bằng những hành động, thông qua các Hội nghị, hội thi, học tập nghị quyết,...và rõ hơn hết là những mô hình điểm, cách làm hay sáng tạo, những gương điển hình tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới của huyện Châu Thành. Từ đó góp phần tạo sự lan toả, đồng thuận, nhất trí cao về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của huyện và cũng là một trong những yếu tố hết sức quan trọng tạo nên thành công chung khi xây dựng “Huyện nông thôn mới”, đã làm thay đổi lớn cho diện mạo nông thôn của Châu Thành hôm nay. Trong đó phải kể đến những mô hình tiêu biểu như sau:

Hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ huyện đến cơ sở chủ động, thường xuyên tuyên truyền, vận động và được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” gắn với các tiêu chí văn hóa, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới. Duy trì, nâng chất các mô hình và những cách làm hay trong tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện như sau:

#### **(01) Mô hình xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu giao thông nông thôn**

- Để thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, rất cần thiết đầu tư cho hạ tầng giao thông thông suốt mới đáp ứng được nhu cầu lưu thông và vận chuyển hàng hóa được thuận lợi. Phát huy những thành tựu đạt được của giai đoạn 2011-2018, tiếp tục thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, địa phương đã đẩy mạnh tuyên truyền và vận động mọi tầng lớp nhân dân xác định được việc xây dựng cầu xã hội hóa là nhiệm vụ chung của toàn xã hội;

mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân; tạo sự đồng thuận lớn trong nhân dân; sự ủng hộ đóng góp tích cực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong đầu tư xây dựng cầu giao thông nông thôn trên địa bàn.

- Kết quả giai đoạn 2019 đến nay, đã đầu tư xây dựng 37 cây cầu (gồm 27 cầu sắt, 10 cầu bê tông), tổng mức đầu tư trên 39,478 tỷ đồng (trong đó, nguồn vốn xã hội hóa đầu tư trên 28,520 tỷ đồng). Các cầu xã hội hóa được đầu tư xây dựng, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ của nhân dân, nhất là trên các tuyến đường nội đồng; góp phần rất lớn trong việc kết nối giao thông giữa nông thôn và thành thị. Hiện nay, hầu hết các tuyến đường trên địa bàn huyện, hệ thống cầu, cống được đầu tư xây dựng bằng bê tông, mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, xe ô tô 04 bánh dễ dàng lưu thông thuận lợi từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm các xã, ấp; đường thủy bộ thông thuyền được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa và đi lại của nhân dân, phát triển nhiều ngành nghề cũng như rút ngắn dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Huyện đạt được kết quả như trên là nhờ sự đóng góp nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, cũng như tất cả các tầng lớp nhân dân trong xã hội góp sức thực hiện. Cùng với đó là vai trò hết sức quan trọng của chính quyền địa phương các cấp trong việc định hướng và tập hợp nguồn lực để đầu tư xây dựng; trong sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, của các doanh nghiệp và phát huy nguồn lực của địa phương; quan tâm, chú trọng công tác quản lý nhà nước về đầu tư, công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công, xây dựng; phát huy tốt vai trò giám sát của các tổ chức đoàn thể, nhân dân trong quá trình đầu tư xây dựng... đã đưa diện mạo nông thôn huyện Châu Thành ngày càng khởi sắc; đời sống người dân nông thôn không ngừng được cải thiện và nâng cao; có điều kiện chủ động tham gia, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cùng chung tay xây dựng nông thôn mới, xây dựng quê hương Châu Thành ngày một giàu đẹp.

## **(02) Mô hình phát triển hạ tầng thương mại nông thôn.**

- Hạ tầng thương mại nông thôn được đánh giá có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng, kinh doanh, buôn bán của người dân nông thôn, đây còn là yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Hình thức thương mại nông thôn phổ biến là các chợ truyền thống nông thôn. Đây là kênh mua sắm hàng hóa thiết yếu của người dân, góp phần tích cực trong việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ, trao đổi hàng hóa, phục vụ tốt đời sống của nhân dân. Trong những năm qua, việc quy hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thương mại nông thôn luôn được huyện quan tâm, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thu hút nguồn lực đầu tư trong và ngoài tỉnh, mở rộng giao lưu hàng hóa, phát triển thị trường nông thôn thông qua đầu tư các cụm dân cư kết hợp chỉnh trang, nâng cấp chợ, kêu gọi đầu tư xây dựng các khu thương mại –



dịch vụ. Hiện nay, huyện Châu Thành có 24 chợ truyền thống đang hoạt động (trong đó có 01 chợ đạt chuẩn loại II, 16 chợ đạt chuẩn loại III, 07 chợ chuyển sang tự điểm kinh doanh)...góp phần phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân.

- Bên cạnh đó, thị trường nông thôn của huyện cũng đã xuất hiện các hình thức thương mại hiện đại như siêu thị, cửa hàng tự chọn, trung tâm thương mại... Tuy số lượng các hình thức thương mại hiện đại này còn ít, song nó đã góp phần từng bước thay đổi diện mạo thị trường nông thôn. Việc hình thành và phát triển các hình thức thương mại ngoài chợ truyền thống trên thị trường nông thôn là một nhu cầu tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các hình thức thương mại đa dạng, hiện đại, cùng với sự phát triển của mạng lưới chợ truyền thống đã góp phần thay đổi đáng kể hoạt động thương mại trên địa bàn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển thị trường nông thôn của huyện Châu Thành ngày nay.

### **(03) Mô hình phát triển điện nông thôn.**

- Điện năng là yếu tố cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội các vùng nông thôn phát triển. Những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, dành nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống điện ở khu vực nông thôn, góp phần giúp người dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng; thay đổi quy mô và tập quán sản xuất, canh tác; tăng năng suất trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông lâm thủy sản; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; nâng cao dân trí và đẩy nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Điện vừa là nhân tố thúc đẩy sản xuất kinh doanh, vừa nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người dân, đem lại những lợi ích cơ bản và lâu dài cho các địa phương nên việc ngành điện đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, đảm bảo đủ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của dân cư nông thôn thời gian qua, đã mang đến sự thay đổi rất lớn về mức cung cấp điện cho khu vực nông thôn của huyện, từ mức cung cấp chỉ đáp ứng ở mức cơ bản, lên mức độ đáp ứng hầu hết các yêu cầu về điện với chất lượng ngày càng cao.

- Cùng với sự nỗ lực của ngành điện trong thực hiện cơ chế huy động nguồn vốn xã hội hóa kết hợp với vốn ngân sách và vốn của ngành điện để đầu tư các công trình điện theo chủ trương chung của tỉnh, huyện Châu Thành hiện nay đã có Đường dây trung thế với tổng chiều dài là 292,076 km. Đường dây hạ thế với tổng chiều dài là 266,571 km. Các trạm biến áp với tổng dung lượng là 197.512,5 kVA/962 trạm, cung cấp điện sinh hoạt cho 99,64 % số hộ dân khu vực nông thôn và phục vụ tốt nhu cầu điện sản xuất kinh doanh; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí điện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Các công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn hoàn thành đã mang lại nhiều lợi ích cho người dân như: được hưởng giá điện theo quy định của Nhà nước, không qua trung gian; chất lượng điện áp cải thiện; an toàn sử dụng điện được nâng lên... Điện mạo nông thôn huyện trở

nên khang trang, hiện đại hơn, góp phần thực hiện tốt mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, Triển khai thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Trung ương, tỉnh phân bổ cho huyện và nguồn ngân sách huyện hằng năm, huyện đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các mô hình phát triển sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 11 xã. Các mô hình được triển khai trên nhiều lĩnh vực như: chăn nuôi, thủy sản, trồng cây ăn trái, nấm, dược liệu... qua đó được ứng dụng hệ thống khoa học công nghệ tiên tiến có hiệu quả trong sản xuất; từ đó giảm chi phí nhân công và tiết kiệm nước, phân bón, thức ăn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản,... và có khả năng nhân rộng mô hình trong nhân dân rất lớn. Các mô hình đã làm tăng giá trị sản phẩm và năng suất, đảm bảo kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất góp phần nâng cao thu nhập bình quân ở vùng nông thôn, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của huyện, góp phần to lớn trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của địa phương. Từng bước đã làm thay đổi tập quán sản xuất của nông dân từ sản xuất nông nghiệp sang làm kinh tế nông nghiệp theo hướng chuỗi giá trị giảm chi phí đầu vào tăng giá trị đầu ra góp phần tăng hiệu quả kinh tế bền vững và hướng tới theo nhu cầu thị trường và người tiêu dùng, cụ thể với một số mô hình như:

**(01) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng của hộ ông Cao Văn Minh ấp Vĩnh Hòa 1, xã Vĩnh Nhuận**

- Kết quả thực hiện mô hình: Lắp đặt được hệ thống tưới phun tự động cho cây sầu riêng có ứng dụng hệ thống châm phân tự động. Với diện tích 23.000m<sup>2</sup>; trồng khoảng cách trung bình 6m x 6m; trồng được 600 cây sầu riêng Ri6. Sử dụng 02 máy bơm công suất 4hp, mỗi gốc sầu riêng được lắp đặt hai béc tưới có công suất 25 lít/giờ. Hệ thống ống chính có kích thước 114mm, mỗi hàng sầu riêng lắp đặt một đường ống nhánh 60mm. Lắp đặt bộ lọc đĩa tưới phi 60 để lọc lại các cặn, rác, tạp chất... trong đĩa lọc, hạn chế việc tắc nghẽn hệ thống tưới.

- Đánh giá chung về mô hình

+ Thuận lợi: Người dân mạnh dạn ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

+ Khó khăn: Vốn đầu tư ban đầu cao; Giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao, không ổn định.

- Hiệu quả mang lại:

+ Về kinh tế: Giúp giảm lượng nước tưới, từ đó giúp cây trồng hấp thu tốt nhất lượng nước và phân bón thông qua hệ thống châm phân, từ đó hạn chế tình trạng xói mòn đất và mất phân bón so với cách tưới truyền thống; Tiết kiệm nước tưới: từ 30 - 50% so với tưới truyền thống; hạn chế cỏ dại do kiểm soát

được khu vực tưới, không tưới tràn lan. Giảm chi phí nhân công tưới và bón phân: từ 40 - 60% so với tưới truyền thống. Giảm chi phí bình quân 95.040.000 đồng/năm/23.000 m<sup>2</sup>. Gia tăng thu nhập cho người nông dân: lợi nhuận một năm thu được gấp 8-10 lần so với trồng lúa (trên cùng diện tích).

+ Về xã hội: Giúp cho nông dân tiếp cận với kỹ thuật mới, nâng cao năng suất lao động; Sử dụng công nghệ tưới phun có thể kiểm soát được cỏ dại tốt hơn, hạn chế việc sử dụng các loại thuốc diệt cỏ và giảm sự rửa trôi phân bón nên góp phần bảo vệ môi trường sinh thái; Mô hình còn tạo ra nhiều nhiều việc làm cho lao động nông thôn trong việc trồng, chăm sóc (phun thuốc tắng lá, làm cỏ, đắp mô). Nâng cao nhận thức người dân trong việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

+ Về môi trường: Mô hình hạn chế gây ô nhiễm môi trường: Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động giúp kiểm soát được lượng nước tưới, hạn chế cỏ dại, hạn chế xói mòn đất; Từ đó giúp hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (thuốc diệt cỏ). Giúp cây phát triển tốt, do luôn tạo được độ ẩm trong đất, giúp cây hấp thu nhanh chất dinh dưỡng, từ đó sớm ra hoa và cho trái nhiều hơn.

- Mô hình hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

## **(02) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động điều khiển bằng điện thoại cho vườn sầu riêng của hộ ông Đoàn Hữu Cao ấp Đông Phú 1, xã Vĩnh Thành**

- Kết quả thực hiện mô hình: Tiến hành lắp đặt mới hệ thống tưới phun tiết kiệm nước cho 0,4 ha vườn sầu riêng lên mới và cải tạo lại hệ thống tưới, chuyển từ hệ thống péc phun truyền thống sang hệ thống péc phun tiết kiệm nước cho 0,3 ha vườn đã lên 1 năm. Cài đặt ứng dụng điều khiển hệ thống tưới tự động. Nhằm đảm bảo nguồn nước tưới được cung cấp đầy đủ cho cả 02 vườn, máy bơm thứ nhất được đặt ở đầu vườn sầu riêng đã lên được 03 năm và máy bơm thứ hai được đặt ở đầu vườn sầu riêng mới lên. Đầu nguồn điện cho motor và đầu nguồn nước vào máy bơm. Sau đó kết nối bộ điều khiển với hệ thống máy bơm. Và lắp đặt hệ thống ống dẫn nước. Gắn lọc nước nối tiếp vào đường ống, vị trí của lọc nước được gắn phía sau đầu ra của máy bơm. Gắn bộ lọc phía sau đồng hồ đo áp và lắp bộ châm phân phía sau bộ lọc.

- Hiệu quả mang lại:

+ Về kinh tế:

Tiết kiệm thời gian và công sức: Tưới tự động giúp người trồng sầu riêng tiết kiệm thời gian và công sức tưới nước cho cây. Người trồng chỉ cần cài đặt hệ thống tưới một lần và hệ thống sẽ tự động tưới nước cho cây theo thời gian đã cài đặt.

Tăng năng suất và chất lượng trái cây: Tưới tự động giúp cây sầu riêng hấp thụ nước và dinh dưỡng đầy đủ, giúp cây phát triển khỏe mạnh và cho năng suất cao hơn. Tưới tự động cũng giúp giảm thiểu sâu bệnh và hạn chế cỏ dại, giúp cây sầu riêng cho trái cây chất lượng cao hơn.

Giảm thiểu sâu bệnh và hạn chế cỏ dại: Tưới sâu riêng tự động giúp giảm thiểu sâu bệnh và hạn chế cỏ dại. Khi tưới tự động, nước được tưới trực tiếp vào gốc cây, giúp hạn chế sự phát triển của cỏ dại và các loại sâu bệnh.

+ Về xã hội: Tạo việc làm thường xuyên cho 02 lao động gia đình. Tạo ra sản phẩm an toàn cho địa phương

+ Về môi trường: quá trình canh tác thường xuyên ứng dụng các sản phẩm phân hữu cơ và thuốc BVTV sinh học, làm cho đất tơi xốp và bảo vệ hệ thống canh tác, giúp sản phẩm an toàn. Sử dụng nước tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu. Cải tạo đất, chống xói mòn, suy thoái đất, hạn chế nơi ký sinh sinh vật gây hại giúp phát triển bền vững.

- Sản phẩm mô hình: Mô hình phục vụ cho xã nông thôn mới nâng cao

- Phương án duy trì nhân rộng: Với hiệu quả của hệ thống tưới mang lại đây sẽ là điểm tham quan học tập và chia sẻ kinh nghiệm cho nông dân trồng sâu riêng lân cận.

### **(03) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn quýt và nhãn của hộ ông Lê Hoài Thanh ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đăng**

- Kết quả thực hiện mô hình: Ứng dụng Điện mặt trời không hòa lưới (hình thức lắp đặt: Áp mái); Tấm pin năng lượng mặt trời (solar panel): Thiết bị này chuyển hóa năng lượng ánh sáng mặt trời thành năng lượng điện dưới dạng dòng điện một chiều (DC). Mô hình lắp đặt 12 tấm pin năng lượng loại 550w tương đương 6,6kw. Bộ biến đổi điện áp (PV inverter): Dòng điện một chiều (DC) từ tấm pin năng lượng mặt trời chuyển đổi thành dòng điện xoay chiều (AC) để cấp cho các thiết bị sử dụng. Lắp đặt ống nước từ ống lớn đến ống phi 21, gắn các đầu nối và béc tưới.

- Hiệu quả của mô hình:

+ Về kinh tế: giúp giảm 55,95% lượng nước tưới; tiết kiệm chi phí thuê lao động và xăng bơm tưới được 43.500.000 đồng/ năm; kết hợp bộ châm phân giúp tiết kiệm phân bón; mang lại lợi nhuận 303,710,000 đồng cho người dân; tiết kiệm thời gian, công lao động để nhà nông tập trung vào kỹ thuật chăm sóc vườn.

+ Về xã hội: Đóng góp xây dựng nông thôn mới tại địa phương góp phần vào sản phẩm ocop của địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho nông hộ. Ngoài ra, nhà vườn không tốn chi phí thuê công lao động và rút ngắn thời gian tưới, qua đó giúp nông dân có thể phát triển kinh tế phụ trợ để phát triển kinh tế gia đình; giảm phụ thuộc vào nguồn lao động đang thiếu hụt tại vùng nông thôn.

+ Về môi trường:

Tiết kiệm tài nguyên nước tưới, việc giảm áp lực nước tưới trên mặt đất góp phần bảo vệ tài nguyên nước của nhà nông, hạn chế được suy thoái đất.

Mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh để cung cấp dinh dưỡng và cải tạo nuôi dưỡng đất và nâng cao chất lượng cây ăn trái. Ngoài ra, mô hình áp dụng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước kết hợp hòa dinh dưỡng cung cấp cho cây cân đối; sử dụng phân hóa học một cách hợp lý theo nhu cầu của cây; từ đó, giúp gia tăng giá trị nông sản, tăng hiệu quả sản xuất, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch từ ánh sáng mặt trời trong quá trình chuyển đổi để bơm nước không tạo khí gây hiệu ứng nhà kính (trong khi các loại nhiên liệu xăng/dầu hỗ trợ bơm tưới tạo ra khí gây hiệu ứng nhà kính)

- Sản phẩm mô hình: Mô hình đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn quýt và nhãn.

- Phương án duy trì nhân rộng: Đây là mô hình mang tính hiệu quả kinh tế cao, có khả năng nhân rộng. Tuy nhiên đầu tư chi phí cho vườn quýt và nhãn từ lúc trồng đến năm thứ 4 mới thu hồi vốn nên cần có sự liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra và lợi nhuận ổn định cho người nông dân.

#### **(04) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn sầu riêng và mít của hộ ông Võ Văn Phú ấp Hòa Lợi 3, xã Vĩnh Lợi**

- Kết quả thực hiện mô hình: Lắp đặt hệ thống tưới phun bằng pin năng lượng mặt trời trên vườn sầu riêng và mít giúp tiết kiệm 80% chi phí nhiên liệu, điện năng, giảm 75% thời gian tưới và 1/3 số lần tưới; giảm 50% công lao động và tiền công tưới. Bón phân tiết kiệm và kết hợp bộ châm phân theo hệ thống tưới giúp giảm 30% lượng phân bón cũng như tiền mua phân, giảm 50% tiền thuê công lao động bón phân. Cụ thể:

+ Lắp đặt pin năng lượng mặt trời : Sử dụng tám pin năng lượng mặt trời với công suất hoạt động 8kw là đủ đáp ứng vận hành máy bơm nước và tiết kiệm được tối ưu chi phí đầu tư đến khi thu hoạch. Với công suất hoạt động của motor 4hp là đủ đáp ứng vận hành máy bơm nước và tiết kiệm được tối ưu chi phí đầu tư trong sản xuất. Thiết bị điện tử chuyển đổi dòng điện 1 chiều (DC) thành dòng điện xoay chiều (AC). Các tấm pin năng lượng mặt trời tạo ra dòng điện 1 chiều từ mặt trời, nhưng hầu hết các thiết bị gia dụng lại hoạt động bằng dòng điện xoay chiều. Chính vì vậy, vai trò của hộp Inverter trong hệ thống năng lượng mặt trời là cực kỳ quan trọng, nó sẽ biến nguồn điện DC từ việc các tấm pin hấp thụ thành dòng điện xoay chiều để phù hợp với các thiết bị điện Motor. Thiết bị chống sét lan truyền hay SPD (Surge Protection Devices) là các thiết bị chống sét được tạo ra để bảo vệ các thiết bị điện, khi điện áp tăng cao đột ngột sẽ hấp thụ năng lượng đột biến đó và chuyển hướng dòng điện nguy hiểm này xuống đất một cách an toàn

+ Thiết kế, lắp đặt chuyển giao hệ thống tưới phun và điều khiển tự động tiết kiệm nước cho 1.3 ha vườn sầu riêng và mít: Tiến hành lắp đặt 02 máy bơm

cho 1,3 ha vườn sầu riêng và mít. Máy bơm thứ nhất sẽ lắp đặt ở đầu vườn và máy bơm thứ hai sẽ lắp đặt ở giữa vườn để đảm bảo cung cấp đủ nước cho cây trồng phát triển tốt. Nhằm giúp cho lượng nước tưới thấm đều cho cây thì việc lắp đặt hệ thống tưới phun cho vườn sầu riêng và mít hết sức quan trọng. Với tổng cộng 138 gốc sầu riêng lắp đặt 276 péc tưới và 274 gốc mít lắp đặt 274 péc tưới đảm bảo cung cấp đủ nước cho cây trồng.

- Hiệu quả của mô hình:

+ Về kinh tế: So về hiệu quả kinh tế nếu tưới theo kiểu truyền thống trung bình 3 ngày tưới 1 lần x 12 tháng/năm bằng 120 ngày công tưới. Đối với mô hình áp dụng hệ thống tưới tự động đã tiết kiệm 60% nhân công tưới. Ngoài ra, việc sử dụng hệ thống châm phân đã giảm công bón phân, nông dân có thể đầu tư thêm vào việc khác, tăng thêm thu nhập nhờ vào việc tiết kiệm được thời gian, an tâm trong sản xuất.

+ Về xã hội: Giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 03 lao động tại địa phương với mức thu nhập 3 -4 triệu đồng/người/tháng; giúp tạo việc làm cho lao động tại chỗ. Mô hình giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường xung quanh. Nguyên vật liệu đầu vào là sử dụng điện tái tạo, giảm nhân công lao động tưới, hạn chế tối đa sử dụng phân hóa học, thuốc BVTV.

+ Về môi trường: Đa dạng hóa nguồn năng lượng sạch trong sản xuất nông nghiệp và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu. Cải tạo đất, chống xói mòn, suy thoái đất, hạn chế nơi ký sinh sinh vật gây hại giúp phát triển bền vững

- Sản phẩm dự kiến: Do mô hình có xen mít với sầu riêng. Với đầu tư mới hoàn toàn nên việc sản phẩm mít cho trái trước để tạo thêm chi phí phát triển cây sầu riêng. Mô hình đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn sầu riêng và mít.

- Phương án duy trì nhân rộng: Đây là mô hình mang tính hiệu quả kinh tế cao, có khả năng nhân rộng.

**(05) Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn phát tài và sầu riêng của hộ ông Phan Minh Mông ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Nhuận**

- Kết quả thực hiện mô hình:

+ Thiết kế hệ thống tưới phun với 500 béc tưới cho 300 cây nhãn phát tài và 100 cây sầu riêng. Lắp đặt mới hệ thống tưới phun kết hợp bộ châm phân cho 1,3ha với 300 béc tưới phun cho 300 cây nhãn phát tài và 200 béc tưới phun cho 100 sầu riêng. Lắp đặt các bộ phận trung tâm máy bơm, luper, bộ châm phân các van khóa điều khiển quá trình hút phân, bồn pha phân và bộ lọc, van xả khí sau lọc để xả lượng khí còn trong hệ thống tưới.

+ Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời được thiết kế với 12 tấm pin, mỗi tấm có công suất 440W, được bố trí trên khung giá đỡ chắc chắn và tối ưu góc nghiêng để hấp thụ ánh sáng mặt trời tối đa. Các tấm pin được nối với nhau

thành mạch song song, đảm bảo hiệu suất vận hành ổn định và cung cấp nguồn điện liên tục. Bộ điều khiển inverter được lắp đặt kèm theo, giúp chuyển đổi và quản lý nguồn điện một cách hiệu quả. Toàn bộ hệ thống được bố trí tại khu vực thoáng, không bị che khuất, đảm bảo khả năng hoạt động lâu dài và bền vững. Kết nối inverter hòa lưới, dùng dây dẫn kết nối chuỗi tấm pin năng lượng mặt trời với cổng DC của inverter, bộ inverter hòa lưới có tác dụng giúp biến đổi dòng điện một chiều (DC) trực tiếp được tạo ra từ hệ thống điện năng lượng mặt trời trở thành dòng điện xoay chiều. Dòng điện này sẽ được cung cấp cho các tải tiêu thụ.

- Hiệu quả của mô hình:

+ Về kinh tế: Hiệu quả kinh tế cao với lợi nhuận 118.120.000 đồng, tiết kiệm chi phí thuê lao động và xăng bơm tưới được 53.505.000 đồng/ năm. Giảm thiểu chi phí vận hành, tối ưu hóa quá trình tưới tiêu góp phần vào sự phát bền vững nông nghiệp địa phương.

+ Về xã hội: Mô hình mang lại nhiều hiệu quả xã hội đáng kể như việc giảm chi phí lao động và năng lượng giúp nông dân tăng thu nhập và cải thiện đời sống, việc áp dụng công nghệ giúp nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật cho cộng đồng nông thôn, mô hình cung cấp thực phẩm ổn định đóng góp vào sự phát triển nông thôn và ổn định xã hội.

+ Về môi trường: Mô hình tưới phun sử dụng năng lượng mặt trời mang lại hiệu quả môi trường đáng kể. Việc sử dụng năng lượng tái tạo giúp giảm phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hóa thạch, từ đó giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ khí hậu. Hệ thống tưới phun giúp tiết kiệm nước hiệu quả, giảm tình trạng lãng phí nước và bảo vệ tài nguyên nước, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và việc áp dụng công nghệ sạch giúp giảm ô nhiễm môi trường từ các phương pháp tưới truyền thống, tạo ra một hệ sinh thái nông nghiệp bền vững và thân thiện với thiên nhiên.

- Sản phẩm mô hình: Mô hình đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống tưới phun tự động bằng pin năng lượng mặt trời cho vườn nhãn Phát Tài và sầu riêng.

- Phương án duy trì nhân rộng: Đây là mô hình có hiệu quả kinh tế cao và ổn định, có khả năng nhân rộng. Tuy nhiên chi phí đầu tư cho nhãn Phát Tài và sầu riêng từ lúc trồng đến năm thứ 4 mới thu hồi vốn nên cần có sự liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra và lợi nhuận ổn định cho người nông dân.

**(06) Mô hình nuôi cá lóc và chế biến khô cá lóc ứng dụng nhà sấy năng lượng mặt trời tại hộ bà Hồ Thị Xuân Mai ấp Bình An 2, xã An Hòa**

- Kết quả thực hiện mô hình:

+ Xây dựng 05 ao nuôi cá lóc với diện tích 10.000 m<sup>2</sup> (mỗi ao 2.000 m<sup>2</sup>). Cụ thể: Diện tích mỗi ao nuôi: 2.000 m<sup>2</sup>; Mực nước 1,5 m - 2,5 m; Nhiệt độ: 23 - 32°C; pH = 6,5 - 8,0; Chọn cá giống có kích thước đồng đều, khỏe mạnh. Kích

cỡ con giống: 400 - 500 con/kg; Mật độ nuôi: 20 con/m<sup>2</sup>. Sau khi thả cá, không cho cá ăn khoảng 1 - 2 ngày. Cho cá ăn thức ăn viên dạng nổi có hàm lượng protein 40 - 45%. Mỗi ngày cho ăn 2 lần vào buổi sáng và buổi tối, lượng ăn bằng 5 - 7% trọng lượng cá. Mùa tăng trưởng nhanh cũng không cho ăn quá 10% trọng lượng. Dùng sàn cho cá ăn giúp dễ dàng theo dõi lượng ăn của cá để điều chỉnh cho phù hợp. Thay nước: Vì cá lóc cho ăn thức ăn có độ đậm cao nên nước thường mau dơ nên cần phải thay nước và xử lý môi trường để cá phát triển tốt hơn và phòng ngừa dịch bệnh. Sau 4 - 6 tháng nuôi, trọng lượng cá đạt trung bình từ 500g - 1kg/con thì tiến hành thu hoạch

+ Xây dựng nhà sấy năng lượng mặt trời với diện tích 48 m<sup>2</sup> (chiều ngang 8m x chiều dài 6m) và các kệ phơi khô. Bao gồm các hạng mục cụ thể như: Xây bó nền, lát gạch. Khung nhà sấy gồm. Cửa lùa 2 cánh (1m x 2m). Hệ thống điều hòa không khí và cấp nhiệt, bao gồm: Pin năng lượng mặt trời 100w, Quạt DC 12V (chịu nhiệt), Quạt đối lưu, hút ẩm - 220v, Đèn hồng ngoại 100w, số lượng 20 cái. Kệ phơi khô 3 tầng.

- Hiệu quả của mô hình:

+ Về kinh tế : Giúp tận dụng nguồn nước và đất đai sẵn có, tiết kiệm chi phí đầu tư và mang lại thu nhập cao cho người nuôi. Tạo thu nhập cho lao động nhàn rỗi tại địa phương với mức lương bình quân 7 triệu đồng/người/tháng. Giải quyết nguồn nguyên liệu đầu ra tại chỗ. Tiết kiệm điện năng.

+ Về xã hội: Tạo việc làm thường xuyên cho 01 lao động và tạo việc làm thời vụ cho 05 lao động tại địa phương. Tăng thu nhập bình quân đầu người cho người dân nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Tạo ra sản phẩm an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Về môi trường: Hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Hạn chế ô nhiễm môi trường do phơi trong nhà sấy năng lượng mặt trời sẽ hạn chế các côn trùng gây ô nhiễm, đặc biệt là ruồi.

- Sản phẩm mô hình: Mô hình đã được đầu tư hoàn thiện nhà sấy năng lượng mặt trời, tạo ra sản phẩm khô cá lóc đảm bảo an toàn thực phẩm, hướng đến phát triển sản phẩm OCOP.

- Phương án duy trì nhân rộng: Đây là mô hình mang tính hiệu quả kinh tế cao, có khả năng nhân rộng. Dựa trên mức độ đổi mới sáng tạo, tác động tiềm năng của dự án, tính bền vững, khả năng nhân rộng cũng như năng lực “ Mục tiêu là thu hút được ngày càng nhiều phụ nữ tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế ”.

## **VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Quan điểm**

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền và nhân dân, không có điểm dừng. Tiếp tục huy động sự tham gia tích cực, hiệu quả của các tổ chức, đoàn thể chính trị -



xã hội, các thành phần kinh tế và toàn dân trong việc duy trì nâng chất tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu, thực hiện nhất quán phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để duy trì kết quả huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến để thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn. Phát huy tối đa các nguồn lực, lợi thế so sánh, vai trò chủ thể của người dân trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, chú trọng xây dựng NTM từ huyện đến cơ sở.

## **2. Mục tiêu**

### **a) Mục tiêu chung:**

Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu đảm bảo “Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao nhanh và bền vững; nông thôn phát triển theo quy hoạch, có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài; môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn; bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn và phát huy; chất lượng hệ thống chính trị cơ sở được nâng cao”.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Giai đoạn 2026 - 2030: Duy trì, nâng cao 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới; Giữ vững số xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (11/11 xã); Duy trì, giữ vững 04/04 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu có thêm 06 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lên 100%); có thêm 03 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu lên 05/11 xã, tỷ lệ 45,45%)

- Một số chỉ tiêu chủ yếu:

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp bảo trợ xã hội theo quy định hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo): < 2%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế:  $\geq 97,0\%$ .

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung:  $\geq 97,0\%$ .

+ Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh:  $\geq 97\%$ .

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt: từ 99,56% trở lên.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế: >80%.

+ 100% số xã duy trì, nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao.

+ Phấn đấu 45,45% số xã đạt chuẩn xã kiểu mẫu.

+ Huyện duy trì, nâng chất các tiêu chí huyện nông thôn mới.

### **3. Nội dung, giải pháp**

#### **3.1 Nội dung:**

##### **- Về quy hoạch:**

Tiếp tục tổ chức thực hiện các quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ giữa các quy hoạch cùng cấp và quy hoạch cấp trên, phù hợp với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị huyện huyện Châu Thành. Đồng thời, tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch được duyệt.

##### **- Về Giao thông:**

Tiếp tục thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cải tạo và đầu tư xây dựng mới hệ thống cầu, đường và các quy định đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn huyện để duy trì, nâng chất đạt chuẩn Tiêu chí; đảm bảo giao thông thông suốt,; đáp ứng yêu cầu của nông thôn và đô thị. Thường xuyên kiểm tra theo dõi, nhắc nhở các hộ dân không lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, dựng lều trại mua bán,... giữ cho lề thông, hè thoáng. Duy trì và nâng chất hệ thống chiếu sáng, các hạng mục đảm bảo an toàn giao thông và hệ thống cây xanh trên các tuyến đường, đảm bảo sáng – xanh - sạch - đẹp. Tiếp tục rà soát nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường nội đồng còn lại của các xã để nâng cao tỷ lệ cứng hóa đường nội đồng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nông thôn đi lại dễ dàng, lưu thông vận chuyển hàng hóa, đáp ứng yêu cầu sản xuất và góp phần kết nối hệ thống giao thông liên xã, liên huyện.

##### **- Về Điện:**

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành điện tại địa phương thường xuyên kiểm tra định kỳ, phát quang cây xanh, sớm phát hiện và có kế hoạch xử lý các khiếm khuyết trên lưới điện chưa đảm bảo kỹ thuật, có nguy cơ dẫn đến mất an toàn. Định kỳ hằng năm, ngành điện rà soát nhu cầu và lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp lưới điện trên bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân được gắn điện kế mới khi có nhu cầu, đảm bảo cho người dân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh được sử dụng điện an toàn và đúng giá theo quy định của nhà nước.

UBND các địa phương thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện trường hợp lưới điện xuống cấp và mất an toàn. Qua đó, kịp thời kiến nghị ngành điện khảo sát lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo để đảm bảo duy trì kết quả đạt được đối với tiêu chí về điện nông thôn

##### **- Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

Thường xuyên giám sát, tổ chức sắp xếp lại các hộ kinh doanh, mua bán đúng nơi quy định; chú trọng tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, ... trong hoạt động của

chợ. Cùng cố, phát huy hiệu quả hoạt động các Ban quản lý chợ. Quan tâm bảo quản cơ sở vật chất chợ, hệ thống điện, nước....Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm mua bán lấn chiếm vỉa hè, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy. Tiếp tục đầu tư nâng chất phát triển chợ hạng 2; mở rộng phát triển mô hình chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017; từng bước tiến tới xây dựng chợ văn minh thương mại. Đồng thời, tiếp tục đầu tư xây dựng, chỉnh trang nâng cấp kết cấu hạ tầng chợ; xúc tiến mời gọi đầu tư phát triển chợ và hạ tầng thương mại theo quy hoạch.

#### **- Về Nhà ở dân cư:**

Tiếp tục tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ gia đình có điều kiện thực hiện tốt công tác bảo trì, cải tạo, chỉnh trang nhà ở. Đồng thời, thường xuyên rà soát, đề từ đó có kế hoạch và thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình gặp khó khăn về nhà ở, nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình, chính sách hỗ trợ về nhà ở của Chính phủ. Tiếp tục vận động các mạnh thường quân hỗ trợ cất nhà tình thương, đại đoàn kết, nhà tình bạn,...cho các hộ nghèo, hộ khó khăn. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng, thường xuyên kiểm tra địa bàn, kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, xử lý và nhắc nhở các trường hợp vi phạm, không để phát sinh nhà tạm, lều, trại, nhà ở trên sông, kênh rạch.

#### **- Về tổ chức sản xuất:**

Tiếp tục xác định và phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, các sản phẩm có tiềm năng và lợi thế huyện. Khuyến khích các cơ sở, hộ kinh doanh đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, bán hàng hóa qua các kênh thương mại điện tử.

#### **- Về Kinh tế:**

Phối hợp đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy hoạch; tổ chức thực hiện hoạt động nông nghiệp trên địa bàn theo phân cấp, quy định của pháp luật; Đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; Phối hợp thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

#### **- Về an ninh trật tự:**

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Công an tỉnh, UBND huyện liên quan đến thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và các văn bản chỉ đạo, thực hiện trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT. Theo

dối, chỉ đạo, hướng dẫn Công an 11 xã thực hiện Chỉ tiêu 19.2 – Tiêu chí 19 trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

### **3.2 Giải pháp thực hiện**

#### **a) Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách để huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn mới.**

- Tiếp tục triển khai vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án phát triển nông thôn mới. Đồng thời, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở, ngành của tỉnh đẩy mạnh triển khai các công trình hạ tầng đang triển khai đầu tư trên địa bàn. Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách và tiếp tục ưu tiên cân đối, bố trí các nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác...) huy động cho đầu tư xây dựng nông thôn mới và phát triển nông thôn.

- Vận dụng phù hợp các chính sách của tỉnh; đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vào cụm, khu công nghiệp và vùng quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn, nhằm hạn chế tình trạng đầu tư sản xuất công nghiệp ngoài khu, cụm công nghiệp và vùng quy hoạch, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường và đầu tư kết nối hạ tầng; nhằm khuyến khích thu hút mạnh hơn nữa nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực này.

- Từng địa phương đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong việc toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt cơ chế huy động theo hướng "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; đa dạng hóa các khoản huy động: bằng tiền mặt, công lao động, vật liệu, máy móc thiết bị, hiến đất... để đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn mới.

#### **b) Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn.**

##### **- Về hạ tầng giao thông:**

Tiếp tục hoàn thành các thủ tục hồ sơ, triển khai thi công các tuyến đường giao thông theo lộ trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn đến năm 2025. Triển khai rà soát và có kế hoạch ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, bảo đảm kết nối liên huyện, liên vùng và phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương giai đoạn sau năm 2025.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở, ngành tỉnh đẩy mạnh triển khai các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn. Đồng thời, phối hợp tốt các bộ, ngành Trung ương, các Sở, Ban ngành tỉnh hoàn thành tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đoạn qua địa bàn huyện.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

Tiếp tục đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bằng cơ chế, chính sách phù hợp kết hợp xã hội hóa trong đầu tư xây dựng công trình.

Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để bảo đảm tiến độ các dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí khi dự án bị chậm tiến độ do vướng mắc về giải phóng mặt bằng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vấn đề liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình.

**- Về Điện:** Triển khai đầu tư phát triển mạng lưới điện nông thôn theo quy hoạch của ngành điện. Tiếp tục thực hiện cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình điện theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan.

**- Về hạ tầng thương mại:**

Tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và bổ sung hoàn thiện cơ sở vật chất - kỹ thuật thiết yếu của chợ như: hệ thống PCCC; hệ thống cấp thoát nước; chiếu sáng; bãi xe; nhà vệ sinh; thu gom xử lý nước thải,.. trên cơ sở huy động các nguồn lực, vận dụng, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa để tổ chức thực hiện.

Tiếp tục khuyến khích, mời gọi các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng chợ, phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn; ưu tiên kêu gọi đầu tư xây dựng các chợ khu vực trung tâm huyện, trung tâm xã theo quy hoạch.

Thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chung (*quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng vùng, đô thị, nông thôn,...*) và lập các quy hoạch xây dựng chi tiết có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án phát triển chợ và phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn.

**- Về hạ tầng khu, cụm công nghiệp:**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng, tạo quỹ đất để thu hút đầu tư các dự án, công trình trọng điểm tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng, tạo quỹ đất để thu hút đầu tư các dự án, công trình trọng điểm tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Trong đó, địa bàn huyện Châu Thành được đề xuất phát triển mới Khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng thêm nhằm phục vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến, nâng cao chuỗi giá trị cho các sản phẩm từ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ cho ngành nông nghiệp.

**- Về an ninh trật tự:**

+ Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan,

doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời tham mưu giải quyết, xử lý dứt điểm những vấn đề phức tạp nổi lên ở địa bàn nông thôn, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp trong Nhân dân và khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; không để phần tử xấu lợi dụng phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây rối ANTT ở cơ sở; tập trung công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm.

+ Tăng cường công tác phối hợp với MTTQ và các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện chương trình phối hợp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia giữ gìn ANTT, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, phức tạp về TTXH.

+ Tăng cường công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã; lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở.

### **c) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.**

Phát huy vai trò chủ thể của người dân và của cộng đồng dân cư nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

### **d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa chính trị, kinh tế, nhân văn của Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2024 của huyện Châu Thành, tỉnh An Giang./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- VPĐPXDNTM tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND Huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- TV BCĐ nông thôn mới huyện;
- VPĐP NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Phương Lan**

